

CHƯƠNG TRÌNH SƯU TẦM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

LÊ QUANG ĐẠO



(Xuất bản lần thứ hai, có chỉnh sửa)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LÊ
QUANG
ĐẠO



**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Lê Quang Đạo - Tiểu sử / B.s.: Nguyễn Thị Kim Dung (ch.b.),
Trần Minh Trường, Lê Thị Hằng... - Xuất bản lần thứ 2, có chỉnh sửa.
- H. : Chính trị quốc gia, 2021. - 340tr. ; 21cm

ISBN 9786045766330

1. Lê Quang Đạo, 1921-1999, Chính trị gia, Việt Nam 2. Tiểu sử
3. Sự nghiệp 4. Hoạt động cách mạng

959.704092 - dc23

CTM0438p-CIP

CHƯƠNG TRÌNH SƯU TẦM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

LÊ QUANG ĐẠO



(Xuất bản lần thứ hai, có chỉnh sửa)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

LÊ HỒNG ANH	Trưởng ban
TÔ HUY RỬA	Ủy viên
ĐINH THẾ HUYNH	Ủy viên
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Ủy viên
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

TẠ NGỌC TẤN	Chủ nhiệm
PHẠM NGỌC ANH	Phó Chủ nhiệm
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG PHONG HÀ	Ủy viên
TRẦN MINH TRƯỜNG	Ủy viên

BAN BIÊN SOẠN

PGS.TS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG (Chủ biên)
 PGS.TS. TRẦN MINH TRƯỜNG
 ThS. LÊ THỊ HẰNG
 ThS. TRẦN THỊ NHUẦN
 ThS. NGUYỄN ĐĂNG TÙNG
 Nhà văn NGUYỆT TÚ

CỘNG TÁC VIÊN

ThS. NGÔ XUÂN DƯƠNG	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
PGS.TS. NGUYỄN MINH ĐỨC	Viện Lịch sử quân sự Việt Nam
ThS. LÊ THỊ HIỀN	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
TS. LÊ THỊ THU HỒNG	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. TRẦN THỊ HỘI	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. TRẦN THỊ HUYỀN	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
PGS.TS. HỒ THỊ TỐ LƯƠNG	Viện Lịch sử Đảng
ThS. ĐINH NGỌC QUÝ	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. CHU LAM SƠN	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
TS. NGUYỄN XUÂN TRUNG	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
TS. NGUYỄN THỊ LƯƠNG UYÊN	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng



Đồng chí LÊ QUANG ĐẠO
(1921 - 1999)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đồng chí Lê Quang Đạo là một trong những đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam trưởng thành trong cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc. Cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú, sinh động và đầy nhiệt huyết của đồng chí với những cống hiến và phấn đấu không mệt mỏi đã nêu cao lý tưởng cộng sản, góp phần vào thắng lợi trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình có bề dày truyền thống yêu nước, trên vùng đất đậm đà bản sắc văn hóa và giàu truyền thống cách mạng, đồng chí Lê Quang Đạo đã sớm được hun đúc tình yêu quê hương, đau đáu nỗi đau mất nước, từ đó lĩnh hội, giác ngộ lý tưởng cách mạng, và trở thành chiến sĩ cộng sản khi tuổi đời còn rất trẻ. Hằng hái hoạt động cách mạng, đồng chí đã không sợ hy sinh, gian khổ, sớm được giao những trọng trách lớn như Bí thư Ban Cán sự Đảng các tỉnh Bắc Ninh, Phúc Yên (nay là tỉnh Vĩnh Phúc), Bí thư Thành ủy Hải Phòng, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Bộ Quốc phòng, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ở cương vị nào, đồng chí

cũng thể hiện là một nhà lãnh đạo sáng suốt, tài tình, góp phần vào thành công trong công cuộc kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí Lê Quang Đạo là tấm gương về cuộc đời cao đẹp của người cộng sản mẫu mực, một nhà yêu nước chân chính, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là tấm gương sáng để lớp lớp thế hệ sau tôn vinh và học tập.

Nhằm phác họa lại cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Lê Quang Đạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách **Lê Quang Đạo - Tiểu sử** (Xuất bản lần thứ hai, có chỉnh sửa).

Cuốn sách gồm 7 chương, giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Quang Đạo, từ quê hương, gia đình, tuổi thơ, những hoạt động yêu nước đầu tiên tại quê nhà đến những trọng trách lãnh đạo lớn lao được Đảng và Nhà nước giao phó.

Trong lần xuất bản lần thứ hai này, Ban biên soạn và Nhà xuất bản đã tiếp thu những ý kiến đóng góp của bạn đọc và tiếp tục hoàn thiện nội dung cuốn sách. Tuy nhiên, do những nguyên nhân cả khách quan và chủ quan nên nội dung cuốn sách có thể vẫn còn những hạn chế, thiếu sót, Ban biên soạn và Nhà xuất bản rất mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để tiếp tục hoàn thiện nội dung cuốn sách trong những lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng chí Lê Quang Đạo nguyên là Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cuộc đời hoạt động cách mạng liên tục hơn 60 năm (1937 - 1999) của đồng chí Lê Quang Đạo thật phong phú, sinh động và đầy nhiệt huyết. Đồng chí hoạt động trên nhiều lĩnh vực, giữ nhiều trọng trách lãnh đạo của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Mặt trận và Quân đội nhân dân Việt Nam. Trên bất cứ cương vị nào, lĩnh vực công tác nào, đồng chí cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Đảng ta khẳng định: “Đồng chí Lê Quang Đạo, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đồng chí đã đi trọn cuộc đời một cách vẻ vang và để lại cho chúng ta tấm gương về cuộc đời cao đẹp của người cộng sản mẫu mực, một nhà yêu nước chân chính, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”¹.

1. *Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng* đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Lê Quang Đạo, ngày 27/7/1999 tại Hà Nội.

Căn cứ Công văn số 2118-CV/VPTW ngày 18/4/1999 của Thường trực Bộ Chính trị giao cho Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh nhiệm vụ “Sưu tầm tư liệu, nghiên cứu viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo tiền bối của Đảng và Nhà nước”; thực hiện Kết luận số 88-KL/TW ngày 18/02/2014 của Bộ Chính trị về tổ chức kỷ niệm 100 năm, trên 100 năm ngày sinh; xây dựng khu lưu niệm, nhà lưu niệm; xây dựng, công bố phim tài liệu về thân thế, sự nghiệp các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam và Kết luận số 1018-KL/VPTW ngày 03/11/2014 về việc sưu tầm viết tiểu sử 7 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam, trong đó có đồng chí Lê Quang Đạo; triển khai Quyết định số 124B-QĐ/HVCTQG ngày 14/01/2015 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc cử Ban chủ nhiệm đề tài “*Lê Quang Đạo - Tiểu sử*”; trên cơ sở những tài liệu đã công bố cũng như các tài liệu mới được khai thác, sưu tầm ở trong và ngoài nước, nhóm biên soạn cố gắng phục dựng một cách tương đối toàn diện, có hệ thống cuộc đời, sự nghiệp của đồng chí Lê Quang Đạo cũng như những đóng góp to lớn của đồng chí đối với Đảng và cách mạng Việt Nam. Qua đó, giúp người đọc có một cái nhìn toàn diện, khách quan về người chiến sĩ cộng sản mẫu mực, một nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Trong quá trình nghiên cứu và biên soạn cuốn *Lê Quang Đạo - Tiểu sử*, Ban Chủ nhiệm đề tài đã nhận được sự cộng tác, giúp đỡ nhiệt tình của Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Thư viện Quốc gia, Thư viện Quân đội, Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Báo Nhân Dân, Viện Lịch sử quân sự, Tỉnh ủy Bắc Ninh, Thị ủy Từ Sơn (Bắc Ninh), gia đình đồng chí Lê Quang Đạo và các nhà khoa học là cộng tác viên của đề tài. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

Mặc dù Ban Biên soạn đã tập trung nhiều công sức, trí tuệ trong việc sưu tầm, biên soạn, song cuốn *Lê Quang Đạo - Tiểu sử* khó tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết. Chúng tôi trân trọng cảm ơn ý kiến góp ý của bạn đọc và tiếp thu, sửa chữa để lần xuất bản này được hoàn thiện hơn.

T/M BAN BIÊN SOẠN

Chủ biên

PGS.TS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Chương I

QUÊ HƯƠNG, GIA ĐÌNH VÀ THỜI NIÊN THIẾU (1921 - 1937)

1. Quê hương

Lê Quang Đạo sinh ngày 08/8/1921 tại xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Bắc Ninh là một tỉnh đồng bằng thuộc vùng châu thổ sông Hồng, phía bắc và đông bắc giáp tỉnh Bắc Giang; phía nam và đông nam giáp tỉnh Hải Dương và Hưng Yên; phía tây và tây bắc giáp Thủ đô Hà Nội.

Bắc Ninh có vị trí đặc biệt quan trọng, là phen giậu phía bắc của kinh thành Thăng Long - Hà Nội, một vùng “địa linh nhân kiệt”, một vùng quê giàu truyền thống yêu nước, văn hiến và cách mạng. Suốt mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Bắc Ninh từ đời này sang đời khác, thế hệ nối tiếp thế hệ đã đổ nhiều máu xương đánh đuổi kẻ thù để giữ vững chủ quyền độc lập của Tổ quốc, của quê hương và lao động quên mình để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng cuộc sống ngày càng phồn vinh và hạnh phúc.

Trong quá trình phát triển, Bắc Ninh có nhiều tên gọi khác nhau. Thời Hùng Vương - An Dương Vương, Bắc Ninh thuộc bộ Vũ Ninh. Thời Lý, Bắc Ninh có tên là lộ Bắc Giang; đầu nhà Lê, Bắc Ninh có tên là Bắc Đạo. Đến năm 1469, dưới triều Lê Thánh Tông, Bắc Ninh đổi thành trấn Kinh Bắc. Thời Nguyễn, vào năm 1822, trấn Kinh Bắc đổi thành trấn Bắc Ninh. Năm 1831 Vua Minh Mệnh thực hiện cải cách hành chính, bãi bỏ các tổng, trấn đổi thành tỉnh, trấn Bắc Ninh đổi thành tỉnh Bắc Ninh¹.

Thời Pháp thuộc, năm 1895, thực dân Pháp chia Bắc Ninh làm 2 tỉnh là Bắc Ninh và Bắc Giang, lấy sông Cầu làm ranh giới. Đến đầu thế kỷ XX, tỉnh Bắc Ninh có 3 phủ là Từ Sơn, Thuận Thành, Gia Lâm và 7 huyện: Tiên Du, Văn Giang, Yên Phong, Gia Bình, Lang Tài, Quế Dương, Võ Giàng².

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Quốc hội và Chính phủ đã nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính

1. Nguyễn Văn Huyền: *Địa lý hành chính Kinh Bắc*, Hà Nội, 1997, tr.21. Có tài liệu nêu là năm 1823 trấn Kinh Bắc đổi thành trấn Bắc Ninh (Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 2008)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.12 - BT).

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 2008)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.12.

tỉnh Bắc Ninh¹. Tháng 10/1962, Quốc hội khóa II ra nghị quyết hợp nhất hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang thành tỉnh Hà Bắc². Ngày 6/11/1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX ra quyết định tái lập hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bắc Ninh chính thức đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới³.

Theo thời gian, diện mạo của Bắc Ninh có những thay đổi, nhưng mảnh đất ngàn năm văn hiến, địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước và cách mạng vẫn trường tồn với lịch sử dân tộc.

Vùng đất Bắc Ninh xưa gồm các khối đồi gò bên cạnh các ô trũng, đầm lầy và rừng rậm. Ngày nay, dấu tích của rừng còn lưu lại trong các địa danh của tỉnh

1. Tháng 8/1950, hai huyện Gia Bình và Lang Tài hợp nhất thành huyện Gia Lương. Tháng 4/1961, huyện Gia Lâm và một số xã của huyện Thuận Thành, Tiên Du và Từ Sơn chuyển về Thủ đô Hà Nội. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh, tập 1 (1926 - 1954)*, Bắc Ninh, 1998, tr.9.

2. Một số huyện của hai tỉnh được hợp nhất: huyện Quế Dương và huyện Võ Giàng hợp nhất thành huyện Quế Võ. Huyện Tiên Du và huyện Từ Sơn hợp nhất thành huyện Tiên Sơn, sau khi hai huyện này chuyển một số xã sang các huyện Gia Lâm và Đông Anh của Thủ đô Hà Nội. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 2008)*, *Sđd*, tr.13.

3. Ngày 26/01/2006, thành phố Bắc Ninh được thành lập. Ngày 24/9/2008, thị xã Từ Sơn được thành lập.

như huyện Đông Ngàn (tức là huyện rừng), Núi Lim (tức là núi của rừng gỗ lim), hay địa danh rừng Sặt ở Trang Liệt, rừng Mành ở Giới Tế, rừng trám, rừng sấu, rừng thông ở Đông Sơn, Phật Tích.

Do sự tác động của thiên nhiên và bằng sức lao động sáng tạo của nhiều thế hệ người dân Bắc Ninh, các thảm thực vật đã được vùi lấp, các ô trũng, các vùng sinh lầy và rừng rậm đã biến thành đồng ruộng, vườn bãi, kênh mương, ao hồ để trồng lúa, hoa màu, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản.

Tỉnh Bắc Ninh có các sông lớn chảy qua là sông Cầu, sông Đuống. Ngoài ra, còn có hệ thống sông nhỏ, sông nội đồng phân bố khá dày đặc¹. Quốc lộ 1A, đường xe lửa Hà Nội - Mực Nam Quan, nối giữa trung tâm Bắc Bộ với các tỉnh Hải Dương, Bắc Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn. Hệ thống giao thông (thủy, bộ, xe lửa) tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế, đi lại, giao lưu buôn bán.

Làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là nơi phát tích vương triều Lý với 9 đời vua (1009 - 1225), triều đại đã xây dựng nên nhà nước Đại Việt. Trong *Chiếu dời đô*, vua Lý Thái Tổ viết: “Huống chi thành Đại La, đô cũ của Cao Vương, ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 2008)*, Sđd, tr.15-16.

sông sau trước, vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt, phồn thịnh. Xem khắp đất Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ hội tụ quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời¹. Trong suốt 216 năm trị vì, nhà Lý đã thực hiện các chính sách để bảo vệ đất nước, đưa xã hội vào kỷ cương, ổn định và phát triển, đạt được những thành tựu rực rỡ.

Từ xưa, Bắc Ninh đã có nhiều làng nghề thủ công truyền thống, sản xuất ra nhiều vật phẩm tiêu dùng không chỉ phục vụ cho nhân dân trong tỉnh mà còn cho các vùng ở đồng bằng Bắc Bộ². Hoạt động buôn bán ở Bắc Ninh cũng khá sôi nổi³.

1. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009, t.1, tr.296.

2. Như: nghề đúc đồng ở Đê Cầu, Đại Bái, Quảng Bố, Trang Liệt; nghề làm sắt ở Đa Hội, Ân Phú, Việt Yên, Thị Cầu; nghề làm đồ gốm Phù Lãng; nghề dệt lụa ở Nội Duệ, Tam Sơn, Xuân Ổ, Phù Ninh; nghề chạm đồ gỗ ở Phù Khê, Kim Thiều; nghề làm đồ sơn mài ở Đình Bảng, Nội Trì, Phù Dục; nghề làm cây bừa ở Đông Xuất; nghề làm giấy ở Xuân Ổ, Phong Khê; nghề làm tranh ở Đông Hồ, v.v..

3. Hệ thống chợ hoạt động tập nập, nhộn nhịp, như: chợ Giầu (Đông Ngàn), chợ Lim (Tiên Du), chợ Nội Trà (Yên Phong)... Do thương mại phát triển, nên ở Bắc Ninh đã xuất hiện nhiều làng buôn, tiêu biểu như làng Phù Lưu, làng Đình Bảng (Từ Sơn), làng Nội Duệ (Tiên Du), là những làng có đa số người dân làm nghề buôn bán.

Bắc Ninh là quê hương của đình chùa, là xứ sở của hội hè và không gian sinh hoạt văn hóa dân gian phong phú. Các làng, xã của Bắc Ninh đều mở hội hầu như suốt mùa xuân. Mỗi hội có những nét riêng, thể hiện nét đẹp, sự phong phú của truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Hát quan họ ở hội Lim với những làn điệu dân ca trữ tình, mượt mà, đầm thắm, độc đáo, được cả nước biết đến và được UNESCO tôn vinh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; hội Phù Đổng tượng trưng cho sức mạnh phi thường của con người Việt Nam; hội Đền Đô ca ngợi 9 đời vua Lý đã có công mở nước Đại Việt; hội Chùa Dâu, v.v.. Đây là những món ăn tinh thần tươi vui, lành mạnh cho nhân dân trong vùng, đồng thời góp phần làm phong phú tính cách, bản lĩnh, văn hóa của con người Việt Nam.

Theo nhiều ngã khác nhau, Phật giáo đã vào Bắc Ninh từ đầu Công nguyên. Luy Lân, Thuận Thành, Bắc Ninh là trung tâm Phật giáo cổ nhất ở Việt Nam, có 4 chùa cổ thờ tứ pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Trong khi đó, đạo Thiên Chúa xuất hiện ở Bắc Ninh vào đầu thế kỷ XVIII. Thôn Tử Nê thuộc xã Phá Lãng, huyện Lương Tài là nơi đón nhận đạo Thiên Chúa sớm nhất, rồi truyền sang Lai Tê, Nghĩa La, Hương La của huyện Lang Tài; Phượng Mao, Phong Cốc của huyện Quế Dương (nay thuộc huyện Quế Võ); Xuân Hòa, Quả Cảm của huyện Võ Giàng (nay thuộc huyện Quế Võ); Ngô Khê, Đông Tảo (của huyện Yên Phong); Dũng Vi của huyện Tiên Du; Cẩm Giang của thị xã Từ Sơn...

Từ thời nhà Lý, Nho giáo và Hán học phát triển mạnh ở Bắc Ninh. Là một vùng “địa linh nhân kiệt”, Bắc Ninh nổi tiếng có nhiều người đỗ đạt, đứng đầu về số lượng trạng nguyên, tiến sĩ trong cả nước thời phong kiến. Toàn xứ Kinh Bắc¹ có 677 vị đỗ đại khoa thì Bắc Ninh có 389 vị². Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú viết về phủ Từ Sơn - Bắc Ninh như sau: “Năm huyện đều nhiều người đỗ, nhưng huyện Đông Ngàn nhiều hơn. Huyện Võ Giàng có 30 người, huyện Quế Dương có 29 người, huyện Tiên Du có 42 người, huyện Yên Phong có 40 người, huyện Đông Ngàn có 130 người”³. Các làng có nhiều người đỗ đại khoa là Kim Đôi (huyện Võ Giàng, nay thuộc thành phố Bắc Ninh) có 21 vị; Tam Sơn (thị xã Từ Sơn) có 17 vị; Nội Duệ (thị xã Tiên Du) có 14 vị; Hương Mạc (thị xã Từ Sơn)

1. Xứ Kinh Bắc bao gồm hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh; phần lớn đất thuộc năm quận, huyện Long Biên, Gia Lâm, Mê Linh, Đông Anh, Sóc Sơn (thành phố Hà Nội); một phần đất thuộc hai huyện Văn Giang và Văn Lâm (tỉnh Hưng Yên); một phần đất thuộc huyện Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên); một phần đất thuộc huyện Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn) ngày nay.

2. Theo cuốn *Danh nhân Kinh Bắc*: huyện Từ Sơn có 103 người, huyện Gia Bình 34 người, huyện Lương Tài 55 người, huyện Thuận Thành 46 người, huyện Tiên Du 41 người, huyện Yên Phong 41 người, huyện Võ Giàng và huyện Quế Dương 61 người, thị xã Bắc Ninh 8 người. Xem Huy Cờ - Trần Đình Luyện: *Danh nhân Kinh Bắc*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1999.

3. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, t.1, tr.102.

có 10 vị, Vĩnh Kiều (thị xã Từ Sơn) có 10 vị; Phù Chẩn (thị xã Từ Sơn) có 9 vị, Vọng Nguyệt (thị xã Yên Phong) có 8 vị. Nhiều dòng họ nổi đời khoa bảng¹; có dòng họ nổi đời quận công²; có dòng họ có tài về ngoại giao³.

Nho sĩ Bắc Ninh là những người học rộng, tài cao. Họ là những trí thức có tài đức, có nhiều đóng góp cho đất nước trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, văn học, nghệ thuật... Những nhân vật tiêu biểu như: Lê Văn Thịnh (xã Đông Cứu, huyện Gia Bình), đỗ đầu khoa thi đầu tiên năm Ất Mão (1075) là người văn võ song toàn, có nhiều đóng góp quan trọng cho vương triều nhà Lý. Nguyễn Quan Quang, người xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn đỗ Trạng nguyên năm Bính Ngọ (1246), làm quan đến chức bộc xạ⁴. Ông là người khai sáng, vun đắp cho nền Nho học Tam Sơn. Nguyễn Giản Thanh, người xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn đỗ Trạng nguyên năm Mậu Thìn (1508) được bổ nhiệm làm quan đến chức Hàm

1. Dòng họ Nguyễn ở Kim Đôi, cả 5 anh em ruột đều đỗ tiến sĩ. Dòng họ Ngô ở Tam Sơn có cha, con, cháu đều đỗ đạt (cha là Ngô Thâm, đỗ bảng nhãn, con là Ngô Miễn Thiệu, đỗ trạng nguyên, cháu là Ngô Diễn, Ngô Dịch, đỗ tiến sĩ)...

2. Dòng họ Nguyễn ở Quế Võ có 18 quận công.

3. Dòng họ Nguyễn Đăng ở Tiên Du có anh, em, cháu đều có tài ngoại giao xuất chúng.

4. Xem Trần Hồng Đức: *Các vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, 1999, tr.29.

lâm Viện Thị Thư Đông các Đại học sĩ¹... Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính, người xã Phù Chẩn (thị xã Từ Sơn), đỗ năm Đinh Sửu (1637) văn võ song toàn, có tài hùng biện, có tài văn chương; làm quan đến chức Lại Bộ tả thị lang, nhập thị kinh diên, tước Đạo Ngạn Bá...². Nguyễn Đăng Cảo (xã Liên Bảo, huyện Tiên Du), đỗ đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ tam danh khoa thi năm Bính Tuất (1646), làm quan đến chức Đông các Đại học sĩ. Nguyễn Đăng Đạo (cháu của Nguyễn Đăng Cảo), (xã Nội Duệ, huyện Tiên Du) đỗ đệ nhất giáp Tiến sĩ (tức Trạng nguyên) khoa thi năm Quý Hợi (1683). Các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình ông đều đứng đầu bảng, là một người thông minh, tài hoa, tài trí, khi đi sứ Trung Quốc, ông đã khiến vua nhà Thanh phải kính phục than rằng: “Địa linh nhân kiệt đời nào cũng có, nhưng vượt trội hơn cả từ nay về sau chỉ có một Đăng Đạo”³.

Trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật, nhiều nhà thơ, nhà văn có tên tuổi, có nhiều đóng góp cho nền văn học nước nhà là người Bắc Ninh. Thời Lê có Vũ Mộng Nguyên, Nguyễn Thiên Tích, Nguyễn Đăng Đạo,... Thời Nguyễn có Hoàng Văn Hòe, Cao Bá Quát, Nguyễn Cao, Nguyễn Tư Giản,... Đầu thế kỷ XX có Ngô Tất Tố,

1, 2. Xem Trần Hồng Đức: *Các vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*, Sdd, tr.57, 89.

3. Đỗ Trọng Vĩ: *Bắc Ninh dư địa chí*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1997, tr.63.

Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Huy Tưởng, Thế Lữ, Kim Lân, Nam Xương¹,... Những tác phẩm văn học, nghệ thuật, cùng với tên tuổi của họ là niềm tự hào của nhân dân Bắc Ninh nói riêng, nhân dân cả nước nói chung.

Con người Bắc Ninh không những thông minh, tài giỏi mà còn có tinh thần yêu nước, dũng cảm, kiên cường trong đấu tranh bảo vệ quê hương, đất nước.

Ngay từ thời Hùng Vương dựng nước, trước họa xâm lăng của giặc Ân, nhân dân bộ Vũ Ninh đã đoàn kết cùng nhau chống giặc ngoại xâm. Câu chuyện truyền thuyết về chàng trai làng Gióng vụt lớn nhanh như thổi, mặc áo giáp sắt, cưỡi ngựa sắt, nhổ tre đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, sau đó cưỡi ngựa bay lên trời đã thể hiện ý chí, sức mạnh và quyết tâm của nhân dân Bắc Ninh trong đấu tranh bảo vệ quê hương. Theo truyền thuyết, làng Phù Chẩn là nơi ngựa Gióng đã đi qua và phun lửa cháy cả lũy tre. Làng Thọ Trai, nơi ngựa Gióng để lại những vết chân to biến thành ao, hồ. Núi Vệ Linh đã chứng kiến lần cuối cùng Phù Đổng Thiên Vương bay lên trời sau khi hoàn thành nhiệm vụ².

Mùa xuân năm 40 sau Công nguyên, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng ở Mê Linh, nhân dân Bắc Ninh đã vùng lên chống lại quân Đông Hán. Tham

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 2008)*, Sđd, tr.25, 26.

gia cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng có các nữ danh tướng: Nguyệt Thai, Nguyệt Độ, Ả Lã - Rồng Nhị, Ả Tắc - Ả Dị, Diệu Tiên - Pháp Hải, v.v..¹. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Lý Bí chống quân Lương xâm lược (năm 542) có các danh tướng: Tuy Ông (huyện Gia Lương)²; Nguyễn Thi, Nguyễn Quảng, Nguyễn Văn (huyện Thuận Thành)³; Trương Hống, Trương Hát (huyện Quế Võ)⁴, cùng một số hào trưởng như: Tinh Thiều, Triệu Túc, Phạm Tu, Lý Phục Man, v.v.. Tham gia cuộc khởi nghĩa chống quân Tống (981) có Chàng Di (huyện Gia Lương) đã đem toàn bộ lực lượng của mình truy kích giặc, đánh vào trại của quân địch, giành nhiều thắng lợi. Ông được triều đình cử làm thống lĩnh các đạo quan binh⁵. Năm 1075, Lý Thường Kiệt cùng quân binh tiến hành củng cố chiến tuyến sông Cầu, xây lũy cao, hào sâu ở Yên Phong, lập căn cứ thủy quân ở Quế Võ. Mùa xuân năm 1076, Lý Thường Kiệt cùng

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 2008)*, Sdd, tr.27.

2. Theo thần tích đền Lập Ái, huyện Gia Bình thờ Tuy Ông.

3. Theo thần tích đình Đông Côi, huyện Thuận Thành thờ ba anh em họ Nguyễn.

4. Theo thần tích đình Vân Mẫu, huyện Quế Võ thờ Trương Hống, Trương Hát.

5. Theo thần tích thôn Đông Hương (huyện Gia Lương, nay thuộc thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh).

quân dân Đại Việt đập tan âm mưu xâm lược lần thứ hai của quân Tống.

Cuối thế kỷ XIII, dưới triều Trần, với khí thế của Hội nghị Bình Than, nhân dân Bắc Ninh đã hăng hái tham gia xây dựng phòng tuyến từ Phả Lại đến Châu Cầu, Lãm Sơn, Nghi Vệ, Phật Tích; tham gia lấp cửa Đại Than, góp phần vào chiến thắng chống quân Mông - Nguyên (1285 và 1288), giữ vững nền độc lập của Đại Việt.

Thế kỷ XV, nhiều trai tráng Bắc Ninh đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đánh đuổi giặc Minh. Tiêu biểu trong đó có Ngô Đễ, là người làng Khánh Lâm (huyện Thuận Thành) đã lập nhiều chiến công, được Lê Lợi phong Công thần thống lĩnh Đại tướng quân; Nguyễn Nghi, người Dương Sơn (thị xã Từ Sơn), được phong Hùng uy Tướng quân, có công hạ thành Điều Điều (02/1427) và thành Thị Cầu (3/1427) buộc chúng phải đầu hàng, góp phần quan trọng đánh đổ ách thống trị của nhà Minh.

Trong cuộc chiến đấu chống quân xâm lược nhà Thanh, Ngô Sách Tuân, người làng Tam Sơn (thị xã Từ Sơn) là một vị tướng chỉ huy tài giỏi, đã lập nhiều chiến công ở vùng biên giới.

Khi thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873), dưới sự lãnh đạo của Hoàng Văn Hòe, người làng Phù Lưu, thị xã Từ Sơn và Nguyễn Cao, các đội nghĩa dũng của Bắc Ninh đã sát cánh cùng quân đội

triều đình tiêu diệt giặc ở Gia Lâm, giải phóng Siêu Loại, bắt sống nhiều giặc. Năm 1882, thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ hai, Nguyễn Cao¹ lãnh đạo các đội nghĩa dũng địa phương phối hợp với quân triều đình bao vây địch ở Đồn Thủy, đột nhập Hàng Đậu, tấn công Cửa Đông. Nhân dân hai huyện Tiên Du và Đông Ngàn còn xây dựng một chiến lũy chạy từ Đình Bảng ra tận sông Đuống, đề phòng giặc Pháp đánh chiếm thành Bắc Ninh, nhân dân Bắc Ninh còn tham gia vào đội quân của Đội Văn (Văn Giang), gây cho địch nhiều thiệt hại trên địa bàn các huyện Lang Tài, Gia Bình, Siêu Loại, Tiên Du. Mùa xuân năm 1884, thành Bắc Ninh bị thất thủ, nhân dân Bắc Ninh đã sát cánh cùng đội quân Tam tỉnh Nghĩa đoàn do Nguyễn Thiện Thuật, Dương Khải, Ngô Quang Huy lãnh đạo và đã chiến đấu rất anh dũng.

Đầu thế kỷ XX, phong trào Trung Châu ứng nghĩa đạo có cơ sở ở Từ Sơn, Văn Lâm, Thuận Thành cùng với nghĩa quân Yên Thế đánh thành Hà Nội. Nguyễn Văn Đăng, người xã Nội Duệ, huyện Tiên Du đã tổ chức họp tại nhà mình, có mặt các chí sĩ Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền để hợp nhất hai nhóm Ám Xã (bí mật) và Minh Xã (công khai), sau đó xây dựng phân hiệu Đông Kinh Nghĩa Thực ở Phù Ninh (Tiên Du). Nhiều nhân sĩ Bắc Ninh, như: Ngô Gia Du

1. Năm 1887, Nguyễn Cao hy sinh.

(Tam Sơn), Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Văn Duyên (Phù Khê), Hoàng Tích Phụng (Phù Lưu) đã tham gia tích cực vào các cuộc vận động yêu nước công khai thời kỳ này.

Những năm 20 của thế kỷ XX, phong trào cách mạng đã xuất hiện những xu hướng mới khi tầng lớp trí thức tiểu tư sản tiếp cận với ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhiều trí thức trẻ Bắc Ninh đã tham gia vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập (1925), như Nguyễn Sơn, Nguyễn Hữu Cẩn, Ngô Gia Tự,... Sau này, những đồng chí đó trở thành cán bộ cốt cán của phong trào cách mạng ở Bắc Ninh.

Làng Đình Bảng (nay là phường Đình Bảng), thị xã Từ Sơn, quê hương của đồng chí Lê Quang Đạo nằm ngay cửa ngõ phía bắc Kinh thành Thăng Long - Hà Nội, trải dọc trên trục quốc lộ 1A, cách Hà Nội 15 km, có đường xe lửa Hà Nội - Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị chạy qua. Phía đông bắc giáp xã Tân Hồng, phía bắc giáp xã Trang Hạ, phía tây bắc giáp xã Châu Khê, phía đông nam giáp xã Phù Chẩn, phía nam giáp xã Ninh Hiệp (huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội), phía tây giáp xã Yên Thường (huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội).

Thời xưa, Đình Bảng có tên nôm là Kẻ Báng. Thời Bắc thuộc, Đình Bảng thuộc bộ Vũ Ninh, có tên là hương Diên Uẩn. Đến thế kỷ VIII, Đình Bảng có tên

là hương Cổ Pháp¹. Thời nhà Đinh (968 - 980), Đình Bảng thuộc châu Cổ Lãm, nằm trong đạo Bắc Giang. Thời Tiền Lê (980 - 1009), Đình Bảng thuộc châu Cổ Pháp. Năm 1010, Lý Thái Tổ đổi châu Cổ Pháp thành phủ Thiên Đức. Thời Lê, Nguyễn, Đình Bảng thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc gồm 9 thôn². Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), Đình Bảng thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm Đồng Khánh (1886), Đình Bảng nằm trong tổng Phù Lưu³.

1. Theo huyền tích ở chùa Quỳnh Lâm, khi xây dựng chùa, thợ làm móng đào được một bình hương và 10 chiếc khánh đồng. Thiền sư Định Không (thuộc dòng vọng tộc hương Diên Uẩn) đã sai người đem rửa sạch số khánh đó. Khi rửa, một chiếc khánh rơi xuống sông trôi liệng mãi mới chạm đất, rồi nằm im. Thiền sư giải thích rằng 10 chiếc là “Thập khẩu”, chữ “Thập”, chữ “Khẩu” hợp thành chữ “Cổ”; một chiếc là “Thủy khứ”, chữ “Thủy”, chữ “Khứ” hợp thành chữ “Pháp”; còn chữ “Thổ” là chỉ hương ta. Nhân đó, Thiền sư Định Không quyết định đổi tên hương Diên Uẩn là hương Cổ Pháp (xem *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng 1930 - 2010*, Bắc Ninh, 2010, tr.14).

2. Đình Bảng gồm 9 thôn: Thượng, Hạ, Bà La, Trung Hòa, Đình, Tỉnh Cầu, Thọ Môn, Thịnh Lang, Xuân Đài (xem *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng 1930 - 2010*, Sdd, tr.15).

3. Khi đó, tổng Phù Lưu có 7 xã: Phù Lưu, Đại Đình, Đình Bảng, Trang Liệt, Bính Hạ, Dương Lôi, Thụ Chương (xem *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng 1930 - 2010*, Sdd, tr.15).

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Đình Bảng thuộc về huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Để thuận tiện cho việc phát triển nông nghiệp, Đình Bảng lập thêm 4 nông khu (tương đương đơn vị thôn)¹. Từ năm 1963 đến năm 1996, Đình Bảng thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Ngày 01/01/1997, tỉnh Bắc Ninh được tái lập, Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn. Tháng 8/1999, huyện Tiên Sơn tách thành hai huyện Từ Sơn và Tiên Du, Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn. Tháng 9/2008, thị xã Từ Sơn được thành lập, xã Đình Bảng chuyển thành phường Đình Bảng, thuộc thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Theo kết quả khảo cổ học thu được tại đây, Đình Bảng là một trong những địa điểm sớm có người đến tụ cư sinh sống². Từ xa xưa, Đình Bảng là vùng đất cao, có rừng rậm, sông, đầm hồ với những địa danh như: Cao Lâm, rừng Báng, sông Tiêu Tương, hồ Trầm, hồ Vây,... Nơi đây có đất đai màu mỡ do được phù sa của sông Hồng và sông Đuống bồi đắp, lại nằm trên ngã ba sông nên rất thuận lợi cho phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa.

1. 4 nông khu gồm: Ao Sen, Trầm, Long Vĩ, Cao Lâm. Năm 1955 thêm thôn Chùa Dận. Đến năm 1977 thêm thôn Tân Lập, nâng tổng số thôn trong toàn xã lên 15 thôn. Tính đến năm 2009, Đình Bảng có diện tích tự nhiên là 852ha, dân số 16.795 người, với 5.106 hộ dân (xem *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng 1930 - 2010*, Sdd, tr.16).

2. Các hiện vật được tìm thấy ở khu di chỉ Đồng Gio, thuộc bờ nam sông Tiêu Tương có niên đại cách ngày nay khoảng 3.000 năm.

Trong quá trình hình thành và phát triển, với trí thông minh, bàn tay khéo léo và tính cần cù chịu khó, người Đình Bảng đã lao động sáng tạo không ngừng, tạo nên một vùng quê trù phú, kinh tế phát triển. Giáo sư sử học Trần Quốc Vượng nhận định: “Đình Bảng không bao giờ có thành nhưng bao giờ cũng có thị. Đó là một làng chợ, hương - thị, xã - thị (chứ không là thị xã). Đình Bảng và vùng chung quanh bao giờ cũng là vùng đất hướng ngoại, vùng mở, vùng giao lưu kinh tế văn hóa sống động và năng động, một vùng tiến bộ văn hóa - xã hội, vùng đan xen kinh tế điển hình”¹.

Cư dân Đình Bảng sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước, ngoài ra còn trồng dâu, nuôi tằm, chài lưới, đánh cá, săn bắn, chăn nuôi và nhiều nghề thủ công truyền thống khác. Đất ở Cao Lâm, ven rừng Báng và vùng ven sông thích hợp để sản xuất nông nghiệp. Đình Bảng nổi tiếng với các sản phẩm nông nghiệp như: lúa tám thơm Đình Bảng; nếp cái hoa vàng dùng để đồ xôi, nấu rượu, làm bánh phu thê, bánh dẻo nổi tiếng khắp vùng; củ mài rừng Báng được Chu Văn An đánh giá hơn hẳn hoai sơn Trung Hoa. Những sản phẩm đó được chọn để dâng vua và trở thành đặc sản, đi khắp vùng châu thổ sông Hồng. Về nghề thủ công truyền thống, người dân Đình Bảng giỏi nung gốm, đúc đồng, luyện kim,

1. Bài viết của Giáo sư Trần Quốc Vượng trong Hội nghị chuyên đề về “Vương triều Lý và nền văn minh Đại Việt” tổ chức tại Bắc Giang, ngày 01/7/1985.

chế tác công cụ sản xuất và đồ dùng sinh hoạt, dệt (vải, lụa, the), nhuộm thâm, sơn mài... Chợ Đình Bảng họp hằng ngày, hàng hoá rất phong phú, có bán cả những hàng hóa địa phương khác như tơ lụa (Hà Đông), thuốc lào Tiên Lãng, Kiến An (Hải Phòng), cùng các hàng hóa khác như: trâu bò, gỗ tứ thiết, v.v.. Từ đầu thời Lý, Đình Bảng nổi tiếng là đất thịnh vượng, làng mạc trù phú, đường làng lát đá phiến xanh. Vì vậy từ xưa, đất Kinh Bắc đã có câu “Nhất Cổ Bi, nhì Cổ Loa, ba Cổ Pháp”.

Trước kia, Đình Bảng là một xã có 9 thôn chung trong một khoảnh tre, thôn này liền thôn kia chung đường ngõ, ra vào đi chung các cổng làng cổ kính, trên đắp chữ nổi “*Lý nhân vi mỹ*” (Người làng vua Lý làm điều tốt đẹp). Dân ông ở Đình Bảng giỏi việc cày, việc cấy, nhuộm thâm, sơn mài. Dân bà đảm việc nội trợ, buôn bán. Người Đình Bảng luôn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, ngay cổng vào đình làng, hai bên cột trụ có câu đối, ý nghĩa sâu xa, nhắc dân làng cùng bảo nhau thực hiện: “*Hương ước lệ làng tiên bối dày công nghiên cứu. Thuần phong mỹ tục hậu sinh nghiêm chỉnh tuân theo*”. Các cụ thường nhắc nhở con cháu “Thường luân nghịch lý bất khả nhập từ đường” (Nếu làm trái luân thường đạo lý thì không được vào nhà thờ). Trong mỗi gia tộc rất coi trọng tôn ti trật tự, trong quan hệ làng xóm đề cao lễ nghĩa, tình cảm láng giềng, “Tối lửa tắt đèn có nhau”, coi trọng nếp sống đạo đức. Khi về thăm Đình Bảng, vua Tự Đức đã tặng bốn chữ “*Mỹ tục khả phong*” treo ở đình làng.

Khi nhà Lý dựng nghiệp, họ Lý là dòng họ lớn và có uy thế nhất ở hương Cổ Pháp. Hiện nay, còn có các dòng họ Nguyễn, Trần, Lê, Ngô, Đỗ, Đặng chung sống đoàn kết, thân ái, cùng nhau góp sức xây dựng quê hương. Nhiều dòng họ nổi đời vinh hiển, như họ Lý 9 đời làm vua; họ Nguyễn 7 đời làm quan nhà Hậu Lê. Nhiều dòng họ có nhiều người đỗ đạt, như họ Ngô, họ Nguyễn.

Là quê hương phát tích nhà Lý, Đình Bảng có cụm di tích lịch sử và thắng cảnh nổi tiếng, phong phú về loại hình, độc đáo về kiến trúc. Chùa Kim Đài (còn gọi là chùa Lục Tổ, Quỳnh Lâm tự), được xây dựng từ thế kỷ VIII. Trong chùa có khánh đá nổi tiếng khắp vùng (khánh Cổ Pháp)¹. Chùa Cổ Pháp được xây dựng từ thế kỷ VIII (còn có tên là chùa Ứng Thiên Tâm, chùa Ứng Tâm, chùa Dận). Các thiền sư nổi tiếng Định Không, Vạn Hạnh, Khánh Văn... đã có thời trụ trì ở chùa này. Chùa Cổ Pháp là nơi Lý Công Uẩn ra đời ngày 12 tháng Hai năm Giáp Tuất (974) và được thiền sư Lý Khánh Văn nuôi dưỡng từ khi còn thơ ấu². Đền Đô (còn có tên là Cổ Pháp điện), chính là Thái miếu được xây dựng từ thế kỷ XI, thờ 8 vị

1. Chùa được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp bằng Di tích lịch sử văn hóa năm 2001.

2. Chùa cổ Pháp là nơi thờ Lý Thánh Mẫu Minh Đức Hoàng thái hậu Phạm Thị và thiền sư Lý Khánh Văn. Chùa Cổ Pháp từng là cơ sở cách mạng của Đảng thời kỳ tiền khởi nghĩa. Chùa đã được Nhà nước công nhận Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

vua nhà Lý¹, nên còn gọi là đền Lý Bát Đế. Phía trước đền có hồ bán nguyệt, thông với sông Tiêu Tương, ao Cả Trên và ao Cả Dưới ở trong làng, giữa hồ có Thủy Đình². Lễ hội Đền Đô hằng năm được tổ chức vào ngày rằm tháng Ba âm lịch, kỷ niệm ngày vua Lý Thái Tổ đăng quang³. Đền Rồng được xây dựng từ cuối thế kỷ XIII, thờ vua Lý Chiêu Hoàng. Thời Pháp thuộc, đền Rồng là nơi Hoàng Hoa Thám lập đại bản doanh tập hợp nghĩa quân tham gia vụ Hà Thành đầu độc (1908), là nơi nghĩa quân Thái Nguyên nung nấu. Đình Đình Bảng (còn gọi là đình Báng), được xây dựng năm 1700, thờ ba vị thành hoàng: Cao Sơn Đại vương (thần đất), Thủy Bá Đại vương (thần nước), Bạch Lệnh Đại vương (thần rồng trời) và thờ Lục tổ (6 vị có công lập lại làng vào thế kỷ XV⁴). Đình Đình Bảng là một công trình kiến trúc độc đáo, mang đậm tính dân tộc, đã đi vào ca dao: “Thứ nhất là đình Đông Khang, thứ nhì đình Báng, về vang đình Diềm”⁵. Thọ Lăng Thiên Đức, gồm 8

1. 8 vị vua nhà Lý: Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lý Thần Tông, Lý Anh Tông, Lý Cao Tông, Lý Huệ Tông.

2. Thủy Đình từng được chọn là hình ảnh in trên giấy năm đồng vàng Đông Dương trước kia và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam in trên tiền kim loại mệnh giá một nghìn đồng vào năm 2003.

3. Đền đã được Nhà nước công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

4. 6 vị là: Nguyễn Tự Thọ, Trần Hữu Bảo, Lê Kim Toán, Ngô Văn Chừng, Đỗ Cự Tính, Đặng Văn Thái.

5. Đình Đình Bảng đã được Nhà nước công nhận Di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

lăng của 8 vị vua triều Lý và lăng Lý Thánh Mẫu, lăng Nguyên phi Ỗ Lan, lăng Lý Chiêu Hoàng, đặt ở địa phận thôn Cao Lâm, nơi có rừng Báng xưa, được Lý Thái Tổ chọn làm “Sơn lăng Cấm địa”¹. Chùa Quang Đổ (còn có tên là chùa Giở), được xây dựng vào cuối thời nhà Mạc, sau đó thờ tướng quân Đỗ Quang đã có công dẹp loạn, bảo vệ nhân dân, giữ yên biên thùy.

Người Đình Bảng có truyền thống yêu quê hương, đất nước, sẵn sàng đấu tranh chống lại quân xâm lược, giữ gìn giang sơn gấm vóc. Những tấm gương tiêu biểu như, Lý Đạo Thành, người Đình Bảng đã tham gia chống quân Tống, giành thắng lợi năm 1076.

Khi triều đình phong kiến mục nát trở thành gánh nặng cho dân, cụ Nguyễn Trọng Võ, một nghĩa binh tài ba của Quận Hẻo, đã đứng lên chống lại sự chuyên quyền của chúa Trịnh. Cụ Ngô Văn Nghĩa, một đồ vật nổi tiếng đã theo thủ lĩnh Nông Văn Vân khởi nghĩa chống lại triều đình nhà Nguyễn.

Thực dân Pháp xâm lược, Đình Bảng có cụ Đức Trọng tham gia nghĩa quân Hoàng Hoa Thám. Cụ Hường, cụ Trang (Giang) cùng nhân dân chống lại âm mưu của thực dân Pháp định chiếm đất lập đồn điền. Cụ Đội Phủng đã giúp cụ Hai Kế (con thứ hai của Nguyễn Thiện Thuật) về Đình Bảng, vận động nhân dân tham gia

1. Khu Sơn lăng cấm địa có 8 đường cao và 8 dọc nước trông tựa như những đầu rồng gọi là “Bát long, Bát thủ” cùng chầu vào lăng Lý Thánh Mẫu. Tuy được gọi là Sơn lăng, nhưng chỉ là những gò bãi đất nhỏ, cái cao nhất 10 m, cái thấp nhất khoảng 2-3 m.

nghĩa quân. Khi nghĩa quân của Lương Ngọc Quyến khởi nghĩa ở Thái Nguyên, có về nương náu ở Đền Rồng, đã được người dân Đình Bảng chở che, ủng hộ, giúp đỡ¹.

Có thể nói, lịch sử Đình Bảng là một dòng chảy liên tục, nhân dân luôn đoàn kết đấu tranh bảo vệ và xây dựng quê hương ngày thêm giàu đẹp, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Sinh ra trên mảnh đất giàu truyền thống văn hiến và cách mạng, đồng chí Lê Quang Đạo sớm được thừa hưởng và tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, là lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, hiếu học... Những truyền thống quý báu đó có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành nhân cách và lý tưởng sống của đồng chí.

2. Gia đình và thời niên thiếu

Đồng chí Lê Quang Đạo tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên, sinh ra trong một gia đình, dòng họ có truyền thống yêu nước, cách mạng. Thân phụ đồng chí Lê Quang Đạo là ông Nguyễn Đức Cung, sinh năm 1895, từng là thư ký Hội đồng hương chính xã, dân làng quen gọi là ông Thơ La. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Lạc, sinh năm 1893 (dân làng gọi là bà Thơ La). Ông nội đồng chí Lê Quang Đạo là cụ Nguyễn Đức Khôi (hiệu Tự Phúc

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ phường Đình Bảng: *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng (1930-2010)*, Sdd, tr.55.

Trung), dân làng gọi là cụ Đám Khôi. Cụ thường đứng đầu trong các nghi lễ cúng tế thần linh của làng và các tiên vương triều Lý. Cụ Đám Khôi được người dân trong làng rất kính trọng, bởi chăm chỉ việc làng, việc nước, am hiểu lễ đời. Làng đã tặng cụ một bức hoành phi, trên chạm bốn chữ lớn “Tuấn dương thanh tụng” (nghĩa là: Con người tài hoa có sức như tuấn mã vươn xa nơi dương thế tiếng thơm truyền tụng mãi). Cụ Nguyễn Đức Khôi mất năm 1926, khi Nguyễn Đức Nguyên mới 5 tuổi. Nguyên rất thương nhớ ông, vẫn thường hỏi thầy, hỏi các bác, các chú, các cô về ông nội.

Ông Nguyễn Đức Cung và bà Nguyễn Thị Lạc sinh được 8 người con (5 gái, 3 trai). Trước khi sinh ra Nguyên, bà Lạc đã qua 5 lần sinh nở, nhưng các con đều mất sớm vì ốm bệnh. Sau đó, ông bà Cung đi cầu tự ở chùa Sái (Sơn Tây). Vì vậy, khi sinh được con trai, ông bà đã đặt tên cho con là Nguyên (với ý “tự nguyện xin về”). Sau này, bà Lạc sinh thêm 2 con trai nữa, nhưng cậu em ngay sau Nguyên, tên là Hồng, mất lúc 7 tuổi do ốm bệnh, chỉ còn lại em trai út là Nguyễn Đức Nghiêm.

Gia đình ông Nguyễn Đức Cung ở thôn Tỉnh Cầu, gần thôn Đình, trung tâm của làng. Ngôi nhà của gia đình nằm trên mảnh đất rộng gần một sào, đến nay đã trên 100 năm tuổi, gồm nhà trên, nhà dưới, nhà ngang. Nhà trên 5 gian, 3 gian giữa là phòng thờ và phòng khách, 2 gian chái là buồng ở. Tại gian giữa, trên bàn thờ treo bức hoành phi có hai chữ “Tiêu thuật” (có nghĩa

là yêu thích điều thanh tao, cao nhã). Ở gian cạnh bên phải treo bức hoành phi có hai chữ “Duy tắc” (có nghĩa là giữ vững kỷ cương phép tắc đã có). Ở gian cạnh bên trái treo bức hoành phi có hai chữ “Thư hương” (có nghĩa là sách thơm), nhắc nhở con cháu trong nhà phải biết quý trọng sách, quý trọng tri thức, chăm chỉ học hành. Tại hai cột gỗ bên hương án thờ ở gian giữa nhà có treo câu đối chữ Hán rất đẹp, sơn son thếp vàng:

*“Đạo đức tài bồi vinh quốc lộ;
Quang huy tế thế chấn gia thanh”.*

Dịch nghĩa:

*“Trau dồi đạo đức vinh ở nước;
Sáng nơi nổi nghiệp nổi tiếng nhà”.*

Ông Nguyễn Đức Cung rất tâm đắc câu đối này, ông thường nhắc con cháu trong gia đình về ý nghĩa của nó. Khi uống rượu, ông còn cao giọng ngâm nga, giảng giải để ai nghe cũng nên ghi nhớ kỹ¹.

1. Một lần, nhân ngày Tết, họp mặt gia đình, ông Nguyễn Đức Thìn, Anh hùng Lao động, người Đình Bảng, Từ Sơn, có hỏi Lê Quang Đạo: “Chú có biết những chữ Hán trong những bức hoành phi, câu đối này không?”. Lê Quang Đạo đã nói: “Ông nội và thầy tôi có giảng cho, tôi có biết! Đó là những câu chữ có ý nghĩa và có nội dung giáo dục sâu sắc, gọn và tinh túy lắm. Trong đó có khát vọng về nhân cách. Tất nhiên đó phải là những câu chữ hay. Người xưa chọn câu chữ viết hoành phi, câu đối nếu không đủ tài năng viết được thì thường phải nhờ đến người giỏi văn học, hiểu lịch sử, có tâm đức lớn chọn câu chữ cho” (theo lời kể của Anh hùng Lao động Nguyễn Đức Thìn).

Cổng vào nhà ông Nguyễn Đức Cung hướng nam. Bên trên cổng có bốn chữ Nho lớn “Càn khai - khôn hạp” (nghĩa là “Trời mở - Đất đóng”). Giữa chữ “Càn khai” và “Khôn hạp” có ba chữ nhỏ viết theo chiều dọc “Kỷ Dậu niên” chỉ mốc thời gian xây dựng ngôi nhà này.

Những bức hoành phi, câu đối, chữ Nho trong nhà Nguyễn Đức Nguyễn như một bảng học vấn, có ý nghĩa như danh ngôn. Gia đình chọn treo ở những nơi trang trọng, linh thiêng để nhắc nhở thực hiện gia quy, thành truyền thống nếp nhà. Đó là nét sáng của văn hóa làng xã Việt Nam, văn hóa gia đình Việt Nam.

Ngoài việc làng, ông Nguyễn Đức Cung vừa làm ruộng, vừa làm thủ công (nhuộm vải) và đi quảng lưới bắt cá, tôm ở sông Tiêu Tương để lo cuộc sống cho gia đình. Bà Nguyễn Thị Lạc từ nhỏ đã được mẹ đẻ và các bà cùng ngõ xóm truyền khẩu thuộc nhiều truyện, như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, các truyện nôm khuyết danh như: *Thạch Sanh*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa*... Nhiều buổi tối, bên ngọn đèn dầu, bà kể cho cả nhà nghe. Nguyễn rất thích và tưởng tượng ra bao điều. Những câu chuyện mẹ kể đã ảnh hưởng tốt đến Nguyễn về tình thương, trách nhiệm, sự tin tưởng, hăng hái trên đường vào đời. Sau này, đồng chí Lê Quang Đạo kể lại: Tôi chịu ảnh hưởng của thầy tôi tình yêu thơ văn, còn từ đẻ tôi những bài học đối nhân xử thế qua những bài ca dao, những câu tục ngữ, những truyện cổ tích...¹.

1. Tư liệu do gia đình đồng chí Lê Quang Đạo cung cấp.

Bác của Nguyễn Đức Nguyên là Nguyễn Đức Nhạ, từng làm lý trưởng của làng, vì bảo vệ dân làng, chống lệnh quan trên, che giấu nghĩa quân của Hoàng Hoa Thám nên bị cách chức, bắt đi tù. Ra tù, ông trở về nhà làm ruộng, nhuộm vải thâm, tiếp tục giúp đỡ, ủng hộ cách mạng. Ông là người hiền từ, hay viết chữ “Phúc - Đức” trên giấy hồng điều tặng bà con để treo bên hương án thờ, luôn khuyến khích các con tham gia và ủng hộ cách mạng¹. Bác Nguyễn Đức Quỳnh là người đã hưng công cho làng nhiều gạch đá lát đường. Ông là cán bộ Mặt trận Việt Minh hoạt động bí mật, được Nhà nước tặng bằng và kỷ niệm chương “Có công với nước”². Cậu của Nguyễn Đức Nguyên là Nguyễn Duy Thân (em trai của mẹ), là người có ảnh hưởng lớn đối với Nguyên từ thời học sinh, là người trực tiếp giác ngộ Nguyên vào Đoàn Thanh niên dân chủ, rồi Đoàn Thanh niên phản đế và gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Con trai trưởng của Nguyễn Đức Nhạ là Nguyễn Đức Tốn, từng là học sinh giỏi của Trường Tiểu học kiêm bị Đình Bảng, hoạt động cách mạng từ năm 1941, làm cán bộ tuyên huấn, hy sinh năm 1946, được truy tặng là liệt sĩ. Các con thứ là Nguyễn Đức Giao, Nguyễn Thị Nụ, đều gây dựng cơ sở, giúp đỡ, bảo vệ nhiều đồng chí cán bộ cách mạng của Trung ương Đảng, của Xứ ủy Bắc Kỳ về hoạt động. Cả hai người đều được Nhà nước tặng Bằng khen “Có công với nước”.

2. Con trai lớn của ông Nguyễn Đức Quỳnh là Nguyễn Đức Tuyên là đảng viên, là người thân thiết, đồng tâm đồng chí với Lê Quang Đạo. Ông Tuyên giữ chức Bí thư Chi bộ Đình Bảng năm 1947 rồi thoát ly làm cán bộ tuyên huấn của Đảng.

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước với nhiều tấm gương hoạt động cách mạng tiêu biểu đã ảnh hưởng lớn đến việc hình thành nhân cách Nguyễn Đức Nguyễn.

Xuất thân từ một gia đình trung lưu, rất coi trọng học chữ, ông Nguyễn Đức Cung đã sớm dạy con học, dạy con biết đọc, biết viết và cần gì học nấy. Ông luôn truyền cho Nguyễn Đức Nguyễn lòng yêu quê hương, đất nước. Những buổi chiều quê, ông đưa Nguyễn đi quanh các ngõ xóm của làng, giải nghĩa cho con biết sự tích tên gọi mỗi thôn, xóm. Thăm các di tích của làng, ông giảng cho Nguyễn biết về lịch sử như: Đền Đô thờ Lý Bát Đế, đền Rồng thờ Lý Chiêu Hoàng, chùa Cổ Pháp là nơi Lý Công Uẩn ra đời, Thọ Lăng Thiên Đức là nơi yên nghỉ của các vị vua triều Lý,... Qua lời của cha, Nguyễn Đức Nguyễn hiểu hơn về quê hương mình, về truyền thống đánh giặc, giữ nước qua những tấm gương sáng ngời.

Năm 1930, Nguyễn Đức Nguyễn được cha mẹ cho đi học ở Trường Tiểu học kiêm bị Đình Bảng.

Trường Tiểu học kiêm bị Đình Bảng thành lập ngày 29/11/1929¹, là trường duy nhất của khu vực Bắc Ninh khi đó và nhận học sinh của năm huyện: Đông Ngàn,

1. Trường Tiểu học kiêm bị Đình Bảng, còn gọi là Trường Cống Ba, bởi trường xây dựng trước cổng Ba của làng, nay là Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ.

Tiên Du, Quế Dương, Võ Giàng, Yên Phong. Lúc đầu trường có 4 lớp, đến năm 1938 lên tới 9 lớp. Học sinh học bằng tiếng Việt và tiếng Pháp.

Trường Tiểu học kiêm bị Đình Bảng khi đó là môi trường tốt đối với Nguyễn Đức Nguyên. Ở đó, Nguyên được tiếp xúc và quen thân với nhiều người bạn ở các làng, xã trong cả vùng Bắc Ninh.

Nguyễn Đức Nguyên sớm là học trò giỏi¹ rất chăm đọc sách, truyện lịch sử, văn học. Cha, mẹ cho tiền tiêu vặt thì Nguyên dùng để mua hoặc thuê sách báo ở cửa hàng sách Phạm Văn Hảo ở phủ Từ Sơn mang về nhà đọc. Nhiều cuốn sách Nguyên đọc rồi, thường kể lại cho người thân và bạn bè nghe. Đọc nhiều, hiểu nhiều nên Nguyên học rất giỏi, đặc biệt môn văn².

1. Sau này, anh hồi tưởng lại: Năm học lớp Nhất bậc tiểu học, thầy giáo cho đề văn: “Miêu tả làng quê em”. Bài làm viết bằng tiếng Pháp. Khi thu bài, đọc bài của Nguyên, thầy khen hay. Thầy gọi Nguyên lên đọc bài đó trước lớp. Cả lớp vỗ tay, đề nghị cho chép lại để học. Khi về nhà, biết chuyện, cậu Thân bảo Nguyên lồng viết thêm ý yêu quê hương phải gắn liền với chống xâm lược. Nguyên đã làm theo ý cậu Thân, khéo léo tuyên truyền lòng yêu quê hương, đất nước (tư liệu do gia đình đồng chí Lê Quang Đạo cung cấp).

2. Ông Nguyễn Phụ Chính, người cùng làng, cùng thời với Nguyễn Đức Nguyên kể rằng: “Anh Nguyên học giỏi, ở trường đứng đầu về văn, biết gì lại giảng cho chúng tôi, truyền cho cả lòng yêu nước, yêu quê. Nhiều lúc cảm thấy lòng sôi sục, muốn làm một cái gì đó cho đất nước thoát khỏi cảnh lầm than nô lệ”

Vì trường có nhiều thanh, thiếu niên trong vùng đến học, nên Nguyễn Đức Nguyễn biết được nhiều chuyện, nhiều sự kiện của đất nước đang xảy ra: tin tức về cụ Đề Thám khởi nghĩa ở Yên Thế, Lương Ngọc Quyến khởi nghĩa ở Thái Nguyên; về Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào Đông Du; về đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu, để tang cụ Phan Châu Trinh; về Nguyễn Thái Học khởi nghĩa ở Yên Bái, về sự khủng bố của thực dân Pháp đối với các phong trào yêu nước... Những câu chuyện đó khiến Nguyễn Đức Nguyễn cảm phục hơn những người yêu nước dũng cảm, càng căm ghét quân xâm lược đang thống trị, bóc lột dân ta; càng gắng học chăm, học giỏi để mong trưởng thành, làm được điều tốt đẹp cho dân, cho nước.

Sau khi tốt nghiệp tiểu học (1936), Nguyễn Đức Nguyễn phải tạm nghỉ học để trợ giúp việc nhà vì ở Đình Bảng không có trường lớp cao hơn.

*

* *

Trong quá trình hội tụ và phát triển, thiên nhiên và con người Bắc Ninh đã tạo nên một miền quê có nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Mỗi con người sinh ra, lớn lên, trưởng thành, nhân cách hình thành và phát triển đều chịu ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau, ít hay nhiều từ truyền thống của quê hương,

gia đình, phẩm chất đạo đức, nếp sống trong nhà, trong họ, trong làng theo những gia quy, hương ước, lệ làng và sự giáo dục từ nhà trường, môi trường xã hội. Những năm tháng tuổi thơ của Nguyễn Đức Nguyên chịu ảnh hưởng của quê hương và gia đình rất nhiều. Đó là gương soi đạo đức tuổi thơ cho Nguyễn Đức Nguyên, sớm hình thành trong anh nhân cách và nghị lực sống có lý tưởng vì dân, vì nước.

Chương II

TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1938 - 1945)

1. Hoạt động trong các tổ chức yêu nước của Đoàn Thanh niên do Đảng lãnh đạo và gây dựng cơ sở cách mạng ở quê hương (1938 - 1941)

Một năm nghỉ học ở nhà giúp việc gia đình, Nguyễn Đức Nguyễn đọc rất nhiều sách chữ quốc ngữ và sách chữ Pháp của nhiều tác giả; đọc thơ văn của các chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh; đọc các tác phẩm văn học hiện thực phê phán của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan,... để học, trau dồi tri thức và lý tưởng. Nguyễn Đức Nguyễn từng làm thơ, viết một số bài thơ châm biếm đăng báo *Con Ong*. Lúc đó, anh chưa biết mình đang bắt tay vào một công việc mới, dùng ngòi bút như một vũ khí đấu tranh.

Thời gian này, một vài người bạn của gia đình có điều kiện kinh tế và cả cậu ruột của Nguyễn Đức Nguyễn là Nguyễn Duy Thân ra Hà Nội học ở Trường Bưởi. Những ngày nghỉ, họ về làng kể lại không khí cách mạng sục sôi ở Hà Nội: nhiều tổ chức nghiệp đoàn mới thành lập;

thanh niên, học sinh đua nhau tham gia những hội kín đấu tranh cho dân chủ; tại các trường ở Hà Nội, nhiều thầy giáo công khai tuyên truyền, giáo dục học sinh lòng yêu nước, có thầy vì hoạt động cách mạng mà bị cầm tù.

Theo nguyện vọng của Nguyễn Đức Nguyễn, năm học 1937-1938, gia đình đã cho anh ra ở nhà người chú tại Hà Nội để theo học. Lúc đầu, anh học Trường tư thực Gia Long, khoảng một tháng thì chuyển sang học ở Trường Trung học tư thực Thăng Long¹.

Trường Trung học tư thực Thăng Long được thành lập năm 1935, mục đích của nhà trường là truyền bá kiến thức cho cộng đồng và tuyên truyền lòng yêu nước, thương dân². Khóa học đầu tiên của trường mở vào tháng 9/1935³, quy tụ nhiều thầy giỏi, kiến thức uyên bác và rất yêu nước, như các thầy Đặng Thai Mai, Phan Thanh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Minh Giám,... Thầy Võ Nguyên Giáp giảng dạy các môn Pháp văn, lịch sử, địa lý. Mỗi giờ học của thầy Giáp đều có sức truyền cảm rất lớn, đã thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước trong mỗi học sinh. Nhiều học trò

1. Trường Trung học tư thực Thăng Long là tiền thân của Trường Tiểu học Thăng Long ngày nay.

2. Năm 1934, Hoàng Minh Giám cùng với một số nhà trí thức đương thời như Phan Thanh, Đặng Thai Mai, Đặng Vũ Xích, Phạm Hữu Ninh, Nguyễn Cao Luyện, Nguyễn Dương... thành lập “Hội mở mang nền tư thực”. Một năm sau (1935), thành lập Trường Trung học tư thực Thăng Long.

3. Năm 1945, do những ảnh hưởng của trường đến phong trào yêu nước, thực dân Pháp đã ra lệnh đóng cửa Trường Trung học tư thực Thăng Long.

của trường sau này trở thành những chiến sĩ cách mạng, những tướng lĩnh trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Tháng 6/1936, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai và một số thầy giáo của trường đã góp tiền mua lại bản quyền tờ báo tiếng Việt *Hồn trẻ* của một nhóm hướng đạo sinh làm ăn thua lỗ. Báo *Hồn trẻ* là tờ báo tiếng Việt công khai đầu tiên cổ động đấu tranh cho các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ, đòi ân xá chính trị phạm, ủng hộ Mặt trận Bình dân¹. Nguyễn Đức Nguyễn chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng yêu nước, tiến bộ từ các thầy giáo của trường.

Ngay từ những ngày mới vào học Trường Trung học tư thực Thăng Long, Nguyễn Đức Nguyễn đã hăng hái cùng các bạn dự những buổi nói chuyện chính trị ở Hội quán Trí Tri², đi dự hội chợ phiên ủng hộ Trung Hoa chống Nhật... Thông qua những hoạt động này, Nguyễn Đức Nguyễn hiểu thêm được nhiều điều về tình hình chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước.

Những điều học được, giác ngộ được, Nguyễn đều tranh thủ nói lại cho các bạn thân của mình. Cuối năm 1938, Nguyễn tham gia Đoàn Thanh niên dân chủ (tên

1. Báo *Hồn trẻ* ra đến số thứ 5 thì bị nhà cầm quyền Pháp đóng cửa.

2. Hội Trí Tri thành lập tháng 4/1892. Tham gia sáng lập Hội có: Lê Đình Tĩnh, Bùi Xuân Thái, Bùi Thế Xuân, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Hữu Long, Nguyễn Hữu Sung, Trần Hữu Đức... do một viên chức người Pháp E. Nordemann làm Hội trưởng. Hoạt động chính của Hội là mở các lớp dạy tiếng Pháp và chữ quốc ngữ cho người bản xứ, tổ chức những buổi diễn thuyết, trình diễn nhạc, triển lãm tranh... Năm 1945, Hội Trí Tri giải tán.

gọi công khai của Đoàn Thanh niên Cộng sản do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo). Cậu Nguyễn Duy Thân là người đã giác ngộ cháu mình gia nhập Đoàn Thanh niên dân chủ ở Đình Bảng. Sau đó, Nguyễn Đức Nguyên đã giới thiệu một số bạn cùng học, những người bạn thân vào tổ chức Đoàn Thanh niên dân chủ như Dương Đình Hội, và các đồng chí Toàn, Hậu.

Mỗi khi về quê, Nguyễn mang theo nhiều sách báo tiếng Việt và tiếng Pháp, như các tác phẩm *Người Mẹ* của Mácxim Gôócki, *Vấn đề dân cày* của Qua Ninh và *Vân Đình* (tức Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp), *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô*, các báo *Tin tức*, *Đời nay*, *Thợ thuyền*, *Chiến đấu*,... để các đoàn viên trong làng đọc. Những điểm canh trong làng trở thành phòng đọc sách báo của thanh niên. Thông qua sách báo tiến bộ, các chủ trương, đường lối của Đảng được truyền bá đến các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trong làng. Các đoàn viên Đoàn Thanh niên dân chủ đầu tiên của Đình Bảng ngày đó gồm: Nguyễn Đức Nguyên, Nguyễn Tiến Thảo, Hoàng Văn Tiến, Nguyễn Trọng Tĩnh, Nguyễn Thị Canh. Họ thường gặp nhau bàn công tác trong khu vườn Đền Đô. Các đồng chí này về sau đều trở thành những đảng viên ưu tú của Đảng Cộng sản Đông Dương¹.

1. Đồng chí Nguyễn Tiến Thảo (tức Lim) sau này giữ chức Bí thư Đảng ủy Khu gang thép Thái Nguyên; đồng chí Hoàng Văn Tiến sau này giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao; đồng chí Nguyễn Trọng Tĩnh sau này giữ chức Tổng Cục trưởng Tổng cục Thủy sản; đồng chí Nguyễn Thị Canh (tức Đồng) sau này giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đồng thời với phong trào đọc sách báo, Đình Bảng còn có phong trào học chữ quốc ngữ rất sôi nổi, thu hút đông đảo các giới, mọi lứa tuổi tham gia. Vốn có đầu óc luôn suy ngẫm và hành động thực tế, Nguyễn Đức Nguyên đã sáng kiến tổ chức một đám rước đèn trung thu vào đêm Trung thu năm 1938, nhằm mục đích cổ động cho phong trào học chữ quốc ngữ¹. Đã gần 80 năm qua, nhiều người cao tuổi ở Đình Bảng vẫn còn thuộc

1. Cụ Nguyễn Tiến Giao, một vị lão thành cách mạng, nhân chứng lịch sử, thành viên Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Đình Bảng kể lại: “Đêm ấy, dân làng được xem một đám rước đèn thật độc đáo với rất đông thanh niên, học sinh. Đi đầu là một xe hoa. Đó chỉ là một xe bò kết lá cây trang điểm bằng những bông hoa giấy, trên xe đặt một chiếc trống. Anh Lộc Beng ngồi trong với cây đàn banjo alto vè réo rắt. Thanh niên học sinh nam nữ cầm đèn đi sau chạy theo hò reo ầm vang cả khu đình làng. Sự kiện này không được báo trước nên cuốn hút sự tò mò của nhiều người. Dân làng ngạc nhiên tới xem mỗi lúc càng đông. Khi dân làng đã kéo tới chật cứng sân đình, một người nhỏ bé xuất hiện trên xe, đó là Nguyễn Đức Nguyên. Vẻ rụt rè của cậu học sinh trường làng đã được thay bằng sự tự tin. Với giọng nói lễ phép, nhẹ nhàng, anh thưa với bà con dân làng, nhất là các bậc cha mẹ, phải cố gắng cho con em đi học, tất cả thanh niên nam nữ nếu ai chưa biết chữ đều phải đi học. Đi học để mở mang dân trí, để theo kịp những nền văn minh. Anh kết thúc bài nói chuyện với khẩu hiệu “Đi học là yêu nước”. Từng lời của anh như rót vào tai người nghe vì nó được nói ra rất dễ hiểu, rõ ràng là những lời có lý, có tình”. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Ninh.

bài *Hồ đi học*, tiết mục đặc biệt của đêm rước đèn trung thu do Nguyễn Đức Nguyễn biên soạn và trình bày lúc đó. Họ nói rằng, đó là cách anh làm để tuyên truyền cách mạng ở quê hương:

“... Trống trường đã đánh đầu làng
Hãy còn chưa biết khai trường đó ư?
Hỡi các bậc hiền từ cha mẹ
Sao chưa lo con trẻ học đi?
Ngây thơ nào đã biết gì
Nỡ nào để trẻ ngu si cho đành
Xây dựng trường làng mình tiêu tốn
Trẻ học hành phí tổn là bao
Nếu không khách lạ trông vào
Dân mình xã lớn học sao ít người!
Học không phải học dăm ba chữ
Biết ký tên mà phải cùng nhau
Xem nền văn hóa Á, Âu...”¹.

Cuộc rước đèn đêm Trung thu năm 1938 đã gây tiếng vang lớn trong xã, trong vùng và trong toàn huyện Từ Sơn.

Không chỉ ở Đình Bảng, phong trào đọc sách báo, truyền bá chữ quốc ngữ còn phát triển ở hầu khắp các xã trong huyện Từ Sơn, với hàng trăm quần chúng

1. *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.23.

tham gia, như ở Phù Lưu, Cẩm Giang, Trang Liệt,... Thông qua đó, lòng yêu nước, giác ngộ cách mạng trong nhân dân được nâng cao.

Thời gian này, Nguyễn Đức Nguyễn được tham gia một lớp huấn luyện bí mật cho những đoàn viên thanh niên mới vào Đoàn Thanh niên dân chủ. Giảng viên là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, người xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh¹. Nội dung huấn luyện là những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học, lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương,... Những kiến thức mới này giúp Nguyễn Đức Nguyễn tiếp cận dễ dàng hơn với sách báo cách mạng. Anh trở thành một trong những cán bộ cốt cán của Đoàn tại quê hương Đình Bảng.

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Pháp tham gia chiến tranh và lập tức thi hành chính sách thống trị phát xít rất phản động ở trong nước và các thuộc địa. Ở Đông Dương, chính quyền thực dân

1. Nguyễn Văn Cừ (1912-1941), người làng Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Năm 1931, đồng chí bị địch bắt, đày đi Côn Đảo. Năm 1936, đồng chí ra tù. Đầu năm 1937, là Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ và được phân công làm đại diện của Xứ ủy bên cạnh Trung ương. Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng (9/1937), Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam (3/1938).

tăng cường đàn áp lực lượng cách mạng, mà mũi nhọn tấn công là nhằm vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Chúng ban bố lệnh tổng động viên, thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” tăng cường vơ vét sức người, sức của để cung cấp cho cuộc chiến tranh. Tại Hà Nội, chúng ra lệnh giải tán các tổ chức ái hữu, tăng thêm mạng lưới mật thám, tổ chức nhiều cuộc vây ráp, bắt bố. Trong bối cảnh đó, các cơ quan báo chí công khai của Đảng đều bị khám xét và niêm phong, một số cán bộ hoạt động công khai chưa kịp rút vào hoạt động bí mật đã bị bắt. Bằng những biện pháp áp bức cứng rắn, Pháp hy vọng sẽ dập tắt phong trào cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trước tình hình đó, tháng 11/1939, Ban Thường vụ Trung ương đã họp nhận định tình hình và đề ra chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập. Đế quốc Pháp còn, dân chúng Đông Dương chết. Đế quốc Pháp chết, dân chúng Đông Dương còn”¹. Thời kỳ hoạt động công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp không còn nữa, mà thay

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.536.

vào đó là thời kỳ hoạt động bí mật, bất hợp pháp, hình thức tổ chức và tranh đấu là lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Là nơi có phong trào cách mạng tương đối vững mạnh, lại tiếp giáp với thủ phủ Hà Nội, là cầu nối giữa vùng đồng bằng Bắc Bộ, thủ phủ Hà Nội với các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc, phong trào cách mạng ở Bắc Ninh được Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ đặc biệt quan tâm và trực tiếp chỉ đạo. Các cơ sở cách mạng ở Từ Sơn, phố Yên Viên, Cầu Đuống, Đình Bảng, Phù Lưu, Cẩm Giang, Trang Liệt, Phù Khê, Tam Sơn từ hoạt động công khai, hợp pháp chuyển vào hoạt động bí mật. Chỉ đạo phong trào tỉnh Bắc Ninh là đồng chí Lê Hoàng. Đến tháng 4/1940, đồng chí Phạm Văn Đông (Kỳ Vân) thay¹.

Tuy chưa được gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, nhưng trong quá trình hoạt động, rèn luyện, thử thách, Nguyễn Đức Nguyễn đã trưởng thành, trở thành cán bộ cốt cán của phong trào thanh niên thời kỳ đầu bước vào hoạt động bí mật. Nhân dịp kỷ niệm 22

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926-2008)*, Sđd, tr.85.

năm Cách mạng Tháng Mười Nga (tháng 11/1917 - tháng 11/1939), Nguyễn Đức Nguyễn đã tham gia rải truyền đơn, dán áp phích, treo cờ đỏ búa liềm ở Đình Bảng, Trang Liệt, Đồng Kỵ, Phù Khê, Yên Viên,... nhằm thức tỉnh lòng yêu nước và cổ vũ quần chúng đấu tranh. Sau một thời gian bồi dưỡng và thử thách, đồng chí Phạm Văn Đông đã tổ chức kết nạp các đoàn viên thanh niên dân chủ vào Đảng Cộng sản Đông Dương, như: Nguyễn Duy Thân, Nguyễn Đức Nguyễn, Nguyễn Trọng Tĩnh (Đình Bảng), Lê Việt, Nguyễn Văn Tâm (Phù Lưu)¹, Nguyễn Văn Phúc (Cẩm Giang). Chi bộ ghép Đình Bảng - Phù Lưu - Cẩm Giang được thành lập (7/1940) gồm 7 đồng chí, do đồng chí Phạm Văn Đông trực tiếp làm Bí thư².

Chi bộ ghép tích cực hoạt động, nhanh chóng xây dựng, phát triển các tổ chức quần chúng tại các làng, xã ở Trung Mầu, Dương Húc (Tiên Du), Phù Chẩn, Tam Sơn, Đồng Kỵ, Đông Hội, Trang Liệt, Đình Bảng, Phù Lưu, Cẩm Giang (Từ Sơn). Chi bộ cũng tích cực bồi dưỡng, kết nạp thêm nhiều đảng viên mới, như: Nguyễn Tiến Thảo

1. Sách *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng 1930-2010*, Sđd, tr.63 ghi: Lê Việt Hồ, Nguyễn Văn Tâm (Phù Lưu).

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926-2008)*, Sđd, tr.85.

(Lim), Nguyễn Chương, Nguyễn Văn Xuyến, Nguyễn Hữu Ngoạn, Nguyễn Ly, Nguyễn Đức Phùng (Đình Bảng), Trục Tụ, Bảy Cối (Cẩm Giang), Nguyễn Chấn, Trần Lê Nhân (Trang Liệt)...¹. Do đó, từ một chi bộ ghép Đình Bảng - Phù Lưu - Cẩm Giang đã tách ra thành hai chi bộ là Chi bộ Đình Bảng và Chi bộ ghép Phù Lưu - Cẩm Giang - Trang Liệt².

Tháng 8/1940, tại nhà Văn chỉ, Đền Đô, Chi bộ Cộng sản đầu tiên của Đình Bảng được thành lập, gồm ba đảng viên: Nguyễn Duy Thân, Nguyễn Đức Nguyên và Nguyễn Trọng Tĩnh, do đồng chí Nguyễn Đức Nguyên làm Bí thư³. Từ đây, Chi bộ Đình Bảng lãnh đạo phong trào cách mạng ở quê hương theo những phương pháp thích hợp. Không tiến hành những cuộc đấu tranh trực diện, gay gắt với kẻ thù ngay trong làng nhằm che giấu lực lượng, đánh lạc hướng theo dõi, truy lùng và đàn áp của kẻ thù, Chi bộ đã tập trung sức cho công tác trọng tâm là xây dựng, củng cố và phát triển

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Từ Sơn: *Lịch sử Đảng bộ huyện Từ Sơn*, Bắc Ninh, 2004, tr.63.

2. Tháng 5/1941, một số đảng viên ở Phù Lưu bị bắt, một số được cấp trên điều động đi công tác thoát ly nên chi bộ này chỉ còn ở Cẩm Giang - Trang Liệt với 3 đảng viên Nguyễn Chấn, Trần Lê Nhân và Trục Tụ.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Đình Bảng: *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng (1930-2010)*, *Sđđ*, tr.65.

một hệ thống cơ sở bí mật an toàn, đáng tin cậy trong phạm vi làng Đình Bảng, phát triển thêm đảng viên mới. Chi bộ đã thành lập các tổ chức quần chúng để vận động nhân dân đi theo con đường giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo.

Tháng 9/1940, quân Nhật từ Trung Quốc đánh vào Lạng Sơn nước ta, thực dân Pháp phải nhượng bộ thêm một lần nữa với phát xít Nhật. Đảng bộ Bắc Sơn đã lãnh đạo nhân dân đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện lỵ (tháng 10/1940). Nam Bộ cũng gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa. Trước tình hình đó, đầu tháng 11/1940, Trung ương Đảng đã triệu tập hội nghị¹. Tham dự Hội nghị có các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Phan Đăng Lưu, Trần Đăng Ninh, Hoàng Quốc Việt... Hội nghị chỉ rõ kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam lúc này là thực dân, phát xít Pháp - Nhật, quyết định hai vấn đề cấp bách: một là, duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, thành lập những đội du kích, khi cần thiết thì chiến đấu chống khủng bố, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới lập căn cứ địa du kích, lấy Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm; hai là, chỉ thị cho Xứ ủy Nam Kỳ hoãn ngay cuộc khởi nghĩa vì chưa đủ điều kiện bảo đảm cho khởi

1. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa I họp từ ngày 06 đến ngày 09/11/1940.

nghĩa thắng lợi¹. Hội nghị đã cử ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, do đồng chí Trường Chinh làm quyền Tổng Bí thư. Ban Thường vụ có các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt.

Nguyễn Đức Nguyên cùng Chi bộ Đình Bảng đã tổ chức phục vụ và bảo vệ Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, họp tại nhà cụ Nguyễn Tiến Tuân (Tuân, Đám Thi)². Hội nghị đang họp thì mật thám Pháp ập đến. Khi tên Luyt (mật thám) và tên Phán Sinh (tay sai) hỏi chị Hòa (con gái cụ Đám Thi) ở sân, thì các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt,... đã nhanh chóng nhảy qua tường nhà bếp đi ra cổng làng. Ngay

1. Quyết định chưa được truyền đạt tới Xứ ủy Nam Kỳ thì ngày 23/11/1940, Khởi nghĩa Nam Kỳ đã nổ ra. Thực dân Pháp đàn áp rất dã man cuộc khởi nghĩa. Một số đồng chí lãnh đạo của Đảng bị bắt, bị xử bắn.

2. Về sự kiện này, sau này Tổng Bí thư Trường Chinh đã nói chuyện với đồng chí Nguyễn Thị Canh (Nguyễn Thị Đồng): “Đình Bảng và Vạn Phúc là hai lô cốt thép của Đảng. Ở hai nơi này đã không có đồng chí Trung ương nào bị địch bắt”. Ngày 15/9/1990, khi về thăm Đền Đô, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã thân mật kể lại với cán bộ và nhân dân đang có mặt ở Đền Đô rằng: “Năm mươi năm trước, tháng 11/1940, tôi là giao liên của Đảng đã đi theo đồng chí Phan Đăng Lưu từ Nam Kỳ ra đây, như những người hành hương về lễ Lý Bát Đế để bắt liên lạc vào làng Đình Bảng họp Hội nghị Trung ương lần thứ bảy tại nhà cụ Đám Thi. Các đồng chí và nhân dân Đình Bảng đã giúp đỡ bảo vệ Hội nghị rất tốt”.

tối hôm đó, các đồng chí đến nhà anh Hùng, cơ sở cách mạng ở Tam Sơn và tiếp tục cuộc họp. Trong cuộc vây ráp, bọn mật thám đã bắt cụ Đám Thi, chị Hòa và anh Pho (con trai cụ Đám Thi); bắt đồng chí Nguyễn Duy Thân ở cầu Chặt; bắt đồng chí Nguyễn Thị Canh ở chợ Yên Lã. Chúng đánh đập, tra tấn dã man, song không moi được tin tức gì.

Cuối năm 1940, Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh được thành lập, gồm ba đồng chí: Nguyễn Trình (còn gọi là Yên Trình, hoặc Trình Xưa) được chỉ định làm Bí thư Ban cán sự, hai đồng chí Nguyễn Đức Nguyễn và Vũ Kiên được chỉ định làm ủy viên Ban cán sự¹. Sự ra đời của Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh đánh dấu bước trưởng thành của Đảng bộ trong việc thống nhất sự lãnh đạo phong trào cách mạng toàn tỉnh về mọi mặt.

Được trực tiếp nghe các đồng chí Trung ương truyền đạt nhiệm vụ cách mạng, đầu năm 1941, tại làng Lý Thái Tổ, trong Thọ Lăng Thiên Đức, Chi bộ Đình Bảng đã nhiều lần bí mật họp quần chúng cách mạng, nghe đồng chí Nguyễn Đức Nguyễn tuyên truyền về nhiệm vụ phản đế, giải phóng dân tộc. Thời kỳ này, Chi bộ Đình Bảng đã phát triển thêm nhiều đảng viên mới,

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926-2008)*, Sđd, tr.90-91.

như các đồng chí: Nguyễn Ly¹, Nguyễn Đức Phùng² (Lê Quang Tuấn), Nguyễn Thị Chính... Tháng 4/1941, đồng chí Nguyễn Đức Nguyễn thành lập chi bộ ghép Phù Chẩn - Dương Húc gồm ba đồng chí: Toàn (tức Thành Vân) ở Dương Húc, Ngà và Nham (tức Hải) ở Phù Chẩn, do Nguyễn Đức Nguyễn trực tiếp làm Bí thư Chi bộ³.

Đầu năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc sau gần 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Tháng 5/1941, tại Pác Bó (Cao Bằng), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám⁴. Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc và nêu rõ sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp - Nhật, sẽ thành lập Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hội nghị quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh). Các tổ chức quần chúng yêu nước chống đế quốc trong Mặt trận đều lấy tên là Hội Cứu quốc. Hội nghị kết luận: Chúng ta không được ỷ lại, phải luôn

1. Đồng chí Nguyễn Ly sau này là Thứ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đồng chí Nguyễn Đức Phùng (tức Lê Quang Tuấn) sau này là Bí thư Tỉnh ủy Hà Bắc.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Từ Sơn: *Lịch sử Đảng bộ huyện Từ Sơn, Sdd*, tr.63 ghi.

4. Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa I, họp từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941.

luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng nhằm vào cơ hội thuận tiện mà đánh lại quân thù,... lúc đó với lực lượng sẵn có ta có thể lãnh đạo cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn¹.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Tổng Bí thư Trường Chinh đã quyết định xây dựng Khu an toàn (An toàn khu - ATK) của Trung ương ở vùng nông thôn xung quanh Hà Nội, thuộc các tỉnh Bắc Ninh, Hà Đông, Phúc Yên, trong đó có nhiều thôn, xã thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Khu an toàn đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, của Xứ ủy Bắc Kỳ, có nhiệm vụ bảo vệ mọi hoạt động của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ. Tại đây có địa điểm làm việc, hội họp, tổ chức các lớp huấn luyện chính trị, quân sự, cơ quan giao thông, có nơi ở của cán bộ đến làm việc, cơ quan in ấn của Trung ương. Một nguyên tắc hoạt động của Khu an toàn là cơ quan nào ở đâu, cán bộ, đảng viên nào, chỉ biết đấy, tuyệt đối không được liên hệ, không được biết nơi khác, người khác.

Kể từ giữa năm 1941 đến tháng 8/1945, Từ Sơn thuộc Khu an toàn I của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ. Chi bộ Đình Bảng được đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng bí mật về trực tiếp

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.131-132.

lãnh đạo và trao trách nhiệm trước Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ để xây dựng Đình Bảng là cơ sở cách mạng An toàn khu I của Đảng. Một số cán bộ cốt cán của Đình Bảng đã mở rộng hoạt động đến các xã trong huyện. Nguyễn Đức Nguyên và Nguyễn Trọng Tĩnh thường xuyên đi gây cơ sở, phát triển phong trào cách mạng ở các xã Cẩm Giang, Trang Liệt, Phù Chẩn, Đại Đồng, Trung Mậu, Phù Khê, Tam Sơn, Yên Khê, Phù Lưu, Phạt Tích... Các đồng chí đã vận động giác ngộ được 24 gia đình tự nguyện là cơ sở cách mạng của Đảng, sẵn sàng đón, che giấu, bảo vệ, nuôi dưỡng các đồng chí cán bộ cao cấp của Trung ương Đảng, của Xứ ủy Bắc Kỳ¹. Chi bộ Đình Bảng đã làm tốt nhiệm vụ bảo vệ và phục vụ chu đáo cán bộ đảng và các hội nghị Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, đảm bảo an toàn

1. Như các gia đình: Nguyễn Tiến Tuận (Tuân, Đám Thi), Nguyễn Kim Thiện (Hương Canh), Nguyễn Thị Phụng (Hương Bổng), Nguyễn Đức Quỳnh (Hương Tuyền), Nguyễn Hữu Chương (Thụy Chương), Nguyễn Thị Dần, Đỗ Thị Tỵ (Tổng Ái), Nguyễn Hữu Độ (Quế Hương), Ngô Quang Đình, Nguyễn Thị Phố, Nguyễn Thị Nghĩa, Nguyễn Đức Giao, Nguyễn Thị Nụ, Nguyễn Thị Tráng, Nguyễn Thị Gắm, Nguyễn Thạc Kỷ, Nguyễn Thạc Hiến, Nguyễn Thị Quý, Nguyễn Hữu Nhân, Nguyễn Hữu Sâm, Nguyễn Kim Ân, Nguyễn Thị Mão, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Hữu Sang (xem *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng 1930 - 2010*, Sđd, tr.241).

cho các đồng chí lãnh đạo hoạt động. Đồng thời thông qua nhiệm vụ được giao, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, Chi bộ đã đào tạo cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Chi bộ và yêu cầu, nhiệm vụ chung của Trung ương, của Xứ ủy Bắc Kỳ.

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của An toàn khu, Chi bộ Đình Bảng chú trọng công tác bồi dưỡng thế hệ trẻ tham gia hoạt động, Nguyễn Đức Nguyễn rất chú ý tổ chức giáo dục thanh, thiếu nhi. Lớp thiếu niên sớm được giác ngộ (theo từng nhóm) đã tổ chức thành đội ngũ tham gia công tác cách mạng và hoạt động bên cạnh cha anh. Khoảng tháng 9 năm 1941, tại nhà ông Hương Canh, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã chỉ đạo lập tổ Nhi đồng Cứu quốc, gồm 5 học sinh Trường Tiểu học Đình Bảng do Ngô Quang Phẩm, học sinh lớp Nhì (con trai của đồng chí Nguyễn Thị Canh) làm tổ trưởng. Sau đó, Nguyễn Đức Nguyễn đã phát triển thành Đội Nhi đồng Cứu quốc¹. Các đội viên được Chi bộ Đảng và các đồng chí lãnh đạo trực tiếp huấn luyện, giáo dục, đã thật sự là “tai mắt” của Chi bộ. Các em làm nhiệm vụ liên lạc giữa các cơ sở trong và ngoài làng, canh gác, theo dõi, phát hiện người lạ mặt và những phần tử nghi vấn,... đảm bảo cho các cán bộ về làng hoạt động, làm việc an toàn, tránh những cạm bẫy ác hiểm của địch.

1. *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng (1930-2010)*, Sđd, tr.71-72.

Đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, các đồng chí lãnh đạo cấp trên tạm thời quyết định điều động hầu hết các đảng viên của Đình Bảng đi hoạt động thoát ly, hoặc đi nơi khác, bổ sung cho đội ngũ cán bộ huyện, tỉnh và Trung ương. Cuối năm 1941, đồng chí Nguyễn Đức Nguyễn được bầu làm Bí thư Ban Cán sự Đảng huyện Từ Sơn. Đồng chí Nguyễn Ly, rồi đến đồng chí Nguyễn Thị Canh thay đồng chí Nguyễn làm Bí thư Chi bộ Đình Bảng.

Đầu năm 1942, đồng chí Nguyễn Trình, Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh bị địch bắt. Đồng chí Nguyễn Đức Nguyễn được điều làm Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh. Tháng 4/1942, Xứ ủy điều động đồng chí Liên Cường (tức Vinh) về làm Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh thay đồng chí Nguyễn Đức Nguyễn. Theo nguyên tắc hoạt động bí mật, Nguyễn Đức Nguyễn phải có một bí danh. Đồng chí đã chọn cho mình cái tên Lê Quang Đạo. Tuy thoát ly công tác, nhưng mỗi khi bí mật về làng, Lê Quang Đạo vẫn gắn bó với chi bộ quê nhà, thường thông báo những nhiệm vụ, chủ trương mới của Đảng.

2. Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên, Bí thư Thành ủy Hà Nội, tham gia báo *Cứu quốc* và báo *Cờ giải phóng* (1942 - 1944)

Từ cuối năm 1942, tình hình thế giới và trong nước biến đổi nhanh chóng. Ở Đông Dương, mâu thuẫn Pháp - Nhật ngày càng trở nên sâu sắc. Bọn quân

phiệt Nhật ngày càng lấn áp Pháp. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp để nhận định tình hình, quyết định những vấn đề mới¹. Hội nghị nêu rõ: Chiến tranh thế giới đã phân định rõ hai mặt trận: Mặt trận phát xít xâm lược, gồm các đế quốc phát xít Đức, Ý, Nhật và các chính phủ thuộc địa tay sai cho chúng. Mặt trận dân chủ chống phát xít xâm lược, gồm các nước dân chủ Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Mỹ và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Đi đầu trong mặt trận dân chủ chống phát xít là Liên Xô. Liên Xô và phe dân chủ sẽ thắng. Kẻ thù của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật - Pháp. Hội nghị chủ trương mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật - Pháp và Mặt trận dân chủ chống Nhật ở Đông Dương, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các giới, chuẩn bị khởi nghĩa, để một khi thời cơ đến, kịp thời đưa quần chúng ra tranh đấu².

Khi Trung ương quyết định lấy một phần các tỉnh Phúc Yên, Bắc Ninh, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội để xây dựng An toàn khu chính thức của Trung ương (An toàn khu I), tỉnh Phúc Yên hình thành ba khu vực: Khu thứ nhất ở phía nam tỉnh, giáp với Hà Nội, gồm huyện Đông Anh và huyện Yên Lãng, (nằm trong An toàn khu I)

1. Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh, Hà Nội), từ ngày 25 đến ngày 28/02/1943.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.273-301.

của Trung ương, do Đội công tác Trung ương phụ trách; Khu thứ hai gồm các huyện Kim Anh, Đa Phúc và thị xã Phúc Yên nằm trong An toàn khu dự bị (An toàn khu II) của Trung ương do Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên phụ trách; Khu thứ ba là Nhà máy xe lửa Đông Anh do Ban Công vận Xứ ủy phụ trách.

Tháng 4/1942, Xứ ủy Bắc Kỳ quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên và chỉ định đồng chí Lê Quang Đạo, Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ làm Bí thư Ban Cán sự tỉnh.

Để bảo vệ An toàn khu và củng cố phong trào, đồng chí Lê Quang Đạo đã họp bàn với Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên, quyết định mở một đợt tuyên truyền nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5, dưới hình thức rải truyền đơn, treo cờ đỏ ở những nơi có đông người qua lại nhằm tuyên truyền về Mặt trận Việt Minh và ổn định tư tưởng quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Quang Đạo, cơ sở cách mạng đã được xây dựng ở hầu hết khu vực do Ban Cán sự phụ trách. Trong hàng ngũ Việt Minh, ngoài lực lượng chủ yếu là thanh niên, học sinh, tiểu tư sản, dân nghèo, còn thu hút được một số người trong bộ máy chính quyền địch. Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên đã cử người tham gia Hội truyền bá quốc ngữ để vận động các viên chức và tầng lớp trên đi theo cách mạng, đồng thời phá âm mưu lôi kéo họ vào Đảng Đại Việt do Nhật lập ra. Hội truyền bá quốc ngữ đã trở thành tổ chức công khai tuyên truyền cho Mặt trận Việt

Minh. An toàn khu được giữ vững, Tổng Bí thư Trường Chinh và các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương như Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ đã thường xuyên qua lại, ăn ở trong các gia đình cơ sở ở An toàn khu. Các cán bộ của Đảng vượt ngục ra ngoài cũng được đưa về An toàn khu Phúc Yên nghỉ dưỡng sức chờ Đảng phân công công tác. Cơ quan tuyên truyền của Trung ương, như báo *Cờ giải phóng*, báo *Kèn gọi lính*, báo *Quân giải phóng* và nhiều tài liệu của Đảng, của Việt Minh đều được in ấn ở An toàn khu Phúc Yên.

Phụ trách Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên một thời gian không lâu, đồng chí Lê Quang Đạo nhận thêm nhiệm vụ biên tập báo *Cứu quốc* do đồng chí Trường Chinh phụ trách. Tham gia biên tập có Lê Quang Đạo, Lê Toàn Thư (Tân). Báo *Cứu quốc* lúc đó có 4 trang, khổ nhỏ, số đầu tiên ra ngày 25/01/1942. Mỗi bài viết tùy theo yêu cầu nội dung sẽ có dung lượng khoảng 100 đến 200 từ. Bài xã luận thường dài hơn một chút¹. Mỗi khi

1. Đồng chí Lê Quang Đạo kể lại: “Khoảng quý II năm 1942, chúng tôi ba người - anh Nhân (Trường Chinh), anh Tân và tôi, mỗi người kiếm một khúc gỗ nhỏ làm ghế và dùng một góc chiếc phản làm bàn ngồi viết báo. Bản thảo viết tay trên những tờ giấy khổ to nhỏ khác nhau, có tờ chỉ bằng bàn tay, giấy đã vàng ố hoặc nhàu nát. Có tờ chữ rõ ràng, chân phương, có tờ nét chữ viết loằng ngoằng, đọc mãi mới ra, nhưng tất cả đều chữ nhỏ li ti, vừa để tiết kiệm giấy, vừa dễ di chuyển và giữ bí mật; lại viết đủ thứ mực, xanh, tím, có tờ viết bằng bút chì (tư liệu do gia đình đồng chí Lê Quang Đạo cung cấp).

viết xong, các đồng chí trong ban biên tập thường trao đổi với nhau, sau đó xin ý kiến của đồng chí Trường Chinh. Ngoài việc biên tập, đồng chí Lê Quang Đạo còn làm thơ, viết truyện ngắn. Cuối năm 1943, đồng chí Trường Chinh không trực tiếp phụ trách báo *Cứu quốc* mà giao cho đồng chí Nguyễn Khang, Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ phụ trách, đồng chí Lê Quang Đạo tiếp tục làm báo. Sau này có thêm các đồng chí Trần Thị Minh Châu, Xuân Thủy. Trụ sở của báo *Cứu quốc* lúc đầu đóng ở xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Sơn Tây (nay là Hà Nội), sau chuyển về làng Lâm Hộ, xã Thanh Lâm, huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên (nay là huyện Mê Linh, Hà Nội).

Ngày 10/10/1942, Thường vụ Trung ương quyết định ra tờ *Cờ giải phóng*, cơ quan tuyên truyền của Đảng Cộng sản Đông Dương do Tổng Bí thư Trường Chinh trực tiếp phụ trách. Biên tập viên là các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Lê Quang Đạo.

Với bút danh Ái Dân, đồng chí Lê Quang Đạo viết nhiều bài trên báo *Cứu quốc* và *Cờ giải phóng*, góp phần vào sự phát triển ảnh hưởng của báo đảng, tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Mặt trận Việt Minh trong quần chúng nhân dân, hướng dẫn các tổ chức đảng và Mặt trận hoạt động. Thời gian làm báo tuy ngắn ngủi, nhưng đã in dấu ấn sâu đậm trong suốt những năm công tác sau này của đồng chí Lê Quang Đạo.

Tháng 4/1943, đồng chí Lê Quang Đạo được điều động về Hà Nội. Đồng chí Lê Liêm thay đồng chí Lê Quang Đạo làm Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên.

Hà Nội là trung tâm của cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc. Cũng tại đây thể hiện rõ tính khốc liệt của cuộc đấu tranh chống chế độ thuộc địa trong thời kỳ phát xít hóa. Kẻ địch tìm mọi biện pháp khủng bố liên tục, tìm diệt cán bộ ở cơ quan đầu não chỉ đạo phong trào cách mạng. Địch quyết phá, ta quyết giữ.

Những năm 1940-1943, trên địa bàn Hà Nội, việc đưa các nghị quyết của Đảng vào các quận, huyện gặp nhiều khó khăn do địch tiến hành khủng bố liên tục, cơ quan Đảng bộ luôn bị địch phá, bộ máy lãnh đạo phải lập đi lập lại nhiều lần¹. Các tổ chức Công hội và tiếp theo là Công nhân Cứu Quốc, Thanh niên phản đế và

1. Từ tháng 3/1940, Bí thư Thành ủy Hà Nội Nguyễn Mạnh Đạt bị địch bắt, tiếp sau là các đồng chí: Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Bi, Dương Nhật Đại (chuyển công tác), Lưu Đức Hiểu. Tháng 01/1941, đồng chí Phan Trọng Tuệ làm Bí thư Liên tỉnh Hà Nội - Hà Đông - Sơn Tây; tháng 5/1941, đồng chí Vũ Biểu làm Bí thư Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội. Từ tháng 8/1941 đến tháng 4/1942, đồng chí Đào Duy Dính làm Bí thư Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội. Từ tháng 6/1942 đến tháng 11/1942 là Phan Bá Quát (sau này, khi bị bắt, Phan Bá Quát đã cung khai, làm tổn hại đến cách mạng ở Hà Nội - Hà Đông). Từ đầu năm 1943 đến tháng 4/1943 là đồng chí Nguyễn Thọ Chân.

tiếp theo là Thanh niên Cứu quốc cũng liên tiếp bị địch phá, hàng trăm cán bộ, đảng viên, quần chúng trung kiên bị địch bắt, bị tù đầy hoặc hy sinh. Có thể nói, đây là thời kỳ Hà Nội bị kẻ thù khủng bố ác liệt nhất.

Với quyết tâm giữ vững phong trào, Trung ương và Xứ ủy đã điều động cán bộ hỗ trợ Đảng bộ Hà Nội. Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội được tái lập và vùng ngoại thành Hà Nội được xây dựng thành An toàn khu của Trung ương và Xứ ủy. Các cơ sở trên địa bàn làng xã của các huyện Hoài Đức, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, Đại lý Hoàn Long,... trở thành chỗ đứng chân của Trung ương và Xứ ủy. Nơi đây đã giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Thực hiện Nghị quyết của Thường vụ Trung ương, tháng 4/1943, Xứ ủy Bắc Kỳ điều động đồng chí Lê Quang Đạo về Hà Nội, lập Ban Cán sự Đảng gồm 3 người do đồng chí làm Bí thư (thay đồng chí Nguyễn Thọ Chân). Đồng chí Lê Quang Đạo vẫn tiếp tục tham gia Ban biên tập báo *Cứu quốc*, *Cờ giải phóng* và phụ trách các lớp huấn luyện Việt Minh ở chiến khu Hoàng Hoa Thám.

Tháng 6/1943, Xứ ủy Bắc Kỳ họp hội nghị ở chùa An Đà, huyện Ứng Hòa, nay thuộc thành phố Hà Nội. Dự hội nghị có các đồng chí: Trần Tử Bình, Ngô Thế Sơn, Lê Quang Đạo, Lê Liêm, Trần Thị Minh Châu, Văn Tiến Dũng. Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng chủ trì hội nghị. Hội nghị bàn biện pháp để mở rộng phong trào cách mạng, đặc biệt ở đô thị.

Tại hội nghị này, đồng chí Lê Quang Đạo được bổ sung vào Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ.

Đồng chí Lê Quang Đạo đã cùng Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ theo sát tình hình Hà Nội, chỉ đạo Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội duy trì và giữ vững ngọn lửa đấu tranh chống phát xít Nhật - Pháp. Ban Cán sự Đảng đã tập trung mọi cố gắng trước tiên vào công tác vận động công nhân trong các nhà máy (nhà máy điện, nhà máy nước, nhà máy in...), xây dựng, phát triển tổ chức, đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực hằng ngày; lựa chọn những cán bộ, đảng viên có năng lực vào hoạt động trong một số xí nghiệp quan trọng như Nhà máy xe lửa, các nhà máy sửa chữa ô tô, sửa chữa súng đạn của Pháp, Nhật. Mùa thu năm 1943, chi bộ đầu tiên của công nhân được tổ chức, lấy tên là chi bộ Lương Khánh Thiện, do đồng chí Nguyễn Quyết làm Bí thư.

Đi đôi với xây dựng, phát triển tổ chức, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội còn nhằm vào những yêu cầu thiết yếu hằng ngày của quần chúng để phát động họ đấu tranh. Ở Hà Nội đã nổ ra hàng chục cuộc đình công, bãi công của công nhân và người lao động đưa ra yêu sách đòi tăng lương, đòi được mua gạo, vải,... Tháng 6/1943, hơn 1.000 phu lao động ở sân bay Gia Lâm đình công phản đối lính Nhật đánh chết một phu hồ. Tháng 8/1943, khoảng 500 công nhân thợ xẻ và một số cai ở xưởng Săngcô bãi công 9 ngày liên đòi bán gạo giá rẻ và tăng lương khoán. Cuộc bãi

công thắng lợi dẫn đến cuộc bãi công của toàn ngành thợ xẻ kéo dài trong 8 ngày, bọn chủ phải nhượng bộ, tăng công khoán lên 40%. Tiếp sau là các cuộc đấu tranh của công nhân ở các xí nghiệp quan trọng do Pháp - Nhật trực tiếp quản lý dưới hình thức đưa đơn, cử đại biểu đến gặp chủ đòi tăng lương, cải thiện đời sống, như công nhân Nhà máy da Thụy Khuê, Nhà in Lê Văn Tân, Tin Mới, Viễn Đông,...

Tại vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội, là An toàn khu của Trung ương và Xứ ủy, công tác vận động quần chúng chủ yếu do cán bộ Trung ương và Xứ ủy thực hiện. Cuối năm 1943, Trung ương quyết định giao hẳn An toàn khu ở khu vực ngoại thành Hà Nội cho Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội. Công tác vận động nông dân các vùng ngoại thành đã được đồng chí Lê Quang Đạo và Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội đặc biệt chú ý. Từ hình thức đấu tranh quyết liệt đã đổi sang vận động quần chúng bằng các hình thức thích hợp để đòi quyền lợi thiết thân hằng ngày, như vận động nông dân làm đơn khất lần việc đóng thuế, phá màu trồng đay, thầu dầu (như ở Cổ Nhuế, Xuân Tảo, Phú Gia, Phú Xá), vận động thợ thủ công, tiểu chủ làm giấy vùng Buổi đấu tranh đòi mua dó làm giấy thắng lợi.

Đối với thanh niên, học sinh, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội phái cán bộ vào những tổ chức công khai như Hội truyền bá quốc ngữ, Hội hướng đạo, Hội tu thân, các nhóm hoạt động

thể thao, du lịch, các nhóm nghiên cứu lịch sử, địa lý, văn hóa,... để tuyên truyền chủ trương, đường lối cứu nước của Mặt trận Việt Minh, qua đó chọn lọc những quần chúng tốt đưa vào tổ chức.

Đầu năm 1944, Đảng chủ trương tăng cường huấn luyện để nâng cao trình độ cán bộ nòng cốt, chuẩn bị các điều kiện cho việc giành chính quyền. Trên cương vị Bí thư Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội, đồng chí Lê Quang Đạo được triệu tập đi dự một lớp huấn luyện chính trị - quân sự tại Ninh Bình. Phần học chính trị do đồng chí Hoàng Quốc Việt phụ trách; phần học quân sự do đồng chí Trần Tử Bình phụ trách. Các lớp huấn luyện chính trị, quân sự đã góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ở Hà Nội và Bắc Kỳ, chuẩn bị tích cực cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Trên cương vị Bí thư Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội, đồng chí Lê Quang Đạo đã thể hiện rõ tài năng lãnh đạo của mình. Đồng chí đã chỉ đạo mở các lớp bồi dưỡng lý luận về Đảng và công tác cách mạng cho Đoàn Thanh niên Cứu quốc Hà Nội và Hội Văn hóa Cứu quốc. Nội dung gồm các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tình hình thế giới và trong nước, những chính sách mới của Đảng, tổ chức và hoạt động của Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc; vấn đề chuẩn bị tổng khởi nghĩa và thời cơ tổng khởi nghĩa; các công tác cách mạng; điều tra, tuyên

truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh; nguyên tắc giữ bí mật¹.

Với bút danh Ái Dân, đồng chí Lê Quang Đạo đã viết một số bài đăng trên báo *Cứu quốc* để kịp thời chấn chỉnh và mở rộng công tác quân sự. Trong bài “Phải kịp thời chấn chỉnh và mở rộng các đội tự vệ” (số 4/1944), đồng chí nêu lên vai trò và tầm quan trọng của việc tổ chức các đội tự vệ. Đồng chí nhận định: nhiều nơi, các đội tự vệ đã được tổ chức nhưng rất lộn xộn, thường lẫn lộn với các hội cứu quốc và không có hoạt động gì; cũng có nơi, các đội tự vệ có sinh hoạt tập luyện hẩn hoi, nhưng lại thiếu tinh thần quả cảm, hy sinh, thường không làm tròn nhiệm vụ của mình. Đồng

1. Đồng chí Vũ Oanh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị kể lại: Mùa hè năm 1943, tôi được giao nhiệm vụ tổ chức một lớp bồi dưỡng lý luận về Đảng cho nhóm cốt cán của Đoàn Thanh niên Cứu quốc Hà Nội, lớp học đặt tại nhà tôi (làng Vĩnh Lại, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương). Anh Đạo đã giảng cho chúng tôi với nhiệt huyết của một người cộng sản, say sưa hết ngày này qua ngày khác. Anh vừa truyền thụ kiến thức, vừa gây sự hứng thú học tập, lại vừa truyền cho chúng tôi một ngọn lửa cháy bỏng nhiệt tình cách mạng. Sự chăm chú nghe giảng và tinh thần phấn khởi tiếp thu biểu lộ trên từng nét mặt của chúng tôi làm anh rất vui. Những người dự lớp huấn luyện đều được kết nạp vào Đảng và cuối cùng thành lập chi bộ thanh niên của Đảng bộ thành phố Hà Nội (tài liệu do gia đình đồng chí Lê Quang Đạo cung cấp).

chí yêu cầu: “Đội Tự vệ phải tổ chức riêng hẳn ra và cũng phải khai hội đều đặn như các tổ chức khác. Nó còn phải tập luyện về binh sự, quân sự, nghiên cứu về chiến thuật du kích, kinh nghiệm khởi nghĩa”¹. Trong bài “Việt Minh muốn tiến lên phải bỏ tính ỷ lại” (số 6/1944), đồng chí nhận định: “Ít lâu nay, gần hết các tổ chức cứu quốc, các hội đều mắc phải cái tính ỷ lại tai hại ấy. Tất cả các công việc ở một địa phương chỉ trông cậy vào một vài người hay có khi trông cậy vào người cán bộ chuyên nghiệp. Sở dĩ như vậy là vì nhiều anh chị em lầm tưởng rằng mình chỉ có chân ở trong hội là đủ, còn các công việc đều ở như thượng cấp. Có thể ví các anh chị em như cái bánh xe, như cả bộ máy, còn thượng cấp chỉ là cái tay lái mà thôi. Nếu cái bánh xe rỉ nát thì dù cái tay lái có tốt đến mấy cũng vô ích. Nhiều anh chị em có tật ỷ lại là bởi cho rằng những người cùng một cấp bộ với mình, trình độ ngang nhau cả bàn bạc vô ích hoặc có khi các anh chị em có bàn bạc, có sáng kiến nhưng không dám làm vì sợ hỏng việc thế rồi cứ ngồi chờ cán bộ đã. Thật là một xu hướng nguy hiểm... Các anh chị em có bỏ được tính ỷ lại, biết tự động học tập lý thuyết và kinh nghiệm cách mạng, tự động đốc thúc công việc của đoàn thể nơi mình, tự động lãnh đạo quần chúng tranh đấu, phong trào cứu quốc mới mau mở rộng được”².

1, 2. Lê Quang Đạo *Tuyển tập*, Sđd, tr.54, 55-56.

Tháng 3/1944, đồng chí Lê Quang Đạo dự Hội nghị cán bộ Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương. Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì Hội nghị¹. Hội nghị đã tập trung thảo luận và ra nghị quyết về các vấn đề chuẩn bị cho khởi nghĩa, coi đó là vấn đề hết sức cấp thiết, như: mở rộng cơ sở cách mạng, củng cố tổ chức đảng, chú trọng công tác vận động quần chúng (công vận, nông vận, thanh vận, phụ vận, binh vận), tổ chức các đội tự vệ, các tiểu tổ du kích, đẩy mạnh công tác tuyên truyền (xuất bản, báo chí)².

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, mỗi thành phố lớn phải có một Ban Thanh vận và ra một tờ báo riêng của Thanh niên. Tháng 8/1944, Ban Thanh vận, đồng thời cũng là Ban Chấp hành lâm thời Đoàn Thanh niên Cứu quốc Hoàng Diệu được thành lập tại số nhà 46 phố Bát Đàn, do đồng chí Vũ Oanh phụ trách. Chi bộ Đảng trong thanh niên cũng được thành lập. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cứu quốc Hoàng Diệu đã tuyên truyền, vận động một số giáo viên, hướng đạo sinh, học sinh là con em các gia đình tiểu chủ, viên chức, tư sản, địa chủ vào hàng ngũ của mình. Cuối năm 1944, đồng chí Lê Quang Đạo chủ trương cho phát hành tại Hà Nội

1. Hội nghị họp từ ngày 05 đến ngày 07/3/1944, tại xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr.338-346.

tờ báo bí mật mang tên *Hồn nước*, làm cơ quan tuyên truyền cho Đoàn Thanh niên Cứu quốc, do đồng chí Lê Đức Vân phụ trách¹. Đồng thời, đồng chí chỉ đạo tổ Thanh niên Cứu quốc phố Hàng Đào và phố Huế ra tờ báo *Khởi nghĩa*. Cùng với các tờ báo của Trung ương có mặt ở Hà Nội như báo *Cứu quốc*, *Cờ giải phóng*, *Kèn gọi lính*,... các tờ báo của thanh niên Hà Nội đã góp phần tuyên truyền cách mạng trong tầng lớp thanh niên, học sinh. Từ đó, phong trào thanh niên dần dần có chuyển biến mới, phát huy tốt vai trò xung kích khi bước sang cao trào kháng Nhật, cứu nước.

Về phong trào phụ nữ Hà Nội, đồng chí Lê Quang Đạo nhận định: tổ chức phụ nữ trong Thành phố còn hẹp, cần mở rộng đoàn Phụ nữ Cứu quốc, ngoài phụ nữ lao động, cần phát triển phụ nữ tiểu tư sản, trí thức và tư sản. Đồng chí đã chỉ đạo mở một lớp huấn luyện lý luận cho những chị em nòng cốt và đề nghị Xứ ủy cử chị Minh Châu làm giảng viên cho lớp huấn luyện. Trên cơ sở đó, tháng 10/1944, Ban Vận động phụ nữ, nữ sinh được thành lập, đánh dấu sự trưởng thành của phụ nữ Hà Nội.

Mấy năm lẫn lộn với các báo *Cứu quốc*, *Cờ giải phóng*, đồng chí Lê Quang Đạo biết rõ các nhà báo,

1. Báo *Hồn nước* in bằng đá ầm, 4 trang, khổ nhỏ. Cán bộ báo *Hồn nước* có các đồng chí Trần Thư, Mai Luân, Phúc. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, báo ra được 6 số, ở 5 địa điểm khác nhau.

nhà văn có vai trò quan trọng như thế nào trên mặt trận văn hóa. Đồng chí Lê Quang Đạo đã bỏ nhiều thời gian tới các hiệu sách, tìm đọc những cuốn sách lý luận về văn hóa, văn nghệ, những tác phẩm văn học nổi tiếng của các nhà văn đương thời, những tờ báo đang được phát hành (như *Tri tân*, *Ngày nay*,...) và gặp gỡ đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ ở Hà Nội như Đặng Thai Mai, Học Phi, Lưu Văn Lợi, Như Phong,... Họ hiểu biết về văn hóa thế giới, đặc biệt là văn hóa Pháp, nên bất mãn với chế độ, ghét thực dân Pháp, phát xít Nhật và rất ngưỡng mộ, khâm phục lãnh tụ Hồ Chí Minh. Lê Quang Đạo chủ trương kết nối với những người có quan hệ tốt với ta trong thời kỳ Mặt trận bình dân, tiếp đó là với những người có khuynh hướng tiến bộ, bí mật thành lập các tổ, mỗi tổ không quá 3 người, trong mỗi tổ chỉ có 1 người quan hệ với tổ chức, các tổ độc lập với nhau. Với chủ trương đó, nhiều nhà văn, nhà báo đã tham gia Mặt trận Việt Minh như: Như Phong, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nam Cao, Nguyễn Hữu Đang,... Nhiều hội viên mới yêu cầu được gặp đại diện của Việt Minh. Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội đã họp bàn và nhất trí cử đồng chí Lê Quang Đạo, đại diện Mặt trận đi dự buổi gặp mặt. Tại cuộc gặp mặt các văn nghệ sĩ (tại nhà đồng chí Vũ Quốc Uy), đồng chí Lê Quang Đạo đã trình bày quan điểm của Đảng đối với văn hóa, văn nghệ; chương trình, điều lệ của Việt Minh và Đề cương

về văn hóa Việt Nam¹. Sau đó, nhiều cuộc họp tổ Văn hóa Cứu quốc đã tiếp tục diễn ra như gặp gỡ tại nhà các nhà văn Như Phong ở Tây Hồ, Tô Hoài ở Nghĩa Đô, Trần Huyền Trân ở La Cỏ, Nguyễn Huy Tưởng ở Dục Tú... Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội đã lập ra Tổ Văn hóa Cứu quốc ở Hà Nội. Thành viên lúc đầu có Vũ Quốc Uy, Như Phong, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Học Phi, sau có thêm Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nam Cao, Thép Mới, Văn Cao,... Nhiều tác phẩm văn học, thơ, ca nhạc đã ra đời trong thời kỳ này, mang theo hơi thở của cách mạng, có tác dụng cổ vũ tinh thần cách mạng của tất cả mọi người lúc đó.

Để vận động trí thức, sinh viên, viên chức tham gia các tổ chức của Việt Minh, đồng chí Lê Quang Đạo nhận thấy cần có những hình thức và phương pháp thích hợp. Đồng chí đề nghị nên vận động luật sư Dương Đức Hiền, một nhân vật có ảnh hưởng lớn trong giới trí thức và sinh viên tham gia Việt Minh. Thời điểm đó, có nhiều tổ chức đang tìm cách lôi kéo Dương Đức Hiền, như nhóm Đại Việt của Nguyễn Tường Tam, nhóm Quốc dân Đảng của Vũ Hồng Khanh, nhóm

1. Nhà văn Tô Hoài ghi lại: Anh Lê Quang Đạo có những nét đặc biệt khác lạ, hai bàn tay và cổ rám nắng đen sạm, tưởng như người cán bộ cách mạng vừa xông pha nắng gió từ nơi xa về thành phố... Tôi trông thấy khắp đất nước, từng từng, lớp lớp người đứng lên, đâu đâu cũng dong trống phất cờ, cầm gươm, cầm súng xông pha ra đánh giặc Pháp, đuổi giặc Nhật.

Cường Để ở Nhật. Đồng chí đã xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí Hoàng Quốc Việt, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ về việc thành lập một tổ chức phù hợp với trí thức, sinh viên, viên chức yêu nước tham gia vào hàng ngũ cách mạng, lấy tên là Đảng Dân chủ Việt Nam. Được sự đồng ý của Xứ ủy Bắc Kỳ, ngày 30/6/1944, Đảng Dân chủ Việt Nam được thành lập, gồm luật sư Dương Đức Hiền (Tổng thư ký), bác sĩ Nguyễn Dương Hồng, nhà thơ Cù Huy Cận, bác sĩ Huỳnh Bá Nhung... Đảng Dân chủ ra tờ báo *Độc lập* làm cơ quan ngôn luận của Đảng. Đầu tháng 7/1944, Đảng Dân chủ Việt Nam tự nguyện gia nhập Mặt trận Việt Minh, sát cánh cùng Đảng Cộng sản Đông Dương và các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng.

Vùng An toàn khu của Trung ương và Xứ ủy ở Đông Anh có mối quan hệ chặt chẽ với các làng xã phía bắc và tây bắc của ngoại thành Hà Nội và đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc giải phóng dân tộc. An toàn khu của Trung ương và Xứ ủy được mở rộng và củng cố vững chắc ở phía bắc, tây bắc Thành phố, tạo thành bàn đạp vững chắc để Đảng chỉ đạo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tổng khởi nghĩa ở Hà Nội. Ở hầu hết các làng xã có An toàn khu, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông dân cứu quốc đều được thành lập và củng cố vững mạnh. Một số nơi còn xây dựng được lực lượng tự vệ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội nắm bắt và phát động quần chúng khi thời cơ khởi nghĩa đến.

Trong hoàn cảnh liên tục bị địch khủng bố, bắt bớ, tù đầy, các đảng viên luôn nêu cao tinh thần chủ động, bám sát cơ sở, tuyên truyền vận động quần chúng, bảo vệ Đảng, ủng hộ Mặt trận Việt Minh. Nhờ đó, phong trào cách mạng được duy trì bền bỉ ở cả thành thị và nông thôn. Nhiều đồng chí dù tạm thời bị mất liên lạc với tổ chức nhưng vẫn nêu cao tinh thần trách nhiệm của người cán bộ cách mạng, tổ chức in báo, rải truyền đơn bí mật, lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành quyền lợi thiết thân hàng ngày. Túc tối trước những hoạt động cách mạng của ta, cả phát xít Nhật và thực dân Pháp đều giăng lưới mật thám khắp nơi tìm bắt các đồng chí trong Xứ ủy, Thành ủy, trong đó có đồng chí Lê Quang Đạo. Được sự bao bọc của các cơ sở trong dân, chúng đã bắt hụt đồng chí nhiều lần và đặt biệt danh cho đồng chí là “Đốc lý đồ”, một chức danh của người đứng đầu cơ quan hành chính của địch ở Hà Nội. Trong hồi ức của mình, Lê Quang Đạo đã kể lại vụ bị mật thám Pháp bắt hụt ở phố Phó Đức Chính mùa hè năm 1944¹.

Trên cương vị Bí thư Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội (1943-1944), đồng chí Lê Quang Đạo đã thể hiện rõ tài năng lãnh đạo, chỉ đạo. Đồng chí cùng tập thể Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội vượt qua khó khăn, thách thức, xây dựng lại Thành ủy và tổ chức đảng ở cơ sở tạo tiền đề, điều kiện thuận lợi cho Tổng khởi nghĩa

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.48-52.

Tháng Tám giành thắng lợi. “Đến trước ngày phát xít Nhật làm đảo chính hất cẳng thực dân Pháp, phong trào cách mạng ở Hà Nội đã thực sự vượt qua được thời kỳ khó khăn, ác liệt. Đảng bộ Hà Nội đã thực hiện được sự chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược và sách lược của Trung ương. Công tác chuẩn bị Tổng khởi nghĩa đã được triển khai. Mặt trận đoàn kết dân tộc thống nhất chống phát xít Nhật - Pháp ở Hà Nội đã được hình thành. Những yếu tố đó tạo cho phong trào cách mạng ở Hà Nội những thuận lợi rất cơ bản để bước vào cao trào chống Nhật cứu nước và khởi nghĩa giành chính quyền”¹. Kết quả này có phần đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Quang Đạo.

Cuối năm 1944, Trung ương điều đồng chí Lê Quang Đạo sang công tác quân sự. Đồng chí Nguyễn Quyết đảm nhiệm chức vụ Bí thư Ban Cán sự Đảng thành phố Hà Nội thay đồng chí Lê Quang Đạo.

3. Chính trị viên Chi đội Giải phóng quân Bắc Giang, trực tiếp tham gia lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Bắc Giang (1944 - 1945)

Trong hai năm 1943 - 1944, phong trào cách mạng ở miền Bắc và miền Trung có bước phát triển mới. Phong

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội (1930 - 2000)*, Nxb. Hà Nội, 2004, tr.106.

trào cách mạng ở miền Nam từng bước được phục hồi. Tổ chức Việt Minh phát triển ở khắp thành thị và nông thôn. Trên cơ sở cao trào cách mạng của quần chúng, từ hai căn cứ địa trung tâm là Cao Bằng và Bắc Kạn - Võ Nhai (Thái Nguyên), nhiều căn cứ địa liên hoàn đã hình thành nối liền Cao Bằng với Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Bắc Giang, Vĩnh Yên. Nhiều đội du kích thoát ly ra đời. Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, được thành lập. Vài ngày sau, đội đã đánh thắng hai trận đầu ở Phai Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng), cổ vũ mạnh mẽ phong trào đánh Pháp, đuổi Nhật.

Bước sang đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ở châu Âu, Hồng quân Liên Xô quét sạch phát xít Đức ra khỏi lãnh thổ của mình, mở các cuộc tấn công như vũ bão, giải phóng các nước Đông Âu và tiến vào nước Đức. Ở Đông Dương, mâu thuẫn giữa phát xít Nhật và thực dân Pháp ngày càng gay gắt. Trước tình hình đó, Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị tại làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh¹. Ngày 09/3/1945, Nhật

1. Hội nghị lúc đầu dự kiến họp tại chùa Đồng Kỵ, xã Đồng Quang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nhưng cuộc họp chưa bắt đầu thì trường tuần đến kiểm tra. Đồng chí Trường Chinh quyết định chuyển địa điểm về làng Đình Bảng, tại nhà ông Đám Thi, cách Đồng Kỵ khoảng 4km.

làm đảo chính hất cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương. Hội nghị xác định: sau cuộc đảo chính này, kẻ thù cụ thể, trước mắt, duy nhất của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật. Do đó, khẩu hiệu đánh đuổi Nhật - Pháp cần thay bằng khẩu hiệu đánh đuổi phát xít Nhật. Đánh giá về tình thế cách mạng, Hội nghị nhận định điều kiện khởi nghĩa chưa thật chín muồi, vì Pháp tuy tan rã, nhưng Nhật chưa đến mức do dự hoang mang cực điểm, các tầng lớp trung gian chưa ngã hẳn về phía cách mạng. Từ nhận định trên, Hội nghị quyết định phát động một cao trào cách mạng làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa, thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa, thành lập căn cứ địa mới, thống nhất các chiến khu; thành lập Việt Nam giải phóng quân; thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng ở những vùng quân du kích hoạt động, sẵn sàng chuyển qua tổng khởi nghĩa. Nội dung của Hội nghị được trình bày trong Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* (ngày 12/3/1945). Những quyết định của Hội nghị thể hiện sự mau lẹ, kịp thời, sáng tạo trong nghệ thuật chỉ đạo của Đảng ta.

Để đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, khoảng tháng 4/1945, Trung ương giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Quang Đạo về làm chính trị viên Trường Quân chính kháng Nhật ở chiến khu Hoàng Hoa Thám (đóng tại Bắc Giang). Tại đây, đồng chí tham

gia đào tạo các lớp huấn luyện về chính trị và quân sự cho cán bộ Xứ ủy Bắc Kỳ và phụ trách báo *Quyết thắng*.

Đồng chí Lê Quang Đạo về Bắc Giang trong bối cảnh cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc ở Bắc Giang đang diễn ra sôi động¹. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương², ngày 12/3/1945, dưới sự chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang, tại làng Xuân Biều, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tự vệ đã gọi lý trưởng ra đình làng, bắt nộp triện và các giấy tờ. Đồng chí Nguyễn Trọng Tĩnh, Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang tuyên bố thủ tiêu chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng. Ủy ban Dân tộc giải phóng làng Xuân Biều được thành lập, gồm 5 người, do đồng chí Nguyễn Bình Minh làm Chủ tịch. Tối 13/3/1945, Ủy ban Dân tộc giải phóng làng Trung Định được thành lập, do đồng chí Đỗ Văn Kế làm Chủ tịch.

Trước khí thế phong trào cách mạng đang lên sôi sục, bọn địch ở đồn điền Vát hoảng sợ bỏ chạy. Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang cùng Ủy ban Dân tộc giải

1. Từ năm 1944, vùng Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là An toàn khu II (Khu dự bị) của Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ, là nơi liên lạc, vùng đệm từ An toàn khu I qua An toàn khu II đến chiến khu Việt Bắc. An toàn khu II gồm: Hiệp Hòa (Bắc Giang), Phố Yên, Phú Bình (Thái Nguyên).

2. Ngay sau Hội nghị Trung ương (12/3/1945), Trung ương cử đồng chí Lê Thanh Nghị làm đặc phái viên của Trung ương về xây dựng chiến khu II.

phóng các làng Xuân Biều và Trung Định huy động quần chúng và tự vệ trong vùng tiến đến bao vây đồn điền Vát. Tự vệ xông lên phá cổng, dỡ hàng rào trong tiếng hò reo vang dậy của quần chúng. Chỉ sau mấy tiếng đồng hồ, toàn bộ số thóc và trâu bò trong đồn điền đã về tay nhân dân. Lực lượng tự vệ còn thu được 8 khẩu súng của địch. Thắng lợi của cuộc phá kho thóc đồn điền Vát đã giải quyết một phần nạn đói cho nhân dân trong vùng, quần chúng càng phấn khởi tin tưởng cách mạng. Đây là cuộc phá kho thóc đầu tiên, mở đầu cho phong trào phá kho thóc, giải quyết nạn đói ở tỉnh Bắc Giang.

Khí thế cách mạng hùng hực của quần chúng đã làm cho chính quyền địch ở nhiều làng, xã trong tỉnh Bắc Giang hoang mang, rệu rã; chính quyền cách mạng lần lượt được thành lập ở Vân Xuyên, Lạc Yên, Hoàng Liên, Ca Sơn, Tiên Thù. Ở những nơi này, chính quyền cách mạng đã lãnh đạo nhân dân rào làng, canh gác, diệt trừ trộm cướp và xử những tên phản cách mạng, làm cho trật tự thôn, xóm nhanh chóng được ổn định.

Ngày 16/3/1945, Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang tổ chức một cuộc mít tinh tại chợ Vân, thu hút hàng nghìn quần chúng và tự vệ thuộc hai tổng Hoàng Vân, Ngọc Thành và ấp Ba Huyện tham gia. Sau cuộc mít tinh, tự vệ và nhân dân kéo đến phá kho thóc đồn Cọ. Bọn lính trong đồn hoảng sợ bỏ chạy. Hàng trăm tấn

thóc của chủ đồn điền và của phát xít Nhật để ở đây đã được đem chia cho dân. Tình hình đó khiến cho đồn trưởng đồn Trị Cự hoảng sợ, đã dẫn lính chạy về Thắng (huyện Hiệp Hòa), tìm đường về Thái Nguyên. Nhận được tin, đồng chí Lê Quang Đạo đã bố trí lực lượng đánh địch ở cánh đồng Hoàng Lại, chặn đường rút chạy của chúng.

Tình hình cách mạng lúc này rất khẩn trương, Trung ương quyết định triệu tập Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Hội nghị họp từ ngày 15 đến ngày 20/4/1945 tại huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để giải quyết cụ thể những vấn đề quân sự, đẩy mạnh hơn nữa cuộc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị thống nhất sáp nhập Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân, lấy tên là Việt Nam giải phóng quân; quyết định xây dựng 7 chiến khu trong cả nước: Lê Lợi, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Trần Hưng Đạo (miền Bắc); Trưng Trắc, Phan Đình Phùng (miền Trung) và Nguyễn Tri Phương (miền Nam). Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp, chuẩn bị thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ cách mạng lâm thời). Đầu tháng 5/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tuyên Quang, Người chọn Tân Trào làm căn cứ để chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị Đại hội quốc dân. Theo chỉ thị của Người, đầu tháng 6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập.

Theo nghị quyết của Trung ương, Bắc Giang lúc này có nhiệm vụ làm thí điểm tịch thu ruộng đất của các đồn điền Pháp chia cho dân. Ngày 08/5/1945, tại đình làng Quế Trạo, Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang đã tổ chức Hội nghị đại biểu nông dân và Ủy ban Dân tộc giải phóng các xã trong huyện Hiệp Hòa. Hội nghị đã thông qua nghị quyết về việc tạm chia ruộng đất của hai đồn điền Cọ và Vát cho tá điền và nông dân nghèo, đồng thời bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng huyện. Tình hình trên đã tạo ra hình thái hai chính quyền song song tồn tại: chính quyền cách mạng ngày càng lớn mạnh và chính quyền địch hoang mang, tan rã. Bọn Nhật đóng ở huyện lỵ sợ hãi, không dám đi sục sạo. Trước áp lực của chính quyền cách mạng, tri huyện Thái Vĩnh Thịnh ở Hiệp Hòa xin quy thuận Việt Minh. Ngày 01/6/1945, lực lượng tự vệ đã tiến đánh huyện lỵ Hiệp Hòa. Khi quân ta tiến vào huyện lỵ, cổng huyện đường đã mở sẵn, lực lượng vũ trang của ta không gặp một sự kháng cự nào. Ở đồn Trị Cù, bọn lính thấy không thể giữ được đồn cũng đã bỏ chạy về tỉnh. Huyện Hiệp Hòa được giải phóng. Đây là nơi giành chính quyền sớm đầu tiên trong cả nước. Phong trào chống Nhật, cứu nước ở Hiệp Hòa đã có ảnh hưởng đến các huyện Đa Phúc, Phổ Yên, Phú Bình.

Để tiếp tục biểu dương lực lượng cách mạng, lấy lực lượng chính trị của quần chúng mít tinh, tuần hành làm tan rã chính quyền địch, tuyên truyền sâu rộng thắng lợi

của cách mạng trong quần chúng, ngày 12/7/1945, Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang tổ chức một cuộc mít tinh, tuần hành lớn tại chân núi Ia (còn gọi là Y Sơn, thuộc xã Hòa Sơn)¹. Nhân dân ba huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang), Phú Bình, Phổ Yên (Thái Nguyên) đã sôi nổi mang theo vũ khí, cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu, biểu ngữ đến địa điểm mít tinh. Tại cuộc mít tinh, với tư cách là cán bộ thượng cấp, đồng chí Lê Quang Đạo đã phát biểu tố cáo tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật, kêu gọi quần chúng: thời cơ cách mạng đã đến, hãy nhanh chóng chớp lấy để làm cách mạng, giành lấy chính quyền về tay nhân dân. Kết thúc bài diễn thuyết, đồng chí kêu gọi: “Thưa toàn thể đồng bào, đồng chí! Vận nước đã đến, chúng ta phải làm cách mạng để cho dân tộc được giải phóng, đồng bào được tự do”². Tiếng hoan hô vang dậy, hàng loạt khẩu hiệu, biểu ngữ được căng lên rợp trời: “Không nộp một xu thuế, một hạt thóc cho Nhật”, “Không đi phu, đi lính cho Nhật”, “Đả đảo phát xít Nhật”,

1. Núi Ia là thắng tích của huyện Hiệp Hòa. Nơi này năm 1940 đã diễn ra sự kiện Chi bộ Đảng Hoàng Vân, chi bộ đầu tiên của huyện Hiệp Hòa, diễn thuyết tuyên truyền cách mạng do đồng chí Lê Hoàng thực hiện vào ngày 22/02/1940. Tại đây đồng chí Lê Hoàng đã phân tích tình hình thế giới, trong nước, nhiệm vụ của các tổ chức phản đế, tích cực chống đế quốc và tay sai.

2. Hồi ký của đồng chí Nguyễn Trọng Tĩnh, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Ninh.

“Việt Nam hoàn toàn độc lập”... Khí thế cách mạng cuộn cuộn dâng lên. Sau bài phát biểu của đồng chí Lê Quang Đạo, đồng chí Nguyễn Trọng Tĩnh, Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Giang lên phát động quần chúng hăng hái tham gia phong trào kháng Nhật, cứu nước.

Ngày 09/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật. Chỉ trong một tuần lễ, quân đội Xôviết đã đánh bại hoàn toàn đạo quân Quan Đông thiện chiến của Nhật. Ngày 06 và ngày 09/8/1945, Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố là Hirôshima và Nagasaki (Nhật Bản). Ngày 15/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Bọn Nhật ở Đông Dương như rắn mất đầu, tinh thần vô cùng hoảng loạn. Chính phủ Trần Trọng Kim do Nhật nặn ra hoàn toàn tê liệt từ trên xuống dưới. Những điều kiện khách quan và chủ quan cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã chín muồi. Thời cơ cách mạng nghìn năm có một cho nhân dân ta đã đến.

Từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào. Hội nghị đã cử ra Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Trường Chinh phụ trách và kiện toàn Ban Chấp hành Trung ương. Đêm 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh Tổng khởi nghĩa. Ngày 14 và 15/8/1945, Xứ ủy Bắc Kỳ họp tại làng Vạn Phúc (Hà Đông). Trên cơ sở phân tích tình hình chuyển biến mau lẹ của thời cuộc, căn cứ vào tinh thần bản Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau

và hành động của chúng ta” của Thường vụ Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ đã quyết định tổ chức khởi nghĩa giành chính quyền trong phạm vi 10 tỉnh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ngày 16/8/1945, tại Tân Trào, Đại hội quốc dân họp, nhiệt liệt tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh, quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngay sau Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹.

Để chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa ở Bắc Giang, tháng 8/1945, đồng chí Lê Quang Đạo được cử làm Chính trị viên Chi đội Giải phóng quân Bắc Giang.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự Đảng tỉnh và sự giúp sức của Chi đội Giải phóng quân, ngày 18/8/1945, nhân dân Bắc Giang đã nổi dậy giành chính quyền trong toàn tỉnh. Trước khí thế cách mạng như thế chẻ tre, lính bảo an đã đầu hàng, nộp súng cho Việt Minh.

Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Bắc Giang đã thắng lợi nhanh chóng, ách thống trị của Pháp - Nhật bị đập tan. Chính quyền dân chủ nhân dân được thành

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.596.

lập, là một cuộc đổi đời chưa từng có đối với nhân dân tỉnh Bắc Giang. Có được thắng lợi nhanh và sớm là nhờ Ban Cán sự Đảng tỉnh và Chi đội Giải phóng quân Bắc Giang đã quán triệt và thực hiện kịp thời chủ trương của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, nhanh chóng xây dựng lực lượng, phát động quần chúng vùng lên giành chính quyền về tay nhân dân.

Từ ngày 19 đến ngày 25/8/1945, chính quyền cách mạng đã được thành lập trong cả nước. Lãnh tụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng đã về Hà Nội. Ủy ban Dân tộc giải phóng tự cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử của dân tộc ta - kỷ nguyên độc lập, tự do.

Với vai trò là một trong những người tham gia lãnh đạo khởi nghĩa ở Bắc Giang, đồng chí Lê Quang Đạo đã lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp thực hiện việc tuyên truyền đường lối cách mạng của Đảng, chính sách của Mặt trận Việt Minh, chỉ ra cách thức và nhiệm vụ cách mạng của quần chúng nhân dân trong phong trào kháng Nhật, cứu nước, chuẩn bị những điều kiện cho khởi nghĩa giành chính quyền trong tháng 8/1945 ở Bắc Giang thắng lợi.

Những năm đầu của sự nghiệp hoạt động cách mạng, đồng chí Lê Quang Đạo vừa đảm đương trách nhiệm lãnh đạo các tổ chức đảng ở tỉnh Bắc Giang, Thành phố Hà Nội và Xứ ủy Bắc Kỳ, vừa tích cực làm báo, mở rộng mặt trận tuyên truyền, cổ động trong Đảng và trong nhân dân, thông qua những bài viết trên báo *Cứu quốc* và *Cờ giải phóng*. Những hoạt động sôi nổi và phong phú của đồng chí gắn liền với sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Trường Chinh và Xứ ủy Bắc Kỳ. Chính phong trào cách mạng đã đào luyện lớp cán bộ trung kiên của Đảng, trong đó có đồng chí Lê Quang Đạo gắn liền với cao trào giải phóng dân tộc, giành thắng lợi vẻ vang trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Chương III

NGƯỜI CÁN BỘ ĐẢNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

1. Bí thư Thành ủy Hải Phòng, trực tiếp lãnh đạo bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền cách mạng vừa được thiết lập thì đã phải đối phó với thù trong, giặc ngoài. Ngay sau khi giành được độc lập, các lực lượng Đồng minh kéo vào nước ta làm nhiệm vụ tước vũ khí quân Nhật (quân đội Trung Hoa dân quốc vào miền Bắc, quân Anh vào miền Nam), các tổ chức, đảng phái tay sai của Nhật, Pháp hoạt động trở lại chống phá chính quyền cách mạng. Kinh tế - xã hội nước ta lại hết sức nghèo nàn, lạc hậu, đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Tình hình đó đặt nước ta trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Cuối năm 1945, đồng chí Lê Quang Đạo được Trung ương điều về Hải Phòng trong tình thế vô cùng

khó khăn, phức tạp. Ở Hải Phòng, từ cuối năm 1945, ngoài quân Nhật ở các tỉnh ven biển dồn về, còn 2 vạn quân đội Trung Hoa dân quốc ở tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) tràn sang, ngày đêm quấy nhiễu, cướp phá, giết người, gây cho ta rất nhiều khó khăn. Lực lượng Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội (Việt cách) ra sức tuyên truyền xuyên tạc các chính sách của ta, vu khống, sách nhiễu và bắt cóc cán bộ. Tàn quân Pháp lén lút hoạt động trở lại trên các vùng đảo ven biển. Lúc này, tổ chức Thành ủy vẫn chưa được khôi phục. Chính quyền cơ sở chưa được củng cố. Lực lượng vũ trang cách mạng đã được hình thành nhưng còn non yếu, số lượng ít, chưa được huấn luyện, trang bị vũ khí còn thô sơ.

Đây là lần đầu tiên đồng chí Lê Quang Đạo đến Hải Phòng - một thành phố cảng có vị trí quan trọng ở miền Bắc, cũng là nơi “đầu sóng ngọn gió” của cách mạng lúc bấy giờ. Đồng chí nhanh chóng “... cuốn hút vào công việc và hòa nhập ngay với các anh, chị đang phải ngày đêm đối phó xử lý bao chuyện xảy ra, liên tiếp, dồn dập và vô cùng phức tạp”¹.

Trước năm 1945, Hải Phòng đã có Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố nhưng bị địch phá nhiều lần nên tạm thời bị tan vỡ. Thực hiện chủ trương của Trung ương và

1. *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.60.

Xứ ủy, Lê Quang Đạo đã bí mật, khẩn trương lập ngay bộ máy lãnh đạo, tổ chức cơ quan Thành ủy Hải Phòng để lãnh đạo phong trào cách mạng và củng cố chính quyền. Cuối năm 1945, Thành ủy được lập lại gồm 9 đồng chí, do Lê Quang Đạo làm Bí thư¹. Về hoạt động công khai, Lê Quang Đạo được Mặt trận Việt Minh cử làm Chủ nhiệm Thành bộ Việt Minh với bí danh Trần Hoạt, trực tiếp chỉ đạo báo *Dân chủ*. Trụ sở Thành bộ Việt Minh đặt tại đường Cát Dài (nay là phố Hai Bà Trưng).

Ngay sau khi được tái lập, dưới sự chỉ đạo của Bí thư Lê Quang Đạo, Thành ủy Hải Phòng đã họp và xác định những vấn đề lớn cần phải giải quyết: xây dựng và phát triển đảng viên, phục hồi và phát triển các cơ sở đảng; củng cố thực lực cách mạng về mọi mặt, đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh; xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, trấn áp bọn phản cách mạng; đồng thời thực hiện chính sách đối ngoại khôn khéo với kẻ thù.

Trong điều kiện hoạt động bí mật, dưới danh nghĩa Việt Minh, Thành ủy lập nhiều đội tuyên truyền đi xây dựng, củng cố cơ sở; lựa chọn những cán bộ có uy tín, được

1. Các đồng chí tham gia Thành ủy gồm có: Vũ Quốc Uy, phụ trách chính quyền; Nguyễn Văn Khai (tức Mậu), phụ trách công vận; Nguyễn Công Tĩnh (còn có tên là Nguyễn Tài Khoái), phụ trách thanh vận và tự vệ; Ngô Thị Ban, phụ trách công tác phụ nữ...

nhân dân tín nhiệm đưa vào nắm những chức vụ quan trọng trong chính quyền huyện và cơ sở.

Nhận thức vai trò quan trọng của lực lượng vũ trang, Lê Quang Đạo hết sức chú trọng xây dựng và củng cố các lực lượng xung kích. Hải Phòng đã tổ chức 3 tiểu đoàn Vệ quốc đoàn, hàng chục đội tự vệ chiến đấu và hàng nghìn tự vệ cứu quốc, sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức cảnh sát xung phong Hải Phòng (sau đổi tên là Công an xung phong) được thành lập, trở thành một trong những lực lượng nòng cốt bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Trong nội thành, khắp nhà máy, công xưởng, đường phố cũng như trong vùng nông thôn, đâu đâu cũng dấy lên không khí toàn dân vũ trang sôi nổi.

Cuối năm 1945, để tăng cường thống nhất chỉ huy về mặt quân sự các tỉnh miền duyên hải, Trung ương Đảng và Chính phủ ra quyết định thành lập Chiến khu III gồm 7 tỉnh: Hải Ninh, Quảng Yên, Hải Phòng, Kiến An, Hải Dương, Hưng Yên và Thái Bình. Bộ chỉ huy Chiến khu III đóng tại Hải Phòng.

Trong không khí phấn khởi của những ngày đầu xây dựng chế độ mới, cùng cả nước, Thành ủy Hải Phòng tổ chức những cuộc vận động “Tuần lễ vàng”, “Sản xuất”, “Tiết kiệm”, “Cứu đói”, “Bình dân học vụ”... Những cuộc vận động đó đã thu được thắng lợi bước đầu rất quan trọng, gây được chuyển biến về nhiều mặt ở thành phố và các vùng nông thôn.

Để đối phó với quân đội Trung Hoa dân quốc, đồng chí Lê Quang Đạo phổ biến và quán triệt Đảng bộ Hải Phòng nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh: kiên quyết bảo vệ chính quyền, nhưng mềm dẻo đối phó với quân Tưởng. Ta nhấn mạnh trách nhiệm của quân đội Trung Hoa là vào Việt Nam để giải giáp quân đội Nhật. Nếu quân đội Trung Hoa dân quốc xâm phạm chủ quyền thì ta sẵn sàng đối phó bằng cách tích cực đề kháng, huy động toàn lực lượng quần chúng biểu tình phản đối.

Thực hiện chủ trương này ở Hải Phòng gặp không ít khó khăn vì quân đội Trung Hoa dân quốc và tay sai hằng ngày tổ chức chống phá cách mạng, sách nhiễu chính quyền và nhân dân khiến đồng bào rất căm phẫn. Dưới sự chỉ đạo tài tình, khôn khéo của đồng chí Lê Quang Đạo, về cơ bản ta đề phòng được mọi cuộc khiêu khích và tránh xung đột vũ trang với quân đội Trung Hoa dân quốc. Các đơn vị quân đội hầu hết rút khỏi thành phố, về đóng ở các vùng nông thôn kế cận. Việc canh gác bảo vệ cơ quan và giữ gìn an ninh trật tự giao cho lực lượng công an và tự vệ chiến đấu. Nhiều trường hợp quân đội Trung Hoa dân quốc đến sách nhiễu, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện lánh mặt không tiếp. Cán bộ, đảng viên tích cực tuyên truyền giáo dục quần chúng đoàn kết đấu tranh, lấy áp lực quần chúng để ngăn chặn hành động gây rối của quân đội Trung Hoa dân quốc và bọn tay sai. Hằng tuần, đồng chí Lê Quang Đạo

tổ chức họp Thành ủy với đại biểu cứu quốc, các giới nhân sĩ, trí thức, tư sản dân tộc,... toàn thành phố để trình bày và giải đáp rõ chính sách của Chính phủ và Mặt trận Việt Minh, bác bỏ những luận điệu xuyên tạc của bọn Việt quốc. Kết hợp với các phương tiện thông tin, các hình thức tuyên truyền của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, những buổi gặp gỡ, trao đổi của người đứng đầu Mặt trận đem lại nhiều kết quả. Nhân dân Hải Phòng càng hiểu rõ chính sách của ta, hăng hái tham gia cách mạng, tránh xung đột với quân đội Trung Hoa dân quốc, đồng thời tích cực đề phòng quân Pháp trở lại.

Đối với bọn tay sai, Thành ủy chủ trương một mặt tìm cách cô lập và giải thích cho nhân dân thấy rõ bộ mặt phản động của chúng; mặt khác dùng lực lượng quần chúng làm hậu thuẫn cho chính quyền kiên quyết trấn áp. Dựa vào sức mạnh của lực lượng chính trị quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang, chúng ta từng bước đánh bại âm mưu của quân Tưởng Giới Thạch và tay sai. Cuối tháng 11/1945, nhân lúc quân đội Trung Hoa dân quốc ở Kiến An đi diễn tập, Tỉnh ủy Kiến An và Thành ủy Hải Phòng quyết định dùng lực lượng quân sự nhanh chóng tiêu diệt tổ chức Việt quốc ở nhà Bảo Hương, thị xã Kiến An, làm thất bại hoàn toàn âm mưu của bọn tay sai phản động định gây bạo loạn. Đến đầu tháng 4/1946, cơ quan an ninh Hải Phòng phối hợp với các lực lượng vũ trang đã trừng trị

bọn phản động tay sai Việt quốc là Bạch Thái Tòng và Hoàng Ngọc Bách, từ đó tiêu diệt tận gốc lực lượng tay sai của Tưởng Giới Thạch ở Hải Phòng.

Để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, củng cố chính quyền các cấp, Chính phủ công bố Sắc lệnh Tổng tuyển cử và quyết định Tổng tuyển cử trong cả nước vào ngày 06/01/1946. Ở Hải Phòng, từ cuối năm 1945, Thành ủy và chính quyền thành phố đã chuẩn bị quyết liệt cho cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong quá trình chuẩn bị bầu cử, đồng chí Lê Quang Đạo nhận thấy muốn Tổng tuyển cử thành công, vấn đề quan trọng nhất là phải lựa chọn được đại biểu xứng đáng và được nhân dân tin cậy đưa ra tranh cử. Qua tìm hiểu, đồng chí nhận thấy ở Hải Phòng có một đội ngũ nhân sĩ, trí thức, nhà tư sản dân tộc yêu nước và có uy tín trong nhân dân như cụ Thi Sơn, cụ Cử Luyện, nhà tư sản Nguyễn Sơn Hà, Phan Đại Thành... Vấn đề quyết định lúc này là Thành ủy phải đưa ra những người tiêu biểu nhất và tuyên truyền cho nhân dân dân hiểu rõ hơn về họ.

Thành ủy đã thảo luận rất kỹ từ việc hiệp thương lựa chọn người, đến công tác vận động trước ngày bầu cử. Cuối tháng 12/1945, đồng chí Lê Quang Đạo đã trình bày trước đại biểu nhân dân thành phố kế hoạch của chính quyền, Mặt trận về việc bầu đại biểu Quốc hội và kế hoạch bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Mặt trận Việt Minh chính thức giới thiệu danh sách ứng

viên để các đại biểu và nhân dân tự do bàn bạc, lựa chọn. Biết rõ quân đội Trung Hoa dân quốc và bọn tay sai sẽ tìm mọi cách để phá hoại cuộc bầu cử, Thành ủy đã dự kiến nhiều biện pháp để đối phó. Cuộc Tổng tuyển cử thực sự mang tính chất như một cuộc đấu tranh chính trị quyết liệt. Trước những hành động khiêu khích, phá hoại trắng trợn của quân Tưởng, Thành ủy tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình toàn thành phố để phản đối và đòi thả tất cả chiến sĩ cảnh sát và tự vệ bị bắt. Do áp lực của chính quyền và quần chúng, quân Tưởng đã phải trả lại tự do cho các chiến sĩ cảnh sát và tự vệ của ta.

Gần đến ngày bầu cử, tư lệnh quân Tưởng ở Hải Phòng đã yêu cầu quân đội ta phải rút khỏi doanh trại của mình trong thành phố, nhường chỗ cho quân của chúng đến đóng. Bộ Chỉ huy quân sự xin ý kiến Thành ủy về chủ trương rút hay không rút. Đồng chí Lê Quang Đạo xin ý kiến của Trung ương, nhưng do bị mất liên lạc nên không xin được ý kiến chỉ đạo. Cuộc họp giữa Thành ủy cùng với các đồng chí lãnh đạo chính quyền và chỉ huy quân đội có nhiều ý kiến khác nhau. Cuối cùng, đồng chí Lê Quang Đạo quyết định thực hiện theo tinh thần chính sách chung của Đảng và Chính phủ, chủ trương phải nhân nhượng, cho bộ đội ta bí mật rút về một số địa điểm, nhưng để lại một số quân mai phục.

Cuộc bầu cử Quốc hội ở Hải Phòng tuy gặp nhiều khó khăn do địch gây ra nhưng về cơ bản đã thành công

tốt đẹp, 96% cử tri đã đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội. Ba đại biểu đã trúng cử với số phiếu cao là các ông Nguyễn Đình Thi (đại biểu Việt Minh), Nguyễn Sơn Hà (tư sản), Trương Trung Phụng (cán bộ cách mạng hoạt động hải ngoại). Sau cuộc bầu cử, Bí thư Thành ủy Lê Quang Đạo dẫn đầu đoàn đại biểu Hải Phòng lên gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và được Người tiếp đón thân tình, cởi mở. Cuộc nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh giúp Lê Quang Đạo sáng rõ hơn nhiều về tình thế trước mắt, về chính sách của Đảng và Mặt trận, về phương pháp đấu tranh cách mạng...

Thời gian này, đồng chí Lê Quang Đạo viết một số bài đăng trên báo *Cứu quốc* như “Nhiệm vụ chiến sĩ cứu quốc miền bể” (ký bút danh Ái Dân), “Thế giới trong năm vừa qua” (ký bút danh Trần Hoạt), “Triển vọng kháng chiến” (ký bút danh Ái Dân) và “Tâm sự ngày cuối năm” (ký tên Lê Quang Đạo)¹.

Vào cuối tháng 02/1946, tình hình cả nước nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng vô cùng rối ren, phức tạp. Hiệp định Hoa - Pháp chưa được ký kết chính thức², cuộc thương lượng giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ ta chưa có kết quả, nhưng Pháp vẫn ngang nhiên tiến vào vùng biển Hải Phòng. Nhận được tin này,

1. Xem *Lê Quang Đạo (1921-1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr.102-103.

2. Hiệp ước Hoa - Pháp ký ngày 28/02/1946.

đồng chí Lê Quang Đạo đã lập tức tổ chức họp Thành ủy, các tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng, lực lượng vũ trang... rà soát lại kế hoạch chuẩn bị chiến đấu về mọi mặt. Các đơn vị Vệ quốc đoàn, công an xung phong, tự vệ, dân quân dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Thành Ngọ đã tổ chức từng khu chiến đấu ở nội và ngoại thành. Các công sự được khẩn trương đào đắp, chuẩn bị chướng ngại vật hai bên đường. Mặt trận Việt Minh tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại quảng trường trước Nhà hát thành phố nhằm động viên toàn dân sẵn sàng đối phó với quân Pháp đổ bộ. Kế hoạch bảo vệ cuộc mít tinh được bàn bạc kỹ để phòng những trường hợp bất trắc xảy ra. Đồng chí Lê Quang Đạo thay mặt Mặt trận Việt Minh thông báo ngắn gọn tình hình đất nước, tình hình tàu Pháp đang tiến vào vùng biển Hải Phòng, kêu gọi toàn dân đoàn kết sẵn sàng chiến đấu. Mọi người dự mít tinh nhiệt liệt hưởng ứng, hô vang khẩu hiệu¹. Sau đó, quân Tưởng ra lệnh lùng bắt Trần Hoật,

1. Khi cuộc mít tinh sắp kết thúc thì đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, chủ bút báo *Dân chủ* của Mặt trận Việt Minh Hải Phòng đề nghị mượn micro và bắt ngờ yêu cầu Quốc dân Đảng thả một số cán bộ bị chúng bắt cóc. Một điều ban tổ chức không lường tới là bộ phận khá đông quần chúng dự mít tinh vừa hô vang khẩu hiệu vừa tiến sát cửa trụ sở Quốc dân Đảng ở gần góc đường bên trái Nhà hát. Bọn Quốc dân Đảng hoảng hốt đóng sập cửa rồi xả súng vào nhân dân. Chừng 15 phút sau quân Tưởng kéo đến bao vây Nhà hát. Đồng chí Lê Quang Đạo cùng một số đồng chí rút ra ngoài cửa phía sau, tản đi các nơi.

người mà chúng cho là chủ trì cuộc mít tinh. Bị địch truy bắt nên nơi làm việc và chỗ ở của Lê Quang Đạo phải thường xuyên thay đổi. Những nơi đồng chí hay lui tới thời gian này là nhà cụ thân sinh Nguyễn Đình Thi, nhà cụ Phan Đại Thành, nhà cụ thân sinh chị Hậu... Những cuộc họp của Thành ủy, chính quyền vẫn diễn ra ngay trong thành phố, nhưng không phải tại trụ sở mà ở nhà dân, có đường rút lui khi thấy động.

Đầu tháng 3/1946, hạm đội Pháp đến vịnh Bắc Bộ. Trước tình hình đó, Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị “Tình hình và chủ trương” (ngày 03/3/1946). Sau khi phân tích tình hình của ta và địch, bản Chỉ thị nêu rõ chủ trương của ta: “... nếu Pháp giữ chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản Tuyên ngôn ngày 24-3-45, thì nhất định đánh, và rất có thể đánh lâu dài theo lối du kích, nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hòa, hòa để phá tan thâm thù của bọn Tàu trắng, bọn phản động Việt Nam và bọn phát xít Pháp còn sót lại, chúng định hãm ta vào tình thế cô độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc để giử thực lực của ta tiêu hao”¹. Thường vụ Trung ương Đảng còn nhắc nhở nhân dân cả nước: “Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những *không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.8, tr.43.

*kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta*¹. Nhận được Chỉ thị này, Bí thư Thành ủy Lê Quang Đạo tích cực triển khai kế hoạch sẵn sàng chiến đấu và chuẩn bị cho nhân dân thành phố triệt để tản cư, sẵn sàng tiêu thổ kháng chiến khi có lệnh.

Đêm mùng 5 rạng ngày 06/3/1946, quân Pháp đổ bộ vào Hải Phòng. Ở Hà Nội, chiều ngày 06/3, Hiệp định Sơ bộ được ký kết chính thức giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Xanhtơni, đại diện Cộng hòa Pháp. Ngay sau khi ký Hiệp định, nắm được diễn biến cụ thể ở Hải Phòng, Chính phủ ta đã cử một phái đoàn do đồng chí Võ Nguyên Giáp dẫn đầu xuống Hải Phòng, mang theo chỉ thị mới của Trung ương. Đêm hôm đó, tại nhà Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Vũ Quốc Uy, Thành ủy đã có cuộc họp với phái đoàn của đồng chí Võ Nguyên Giáp. Đồng chí Lê Quang Đạo báo cáo tình hình với phái đoàn. Chiều ngày 07/3, Thành bộ Việt Minh đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại bến xe cạnh sông Lấp. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Chính phủ giải thích lý do ký Hiệp định, nội dung bản Hiệp định và yêu cầu đồng bào đoàn kết, cảnh giác, triệt để chấp hành mọi mệnh lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.8, tr.46.

Theo Hiệp định đã ký, những ngày sau, quân Pháp vào thành phố. Thực hiện sách lược “Hòa để tiến” (ngày 09/3/1946) của Trung ương, Thành ủy vừa phải lãnh đạo việc bảo đảm an ninh trật tự và ổn định đời sống, vừa ngăn chặn âm mưu và hành động khiêu khích, từng bước lấn chiếm thành phố của thực dân Pháp.

Đổ bộ lên Hải Phòng, thực dân Pháp đã móc nối với bọn tay chân cũ và chiêu mộ thêm mới. Chúng tự động chiếm đóng một số địa điểm nằm ngoài quy định của Hiệp định, như Nhà máy phốt phát Phong Thành Lợi, Ngân hàng Pháp - Hoa và đòi gác chung với ta ở cầu Hạ Lý, cầu xi măng, Nhà hát thành phố... Chúng bắt cóc cán bộ và nhân dân, cướp của, giết người, cho bọn tay chân đặt mìn phá trụ sở Ủy ban hành chính thành phố, phá trụ sở báo *Dân chủ* và phòng thông tin, ném lựu đạn vào khách sạn Đông Á và một số nhà của cán bộ.

Thời gian này, công việc của đồng chí Lê Quang Đạo tăng lên gấp bội. Đồng chí làm việc miệt mài, không kể ngày đêm, chỉ đạo Thành ủy thực hiện nghiêm túc chủ trương “Hòa để tiến” của Trung ương, đồng thời phải hết sức khẩn trương chuẩn bị sẵn sàng đối phó nếu chiến tranh xảy ra. Thành ủy và Mặt trận Việt Minh đã tổ chức nhiều cuộc bãi công, mít tinh, tuần hành thị uy và tổ chức một đợt giải thích về chủ trương mới của Đảng. Đồng chí Lê Quang Đạo dành nhiều thời gian đi đến nhiều nơi trong thành phố, gặp các đơn vị Vệ quốc đoàn, tự vệ, thanh niên; có nhiều cuộc nói chuyện để

cán bộ, nhân dân thông suốt đường lối của Đảng, nhắc nhở mọi người tự kiểm chế, tránh rơi vào âm mưu của thực dân Pháp và tay sai.

Có thể nói, dù chỉ có thời gian ngắn trên cương vị Bí thư Thành ủy Hải Phòng, trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, nguy hiểm, đồng chí Lê Quang Đạo đã nhanh chóng nắm bắt tình hình, đề ra sách lược khôn khéo, lãnh đạo tài tình phong trào cách mạng, vừa xây dựng đời sống mới cho nhân dân, vừa đối phó với nhiều kẻ thù. Nhờ vậy, Hải Phòng giữ vững được chính quyền nhân dân, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, đẩy lùi nạn đói và nạn dốt, xây dựng được lực lượng vũ trang và nửa vũ trang đông đảo, mạnh mẽ. Nhân dân Hải Phòng đã đánh bại âm mưu lật đổ chính quyền của quân đội Tưởng Giới Thạch và tay sai, bước đầu làm thất bại âm mưu phong tỏa và lấn chiếm Hải Phòng của thực dân Pháp. Trong thắng lợi chung đó, có phần đóng góp rất quan trọng của đồng chí Lê Quang Đạo.

2. Tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Hà Nội (1946 - 1949)

Tháng 5/1946, đồng chí Lê Quang Đạo được Trung ương điều động về công tác ở Hà Nội.

Rời Hải Phòng, trở lại Hà Nội, địa bàn hoạt động quen thuộc trước Cách mạng Tháng Tám, Lê Quang Đạo bắt tay ngay vào các nhiệm vụ mới với tất cả sức lực và trọng trách. Lúc đầu, Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ định

đồng chí là Phó Bí thư Đảng bộ Thành phố Hà Nội. Một thời gian sau, đồng chí Bí thư Trần Quang Huy nhận công tác mới, đồng chí Lê Quang Đạo làm Bí thư.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến là những ngày tháng cực kỳ khó khăn của Hà Nội. Sau Hiệp định Sơ bộ (ngày 06/3/1946), quân Pháp được phép vào Hà Nội, chúng mở rộng hoạt động lấn chiếm, liên tiếp vi phạm Hiệp định. Đảng bộ và nhân dân Hà Nội luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đối phó với âm mưu và hành động của thực dân Pháp.

Đảng bộ Hà Nội có trụ sở ở ngôi nhà số 103 phố Gambetta (nay là phố Trần Hưng Đạo), Thành ủy lấy danh nghĩa Thành bộ Việt Minh để tiến hành mọi hoạt động. Qua nhiều đợt khủng bố của Pháp và Nhật trước Cách mạng Tháng Tám, lực lượng của Đảng lúc này rất mỏng. Bởi vậy, khi trở về Hà Nội, đồng chí Lê Quang Đạo đặc biệt chú ý đến công tác xây dựng Đảng. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, Thành ủy Hà Nội tăng cường bổ sung lực lượng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, tăng cường sự đoàn kết trong nội bộ Đảng. Trong các hội nghị cán bộ do Thành ủy tổ chức, đồng chí Lê Quang Đạo trực tiếp báo cáo tình hình trong nước và thế giới, và tiến hành trao đổi ngay tại hội trường. Việc Quốc hội ta dành ghế cho Việt quốc, Việt cách, có người cho là hữu khuynh, người cho là tả khuynh. Đồng chí bình tĩnh lắng nghe các ý kiến và giải thích sách lược cách mạng lúc này là phải duy trì tình hình ổn định, đoàn kết toàn

dân giữ gìn hòa bình, để đạt được mục đích cao hơn. Trước sự khiêu khích của quân Pháp, đồng chí yêu cầu mọi người phải có tinh thần chuẩn bị chiến đấu thật cao, đồng thời giữ vững kỷ luật và tin tưởng tuyệt đối vào Chính phủ cách mạng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ nhất (tháng 7/1946), Thành ủy đã tích cực phát triển đảng viên mới. Sau đợt phát triển đảng đầu tiên (từ đầu năm 1946 đến gần ngày toàn quốc kháng chiến), số lượng đảng viên của Đảng bộ Hà Nội đã có gần 400 đồng chí. Tổ chức cơ sở đảng được xây dựng thêm ở nhiều xí nghiệp, trong công an, tự vệ chiến đấu và Vệ quốc đoàn. Ở các khu phố nội thành và các khu hành chính ngoại thành đã có chi bộ đảng. Bên cạnh phát triển về số lượng, Thành ủy rất chú trọng việc rèn luyện cán bộ, đảng viên về tinh thần đoàn kết, ý thức kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng. Qua thực tế đấu tranh, Đảng bộ Hà Nội đã đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trước mắt và cuộc kháng chiến lâu dài ở Thủ đô.

Công tác vận động quần chúng của Đảng bộ được mở rộng. Mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố, thu hút đông đảo quần chúng vào nhiều tổ chức phù hợp. Cùng với tổ chức Việt Minh, ngày 29/5/1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Hội Liên Việt) tuyên bố chính thức thành lập tại Hà Nội, thu hút được những người trước đó chưa có điều kiện gia nhập tổ chức

Việt Minh tham gia vào Hội Liên Việt. Ngày 31/7/1946, Liên hiệp Công đoàn Hà Nội được thành lập, tập hợp đội ngũ công nhân vào tổ chức. Trong tháng 7/1946, Đảng Xã hội Việt Nam ra đời, trở thành “ngôi nhà chung” của các trí thức yêu nước tiến bộ. Ngày 20/10/1946, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam được thành lập trên nền tảng của Hội Phụ nữ Cứu quốc trước đây. Hội Văn hóa Cứu quốc tiếp tục đoàn kết lực lượng văn hóa yêu nước Thủ đô thành một khối chặt chẽ. Hội Chấn hưng kinh tế cũng tích cực hoạt động, vận động những người tư sản yêu nước bỏ vốn sản xuất kinh doanh, có lợi cho quốc kế dân sinh.

Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Thành ủy đã có nhiều chủ trương chấn chỉnh, kiện toàn chính quyền nhân dân về mọi mặt, nâng cao hiệu lực của chính quyền. Tháng 5/1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ duyệt y chia Thành phố Hà Nội thành 17 khu nội thành và 5 khu ngoại thành, do Ủy ban hành chính thành phố thống nhất chỉ đạo. Từ ngày 16 đến ngày 30/6/1946, nhân dân bầu Ủy ban hành chính các khu và các xã, củng cố thêm một bước chính quyền cơ sở. Ngày 11/10/1946, lần đầu tiên Hà Nội mở Đại hội chính quyền các cấp, đánh dấu sự trưởng thành của chính quyền nhân dân Thành phố.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, lực lượng vũ trang được phát triển về số lượng, củng cố về tổ chức, gồm các đơn vị Vệ quốc đoàn, công an xung phong, tự vệ chiến đấu,

tự vệ xí nghiệp, tự vệ thành, dân quân. Đồng chí Lê Quang Đạo đặc biệt quan tâm đến công tác chính trị trong tự vệ chiến đấu và tự vệ thành, nhằm rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, nâng cao phẩm chất cách mạng của lực lượng vũ trang địa phương. Theo chỉ đạo của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Thành ủy Hà Nội quyết định thống nhất các lực lượng tự vệ ở Thủ đô dưới tên gọi là “Đoàn thanh niên tự vệ Hà Nội”, lấy Đội tự vệ chiến đấu làm nòng cốt. Ngày 29/8/1946, lễ thống nhất các lực lượng tự vệ Hà Nội được tổ chức tại nhà Đấu Xảo¹, với sự chứng kiến của Chủ tịch Quân ủy hội Võ Nguyên Giáp. Đồng chí Lê Quang Đạo có mặt tại lễ đài, phát biểu động viên, khích lệ tinh thần của chiến sĩ tự vệ.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Quang Đạo, Thành ủy và Thành bộ Việt Minh tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình biểu dương lực lượng, tổ chức các cuộc đấu tranh chống Pháp vi phạm Hiệp định Sơ bộ và đập tan âm mưu, hành động phá hoại của bọn tay sai phản động. Ngày 30/5/1946, Hà Nội tổ chức cuộc mít tinh lớn ủng hộ đường lối ngoại giao của Chính phủ ta và tiễn Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn Chính phủ ta sang Pháp đàm phán. Ngày 09/6/1946, Hà Nội tổ chức rầm rộ “Ngày Nam Bộ” phản đối thực dân Pháp lập ra “Chính phủ Nam Kỳ tự trị”. Trung tuần tháng 7, quân dân Hà Nội

1. Trụ sở Trung ương tự vệ Hà Nội, nay là Cung văn hóa lao động hữu nghị Việt Xô.

phối hợp với lực lượng của Bộ Nội vụ đập tan sào huyệt phản động của Quốc dân Đảng trong âm mưu đảo chính, tóm gọn bọn đầu sỏ của chúng tại phố Ôn Như Hầu. Ngày 19/10/1946, Thành ủy lãnh đạo toàn dân Thủ đô hưởng ứng lời hiệu triệu của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam và các đoàn thể trong Mặt trận, tổng bãi công, bãi thị, bãi khóa, kịch liệt lên án chính sách lật lọng, cố tình gây chiến của thực dân Pháp, tuyên truyền quần chúng không ảo tưởng về “thiện chí thương lượng hòa bình” của thực dân Pháp.

Để tranh thủ thêm thời gian hòa hoãn, chuẩn bị lực lượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14/9 (1946), nhưng thực dân Pháp bội ước và ngày càng lấn tới. Do đó, Hội nghị quân sự toàn quốc (ngày 19/10/1946) nhận định: “... nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”¹. Hội nghị đã vạch ra nhiệm vụ kế hoạch cho cả nước chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến.

Cuối năm 1946, cả nước chia làm 12 khu, riêng Hà Nội là Khu XI. Khu ủy, Ủy ban Bảo vệ và Ban Chỉ huy Khu XI được đặt trực tiếp dưới sự chỉ đạo của Trung ương, xúc tiến mọi mặt công việc chuẩn bị kháng chiến ở Thủ đô. Đảng ủy và Ban Chỉ huy Khu XI được kiện toàn. Đồng chí Nguyễn Văn Trân được cử làm Bí thư

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.8, tr.133.

Khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Khu XI. Đồng chí Lê Quang Đạo được chỉ định làm Phó Bí thư Khu ủy Khu XI, phụ trách công tác xây dựng Đảng, tổ chức quần chúng, tuyên truyền, giáo dục, dịch vụ. Đồng chí Vương Thừa Vũ được cử làm Chỉ huy trưởng Khu XI, đồng chí Trần Độ là Chính ủy, đồng chí Trần Quốc Hoàn, Phó Bí thư Xứ ủy là phái viên Trung ương tại Khu XI. Khu ủy Khu XI được Trung ương và Bộ Tổng chỉ huy giao nhiệm vụ “khi địch cố tình gây chiến tranh thì phải lãnh đạo quân dân Hà Nội nhanh chóng quét trả lại, giành thế chủ động, chiến đấu giam chân địch một thời gian để hậu phương hoàn thành công việc chuẩn bị và tổ chức lực lượng đi vào thời chiến, với phương châm: Phải tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, nhưng đồng thời phải giữ gìn và phát triển lực lượng của ta”¹.

Ở Hà Nội, thực dân Pháp tăng quân lên tới 6.500 tên, được trang bị hiện đại, có ưu thế về hỏa lực, có sức đột kích mạnh, khả năng cơ động cao. Chúng đóng tại 45 cứ điểm kèm sát các cơ quan đầu não của ta, chặn các ngã đường ra các cửa ngõ Thành phố, nắm các đầu mối giao thông liên lạc với các tỉnh. Ngoài ra, còn có hàng nghìn Pháp kiều được trang bị

1. Quân khu Thủ đô Hà Nội: *Thủ đô Hà Nội lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb. Hà Nội, 1986, tr.110.

vũ khí, tổ chức thành các ổ tác chiến nằm ở những đường phố quan trọng. Trong khi lực lượng của ta trong thành phố chỉ có 5 tiểu đoàn Vệ quốc quân với không quá 2.500 chiến sĩ, cùng các đội tự vệ khoảng 9.000 người¹, vũ khí thiếu thốn, phần lớn là vũ khí thô sơ, chưa có kinh nghiệm chiến đấu. So sánh lực lượng giữa ta và địch về quân sự rất chênh lệch. Trong bối cảnh đó, với cương vị là Phó Bí thư Khu ủy Khu XI, đồng chí Lê Quang Đạo cùng với các đồng chí lãnh đạo Khu ủy Khu XI đã nghiên cứu kế hoạch chiến đấu nhằm thực hiện mục đích giam chân và tiêu hao lực lượng địch trong Thành phố càng lâu càng tốt; đồng thời khẩn trương chỉ đạo công tác phá hoại, tiêu thổ kháng chiến; tổ chức chuẩn bị hậu cần, chuẩn bị địa điểm, Khu an toàn ở ngay nội thành để bảo vệ các cơ quan đầu não kháng chiến và Chủ tịch Hồ Chí Minh rút ra khỏi Thành phố an toàn. Để tiện bố trí lực lượng theo kế hoạch đề ra, nội thành chia thành ba liên khu phố². Đồng chí Lê Quang Đạo theo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội (1930 - 2000)*, Sdd, tr.173.

2. Liên khu phố 1 gồm các khu: Trúc Bạch, Đồng Xuân, Đông Thành, Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Hồng Hà, Long Biên và Bãi Giữa. Liên khu phố 2 gồm các khu: Quán Sứ, Bảy Mẫu, Đại học, Chợ Hôm, Lò Đúc, Đồng Nhân, Vạn Thái, Bạch Mai. Liên khu phố 3 gồm các khu: Thăng Long, Văn Miếu.

dối sát sao công tác chuẩn bị ở cả ba liên khu phố để kịp thời lãnh đạo và động viên quần chúng, nâng cao ý chí chiến đấu của các chiến sĩ.

Từ đầu tháng 12/1946, những vụ khiêu khích và gây xung đột cục bộ của Pháp trên đường phố Hà Nội xảy ra ngày càng dồn dập. Chúng liên tiếp có những hành động quân sự, công khai đòi tước chủ quyền của ta. Ngày 10/12, chúng đặt thuốc nổ phá công sự tự vệ ở nhiều nơi. Ngày 17/12, chúng tiến công, tàn sát nhân dân ở ngã ba phố Hàng Bún - ngõ Yên Ninh. Ngày 18/12, chúng hạ tối hậu thư đòi tước vũ khí tự vệ, chiếm Sở Công an Hà Nội, nắm quyền kiểm soát trật tự trong Thành phố. Lúc này, mọi khả năng hòa hoãn đã hết. Ngày 18 và 19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng tại Vạn Phúc (Hà Đông), quyết định cả nước đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹.

Trong cuộc chiến đấu 60 ngày đêm giam chân địch của quân dân Thủ đô, Lê Quang Đạo ở cùng Bộ Chỉ huy Khu XI đóng tại Mọc - Chính Kinh, ngoại thành Hà Nội. Đồng chí luôn theo dõi diễn biến của cuộc chiến đấu trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.534.

nội thành và có mặt tại nơi nguy hiểm nhất, như Liên khu phố 1¹, xông pha dưới làn bom đạn của kẻ thù, đến với đồng bào, chiến sĩ để củng cố ý chí “Sống chết với Thủ đô”, “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Được sự đồng ý của Thường vụ Trung ương, đêm 20/01/1947, Lê Quang Đạo cùng với đồng chí Trần Quốc Hoàn, phái viên của Trung ương và Khu phó Việt Hùng luôn gầm cầu Long Biên, vượt qua vòng vây của quân Pháp vào thăm và động viên Trung đoàn Liên khu phố 1², với tư cách là một phái đoàn của Chính phủ và Trung ương, vừa động viên các lực lượng vũ trang chiến đấu, vừa xem có thể duy trì cuộc kháng chiến được bao lâu, khi cần rút sẽ đi theo đường nào. Báo cáo của chuyến đi này giúp Thường vụ Trung ương và Bộ Tổng chỉ huy thấy rõ tình hình chiến đấu tại Liên khu phố. Với trận địa công sự ngày càng được củng cố, cách đánh của phân đội nhỏ ngày càng hoàn thiện, tinh thần quyết tử của các chiến sĩ Thủ đô ngày càng mạnh mẽ, ta có thể tiếp tục duy trì cuộc chiến đấu tại Hà Nội dù phải chịu áp lực ngày càng mạnh của quân Pháp.

1. Thực dân Pháp cho rằng đây là nơi ta đặt các cơ quan chỉ huy ở phố Hàng Bạc, Hàng Mắm, Mã Mây. Từ ngày 06/02/1947, với một lực lượng lớn bộ binh có thiết giáp, máy bay yểm hộ, thực dân Pháp mở một đợt tổng công kích vào Liên khu phố 1.

2. Trung đoàn Liên khu phố 1, về sau đổi tên là Trung đoàn Thủ đô - lực lượng nòng cốt của cuộc chiến đấu 60 ngày đêm ở Hà Nội.

Chiều ngày 17/02/1947, Pháp tăng viện từ Hải Phòng lên, ráo riết chuẩn bị cho đợt công kích cuối cùng vào Liên khu phố 1. Trước tình hình mới, để bảo toàn lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định rút Trung đoàn Thủ đô ra ngoài, trở về hậu phương, xây dựng lực lượng lớn mạnh hơn nữa để kháng chiến lâu dài. Đồng chí Lê Quang Đạo đã cùng Thành ủy, Khu ủy lãnh đạo nhân dân bí mật huy động thuyền bè, tổ chức cho bộ đội vượt sông an toàn sang bờ Bắc ngay trong đêm 17/02. Trước khi Trung đoàn Thủ đô rút lên Việt Bắc, đồng chí Lê Quang Đạo đến làng Vạng thăm Trung đoàn, củng cố tinh thần và quyết tâm trở về giải phóng Thủ đô của các chiến sĩ. Thời gian này, các cơ quan Trung ương và Chính phủ đã chuyển lên vùng căn cứ Việt Bắc an toàn. Cơ quan của Thành ủy cũng chuyển về đóng ở làng Hữu Văn, huyện Chương Mỹ.

Do có vị trí chiến lược, Hà Nội được thực dân Pháp quyết tâm xây dựng thành một căn cứ quân sự mạnh, làm hậu cứ an toàn. Tại đây, chúng đặt cơ quan chỉ huy hành quân ở miền Bắc Đông Dương. Pháp cho xây dựng ở Hà Nội một hệ thống đồn bốt, lô cốt đặt ở các cửa ô, dọc bờ sông Tô Lịch, sông Nhuệ, các trục đường. Chúng tung ra một mạng lưới gián điệp, chỉ điểm; lập các đội biệt kích; tiến hành càn quét liên tục, phục kích bắt cán bộ, đảng viên, du kích; dựng nên chính quyền bù nhìn ở nội thành và hội tề ở ngoại thành. Nhiều cán bộ, đảng viên,

du kích bị chúng bắn giết. Phong trào quần chúng thực sự gặp khó khăn. Trước tình hình đó, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Thành ủy bàn và quyết định chủ trương: đưa cán bộ trở về cơ sở, xây dựng và khôi phục các chi bộ đảng, các đoàn thể quần chúng, lập hội du kích ở các quận, huyện ngoại thành, tạo bàn đạp tiến vào nội thành, đẩy mạnh chiến tranh du kích giữa lòng Hà Nội, từng bước vô hiệu hóa phòng tuyến của địch. Các thành ủy viên phân công phụ trách chỉ đạo trực tiếp từng khu vực. Đồng chí Lê Quang Đạo phụ trách phía nam gồm quận 6, quận 5 thuộc các huyện Thanh Trì, Thường Tín.

Bước vào thời kỳ mới của cuộc kháng chiến, Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai họp từ ngày 03 đến ngày 06/4/1947 quán triệt quan điểm đánh lâu dài. Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: "... không thể chuyển ngay từ phòng ngự đến phản công... phải qua một thời kỳ lâu dài, gian khổ để vừa đánh vừa cố gắng bồi bổ vũ khí và bộ đội, chuyển thế yếu của ta thành thế mạnh, chuyển thế mạnh của địch thành thế yếu"¹. Bởi vậy, cần phải dựa vào dân, chuyển hẳn sang đánh du kích; không những kháng chiến về quân sự mà còn phải chú trọng kháng chiến về kinh tế, phá kinh tế của địch; về văn hóa, chống lại văn hóa nô dịch của địch trong lòng thành phố. Phải ra sức xây dựng cơ sở đảng, phát triển và củng cố các chi bộ,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.8, tr.179.

làm cho Đảng có mặt ở tất cả các địa bàn xung yếu, các vị trí quan trọng của cuộc kháng chiến.

Thực hiện chủ trương trên, Lê Quang Đạo cùng các đồng chí trong Khu ủy và Ban Chỉ huy Khu XI đã chỉ đạo các đơn vị vũ trang Thủ đô giữ vững tinh thần chiến đấu, tiêu hao sinh lực địch. Các cuộc chiến đấu đã diễn ra ở Hạ Yên Quyết, Phú Đô, Thanh Trì, Yên Duyên,... Nhân dân không cung cấp lương thực, thực phẩm cho địch; tham gia phá hoại giao thông, cản bước tiến của địch.

Khu ủy XI gấp rút chỉnh đốn lại đội ngũ, trước hết là đội ngũ cán bộ đảng để trở về hoạt động sau lưng địch. Công tác phát triển đảng tiếp tục được duy trì. Trải qua mấy tháng chiến đấu, từ hơn 400 đảng viên trước ngày toàn quốc kháng chiến, đến hết quý I-1947 đã tăng lên 1.169 đảng viên (kể cả 4 huyện ngoại thành)¹. Tuy nhiên, lúc này, phần lớn tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể đều nằm trên đất tự do, không thể đi sâu, đi sát vào vùng đã bị địch chiếm. Chiến sự lan rộng và kéo dài, các chi bộ không kịp củng cố, dẫn đến hiện tượng chấp hành kỷ luật không nghiêm; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa lường hết những khó khăn, phức tạp và tính chất lâu dài của cuộc kháng chiến cũng nảy sinh những biểu hiện thiếu vững vàng, kiên định.

1. Quân khu Thủ đô Hà Nội: *Thủ đô Hà Nội lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Sđd, tr.262.

Tháng 6/1947, tại Quốc Oai diễn ra Hội nghị cán bộ Đảng bộ Khu XI nhằm chỉnh đốn đội ngũ, học tập tự phê bình và phê bình theo thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các đồng chí ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Lê Quang Đạo nêu lên trách nhiệm của mỗi đảng viên và toàn Đảng bộ thực hiện đúng những lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn; xác định quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Theo Sắc lệnh của Chính phủ, ngày 25/7/1947, Khu XI sáp nhập thêm thị xã Hà Đông và thị xã Sơn Tây, mở rộng thêm hậu phương cho mặt trận Hà Nội. Tháng 9/1947, Khu ủy quyết định lập lại Thành ủy Hà Nội do đồng chí Nguyễn Văn Đào làm Bí thư. Đến Hội nghị Thành ủy, ngày 20/11/1947, Phó Bí thư Khu ủy Khu XI Lê Quang Đạo được cử làm Bí thư Thành ủy Hà Nội thay cho đồng chí Nguyễn Văn Đào đi nhận công tác khác. Lúc này, Hà Nội gồm: nội thành, 3 quận ngoại thành, 2 huyện: Thanh Trì, Thanh Oai, 2 phủ: Hoài Đức, Đan Phượng. Để tạo điều kiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, Bí thư Lê Quang Đạo cùng Thành ủy Hà Nội thống nhất chia Hà Nội làm 3 liên quận huyện (4, 5, 6) và chỉ định các huyện ủy liên quận¹. Tiểu ban nội thành do Thường vụ Thành ủy phụ trách.

1. Liên quận huyện 4 gồm quận 4, huyện Hoài Đức và huyện Đan Phượng; Liên quận huyện 5 gồm quận 5 và huyện Thanh Oai; Liên quận huyện 6 gồm quận 6 và huyện Thanh Trì.

Sau thất bại ở Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, thực dân Pháp mở các cuộc càn quét lớn xung quanh Hà Nội để làm giảm sức ép của ta, củng cố các phòng tuyến bảo vệ Hà Nội và bắt đầu xây dựng phòng tuyến thứ ba trên đê sông Đáy¹. Trên cả 3 phòng tuyến, địch đóng tất cả 32 vị trí với số quân trên dưới 2.000 tên, chưa kể 6.000 quân cơ động bảo vệ Hà Nội. Chúng cho quân sục sạo các thôn xóm, phục kích trên các đường giao thông, tổ chức các đội tuần tiễu lưu động, bắt hương dũng canh phòng ngày đêm, dùng đội quân lưu động tương đối lớn phối hợp với quân đóng ở các vị trí càn quét liên tiếp. Chỉ 3 tháng đầu năm 1948, chúng tiến hành 138 cuộc càn quét lớn nhỏ.

Lúc này, việc xây dựng lực lượng kháng chiến ở trong lòng địch rất khó khăn. Cuối năm 1947, ở ngoại thành, quận 6 có 4 chi bộ, quận 5 có 1 chi bộ ghép. Ở nội thành, tổ chức quân sự của ta còn ít ỏi, hoạt động chính trị còn kém². Để thúc đẩy phong trào ngoại thành, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Thành ủy quyết định tách các

1. Phòng tuyến thứ nhất ở ngoại thành để bảo vệ nội thành: từ Nhật Tân qua Buối, Cầu Giấy, Ngã Tư Sở, trường bay Bạch Mai. Phòng tuyến thứ hai từ Chèm qua Cầu Diễn, Đại Mỗ, thị xã Hà Đông, Thanh Liệt, Văn Điển đến Đông Trạch. Phòng tuyến thứ ba từ Bồng Lai, qua Phùng, Giá, Mai Lĩnh, Thạch Bích, Khúc Thủy, Quán Gánh, Bằng, Sở.

2. Báo cáo của Ban Đảng vụ Thành ủy Hà Nội tháng 11/1947, Tài liệu lưu tại Văn phòng Thành ủy Hà Nội.

quận ngoại thành cũ ra khỏi các liên quận huyện, thành lập 3 Ban Cán sự các quận 4, 5, 6, được coi như các cấp ủy lâm thời các quận, chịu trách nhiệm trước Thành ủy về gây cơ sở kháng chiến tại nơi này. Còn các huyện sáp nhập thành hai liên huyện: Liên huyện Bắc có Hoài Đức, Đan Phượng và Liên huyện Nam có Thanh Trì, Thanh Oai. Các liên Huyện ủy được tổ chức lại. Thành ủy cũng lập Ban Cán sự nội thành để chuyên lo về cơ sở nội thành, do đồng chí Lê Quang Đạo - Bí thư trực tiếp phụ trách.

Lường trước những khó khăn, đồng thời chủ động đối phó với thực dân Pháp trên địa bàn Hà Nội, ngày 12/01/1948, đồng chí Lê Quang Đạo thay mặt Thành ủy Hà Nội đã ra Chỉ thị về đối phó với các cuộc tấn công càn quét của địch. Trong Chỉ thị, đồng chí đã phân tích tình hình khó khăn của ta khi địch tiến hành càn quét lực lượng chiến đấu và phá cơ quan của ta ở Hoài Đức, Đan Phượng với mục đích “... củng cố phòng tuyến thứ ba bao vây xung quanh Thủ đô”¹, dự báo tình hình địch đánh rộng ra các vùng xung quanh, những khó khăn sắp tới của ta và chỉ đạo “phải thi hành ngay những điều dưới đây:

1. Phá và nắm hội tề (tuyệt đối bí mật).
2. Tăng gia những hoạt động quân sự, võ trang tuyên truyền và xung phong trừ gian.

1. *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.77.

3. củng cố các chi bộ xã và cơ sở quần chúng.

4. Phân tán một phần du kích lẫn vào nằm sau lưng địch.

5. Đơn giản hóa các bộ máy”¹.

Trong hoàn cảnh địch tăng cường khủng bố và truy quét, đồng chí Lê Quang Đạo vẫn nhiều lần vượt qua hệ thống tháp canh và lô cốt địch, xuống tận cơ sở của ta ở vùng địch hậu, các làng bị địch chiếm đóng để chỉ đạo phong trào, xây dựng cơ sở đảng, khôi phục các tổ chức quần chúng, phát triển đảng viên; bàn bạc với cán bộ địa phương về việc củng cố tổ chức, giữ vững nguyên tắc bí mật, phục hồi các đoàn thể quần chúng, phát triển du kích trong thanh niên, các phương pháp đấu tranh chống khủng bố, răn đe chính quyền tề, không để chúng hung hăng tự do lùng bắt cán bộ.

Trước tình hình địch mở rộng vùng chiếm đóng ra ngoại thành, đồng chí Lê Quang Đạo đặc biệt lưu ý cơ sở đảng phải tăng cường công tác củng cố cơ sở quần chúng, bởi “Có giữ vững được cơ sở hội và quần chúng thì việc phá chính quyền địch mới có kết quả và mọi hoạt động của ta mới duy trì được”². Nhiệm vụ chính lúc này là “nắm và phá được hội tề” thì mới “... dễ dàng củng cố được các cơ sở hội và quần chúng, mới dễ dàng che chở được cho du kích hoạt động ở những nơi địch

1, 2. Lê Quang Đạo *Tuyển tập*, Sđd, tr.78, 79.

kiểm soát”¹. Đồng chí đã bàn với Thành ủy Hà Nội và quyết định đưa cán bộ về cơ sở, xây dựng và khôi phục các chi bộ đảng, các đoàn thể, tổ chức lực lượng du kích, làm hầm bí mật, tổ chức đấu tranh và chiến đấu trong lòng địch, từng bước vô hiệu hóa phòng tuyến của địch. Đồng thời, vừa phá kế hoạch lập tề của địch, vừa khôn khéo “lập tề” hai mặt do ta cử ra ở một số địa phương.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (ngày 20/01/1948) thống nhất các khu Bắc Bộ và Sắc lệnh số 120-SL ngày 25/01/1948, đầu tháng 02/1948, Liên khu III được thành lập trên cơ sở hợp nhất Khu III, Khu XI và Khu XII². Theo sự chỉ định của Trung ương, Liên khu ủy III gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Trân - Bí thư Liên khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính; Lê Thanh Nghị - Phó Bí thư Liên khu ủy và các ủy viên: Đỗ Mười, Đặng Kim Giang, Nguyễn Lộc, Kiên (tức Nhã), Vũ Oanh, Dị, Đặng Tính, Lê Quang Đạo, Hoàng Sâm, Lê Quang Hòa. Ngay sau khi thành lập, Liên khu ủy III đã họp nghiên cứu tình hình trong Liên khu, ra Nghị quyết “Ra sức phá hoại kế hoạch hè 1948 của địch, hạn chế địch mở rộng chiếm đóng, tiến sâu vào địch hậu gây dựng cơ sở, phá tề, trừ gian,

1. *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.78.

2. Liên khu III lúc mới thành lập gồm các tỉnh: Hải Kiến, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam, Sơn Tây, Hòa Bình, Hà Đông và thành phố Hà Nội.

đánh vào đô thị, đánh phá giao thông, đưa cuộc đấu tranh chính trị, kinh tế tiến lên, mở rộng chiến tranh du kích trong lòng địch...”¹. Tiếp đó, Liên khu ủy III ra Đề cương “Chính sách và chủ trương của Liên khu trong năm 1948”, nêu rõ nhiệm vụ “tiêu diệt các cứ điểm nhỏ, thu hẹp khu vực kiểm soát của địch; phá chính quyền bù nhìn, diệt tề, trừ gian, làm tan rã hàng ngũ thân binh và đề cao uy tín của chính quyền ta, thực hiện chiến tranh nhân dân; tiến tới tự túc, tự lập kháng chiến”². Đối với công tác vùng địch hậu, Liên khu ủy chủ trương: “Phá hội tề, nắm hội tề, lôi kéo thân binh, kết hợp hoạt động quân sự với hoạt động chính trị làm cho thực dân Pháp thất bại trong âm mưu dùng người Việt trị người Việt, tổ chức chính quyền bí mật trong lòng địch kiểm soát, phát triển chiến tranh du kích, phá hoại kinh tế địch”³.

Ngày 15/5/1948, theo Nghị quyết của Liên khu ủy III, Hà Nội sáp nhập với Hà Đông thành Liên tỉnh Lương Hà. Liên khu ủy đã chỉ định Liên tỉnh ủy lâm thời Lương Hà do đồng chí Lê Quang Đạo làm Bí thư. Từ ngày 06 đến ngày 11/7/1948, Đại hội đại biểu Liên

1. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn công trình lịch sử kháng chiến chống Pháp Khu Tả ngạn sông Hồng: *Lịch sử kháng chiến chống Pháp Khu Tả ngạn sông Hồng 1945 - 1955*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.143.

2, 3. *Chính sách và chủ trương trong Liên khu năm 1948*, Hội nghị cán bộ Liên khu lần thứ nhất thông qua ngày 06/4/1948. Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

tỉnh ủy Lương Hà được tiến hành. Đại hội bầu Liên tỉnh ủy chính thức, gồm 10 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết, đồng chí Lê Quang Đạo được bầu làm Bí thư. Đối với phong trào kháng chiến ở Hà Nội, Liên tỉnh ủy đề ra chủ trương công tác nhằm đẩy mạnh phong trào theo phương hướng: “Đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá phòng tuyến, thu hẹp vùng tạm chiếm của địch, làm chủ ngoại thành ban đêm, tiến lên làm chủ ban ngày; tăng cường hoạt động quân sự ở nội thành, gây ảnh hưởng chính trị để xây dựng và phát triển cơ sở trong đường phố, xí nghiệp. Phá thực quyền của hội tề, tiến tới phá tề đồng loạt, xây dựng chính quyền ở các xã; phát triển mạnh dân quân du kích xã; đồng thời tổ chức củng cố các đoàn thể Việt Minh, phát triển Liên Việt rộng rãi. Tích cực gây cơ sở phát triển Đảng, xây dựng chi bộ tự động công tác để chỉ đạo kháng chiến”¹.

Sau khi các cơ sở được phục hồi, Liên tỉnh ủy Lương Hà quyết định mở đợt phá tề rộng khắp từ xã lên tỉnh. Cả một hệ thống ngục quyền vùng Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Oai, Thanh Trì... bị quét sạch. Hàng trăm tên tề ngục đầu sỏ bị trừng trị. Quân Pháp điên cuồng mở các cuộc hành binh càn quét quy mô, cơ quan Liên tỉnh phải di chuyển về Mỹ Đức.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội (1930 - 2000)*, *Sđd*, tr.212-213.

Năm 1948, Lê Quang Đạo lập gia đình với đồng chí Nguyễn Thị Nguyệt Tuệ (tức Nguyệt Tú)¹, cán bộ Khu XI, con gái đầu của họa sĩ Nguyễn Phan Chánh. Lễ cưới của hai người tổ chức ở Mỹ Đức.

Trước yêu cầu của tình hình mới, để có điều kiện tập trung lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Hà Nội, ngày 01/10/1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị tách Hà Nội khỏi Liên tỉnh Lương Hà, thành lập Khu đặc biệt do Liên khu ủy III phụ trách. Đến ngày 20/11/1948, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội được chính thức thành lập. Đồng chí Lê Quang Đạo tham gia Thường vụ Liên khu ủy, làm Trưởng Ban Tuyên huấn, đồng thời vẫn là Bí thư Đảng bộ Thành phố Hà Nội.

Thu - đông năm 1948, quân Pháp đánh ra khu tam giác Sơn Tây - Hòa Bình - Việt Trì, thiết lập hành lang Đông - Tây hòng cắt rời căn cứ Việt Bắc ra khỏi cả nước. Chấp hành chỉ thị của Trung ương về đẩy mạnh hoạt động ở sau lưng địch, cuối năm 1948, Thành ủy Hà Nội chủ trương mở một đợt hoạt động vũ trang phối hợp

1. Nguyễn Thị Nguyệt Tuệ sinh năm 1925 tại Hà Tĩnh, gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1946, là Ủy viên Ban nữ thanh vận Hoàng Diệu (1946), Ủy viên Ban Phụ vận Bắc Bộ (1948), phóng viên Báo Phụ nữ Việt Nam (1948 - 1964), phóng viên Báo Nhân dân (1964 - 1970), Giám đốc Nhà xuất bản Phụ nữ (1974 - 1984), là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hội viên Hội Nhà báo Việt Nam.

chiến đấu với quân dân Sơn Tây - Hòa Bình - Việt Trì và tổ chức tổng phá tề. Ở nội thành, các đội hành động của Công an có nhân dân giúp đỡ đã trừng trị những tên tay sai đắc lực của thực dân Pháp như Nguyễn Hữu Kỳ, Trưởng phố Hàm Long; Nguyễn Ngọc Long, Khu trưởng ấp Thái Hà; Lê Hữu Bá Kế, chỉ huy Bảo an thuộc Hội đồng an dân Bắc Việt... Thế kìm kẹp của địch ở các làng ngoại thành bị đập tan từng mảng lớn. Âm mưu xây dựng chính quyền tay sai của địch bị giáng một đòn nặng nề. Địch phải co cụm lại, ban đêm không dám ra khỏi phố. Phong trào du kích phát triển mạnh khiến Hà Nội không còn là hậu phương tuyệt đối an toàn của địch. Đầu năm 1949, phong trào cách mạng ở ngoại thành phát triển khá mạnh, gần 100 làng đã có cơ sở kháng chiến, chính quyền của ta đã lập lại ở 67 xã. Ở nội thành, cán bộ vận động quần chúng vượt qua nhiều khó khăn, gây dựng được cơ sở ở đường phố và một số xí nghiệp, trường học. Tổ chức đảng cũng phát triển, toàn Thành phố có 65 chi bộ với 634 đảng viên.

Như vậy, đến những năm 1948 - 1949, mặc dù tổ chức bị xáo trộn do việc sáp nhập và chia tách về hành chính, nhưng phong trào kháng chiến ở Hà Nội đã có bước phát triển vượt bậc. Ta đã vượt qua các phòng tuyến, đi sâu vào trong lòng địch, phát động chiến tranh du kích, xây dựng, phát triển các cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng, chuẩn bị chiến trường Thủ đô với đầy đủ thế và lực, sẵn sàng phối hợp với chiến

trường cả nước chuyển mạnh sang tổng phản công. Đó là thắng lợi lớn của quân dân Hà Nội trong cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ, cũng là minh chứng tiêu biểu cho sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng bộ Thành phố Hà Nội, đứng đầu là Bí thư Lê Quang Đạo.

3. Tham gia lãnh đạo công tác tuyên truyền của Đảng và công tác chính trị - quân sự trong quân đội (1949 - 1954)

Đầu năm 1949, Thường vụ Trung ương quyết định điều động đồng chí Lê Quang Đạo về cơ quan Trung ương nhận công tác mới ở Việt Bắc trên cương vị Phó ban Tuyên truyền của Đảng và phụ trách báo *Sự thật* và Nhà xuất bản *Sự thật*¹.

Ở cương vị mới, đồng chí Lê Quang Đạo nhận thức nhiệm vụ nặng nề của mình là giúp Đảng vạch ra chủ trương, đường lối, phương pháp tuyên truyền cách mạng, nó có thể gây nên những tác hại lớn nếu để xảy ra sai sót. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ này, đồng chí dành nhiều thời gian học thêm tiếng Trung, nâng cao tiếng Pháp, đọc thêm nhiều sách báo nâng cao trình độ lý luận để đối phó với địch trên mặt trận tuyên truyền. Kết hợp kinh nghiệm thực tiễn qua những năm trực tiếp chỉ đạo phong trào kháng chiến ở Hải Phòng, Hà Nội và lý luận

1. Xem *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật - 75 năm xây dựng và phát triển (1945-2020)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.23, 233.

chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng chí đã nắm bắt sâu sắc những vấn đề lý luận cơ bản của công tác tuyên truyền cách mạng và cùng với Ban Tuyên truyền của Đảng đưa ra phương pháp tuyên truyền sao cho có hiệu quả.

Thời gian này, đồng chí Lê Quang Đạo còn trực tiếp tham gia giảng dạy về công tác tuyên truyền cho các lớp học ở chiến khu Việt Bắc do Tổng bộ Việt Minh và Trung ương Đảng tổ chức. Với trí thông minh, sắc sảo và cách nói giản dị, gần gũi, các bài giảng của đồng chí có sức thuyết phục rất lớn với người nghe. Nói chuyện với học viên lớp viết báo Huỳnh Thúc Kháng, các lớp chính trị ở Trường Nguyễn Ái Quốc, đồng chí phân tích sâu sắc về vai trò và nghệ thuật tuyên truyền. Theo đồng chí, tuyên truyền không chỉ là công việc cổ vũ, động viên, kêu gọi, mà thực sự là vũ khí không thể thiếu được trong đấu tranh cách mạng để đi tới thành công. Công tác tuyên truyền là sự giáo dục lâu dài để động viên quần chúng giác ngộ đấu tranh, chiến đấu. Để tuyên truyền có hiệu quả, phải đặc biệt chú trọng đến nghệ thuật tuyên truyền, như tuyên truyền phải có trọng tâm, trọng điểm trong từng thời kỳ; cần kịp thời thay đổi hình thức và khẩu hiệu cho phù hợp với phong trào lên xuống; nói lợi ích chung phải gắn với lợi ích thiết thực, hằng ngày của từng địa phương, quần chúng, quan trọng nhất là phải hòa mình với quần chúng, thấu hiểu tư tưởng quần chúng thì tuyên truyền mới có hiệu quả. Đối với việc phê bình và tự phê bình, đồng chí khẳng định: không có phê

bình thì không tiến bộ, nhưng phải biết cách phê bình thân ái, phải chống các bệnh ba hoa, sáo rỗng, khẩu hiệu. Ngoài ra, để nâng cao trình độ và nghiệp vụ báo chí, đồng chí còn tự rèn luyện cách viết, cách diễn đạt, phục vụ công việc phụ trách tờ báo của Đảng.

Để tạo không khí vui vẻ, khích lệ tinh thần của cán bộ, chiến sĩ ở chiến khu, cơ quan Tuyên huấn Trung ương thường xuyên tổ chức những buổi họp kỷ niệm các sự kiện lớn trong năm, hay những buổi nói chuyện văn nghệ. Các buổi họp này có hàng trăm người đến dự. Đồng chí Lê Quang Đạo gặp lại khá nhiều văn nghệ sĩ trong Hội Văn hóa Cứu quốc thời kỳ hoạt động bí mật như Tô Hoài, Như Phong, Nguyễn Đình Thi, Văn Cao,... Đồng chí trò chuyện rất thân tình với văn nghệ sĩ để từ đó trao đổi và học tập kinh nghiệm của họ.

Năm 1949, cuộc kháng chiến của dân tộc ta chuyển sang một thời kỳ mới. Tình hình thế giới cũng có những chuyển biến tích cực có lợi cho ta. Ngày 01/10/1949, cách mạng Trung Quốc thành công. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ ta cả về vật chất lẫn tinh thần. Đến đầu năm 1950, không khí tổng phản công sôi nổi khắp các mặt trận.

Nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho thời kỳ đấu tranh mới, Ban Tuyên truyền của Đảng chủ trương mở Hội nghị tuyên truyền toàn quốc. Theo chỉ thị của Tổng Bí thư Trường Chinh, cơ quan tuyên truyền phải chuẩn bị các văn kiện cho Hội nghị, trong đó quan trọng nhất là báo cáo của Tổng Bí thư. Lê Quang Đạo cùng các đồng chí trong Ban

Tuyên truyền đã tích cực chuẩn bị văn kiện quan trọng này. Tháng 3/1950, Hội nghị tuyên truyền toàn quốc được tiến hành trong 10 ngày. Hội nghị giải đáp những vấn đề cơ bản nhất của công tác tuyên truyền: vai trò, mục tiêu, nghệ thuật, phương pháp tuyên truyền. Từ đó giúp đại biểu tham dự có nhận thức đúng và cung cấp những kỹ năng, phương pháp cần thiết cho công tác tuyên truyền. Sau Hội nghị, đồng chí Lê Quang Đạo thôi phụ trách báo *Sự thật*, chuyển sang phụ trách tạp chí *Lý luận*.

Phát huy kết quả giành được sau 5 năm kháng chiến và những thuận lợi mới, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp (từ ngày 21/01 đến ngày 03/02/1950) nêu lên yêu cầu then chốt lúc này là vấn đề đào tạo cán bộ cho quân đội, liên kết giữa giáo dục tư tưởng và học tập kỹ thuật. Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Nghị quyết củng cố Bộ Quốc phòng và kiện toàn bộ máy cơ quan quân sự Trung ương, quyết định đưa một số cán bộ có năng lực của Đảng từ các cơ quan hành chính, dân sự vào quân đội, phụ trách các mặt công tác quan trọng về tham mưu, chính trị, hậu cần.

Ngày 11/7/1950, Tổng cục Chính trị được thành lập trên cơ sở phát triển từ Cục Chính trị¹. Cục Tuyên huấn

1. Tổng cục Chính trị gồm có: Cục Tổ chức, Cục Tuyên huấn, Cục Dịch vụ, Cục Quân pháp, Nhà xuất bản Vệ quốc quân. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh được bổ nhiệm làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, đồng chí Lê Liêm làm Phó Chủ nhiệm.

trong Tổng cục Chính trị thành lập trên cơ sở sáp nhập Phòng Tuyên truyền và Phòng Huấn luyện. Đồng chí Lê Quang Đạo được Thường vụ Trung ương Đảng cử phụ trách Cục Tuyên huấn¹, kiêm Giám đốc Nhà xuất bản Quân đội nhân dân. Có thể nói đây là bước ngoặt lớn, mở đầu thời kỳ hoạt động 28 năm liên tục trong quân ngũ của đồng chí.

Ngày 07/7/1950, Bộ Tổng tư lệnh mở Chiến dịch Biên giới Cao - Lạng (lấy mật danh là Chiến dịch Lê Hồng Phong 2). Ngày 27/7/1950, Thường vụ Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 45-NQ/TW thành lập Đảng ủy Mặt trận. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy Mặt trận, Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch. Ngày 28/7/1950, Bộ Tổng tư lệnh thành lập cơ quan chiến dịch, gồm các phòng tham mưu, chính trị, hậu cần và chỉ định các cán bộ phụ trách. Đồng chí Lê Liêm được chỉ định làm Chủ nhiệm Chính trị, đồng chí Lê Quang Đạo làm Phó Chủ nhiệm Chính trị, phụ trách công tác tuyên huấn của Chiến dịch Biên giới².

1. Sau khi ổn định biên chế tổ chức, Cục Tuyên huấn gồm các phòng: Tuyên truyền, Huấn luyện, Thông tin, Văn nghệ, Tòa soạn Báo Quân đội nhân dân; Ban Hành chính; Nhà in, Đội phát hành, Tổ Thanh niên.

2. Theo sách *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.11, viết: “Giữa tháng 10 năm 1950, đồng chí làm Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ Chỉ huy Chiến dịch Biên giới, phụ trách công tác tuyên huấn của chiến dịch”.

Ngày 05/8/1950, đồng chí Lê Quang Đạo lên đường đi chiến dịch. Đây là lần đầu tiên đồng chí được tham gia một chiến dịch tấn công lớn của những binh đoàn chủ lực, gồm cả bộ binh, pháo binh. Trên cương vị là Phó Chủ nhiệm Chính trị, đồng chí cùng với Đảng ủy và Phòng Chính trị mặt trận triển khai công tác chính trị trên tất cả các mặt, các khâu công tác của bộ đội.

Ngày 29/8/1950, Đảng ủy và Phòng Chính trị mặt trận tổ chức Hội nghị công tác chính trị chiến dịch, thành phần từ chính trị viên tiểu đoàn và trưởng ban chính trị các đơn vị tham chiến, để thảo luận thống nhất về công tác chính trị chiến dịch. Sau Hội nghị, Phòng Chính trị mặt trận liên tiếp có chỉ thị, hướng dẫn thực hiện cụ thể, như Chỉ thị bổ sung ngày 6/9 về nhiệm vụ công tác chính trị trong chiến dịch; Chỉ thị ngày 9/9 về công tác chính trị trước khi chiến đấu tiêu diệt Đông Khê; Chỉ thị ngày 10/9 về chủ trương khi vào các thị trấn; Chỉ thị ngày 13/9 về công tác chính trị trong chiến đấu,... Khi mọi công tác chuẩn bị căn bản đạt yêu cầu, Đảng ủy và Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định nổ súng tấn công Đông Khê vào sáng 16/9/1950. Chiều ngày 7/10, hai binh đoàn chủ lực của địch là binh đoàn Lơ Pagior và binh đoàn Sác tông bị tiêu diệt, phần lớn quân địch bị bắt làm tù binh.

Để động viên tinh thần bộ đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp xuống thăm Đại đoàn 308, đơn vị bắt được Lơ Pagior và Sác tông. Đồng chí Lê Quang Đạo có

vinh dự được đi cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh xuống thăm Đại đoàn. Trên đường đi, đồng chí báo cáo tình hình bộ đội với Người và được Người căn dặn, chỉ bảo thêm nhiều vấn đề thiết thực của công tác chính trị. Người nói: “Công tác của người cán bộ chính trị trong quân đội không những phải làm tốt việc giáo dục chính trị, tư tưởng, mà còn phải lo chỗ ăn, chỗ ngủ, chỗ đi vệ sinh cho cán bộ, chiến sĩ. Phải giữ gìn tốt mối quan hệ bộ đội với nhân dân, chấp hành thật tốt kỷ luật quân chúng và chính sách nhân đạo đối với tù binh, hàng binh...”¹. Chuyển đi thăm Đại đoàn 308 cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại bài học quý giá và thấm thía với Lê Quang Đạo, giúp đồng chí có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về công tác chính trị trong quân đội.

Ngày 14/10/1950, Chiến dịch Biên giới kết thúc. Sau 29 ngày đêm chiến đấu, quân đội ta giành thắng lợi to lớn, giải phóng một vùng rộng lớn gồm 5 thị xã, 13 thị trấn và 35 vạn dân, mở rộng căn cứ Việt Bắc, khai thông biên giới Việt - Trung. Cuối tháng 11/1950, đồng chí Lê Quang Đạo tham dự Hội nghị tổng kết Chiến dịch Biên giới tại xã Tổng Quận, huyện Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên. Báo cáo tổng kết, đồng chí Võ Nguyên Giáp và đồng chí Nguyễn Chí Thanh đều khẳng định sức mạnh, hiệu quả của công tác đảng, công tác chính trị

1. Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.282.

trong chiến dịch, chỉ ra một số thiếu sót; từ đó đúc kết nhiều kinh nghiệm có ý nghĩa thiết thực cho các chiến dịch tiếp theo.

Sau thắng lợi của Chiến dịch Biên giới, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang thời kỳ mới. Sau tuyên bố của Chính phủ Việt Nam, các nước xã hội chủ nghĩa lần lượt chính thức công nhận Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đặt quan hệ ngoại giao. Đảng chủ trương tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, nhằm bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng phù hợp với thực tiễn, thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến tiến lên bước phát triển cao hơn. Theo yêu cầu của Trung ương, đồng chí Lê Quang Đạo và một số cán bộ của Tổng cục Chính trị được chỉ định tham gia chuẩn bị văn kiện Đại hội. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, cùng với đồng chí Nguyễn Chí Thanh là đại biểu chính thức, đồng chí Lê Quang Đạo được dự Đại hội với tư cách đại biểu dự khuyết.

Tháng 02/1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng diễn ra tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đảng ta xác định: Nhiệm vụ chính của chúng ta là đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, phải ra sức phát triển lực lượng của quân đội và của nhân dân để đánh thắng nữa, đánh thắng mãi, để tiến tới tổng phản công. Trong xây dựng và phát triển quân đội, phải ra sức đẩy mạnh xây dựng và củng cố công tác chính trị và quân sự, phải nâng cao

giác ngộ chính trị, nâng cao chiến thuật và kỹ thuật, nâng cao kỷ luật tự giác của bộ đội ta. Phải làm cho quân đội ta trở thành quân đội chân chính của nhân dân¹. Đại hội đã thảo luận đề nghị của Quân ủy Trung ương và quyết định thành lập chế độ Đảng ủy trong quân đội thay thế chế độ Chính ủy tối hậu quyết định. Những nguyên tắc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng đã được Đại hội bổ sung hoàn thiện, trong đó vấn đề bản chất cách mạng được nhấn mạnh, đưa quân đội ta trưởng thành lên một bước, xứng đáng với tên gọi Quân đội nhân dân Việt Nam.

Sau Đại hội II, đồng chí Lê Quang Đạo được Ban Thường vụ Trung ương cử làm Cục trưởng Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam². Để củng cố cơ quan Tổng cục Chính trị, hướng mọi hoạt động vào thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 26/02/1951, Chủ nhiệm Tổng cục triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt các cơ quan trực thuộc Tổng cục. Đồng chí Lê Quang Đạo tham dự Hội nghị. Hội nghị ra nghị quyết về chỉ đạo thực hiện công tác đảng, công tác chính trị 6 tháng đầu năm 1951, củng cố tổ chức cơ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.12, tr.33.

2. Theo sách *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, Sđd, tr.11 thì giữa tháng 10/1950 đến năm 1953, đồng chí Lê Quang Đạo làm Cục trưởng Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị (B.T.).

quan Tổng cục. Đối với Cục Tuyên huấn, Hội nghị thống nhất giao nhiệm vụ chung là “tập trung huấn luyện cho việc Đảng ra công khai (giới thiệu cho quần chúng, giáo dục cho đảng viên, chuẩn bị việc Đảng ra công khai); xem xét và chấn chỉnh nội dung huấn luyện và phương pháp chỉnh đốn ở các trường; đề cao chiến thắng của Chiến dịch Trung du và động viên thực hiện nhiệm vụ chiến dịch mới; biên soạn và xuất bản những sách và kinh nghiệm chiến dịch; xây dựng bộ máy tuyên huấn các cấp; vận động toàn Đảng, toàn quân viết báo; chấn chỉnh văn công; cung cấp tài liệu tuyên truyền quốc tế”¹.

Để nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội, trước hết là xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh kháng chiến, đồng chí Lê Quang Đạo được giao nhiệm vụ trực tiếp chuẩn bị tổ chức Hội nghị chuyên đề Tuyên huấn toàn quân. Đồng chí vừa tổ chức điều tra nghiên cứu, vừa bàn bạc, thảo luận với một số cán bộ để xác định chủ đề, nội dung của Hội nghị, nhằm nâng cao trình độ giác ngộ của bộ đội. Tại Hội nghị Tuyên huấn toàn quân lần thứ nhất (tháng 8/1951) có hai bản báo cáo chính: Tích cực tiến hành và nắm chắc việc lãnh đạo tư tưởng trong quân đội

1. Tổng cục Chính trị: *Lịch sử Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, t.1, tr.175.

của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Nguyễn Chí Thanh và Nhiệm vụ, phương châm giáo dục chính trị trong Quân đội của Cục trưởng Cục Tuyên huấn Lê Quang Đạo. Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Lê Quang Đạo khẳng định: “Công tác giáo dục chính trị là linh hồn, là mạch sống của bộ đội. Muốn nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, trình độ tư tưởng để nâng cao sức chiến đấu của toàn quân, cần phải tăng cường giáo dục chính trị trong quân đội”¹. Hội nghị đã giải đáp rõ các vấn đề vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc và phương pháp của công tác tư tưởng. Qua đó, đã giúp những người tham dự Hội nghị hiểu rõ thêm chức năng, nhiệm vụ của ngành tuyên huấn quân đội. Nhiều đại biểu tự liên hệ: “Trước đây hầu như cán bộ chính trị cơ sở đều làm ăn mò mẫm, bây giờ mới có cẩm nang bài bản”². Hội nghị đã thông qua và quyết nghị lấy hai bản báo cáo nói trên làm tài liệu chính thức để lãnh đạo tư tưởng và tiến hành giáo dục chính trị trong quân đội. Từ kết quả của Hội nghị, đồng chí Lê Quang Đạo chỉ đạo và trực tiếp cùng cơ quan Tuyên huấn soạn thảo kế hoạch chỉnh huấn chính trị cho toàn quân.

Thực hiện chủ trương của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh, mùa hè năm 1951, toàn quân tiến hành đợt chỉnh huấn chính trị. Cục Tuyên huấn được Quân ủy

1, 2. Tổng cục Chính trị: *Lịch sử Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1975)*, Sđd, t.1, tr.196, 199.

và Tổng cục Chính trị giao nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu phục vụ đợt chỉnh huấn quan trọng này. Đợt chỉnh huấn kéo dài 2 tháng giúp bộ đội hiểu sâu sắc hơn bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam, mối quan hệ giữa quân và dân, cán bộ với chiến sĩ; đồng thời, củng cố niềm tin vào Đảng, vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng Việt Nam. Theo yêu cầu của Thủ trưởng Tổng cục Chính trị, đồng chí Lê Quang Đạo chỉ đạo Nhà xuất bản Quân đội nhân dân hoàn thành nhiệm vụ xuất bản sách phục vụ đợt chỉnh huấn chính trị, cung cấp cho bạn đọc trong và ngoài quân đội một số sách tổng kết kinh nghiệm tác chiến chiến dịch, huấn luyện chiến thuật, kỹ thuật, như: *Học tập Hồ Chủ tịch, người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng Lao động Việt Nam, Chiến thắng lớn lao Thu Đông năm 1950* của đồng chí Nguyễn Chí Thanh...

Năm 1952, Tổng cục Chính trị tổ chức đợt chỉnh huấn toàn quân lần thứ hai. Đồng chí Lê Quang Đạo chỉ đạo Cục Tuyên huấn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tích cực chuẩn bị tài liệu, biên soạn đề cương, tổ chức in ấn, phát hành các ấn phẩm phục vụ đợt chỉnh huấn đến từng đơn vị cơ sở; cử cán bộ xuống các đơn vị nắm tình hình, hướng dẫn đơn vị học tập, cải tiến phương pháp giảng dạy và tiến hành tự phê bình và phê bình. Đồng chí trực tiếp xuống kiểm tra, hướng dẫn chỉnh huấn ở các Đại đoàn 308, 312, 316,... Đồng chí còn biên soạn nhiều tài liệu có giá trị về công tác chính trị

tư tưởng, xây dựng Đảng, đặc biệt là tài liệu chỉnh quân, chỉnh huấn, giúp xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng.

Từ mùa hè năm 1952, thực dân Pháp tăng cường binh lực tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét. Bộ Chính trị, Tổng Quân ủy quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc. Cuối tháng 6/1952, Tổng cục Chính trị tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt các cơ quan Tổng cục, bàn việc giúp Khu Tây Bắc củng cố, phát triển cơ sở chính trị, chuẩn bị mở chiến dịch. Cục Tuyên huấn được giao nhiệm vụ: “Nắm chắc kết quả chỉnh huấn, chuẩn bị các tài liệu để giáo dục cho cán bộ và chiến sĩ về chính sách chung và chính sách cụ thể đối với đồng bào thiểu số, kinh nghiệm chung về việc vận động đồng bào thiểu số, tài liệu cho bộ đội làm công tác dân vận”¹.

Tháng 3/1953, Tổng Quân ủy ra nghị quyết về chỉnh quân chính trị, nhằm “Nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp của bộ đội lên một bước nữa, làm cho tổ chức được trong sạch và củng cố, để đề cao sức chiến đấu của bộ đội trở thành một lực lượng lớn mạnh và kiên quyết ủng hộ việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ”². Ban Chỉ đạo chỉnh quân được thành lập

1. Tổng cục Chính trị: *Lịch sử Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1975)*, Sđd, t.1, tr.233.

2. Nghị quyết của Tổng Quân ủy về chỉnh quân chính trị năm 1953. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

gồm các đồng chí: Nguyễn Chí Thanh - Chủ nhiệm Tổng cục làm Trưởng ban; Lê Liêm - Phó Chủ nhiệm Tổng cục làm Phó ban; Lê Quang Đạo và các đồng chí Cục trưởng Cục Tổ chức, Bảo vệ, Chánh văn phòng làm Ủy viên.

Thực hiện chủ trương của Ban Chỉ đạo chỉnh quân, các lớp học chỉnh quân chính trị được mở ở các chiến trường. Để phục vụ cho chỉnh quân chính trị, đồng chí Lê Quang Đạo chỉ đạo Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ngoài việc tổ chức in ấn, phát hành tài liệu do Cục Tuyên huấn và Cục Tổ chức biên soạn, còn xuất bản nhiều sách có giá trị lý luận, như: *Cách mạng Việt Nam, Quân đội Việt Nam anh dũng Chào mừng Đảng Lao động Việt Nam...* Báo Quân đội nhân dân, ngoài đưa tin phản ánh đợt chỉnh quân về quân sự, đã có thêm mục “Thao trường phấn khởi”, phản ánh những gương điển hình, những kinh nghiệm hay trong huấn luyện. Nhằm động viên, khích lệ tinh thần chiến sĩ, đồng chí Lê Quang Đạo chỉ đạo Cục Tuyên huấn phát động phong trào thi đua luyện hay, đánh giỏi: “Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường đổ đổ máu”. Chỉnh quân chính trị trở thành một cuộc vận động lớn trong toàn quân và ngay cả trong cơ quan Tổng cục Chính trị.

Cuối tháng 12/1953, Tổng cục Chính trị tiến hành tổng kết đợt chỉnh quân chính trị. Báo cáo tổng kết khẳng định những kết quả to lớn đạt được và rút ra bài học kinh nghiệm sâu sắc trong cuộc đấu tranh giai cấp

gay go, xử lý những vấn đề phức tạp về tư tưởng trong bộ đội. Cuộc chỉnh huấn đánh dấu một bước phát triển mới về chính trị, tư tưởng, tổ chức của quân đội; nâng cao năng lực cấp ủy đảng, chỉ huy các cấp. Sau các đợt chỉnh huấn, một không khí mới xuất hiện ở các đơn vị, tinh thần thi đua giết giặc lập công, ý thức kỷ luật lên cao, tình đoàn kết, thương yêu giữa cán bộ và chiến sĩ được củng cố. Thắng lợi của đợt chỉnh quân chính trị năm 1952 - 1953 có sự đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Quang Đạo trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện.

Bước vào đông xuân 1953 - 1954, một cục diện mới diễn ra trên chiến trường Đông Dương. Pháp đổ quân xuống Điện Biên Phủ, xây dựng nơi đây thành tập đoàn cứ điểm vững chắc mà chúng cho là “bất khả xâm phạm”. Chúng hy vọng nơi đây, chủ lực của Pháp sẽ đối đầu với chủ lực của ta và giành thắng lợi quyết định.

Ngay sau khi Pháp cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, ngày 06/12/1953, Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ và thông qua phương án tác chiến của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh. Tiếp đó, Bộ Chính trị quyết định thành lập Bộ Tư lệnh chiến dịch do Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Bí thư Đảng ủy, Tổng Chỉ huy chiến dịch. Đồng chí Lê Liêm được chỉ định làm Chủ nhiệm Chính trị mặt trận. Đồng chí Lê Quang Đạo làm Phó Chủ nhiệm Chính trị mặt trận.

Đồng chí Lê Quang Đạo được Bộ Tư lệnh và Chủ nhiệm Chính trị chiến dịch phân công xuống theo dõi, chỉ đạo các đơn vị pháo binh, đưa pháo vào trận địa theo kế hoạch tác chiến. Đây được xem là một trong những nhiệm vụ rất nặng nề, khó khăn và vô cùng quan trọng. Với phương châm “Đánh nhanh, thắng nhanh”, nếu thời gian đưa pháo vào kéo dài, địch có điều kiện củng cố công sự và tăng thêm quân sẽ rất khó khăn cho ta. Ngày 25/01/1954, nhiệm vụ kéo pháo vào trận địa hoàn thành. Đồng chí Lê Quang Đạo nhận lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tạm giữ chức vụ Chính ủy Đại đoàn 308 thay đồng chí Song Hào bị ốm. Đại đoàn 308 là đại đoàn có bề dày chiến công, được coi là đơn vị mạnh nhất về đánh công sự vững chắc, là đại đoàn chủ lực đầu tiên của quân đội ta. Trong phương án “Đánh nhanh, thắng nhanh”, đại đoàn được chọn làm đơn vị chủ công với nhiệm vụ đột phá thẳng vào khu trung tâm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Trong khi công việc chuẩn bị cho phương châm “Đánh nhanh, thắng nhanh” của ta cơ bản hoàn tất, địch đã có nhiều thay đổi. Sau hơn 2 tháng chiếm đóng Điện Biên Phủ, địch cơ bản xây dựng xong hệ thống phòng ngự vững chắc, tăng cường thêm lực lượng và đưa các tiểu đoàn tinh nhuệ ra chốt giữ những vị trí tiền tiêu. Trước tình hình này, trên cơ sở tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với nhãn quan chiến lược quân sự sắc bén, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có một quyết định lịch sử quan

trọng, đó là chuyển từ phương châm tác chiến “Đánh nhanh, thắng nhanh” sang “Đánh chắc, tiến chắc”.

Để đánh lạc hướng sự chú ý của địch, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy chiến dịch sử dụng Đại đoàn 308 và Trung đoàn 148 (Đại đoàn 316) nhanh chóng cơ động sang phối hợp với Quân giải phóng Lào mở chiến dịch Thượng Lào. Tư lệnh Đại đoàn Vương Thừa Vũ chính thức nhận lệnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp chuyển hướng tiến công, hành quân sang Lào, kết hợp với bạn tiến công phòng tuyến sông Nậm Hu. Đồng chí Lê Quang Đạo cùng cánh quân thứ hai (gồm Trung đoàn 36 và Trung đoàn 88) tiến về hướng Luông Phabăng¹. Trong gần 20 ngày liên tục hành quân và chiến đấu, phối hợp với quân đội Pathét (Lào), với sự ủng hộ của nhân dân Lào, Đại đoàn 308 đã đập tan phòng tuyến sông Nậm Hu, tiêu diệt 14 đại đội địch, buộc quân Pháp phải tiếp tục phân tán, lập thêm tập đoàn cứ điểm Mường Sải và tăng cường quân cho Luông Phabăng, tạo điều kiện thuận lợi cho ta tập trung tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ. Ngày 18/2, Đại đoàn 308 được lệnh nhanh chóng quay về Điện Biên Phủ.

Trở về Điện Biên Phủ, đồng chí Lê Quang Đạo có cuộc họp tại Sở chỉ huy của Đại đoàn 308 với cán bộ đơn vị từ Lào trở về. Các đơn vị lần lượt báo cáo kết quả tiêu diệt địch, chiến lợi phẩm thu được, tình hình thương

1. Cánh quân thứ nhất gồm Trung đoàn 102, Tiểu đoàn phòng không và Đơn vị cối 120 tiến về phía Mường Sải, do đồng chí Vương Thừa Vũ chỉ huy.

vong, sức khỏe và tư tưởng của bộ đội, công tác dân vận với nhân dân nước bạn... Đồng chí biểu dương chiến công của từng đơn vị, khẩn trương giải quyết các đề nghị của các đơn vị. Đồng chí còn gặp riêng các cán bộ chính trị, hỏi kỹ tình hình tư tưởng của bộ đội, căn dặn phải xây dựng thật vững chắc quyết tâm liên tục chiến đấu, chống chủ quan, tự mãn, nhất là giải quyết được những thắc mắc của cán bộ, chiến sĩ khi Đại đoàn 308 không đảm nhận nhiệm vụ chủ công của chiến dịch như trong phương án tác chiến cũ, vì đã thực hiện đòn nghi binh chiến lược quân sự vừa qua ở Thượng Lào.

Trong cuộc tiến công đầu tiên vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, ta chủ trương tiêu diệt phân khu Bắc gồm các cứ điểm: Him Lam, đồi Độc Lập và Bản Kéo, mở cánh cửa tiến vào khu trung tâm. Nhiệm vụ này được Bộ Chỉ huy Mặt trận trao cho Đại đoàn 312 và Đại đoàn 308. Ngày đầu, Đại đoàn 312 đánh Him Lam. Ngày thứ hai, 1 trung đoàn của Đại đoàn 312 kết hợp với 1 trung đoàn của Đại đoàn 308 đánh đồi Độc Lập. Ban chỉ huy hiệp đồng đánh đồi Độc Lập được hình thành, gồm: Vương Thừa Vũ - Chỉ huy trưởng; Quang Trung (Đại đoàn phó Đại đoàn 312) và Cao Văn Khánh (Đại đoàn phó Đại đoàn 308) là Chỉ huy phó. Trung đoàn 88 (Đại đoàn 308) và Trung đoàn 165 (Đại đoàn 312) nhận nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm. Lãnh đạo về chính trị do đồng chí Lê Quang Đạo phụ trách.

Trước giờ nổ súng, Ban chỉ huy đã có cuộc họp giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 88. Trong cuộc họp, đồng chí Lê Quang Đạo nhấn mạnh: “Nhiệm vụ đơn vị ta là một

bộ phận trong nhiệm vụ chung của chiến dịch, ta sẽ động viên cán bộ, chiến sĩ khắc phục khó khăn về thời gian”¹. Ngay sau cuộc họp, đồng chí Lê Quang Đạo trực tiếp xuống Trung đoàn 88, chia sẻ những giờ phút khẩn trương chuẩn bị của Trung đoàn. Trong cuốn sách Ký sự lịch sử *Đại đoàn Quân tiên phong* có ghi lại: “Đồng chí nói rõ cho cán bộ Trung đoàn 88 biết: Bộ Chỉ huy Mặt trận rất thông cảm với khó khăn của Trung đoàn 88, đồng thời cũng rất tin tưởng Trung đoàn sẽ khắc phục được mọi khó khăn và sẽ đánh thắng. Đồng chí chỉ ra cho Đảng ủy Trung đoàn 88 phải làm tốt hai việc: động viên, xây dựng ý chí chiến đấu quyết thắng cao độ trên cơ sở nhận rõ vinh dự mở cửa cho chiến dịch lịch sử, đồng thời lãnh đạo cán bộ trong điều kiện gấp rút càng phải có tác phong sâu sát, hết sức phát huy khả năng của quần chúng trong chuẩn bị và trong thực hành chiến đấu”².

Đêm 13/3/1954, trận Điện Biên Phủ mở màn. Chiều 14/3, đồng chí Lê Quang Đạo có mặt tại Sở chỉ huy trận đánh đồi Độc Lập. Ngay sau trận đánh, đồng chí mời Tiểu đội trưởng Tiểu đội bộc phá lên gặp Bộ Tư lệnh Đại đoàn, kịp thời động viên, biểu dương tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ. Sau khi cú điểm Him Lam và đồi Độc Lập bị tiêu diệt, đồi Bản Kéo trở nên bị cô

1. Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, *Sđd*, tr.337.

2. *Đại đoàn Quân tiên phong*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1978, tr.719.

lập, binh lính Thái ở đây rất hoang mang. Nhận thấy tình hình có khả năng tiêu diệt đồn địch bằng binh vận, đồng chí Lê Quang Đạo gọi điện cho Chủ nhiệm Chính trị mặt trận Lê Liêm báo cáo tình hình và đề nghị cử ngay Ban Địch vận xuống phối hợp với bộ phận làm công tác địch vận của trung đoàn vận động binh lính Thái ra hàng. Chiều 16/3, binh lính Thái trong đồn Bản Kéo nhất loạt bỏ đồn chạy về phía rừng có bộ đội ta, bắt chấp lời kêu gọi của bọn chỉ huy và cả những loạt đại bác bắn chặn từ Mường Thanh. Cả phân khu Bắc của tập đoàn cứ điểm đã bị tiêu diệt.

Trong đợt tiến công thứ hai của chiến dịch, cứ điểm 106 ở phía tây bị tiêu diệt nhanh chóng trong nửa giờ. Đồng chí Lê Quang Đạo xuống tận nơi khen ngợi và giúp đơn vị tổng kết kinh nghiệm, nâng lên thành một cách đánh mới mẻ, linh hoạt và sáng tạo của quân ta nhằm phổ biến rộng rãi trên toàn Mặt trận. “Cách đánh ấy gọi là: đánh lấn”¹. Cơ quan chính trị chiến dịch phát động phong trào thi đua lập công, động viên toàn bộ đội và dân công nỗ lực cao nhất, quyết tâm giành chiến thắng, chào mừng Ngày Quốc tế lao động 1/5 và Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5.

Trước đợt tiến công thứ ba, nhiệm vụ của Đại đoàn 308 là phối hợp với Đại đoàn 312 cắt đứt “dạ dày con nhím” Điện Biên Phủ, tiếp cận sở chỉ huy tướng Đờ Caxtori.

1. *Đại đoàn Quân tiên phong, Sđd, tr.789.*

Để tiêu diệt cứ điểm 206, chủ trương “đánh lấn” được Bộ Tư lệnh Đại đoàn và cả Bộ Chỉ huy mặt trận phê chuẩn. Trước khi thực hiện nhiệm vụ, đồng chí Lê Quang Đạo họp đơn vị phổ biến nhiệm vụ, khuyến khích đánh lấn và gợi thêm những cách đánh khác. Đồng chí nói: “Cách đánh như thế rất sáng tạo. Quân đội cách mạng không phải chỉ chiến đấu bằng sức mà phải chiến thắng quân địch bằng tinh thần, bằng trí tuệ, bằng mưu lược”¹.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ và anh dũng, ngày 7/5/1954 quân ta đã tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, diệt và bắt sống 16.000 quân địch, phá hủy 62 máy bay, thu nhiều vũ khí. Quân và dân ta đã đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất, cuối cùng của thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, giáng đòn quyết định, đập tan ý chí xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp. Ngày 8/5/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong, đồng bào Tây Bắc và căn dặn: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”².

Bên cạnh cuộc đấu tranh trên mặt trận quân sự, cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao cũng không kém phần quyết liệt. Ngày 26/4/1954, khi quân đội Việt Nam kết thúc chiến dịch tấn công đợt 2 ở Điện Biên Phủ, Hội nghị Giơnevơ bắt đầu được khai mạc để giải

1. *Đại đoàn Quân tiên phong, Sdd*, tr.801.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.8, tr.466.

quyết vấn đề chiến sự ở ba nước Đông Dương. Tại phiên họp ngày 25/5/1954, Hội nghị Giơnevơ thỏa thuận Bộ Tổng tư lệnh hai bên (Việt Nam và Pháp) sẽ gặp nhau tại chỗ (Việt Nam) để giải quyết vấn đề tù binh và các vấn đề quân sự khác liên quan tới đình chỉ chiến sự.

Theo thỏa thuận trên, Tổng Quân ủy quyết định cử phái đoàn quân sự của ta đàm phán với đoàn đại diện quân sự của Pháp ở xã Trung Giã, huyện Đa Phúc, tỉnh Phúc Yên, để lập một Ủy ban liên hiệp đình chiến. Ủy ban liên hiệp đình chiến do Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng làm Trưởng đoàn; đồng chí Song Hào và đồng chí Lê Quang Đạo làm Phó đoàn; thành viên đoàn là Trung tá Nguyễn Văn Long, Trung tá Lê Minh, Thiếu tá Nguyễn Văn Lê. Trong đoàn, ngoài các chuyên viên còn có một số nhà báo, phóng viên nước bạn Liên Xô và Trung Quốc. Đồng chí Lê Quang Đạo được phân công phụ trách tiểu ban tù binh và bộ phận báo chí. Đoàn đại biểu các lực lượng Pháp gồm 5 thành viên Pháp và ba thành viên Việt Nam đại diện 3 quân khu do Đại tá Lennuyơ làm Trưởng đoàn.

Hội nghị Trung Giã làm việc trong 23 ngày (từ ngày 04 đến ngày 27/7/1954), là hội nghị có tầm quan trọng lớn, bởi phải giải quyết vấn đề ngừng bắn của cuộc chiến tranh. Bàn về chương trình nghị sự, hai bên đưa ra vấn đề đầu tiên về ngừng bắn, nhưng sau đó, phía Pháp đề nghị trước hết bàn về vấn đề tù binh vì đó là vấn đề nhân đạo. Chính sách với tù binh bao gồm nhiều vấn đề cụ thể đòi hỏi phải xem xét chi tiết, nên đến ngày

10/7/1954, hai đoàn mới ký được biên bản thỏa thuận.

Thỏa thuận về ngừng bắn là vấn đề hết sức phức tạp. Các cuộc thảo luận về thực hiện lệnh ngừng bắn, gỡ thế cài răng lược phải trải qua nhiều buổi làm việc. Cuối cùng, hai đoàn đại biểu giải quyết hai vấn đề lớn của giải pháp ngừng bắn: Vấn đề cải thiện đời sống của tù binh trong khi chờ ngày được trao trả và vấn đề “gỡ thế cài răng lược”. Với thỏa thuận quan trọng này, Hội nghị quân sự Trung Giã đã đóng góp vào sự thành công của Hội nghị Giơnevơ và việc ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Ngày 20/7/1954, Hội nghị Giơnevơ về chiến tranh Đông Dương kết thúc và đi đến ký kết Hiệp định. Hiệp định Giơnevơ quy định: Các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia; Pháp rút quân ra khỏi ba nước Đông Dương, vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời; tháng 7/1956, tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước. Trong số 9 đoàn tham dự Hội nghị Giơnevơ¹, có 8 đoàn tham gia ký vào Hiệp định. Riêng đoàn Mỹ không ký mà chỉ ra một bản tuyên bố ghi nhận. Đây là sự chuẩn bị trước cho việc Mỹ không thực hiện Hiệp định sau này.

Theo Hiệp định Giơnevơ, tại Việt Nam, lực lượng

1. 9 đoàn tham dự Hội nghị Giơnevơ gồm: Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Pháp, Mỹ, Anh và ba đoàn của chính quyền bù nhìn Việt Nam, Lào, Campuchia.

quân sự đôi bên tập kết về hai phần phía nam và phía bắc vĩ tuyến 17. Hai bên thành lập Ủy ban liên hiệp để thi hành Hiệp định. Hội nghị quân sự Trung Giã bế mạc ngày 27/7, đúng ngày ngừng bắn ở Bắc Bộ và hai bên đồng ý chuyển Hội nghị Trung Giã thành Ủy ban Liên hiệp Trung ương thi hành Hiệp định Giơnevơ. Về phía ta, thành phần tham gia Ủy ban Liên hiệp Trung ương cơ bản vẫn như cũ, nhưng rút Trung tá Nguyễn Văn Long và thêm Trung tá Đồng Văn Cống (đại diện Nam Bộ), Thiếu tá Hồ Xuân Anh (đại diện Trung Bộ - sau này đổi tên thành Hoàng Anh Tuấn). Đồng chí Lê Quang Đạo tiếp tục tham gia và là Phó Trưởng đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ủy ban Liên hiệp. Hai đoàn đại biểu thông qua một thông cáo chung nói lên sự hài lòng về kết quả của Hội nghị.

Ngày 27/7/1954, Ủy ban Liên hiệp Trung ương bắt đầu làm việc tại Trung Giã và giải quyết các vấn đề của Hội nghị Giơnevơ đặt ra, như: trao trả tù binh, định quy chế khu phi quân sự, cấm đưa vũ khí mới vào Việt Nam, chuyển quân tập kết lực lượng hai bên, Việt Nam tiếp quản Hà Nội và khu chu vi Hải Phòng. Đầu tháng 8/1954, Ủy ban Liên hiệp rời xuống Phủ Lỗ, bên sông Cà Lồ, lấy một đồn cũ của Pháp làm trụ sở làm việc. Sau những ngày làm việc căng thẳng, cuối cùng ta và Pháp cũng hoàn tất việc ấn định tập kết lực lượng vũ trang đôi bên cho đến khi Pháp rút khỏi Hà Nội.

Ngày 10/10/1954, bộ đội ta vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Đại đoàn 308 được chọn là đơn vị tiếp quản Hà Nội.

15 giờ chiều cùng ngày, hàng vạn nhân dân Hà Nội trang nghiêm dự lễ chào cờ, mừng chiến thắng do Ủy ban Quân chính tổ chức, với sự có mặt của các đơn vị Quân đội nhân dân tham gia tiếp quản Thành phố. Cờ đỏ sao vàng tung bay trên đỉnh cột cờ Hà Nội đánh dấu sự kết thúc một chặng đường lịch sử đầy hy sinh, gian khổ nhưng rất oanh liệt, vẻ vang của nhân dân ta.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và anh dũng của nhân dân cả nước ta chống thực dân Pháp xâm lược và sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Về ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới”¹. Trong chiến công chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, có sự đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Quang Đạo.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.410.

Chương IV

NHÀ LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ - QUÂN SỰ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

1. Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, phụ trách công tác tuyên huấn quân đội (1954 - 1966)

Nhằm đánh giá tình hình và vạch ra sự chuyển hướng chiến lược của Đảng trong thời kỳ mới, báo cáo về *Tình hình và nhiệm vụ mới* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II¹, đã nêu rõ: Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ. Người nêu lên ba nhiệm vụ trước mắt:

1. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II họp từ ngày 15 đến ngày 17/7/1954.

“1- Tranh thủ và củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc.

2- Tăng cường lực lượng quân đội nhân dân, xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ và thích hợp với yêu cầu của tình hình mới.

3- Tiếp tục thực hiện người cày có ruộng; ra sức phục hồi sản xuất, chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà”¹.

Ngày 22/7/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi sau khi Hội nghị Giơnevơ thành công*: “Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc”².

Cùng với đoàn quân chiến thắng trở về trong sự chào đón của nhân dân, đồng chí Lê Quang Đạo về Hà Nội, mảnh đất đồng chí có nhiều năm gắn bó trong giai đoạn trước và sau Cách mạng Tháng Tám. Xa gia đình đúng nửa năm, đồng chí mới có dịp về thăm nhà. Lê Quang Đạo đi chiến dịch thì chị Nguyệt Tú, vợ anh cũng đi tham gia cải cách ruộng đất. Các con Quang Thắng, Quang Bắc được một cán bộ trong cơ quan trông nom, còn cháu Nguyệt Tinh vẫn gửi ở trại trẻ của Bộ Tổng tư lệnh. Bọn trẻ rất vui mừng thấy bố về. Lê Quang Đạo

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.554; t.9, tr.2.

dành thời gian ở nhà chăm sóc các con. Từ Việt Bắc chuyển về Hà Nội, chỗ ở mới của gia đình Lê Quang Đạo là một biệt thự cũ của Pháp ở chân Cột cờ Hà Nội.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ trong Ủy ban Liên hiệp Trung ương, trước yêu cầu xây dựng quân đội trong giai đoạn mới, ngày 14/5/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 232-SL, bổ nhiệm Lê Quang Đạo là Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng chí được phân công phụ trách công tác tuyên huấn quân đội¹.

Được tôi rèn qua thực tiễn chiến đấu chống thực dân Pháp, nắm vững công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội, Lê Quang Đạo đã cùng tập thể lãnh đạo Tổng cục Chính trị đề xuất nhiều chủ trương đúng đắn và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp như tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, tuyên truyền giáo dục văn hóa cho bộ đội... nhằm củng cố, nâng cao sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang trong tình hình mới; đồng thời, chỉ đạo các cấp phải thường xuyên giáo dục cán bộ, chiến sĩ thực hiện tốt công tác dân vận, phát huy bản chất,

1. Sắc lệnh số 232-SL còn bổ nhiệm các đồng chí Trần Văn Trà, Trần Quý Hai làm Phó Tổng tham mưu trưởng; đồng chí Song Hào làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; các đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Đinh Đức Thiện làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp quân đội.

truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; chấn chỉnh kịp thời tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác sau ngày miền Bắc được hòa bình.

Tháng 3/1957, tại Thủ đô Hà Nội diễn ra Hội nghị lần thứ 12 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, bàn về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng. Hội nghị nêu lên nhiệm vụ của Quân đội nhân dân trong giai đoạn mới, đó là: bảo vệ công cuộc củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ và tay sai, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong cả nước.

Tháng 5/1957, toàn quân tổ chức quán triệt Nghị quyết số 12 về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng. Đồng chí Lê Quang Đạo tham dự lớp học đầu tiên dành cho cán bộ cao cấp và trung cấp thuộc cơ quan Bộ Quốc phòng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Tổng Quân ủy, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trực tiếp phổ biến Nghị quyết và nêu phương hướng, nhiệm vụ xây dựng quân đội trong giai đoạn mới.

Với tầm hiểu biết sâu rộng, kết hợp thực tế với lý luận, đồng chí Lê Quang Đạo đã trực tiếp biên soạn một số tài liệu có giá trị về chỉnh huấn, chỉnh quân, nhằm xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng. Trong bài *Học tập cách xem xét vấn đề đúng đắn* (viết

năm 1957), đồng chí nêu lên một trong những yêu cầu quan trọng là phải phân rõ đúng sai, phải trái, phải nhận rõ cái đúng để giữ gìn và phát huy, biết rõ cái sai để kiên quyết sửa chữa. Theo đồng chí, để tìm hiểu và giải quyết bất cứ công việc gì cho đúng đắn, phải có ba vấn đề đúng: *một là*, lập trường đúng, đó là đứng trên lập trường của giai cấp công nhân để xem xét và giải quyết mọi vấn đề; *hai là*, phương pháp tư tưởng đúng, đó là phương pháp tư tưởng mácxít, chìa khóa để giải quyết mọi vấn đề; *ba là*, tác phong đúng. Ba vấn đề này liên quan mật thiết với nhau, trong đó chủ yếu là phải có lập trường đúng.

Năm 1958, đồng chí Lê Quang Đạo dự Hội nghị chính trị toàn quân thảo luận dự thảo Điều lệ về công tác chính trị, về xây dựng hệ thống các trường đào tạo cán bộ chính trị. Cũng trong năm 1958, đồng chí được Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Những năm 1959 - 1960, tình hình miền Nam có những biến đổi lớn. Sau khi dẹp bỏ được các phe phái chống đối, củng cố lực lượng, chính quyền Sài Gòn đã ban hành đạo luật chống Cộng khét tiếng - “Luật 10/59”, nhằm triệt hạ các cơ sở cách mạng của ta. Cùng với đó, đế quốc Mỹ cũng tích cực giúp Diệm xây dựng ngụy quân, ngụy quyền. Trước tình hình đó, tháng 5/1959, Đảng ta triệu tập Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương, đợt 2, khóa II, dưới sự chủ trì của Chủ tịch

Hồ Chí Minh. Hội nghị nhận định: Cách mạng Việt Nam hiện nay có hai nhiệm vụ chiến lược: “cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau, song song tiến hành, ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau, trợ lực mạnh mẽ cho nhau, nhằm phương hướng chung là giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội”¹. Nghị quyết Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cho hai miền: Miền Bắc củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được, xây dựng cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất nước nhà. Miền Nam tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ chế độ đế quốc và nửa phong kiến, thực hiện thống nhất nước nhà².

Để đáp ứng với yêu cầu mới của đất nước, Đảng ta chủ trương tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng. Để chuẩn bị cho Đại hội, Đoàn văn công quân đội được giao nhiệm vụ biểu diễn nghệ thuật phục vụ Đại hội. Đồng chí Lê Quang Đạo đã chỉ đạo Cục Tuyên huấn quân đội chuẩn bị vở vũ kịch mang tên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.62.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.63-65.

Ngọn lửa Nghệ Tĩnh. Võ vũ kịch đã thành công lớn, được đông đảo nhân dân đón nhận. Sau đó, vở vũ kịch được đưa vào biểu diễn tại quê hương Xôviết Nghệ Tĩnh, đồng bào đến xem chật kín sân vận động, trong đó có nhiều người đã trực tiếp tham gia phong trào năm 1930. Sau đó là 12 đêm biểu diễn ở Hồ Xá, bờ bắc sông Hiền Lương (Vĩnh Linh). Đồng bào ở bờ nam và cả lính của chính quyền Sài Gòn cũng vượt sông sang xem.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội, từ ngày 5 đến ngày 10/9/1960. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Diễn văn khai mạc Đại hội nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”¹. Người cũng nhấn mạnh vị trí và nhiệm vụ cách mạng ở mỗi miền: “Miền Bắc giàu mạnh là cơ sở vững chắc của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà”², miền Nam quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương³. Đồng chí Lê Quang Đạo được bầu làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương. Điều này thể hiện sự tín nhiệm của Đảng đối với đồng chí Lê Quang Đạo.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.673, 674.

3. Ban Chấp hành Trung ương khóa III gồm 47 ủy viên chính thức, 31 ủy viên dự khuyết.

Sau Đại hội Đảng, công tác xây dựng quân đội được tiến hành song song ở cả hai miền. Miền Bắc đẩy mạnh việc xây dựng quân đội tiến lên chính quy, hiện đại. Để tăng cường chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị về việc mở đường vận tải từ Bắc vào Nam, ngày 19/5/1959, Tổng Quân ủy quyết định thành lập Đoàn vận tải quân sự 559 xuyên Trường Sơn và Đoàn vận tải 759 vượt Biển Đông.

Công tác tổ chức, cán bộ của quân đội tiếp tục được hoàn thiện, củng cố. Bộ Quốc phòng yêu cầu tất cả cán bộ cao cấp phải đi học những lớp dài hạn hoặc ngắn hạn tại các trường quân sự cao cấp ở Liên Xô và Trung Quốc. Cuối năm 1960, đồng chí Lê Quang Đạo được cử sang Liên Xô học ở Học viện Quân sự cấp cao. Đồng chí có điều kiện nắm vững hơn những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin; sự khác nhau về quan điểm giữa hai đảng Liên Xô và Trung Quốc; những cuộc đấu tranh mới về tư tưởng trong Đảng Cộng sản. Năm 1961, chị Nguyệt Tú cũng được Hội Phụ nữ Trung ương cử đi học ở Trường Đảng Liên Xô 3 năm.

Giữa năm 1961, Viện kiểm sát quân sự Trung ương ra đời. Đồng chí Lê Quang Đạo được phân công kiêm nhiệm Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương. Thời gian này, đồng chí viết một số bài đăng trên tạp chí *Quân đội nhân dân* như bài: “Về công tác tư tưởng và công tác tổ chức” (tháng 9/1962), nêu lên nguyên tắc quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng là thống

nhất giữa tư tưởng và tổ chức; yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên trong hoạt động thực tiễn phải kết hợp chặt chẽ, đúng đắn hai mặt công tác này; nêu lên một số vấn đề về công tác tư tưởng và công tác tổ chức trong tình hình hiện nay. Bài viết có ý nghĩa giáo dục, định hướng nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân về yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới; góp phần củng cố mặt trận tư tưởng, nâng cao bản lĩnh, ý chí chiến đấu của quân đội ta. Bên cạnh đó, đồng chí còn được Tổng cục Chính trị giao phụ trách các khóa chỉnh huấn cho cán bộ toàn quân. Là người có thực tế, nắm vững kiến thức lý luận Mác - Lênin, đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, đồng chí Lê Quang Đạo giữ vai trò chủ chốt trong việc biên soạn bài giảng, đồng thời là giảng viên chính của các khóa chỉnh huấn.

Bước sang năm 1963, cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn, mở đầu là trận Ấp Bắc (tháng 01/1963). Từ những thắng lợi của Ấp Bắc, phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” phát triển mạnh mẽ khắp miền Nam. Ngày 01/11/1963, Mỹ đạo diễn cuộc đảo chính giết bọn tay sai Diệm - Nhu và mở rộng chiến tranh ra cả nước; triển khai chiến lược Chiến tranh đặc biệt ở miền Nam, ném bom miền Bắc và Lào, đe dọa, gây sức ép hùng buộc miền Bắc ngừng chỉ viện cho miền Nam. Tháng 3/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt. Người vạch rõ

âm mưu và hành động chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và tuyên bố: “Nếu chúng liều lĩnh động đến miền Bắc thì nhất định chúng sẽ thất bại thảm hại. Vì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đánh lại chúng”¹.

Sau hàng loạt hành động khiêu khích, phá hoại có hệ thống, ngày 04/8/1964, Mỹ dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” nhằm đánh lừa Quốc hội Mỹ, nhân dân Mỹ và dư luận thế giới để ngay sau đó, ngày 05/8/1964, Mỹ chính thức dùng không quân đánh phá miền Bắc, hòng cứu vãn thế sa lầy của chúng ở miền Nam, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại quy mô lớn, dài ngày, vô cùng tàn bạo của chúng.

Ngày 04/8/1964, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Lê Quang Đạo cùng Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn Hồng Cư đi kiểm tra tình hình sẵn sàng chiến đấu tại Quân khu 4. Với tác phong dân chủ, sâu sát cơ sở, đồng chí đã xuống tận các đơn vị để nắm bắt tình hình, động viên cán bộ, chiến sĩ quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trận đầu, ngày 05/8/1964, ta đã bắn rơi 8 máy bay Mỹ, bắn hỏng nhiều chiếc khác và bắt sống giặc lái Mỹ ở Quảng Ninh. Ngày 07/8/1964, tại Câu lạc bộ Quân đội, Bộ Quốc phòng tổ chức lễ tuyên dương các đơn vị phòng không và hải quân đã lập công xuất sắc trong 2 ngày (02/8 và 05/8). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tham dự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.279.

và căn dặn các chiến sĩ “... chớ vì thắng lợi mà tự mãn, chủ quan khinh địch. Chúng ta phải biết rằng đế quốc Mỹ và tay sai chết thì chết, vết không chữa. Chúng còn nhiều âm mưu hiểm ác”¹.

Trước tình hình địch đánh phá ngày càng ác liệt, đồng chí Lê Quang Đạo nhận thấy cần phải có những biện pháp để cổ vũ quyết tâm chiến đấu của các chiến sĩ trên các chiến trường, vạch trần âm mưu, thủ đoạn của địch. Là người phụ trách công tác tuyên huấn quân đội, đồng chí Lê Quang Đạo đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương tăng cường chỉ đạo báo chí, đài phát thanh đưa tin và bình luận quân sự. Theo đề nghị của Tổng cục Chính trị, ngoài tin điện về chiến thắng và điện khen gửi đơn vị, trong công tác tuyên truyền, động viên đồng bào và chiến sĩ cả nước còn xuất hiện thêm hình thức *Thông cáo chiến thắng*. Các thông cáo này đều do Cục Tuyên huấn chuẩn bị, đồng chí Lê Quang Đạo trực tiếp thông qua và chuyển sang Bộ Tổng tham mưu, người ký duyệt là Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Qua sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam, chương trình phát thanh Quân đội nhân dân của Cục Tuyên huấn trực tiếp đưa tin nhanh nhất về chiến sự đến toàn quân và toàn dân ở cả hai miền đất nước, kịp thời cổ vũ tinh thần chiến đấu của đồng bào và chiến sĩ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.366.

cả nước. Mỗi khi phát thanh viên Đài Tiếng nói Việt Nam đọc *Thông cáo chiến thắng* của Bộ Tổng tư lệnh là một lần toàn quân, toàn dân lại được động viên tinh thần tất cả vì miền Nam ruột thịt, tất cả vì sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Phong trào học tập Nguyễn Viết Xuân “Nhằm thẳng quân thù mà bắn” và các phong trào “Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”, phong trào “Thanh niên ba sẵn sàng”, “Phụ nữ ba đảm đang”, “Tay cày tay súng”, “Tay búa tay súng”... phát triển rầm rộ khắp hai miền Nam - Bắc.

Báo *Quân đội nhân dân* một tuần ra ba số không đáp ứng được kịp thời yêu cầu thông tin, giáo dục và động viên bộ đội và nhân dân. Trước tình hình đó, đồng chí Lê Quang Đạo đã gặp và căn dặn đồng chí Nguyễn Đình Ước - Phó Tổng biên tập báo *Quân đội nhân dân* phải ra hàng ngày, hãy chọn lấy một nội các và chuẩn bị vài ba tháng để làm việc này. Nên làm sao để báo hấp dẫn nhưng đừng giật gân. Đồng chí còn chỉ đạo báo *Quân đội nhân dân* san sẻ bài và ảnh cho báo *Nhân dân*, đồng thời trực tiếp duyệt những bài quan trọng, đôi khi còn chuyển lên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Song Hào để xin ý kiến.

Cùng với sự phát triển của lực lượng quân giải phóng miền Nam, nhu cầu về công tác văn hóa, văn nghệ ở miền Nam ngày càng cao. Giữa năm 1964, Tổng cục Chính trị đã tổ chức một đợt huy động người và phương tiện cho miền Nam gồm 7 đội chiếu bóng, 7 đội

quay phim, 2 đội tuyên truyền văn nghệ vũ trang, tăng cường cán bộ biên tập, họa sĩ, văn nghệ sĩ, giáo viên văn hóa, trang bị những tủ sách cho Trị - Thiên, Khu V, Khu VI và Nam Bộ.

Khi chiến tranh lan rộng, công tác tuyên truyền của quân đội ngày càng bận bịu công việc. Công tác dịch vận, tuyên truyền còn nhằm vào các đối tượng phía địch nên đòi hỏi cao hơn. Tại miền Nam, dưới sức ép của đế quốc Mỹ, một số nước như Hàn Quốc, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Thái Lan đã gửi quân đến Việt Nam tham chiến. Bộ phận phát thanh quân đội được tăng cường thêm các phát thanh viên nói tiếng nước ngoài. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên cũng viện trợ giúp chúng ta một đài phát thanh nhỏ và các phát thanh viên Triều Tiên. Để tăng cường cho công tác này, đồng chí Lê Quang Đạo đã đề nghị điều đồng chí Phạm Chí Nhân từ Cục Tuyên huấn sang làm Cục phó Cục Dịch vận, chuyên phụ trách chương trình phát thanh tiếng nước ngoài.

Từ năm 1965, đồng chí Lê Quang Đạo là Ủy viên Thường trực Quân ủy Trung ương.

Năm 1966, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, máy bay địch đánh phá Thủ đô Hà Nội và Hải Phòng. Cả miền Bắc biến thành một trận địa chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước chống Mỹ. Câu nói của

Người “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”¹ đã trở thành tiêu biểu cho tinh thần kháng chiến chống Mỹ ở Việt Nam.

Để thu hút, giam chân một lực lượng lớn lính thủy đánh bộ Mỹ, không cho chúng đưa quân vào đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời chủ động phá kế hoạch đánh ra nam Khu IV của Mỹ, một chiến tuyến đánh Mỹ đã xuất hiện ngay dưới vĩ tuyến 17. Lê Quang Đạo nói với Hồng Cư, Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn: “Quân sự thu hút địch bằng hoạt động quân sự. Công tác tuyên huấn thu hút địch bằng tuyên truyền văn hóa. Đã đến lúc đưa lực lượng văn nghệ sĩ tham gia chiến đấu”². Nhiều văn nghệ sĩ quân đội có tên tuổi như Nguyễn Ngọc, Nguyễn Ngọc Tấn, Nguyễn Trọng Oánh, Nam Hà,... và nhiều cây bút trẻ, các đoàn văn công quân đội đã vào Nam, có mặt trên khắp các chiến trường. Lời căn dặn của đồng chí đã trở thành mệnh lệnh tác chiến đối với nhiều cán bộ ngành tuyên huấn lúc bấy giờ. Và cũng từ sự chỉ đạo đúng đắn của đồng chí Lê Quang Đạo mà công tác tuyên huấn đã thu được nhiều kết quả, góp phần không nhỏ vào mỗi chiến thắng của quân và dân ta trong những năm chống Mỹ, cứu nước. Những cuốn sách, bài báo, thước phim, bài hát liên tiếp ra đời vừa góp phần

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 130.

2. Trung tướng Hồng Cư: “Người chính ủy mặt trận”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999), Sđd*, tr.245.

trực tiếp động viên bộ đội, nhân dân trong cuộc chiến đấu, vừa là những đóng góp quý giá vào kho tàng văn hóa của dân tộc.

2. Chính ủy của các chiến dịch (1967 - 1972)

a) Chính ủy Mặt trận Đường 9 - Khe Sanh

Cuối năm 1966, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta bước vào giai đoạn quyết liệt. Sau những thất bại nặng nề trên khắp chiến trường miền Nam, và chính quyền Sài Gòn lâm vào thế bị động về chiến lược, buộc phải chuyển sang phòng ngự, tập trung lực lượng bảo vệ các trọng điểm. Ở khu vực trọng điểm Đường 9 - Khe Sanh, chúng tăng cường chủ lực lên đến 45.000 quân, trong đó có 28.000 quân Mỹ¹ hùng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, tạo ra bức “bình phong” án ngữ trực tiếp cho địa bàn Trị - Thiên - Huế, đồng thời giữ cho ngụy quân, ngụy quyền trong khu vực khỏi bị tan rã.

Tháng 11/1967, Quân ủy Trung ương tổ chức Hội nghị chỉnh huấn tại Chi Nê (Hòa Bình) cho cán bộ trung, cao cấp nòng cốt các đơn vị chủ lực trực thuộc

1. Gồm: 3 trung đoàn tăng cường thuộc Sư đoàn lính thủy đánh bộ 3 (từ tháng 4 có thêm Sư đoàn kỵ binh không vận 1) của Mỹ, 1 chiến đoàn dù, nhiều đơn vị biệt động quân và bảo an quân đội Sài Gòn; 9 tiểu đoàn pháo binh, 3 tiểu đoàn và 1 đại đội cơ giới, có sự chi viện mạnh của không quân, pháo binh.

Bộ Quốc phòng. Hội nghị do đồng chí Hoàng Sâm phụ trách và đồng chí Lê Quang Đạo chịu trách nhiệm về nội dung. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến dự và nói chuyện với Hội nghị. Mục tiêu quan trọng mà Hội nghị đặt ra là liệu quân chủ lực của ta có đánh thắng trực diện được những đơn vị tinh nhuệ của Mỹ hay không? Tại Hội nghị, đồng chí Lê Quang Đạo đã trình bày một số vấn đề lý luận và thực tiễn mà cuộc kháng chiến đặt ra, khả năng chiến thắng của quân đội ta khi phải đối đầu với lực lượng tinh nhuệ của Mỹ. Đồng chí cũng giải đáp các vấn đề còn vướng mắc, hướng dẫn và chỉ đạo cụ thể về công tác chính trị, công tác tư tưởng, qua đó góp phần động viên tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ.

Qua nghiên cứu tình hình chiến trường và cách bố trí lực lượng, cuối năm 1967, Bộ Chính trị ra nghị quyết *“... chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ tiến công và nổi dậy giành thắng lợi quyết định”*¹. Theo đề nghị của Bộ Tổng tham mưu, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch tiến công Đường 9 - Khe Sanh, nhằm mục đích thu hút lực lượng chủ lực của địch, chủ yếu là quân Mỹ ra Đường 9 để giam chân chúng, phối hợp và tạo thuận lợi cho cuộc tiến công của quân và dân ta ở khắp các đô thị, nhất là ở Trị - Thiên - Huế; đồng thời tiêu diệt một bộ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.29, tr.50.

phận quan trọng sinh lực địch, chủ yếu là Mỹ, phá vỡ một phần tuyến phòng ngự Đường 9 của chúng.

Để thực hiện quyết tâm chiến lược trên, ngày 06/12/1967, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh. Thiếu tướng Lê Quang Đạo - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị được cử làm Chính ủy, Bí thư Đảng ủy Mặt trận; Thiếu tướng Trần Quý Hai - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng được cử làm Tư lệnh; Thiếu tướng Cao Văn Khánh - Phó Tổng tham mưu trưởng được cử làm Phó Tư lệnh. Nhiều tư lệnh các quân binh chủng được điều vào trực tiếp làm tư lệnh binh chủng của chiến dịch, như Doãn Tuế - Tư lệnh pháo binh; Thế Lâm - Tư lệnh tăng thiết giáp.

Trong phiên họp đầu tiên của Đảng ủy Mặt trận ngày 28/12/1967, đồng chí Lê Quang Đạo đã cùng với Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch thảo luận, thông qua quyết tâm chiến dịch và kế hoạch tác chiến. Hội nghị xác định hướng tây Khe Sanh là hướng chủ yếu, do Sư đoàn 325 và Sư đoàn 304 phụ trách; hướng đông là hướng quan trọng, do Sư đoàn 320 và 3 trung đoàn của Sư đoàn 324 đảm nhiệm; hướng nam (khu đệm) phát triển vào Trị - Thiên - Huế, sử dụng Trung đoàn 27 làm lực lượng đi trước.

Trong điều kiện so sánh lực lượng trên chiến trường, địch có ưu thế về các binh chủng kỹ thuật - nhất là

không quân và thiết giáp, việc chọn khu vực tác chiến chủ yếu ở hướng tây - vùng rừng núi của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh chiến dịch là nhằm hạn chế thế mạnh của địch, phát huy được sở trường của ta; đồng thời, huy động được sức mạnh chiến tranh nhân dân của các dân tộc ở huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia và phục vụ chiến đấu. Đây là quyết định đúng đắn của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch đã được thực tiễn kiểm nghiệm, chứng minh.

Theo yêu cầu, khoảng ngày 15/01/1968, Sở Chỉ huy chiến dịch phải có những hoạt động đầu tiên tại khu vực Khe Sanh. Vì vậy, Sở Chỉ huy ra trận lần này rất gấp rút, khẩn trương, vừa đi vừa nắm bắt tình hình. Đồng chí Lê Quang Đạo nhanh chóng bàn giao mọi công việc, chuẩn bị đi chiến dịch. Để giữ bí mật, đội hình Sở Chỉ huy đi chiến dịch chia nhỏ lên đường. Một ngày thượng tuần tháng 01/1968, đoàn gồm hai chiếc xe commăngca được ngụy trang xuất phát từ trong thành đi về hướng nam vào lúc nửa đêm. Xe đi đầu là bộ phận thông tin và mấy chiến sĩ cảnh vệ. Xe sau có Lê Quang Đạo, bí thư Khôi, bác sĩ Lân và bảo vệ Hóa. Một tuần sau, đoàn tới sông Bến Hải. Mấy ngày sau đoàn công tác đã có mặt tại Sở Chỉ huy chiến dịch ở Cù Bai. Ngay hôm sau, Lê Quang Đạo đã chỉ đạo các đơn vị khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị. Trên cơ sở xây dựng quyết tâm chiến đấu, các đơn vị phải quán triệt sâu sắc nhiệm vụ của chiến dịch, nhiệm vụ của từng

đơn vị; nâng cao ý thức giữ gìn bí mật, đoàn kết hiệp đồng chiến đấu, chấp hành nghiêm mệnh lệnh và kỷ luật chiến trường; động viên bộ đội tìm cách khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng chí Lê Quang Đạo nêu rõ: “Mặt trận Đường 9 có một vai trò đặc biệt. Chúng ta phải đi trước một bước để đảm bảo thắng lợi toàn miền. Các đồng chí phải hết sức khẩn trương”¹. Sau khi nghe báo cáo và khảo sát thực địa, đồng chí nêu phương châm: “Phải tìm cách lôi chúng ra ngoài mà diệt!”².

Đêm 20, rạng sáng ngày 21/01/1968 (10 ngày trước Tết Mậu Thân), quân ta nổ súng tiến công quận lỵ Hướng Hóa, mở màn chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh. Sau hơn 170 ngày đêm chiến đấu kiên cường, ta đã giải phóng huyện Hướng Hóa, một địa bàn có ý nghĩa chiến lược, với gần 10.000 dân, mở thông hành lang chiến lược Bắc - Nam, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ nghi binh chiến lược, thu hút giam chân và tiêu hao một bộ phận quan trọng quân chủ lực cơ động của quân đội Mỹ, để quân và dân toàn Miền tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (năm 1968).

Đánh giá thắng lợi của ta ở Mặt trận Đường 9 - Khe Sanh, trong điện gửi Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ (ngày 13/7/1968), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cuộc thắng lợi của ta

1, 2. Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, *Sđd*, tr.438.

ở Khe Sanh tỏ rõ mưu lược và sức mạnh vô địch của quân, dân và cán bộ ta, nó góp phần xứng đáng vào thắng lợi to lớn của miền Nam từ đầu Xuân đến nay. Cùng với những thắng lợi của ta ở các chiến trường khác, nó mở đường cho những thắng lợi to lớn hơn nữa”¹. Trong thắng lợi to lớn đó có vai trò quan trọng của Chính ủy Lê Quang Đạo.

b) Chính ủy Bộ Tư lệnh 500

Đầu tháng 10/1968, đồng chí Lê Quang Đạo được lệnh ra Hà Nội. Phải mất 21 ngày vừa đi bộ, vừa đi xe đạp và ô tô, đồng chí mới có mặt ở Hà Nội. Mấy ngày sau, Văn phòng Phủ Chủ tịch điện thoại mời đồng chí sang gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đối với Lê Quang Đạo, mỗi lần được gặp Bác giống như một phần thưởng Bác dành cho mình. Bác nêu một số câu hỏi về chiến dịch, về đời sống của bộ đội và nhân dân tại mặt trận. Lê Quang Đạo báo cáo chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kết thúc câu chuyện, anh được Bác mời ở lại ăn cơm. Lê Quang Đạo hiểu đây là tấm lòng của Bác dành cho người từ mặt trận trở về. Anh lo lắng khi thấy Bác không được khỏe, hồng hào như lần gặp trước và cũng không ngờ đây là bữa cơm cuối cùng được ngồi ăn với Bác.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.471.

Bước sang năm 1969, Mỹ và chính quyền Sài Gòn tập trung đánh phá các tuyến chi viện của miền Bắc, chủ yếu là khu vực “cán xoong”, gồm khu vực phía nam tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị. Để đối phó với âm mưu mới của đế quốc Mỹ, Bộ Tư lệnh triệu tập cuộc họp bàn về vấn đề bảo đảm giao thông vận tải trên địa bàn Quân khu 4, phục vụ cho chiến trường miền Nam. Đồng chí Lê Quang Đạo thay mặt Tổng cục Chính trị đi dự họp¹. Sau cuộc họp, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Bộ Tư lệnh 500 để tăng cường khả năng chi viện cho chiến trường miền Nam. Vừa ở chiến trường ra Hà Nội được hai tuần, Lê Quang Đạo nhận nhiệm vụ mới: Chính ủy kiêm Bí thư Đảng ủy Bộ Tư lệnh 500. Thiếu tướng Nguyễn Đôn - Phó Tổng tham mưu trưởng được cử làm Tư lệnh Bộ Tư lệnh 500. Phạm vi phụ trách của Bộ Tư lệnh 500 là từ phía nam sông Lam cho tới Vĩnh Linh (Quảng Trị), bao gồm 4 đường ngang vượt khẩu (đường 8, 12, 16 và 20), trong đó đường 12 và 20 là hai đường chủ đạo nhất đưa hàng hóa từ miền Bắc vượt khẩu để đến Bộ Tư lệnh 559.

1. Quân khu 4 gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Vĩnh Linh, nằm giữa dãy Trường Sơn và Biển Đông, càng đi vào phía trong càng hẹp, có nơi chiều ngang chỉ rộng 50 km. Tại đây có hệ thống giao thông gồm đường sắt, đường biển và đường bộ (đường 1, 7, 8, 10, 12, 15, 20). Hàng hóa từ Bắc chuyển vào Nam đều phải theo các tuyến đường sắt, đường bộ, đường thủy tới Vinh trước khi vượt sông Lam.

Trong điều kiện địch bắn phá ngày càng ác liệt, nhiệm vụ trung chuyển hàng hóa qua khu vực “cán xoong” gặp muôn vàn khó khăn. Có thời điểm, tuyến đường chủ đạo 12 và 20 bị bom địch tàn phá nghiêm trọng, hàng hóa của Bộ Tư lệnh 559 đọng lại nhiều, nhưng không có xăng để vận chuyển vào chiến trường phía Nam. Nhờ sự chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt của đồng chí Lê Quang Đạo, sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Tư lệnh 500 và Bộ Tư lệnh 559, mọi khó khăn từng bước được khắc phục. Với quyết tâm bằng mọi cách để chi viện cho chiến trường miền Nam, đồng chí Lê Quang Đạo chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ Bộ Tư lệnh 500 kiên cường bám trụ trận địa, vừa sửa đường, vừa tổ chức công từng thùng phuy nhỏ, can xăng, balô lót túi nilon đựng xăng để vận chuyển xăng dầu cho Bộ Tư lệnh 559; còn các bọc hàng lớn, phuy xăng lớn được thả trôi theo dòng suối để cho Bộ Tư lệnh 559 tiếp nhận¹. Khối lượng hàng vận chuyển cho chiến trường miền Nam ngày một tăng. Năm 1969, khối lượng hàng vận chuyển lên tới 170.000 tấn, tăng 29% so với năm 1968. Năm 1970 tăng lên 300.000 tấn, hỗ trợ đắc lực cho tuyến 559. Ngoài ra, còn có thêm những con đường bí mật, được ngụy trang kỹ dưới tán cây (anh em thường gọi là đường kín, xe có thể chạy ban ngày). Trên 80.000 chiến sĩ từ miền Bắc

1. Đồng Sĩ Nguyên: “Mãi mãi nhớ về đồng chí!” in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, *Sđd*, tr. 237.

hành quân vượt Trường Sơn vào bổ sung cho các chiến trường. Nhờ đó, công tác chi viện cho các chiến trường miền Nam không bị gián đoạn. Đang công tác ở Bộ Tư lệnh 500, đồng chí Lê Quang Đạo bị một cơn đau tim phải vào điều trị tại bệnh viện gần một tháng.

Tháng 5/1969, Tổng cục Chính trị tổ chức lớp nghiên cứu tình hình và nhiệm vụ cho cán bộ trung, cao cấp, đồng chí Lê Quang Đạo tham dự lớp học. Nhân kỷ niệm ngày sinh lần thứ 79 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 11/5/1969, đồng chí Lê Quang Đạo cùng với đoàn đại biểu của lớp học thay mặt cho toàn quân đến chúc thọ Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh ân cần thăm hỏi các đại biểu, khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang đã lập nhiều thành tích và Người căn dặn: "... Phải xây dựng lực lượng thật tốt, chất lượng thật cao. Luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu giỏi, bảo vệ tốt miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Chú ý tiết kiệm sức người và sức của, giữ gìn thật tốt vũ khí, trang bị.

... Bộ đội phải hết lòng giúp dân, tham gia củng cố hậu phương ta ngày càng vững mạnh. Phải cùng với các cơ quan nhà nước và các đoàn thể, chấp hành thật tốt các chính sách đối với anh em thương binh, bệnh binh và các gia đình có công với kháng chiến... Phải cố gắng học tập và luôn luôn gương mẫu về đạo đức cách mạng"¹. Đây là lần cuối cùng Người gặp các đại biểu của lực lượng vũ trang.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.568.

Từ giữa năm 1969, tình hình sức khỏe của Chủ tịch Hồ Chí Minh có dấu hiệu xấu đi. Bộ Chính trị đã triệu tập hội nghị bất thường chuẩn bị cho tình huống xấu nhất xảy ra, trong đó có việc giữ gìn thi hài khi Người qua đời. Việc tổ chức tiến hành công tác giữ gìn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh được giao cho Quân ủy Trung ương. Quân ủy Trung ương đã ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo công tác giữ gìn thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thiếu tướng Lê Quang Đạo, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị được chỉ định làm Trưởng ban. Ngày 02/9/1969, đồng chí được chứng kiến thời khắc đau thương nhất, Bác đi vào cõi vĩnh hằng. Đồng chí và các đồng đội đã đến vĩnh biệt Người tại Quảng trường Ba Đình.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Tổng cục Chính trị đã phát động trong toàn quân một đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, biến đau thương thành hành động cách mạng, nắm chắc tay súng, siết chặt hàng ngũ, quyết tâm phấn đấu thực hiện trọn vẹn *Di chúc* thiêng liêng của Người.

c) Chính ủy Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào

Tháng 01/1970, Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương khóa III dự đoán Mỹ sẽ dùng không quân đánh phá trở lại miền Bắc với quy mô, cường độ lớn nhằm gây sức ép với ta tại cuộc hòa đàm ở Pari, địch có

thể mở những cuộc tấn công lớn vào vùng Đông Bắc Campuchia, Trung Lào và Hạ Lào nhằm cắt đứt hành lang vận chuyển chiến lược ở Trường Sơn, hy vọng làm giảm nhịp độ tiến công của ta trên chiến trường miền Nam. Mùa hè năm 1970, Bộ Tổng tham mưu vạch kế hoạch tác chiến, điều động lực lượng và chỉ đạo việc chuẩn bị chiến trường ở khu vực Đường 9 - Nam Lào. Trung tuần tháng 6/1970, Thường vụ Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng gặp Bộ Tư lệnh Đoàn 559, dự đoán địch có thể tiến công trên hai hướng: một là từ Biển Đông lên, qua Khe Sanh, Lao Bảo đến Sê Pôn cắt đường tiếp tế chiến lược của ta vào Nam; hai là chúng có thể đánh ra nam Quân khu 4.

Tháng 10/1970, để chuẩn bị cho chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh quyết định thành lập Bộ Tư lệnh B70 trực thuộc Bộ, tức Bộ Tư lệnh Trường Sơn, gồm 3 sư đoàn bộ binh (304, 308, 320) và các trung đoàn, tiểu đoàn binh chủng, tổ chức tương đương như một quân đoàn. Quân ủy Trung ương đã cử đồng chí Lê Quang Đạo vào trao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Trường Sơn¹. Sư đoàn 308, lực lượng dự bị chiến lược của Bộ từ mặt trận Khe Sanh trở về được chọn làm đơn vị diễn tập thực binh nhằm nghiên cứu cách đánh với phương án giả định là tiến công một sư đoàn thủy quân lục chiến Mỹ và một trung đoàn bộ

1. Xem Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, Sdd, tr.533.

binh nguy cơ động bằng đường không. Từ đó, Bộ Tổng tham mưu biên soạn thành tài liệu huấn luyện cho toàn quân. Đây là chiến thuật đang được quân Mỹ và quân đội Sài Gòn vận dụng trên chiến trường từ sau Tết Mậu Thân năm 1968. Đồng chí Lê Quang Đạo xuống Sư đoàn 308 theo dõi việc học tập và dự diễn tập.

Đầu năm 1971, thực hiện chiến lược “chiến tranh bóp nghẹt”, đế quốc Mỹ và tay sai bắt đầu triển khai kế hoạch đánh ra vùng ngoài bằng các cuộc tiến công trên chiến trường Lào, Campuchia nhằm triệt phá hành lang vận chuyển và hậu phương chiến lược trực tiếp của ta. Ngay khi địch bắt đầu mở cuộc hành quân “Lam Sơn 719”, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch phản công lớn, tiêu diệt quân địch ở khu vực Đường 9 - Nam Lào với quyết tâm: “Nhất thiết phải đánh thắng trận này dù phải động viên sức người, sức của và hy sinh như thế nào, vì đây là một trong những trận có ý nghĩa quyết định về chiến lược”¹.

Ngày 04/02/1971, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 51/QĐ-QP thành lập Mặt trận Đường 9 - Nam Lào (gọi tắt là Bộ Tư lệnh 702). Thiếu tướng Lê Quang Đạo - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị được cử làm Chính ủy Mặt trận; Thiếu tướng Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng làm Tư lệnh; Thượng tướng Văn Tiến Dũng

1. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1991, t.2, tr.74.

là đại diện Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh tại Mặt trận. Nhiều cán bộ phụ trách các tổng cục, quân chủng, binh chủng được tăng cường cho Mặt trận. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm 5 sư đoàn bộ binh (304, 308, 320, 324 và 2), 4 tiểu đoàn tăng thiết giáp, 4 trung đoàn pháo binh, 4 trung đoàn pháo phòng không, một số tiểu đoàn đặc công và lực lượng tại chỗ của các mặt trận B4, B5, Đoàn 559.

Suốt quá trình tham gia chỉ huy Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Bộ Tư lệnh Mặt trận luôn bám sát chiến trường, nắm chắc diễn biến của từng đợt, từng trận, nhất là trận then chốt để kịp thời giải quyết mọi khó khăn và các tình huống trong chiến dịch. Với tư duy nhạy bén và dày dặn kinh nghiệm trong công tác đảng, công tác chính trị, đồng chí yêu cầu các cấp phải hết sức quan tâm bồi dưỡng, động viên ý chí, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong cán bộ, chiến sĩ; kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện sợ ác liệt, hy sinh; tư tưởng chủ quan, khinh địch... Để nhân lên sức mạnh chiến đấu của các đơn vị, đồng chí chỉ đạo các đơn vị phải xây dựng quyết tâm chiến đấu cho bộ đội từ lúc chuẩn bị và cả trong quá trình tác chiến, làm cho mọi cán bộ, chiến sĩ nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của chiến dịch, từ đó nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, tinh thần đoàn kết hiệp đồng, lập công tập thể; đồng thời phải hết sức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội. Trong chiến đấu phải coi

trọng việc thực hiện dân chủ quân sự, phát động cán bộ, chiến sĩ tìm tòi sáng tạo cách đánh để đập tan thủ đoạn chiến thuật của địch và nâng cao trình độ chiến đấu hiệp đồng binh chủng của ta.

Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào diễn ra từ ngày 30/01 đến ngày 23/3/1971. Sau 52 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, quân và dân ta đã đánh bại cố gắng cao nhất của đế quốc Mỹ và tay sai trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”; mở ra cục diện mới trên chiến trường, tạo so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho cách mạng ba nước Đông Dương. Sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của đồng chí Lê Quang Đạo đã góp phần nâng cao sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang trong Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào.

d) Chính ủy Chiến dịch Trị - Thiên

Sau thất bại của địch trong năm 1971, nhất là thảm bại trong chiến dịch “Lam Sơn 719”, cục diện chiến trường miền Nam chuyển biến nhanh, có lợi cho cách mạng. Tuy nhiên, địch vẫn ngoan cố. Cùng với khẩn cấp vực dậy quân đội Sài Gòn, đế quốc Mỹ ráo riết hoạt động “ngoại giao nước lớn”, hòng kiềm chế cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 nhằm tiêu diệt lớn quân địch, giành thắng lợi trên chiến trường, buộc địch phải chấp nhận giải pháp ta đưa ra ở Hội nghị Pari.

Tháng 10/1971, Trung ương Cục miền Nam họp Hội nghị lần thứ 11, xác định quyết tâm kiên quyết thực hiện thắng lợi nghị quyết của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Trung ương Cục nêu rõ phương hướng và nhiệm vụ trước mắt của Chiến trường B2 là: “Phải quyết nắm lấy thời cơ trước mắt để giành thắng lợi lớn nhất, phải tranh thủ thời gian phấn đấu hoàn thành bước 1 là xây dựng thế tấn công chiến lược mới với ba quả đấm mạnh của ba vùng chiến lược, kịp thời chuyển sang bước 2 phát động cuộc tấn công nổi dậy rộng lớn nhằm đánh suy sụp nặng nguy quân, nguy quyền một bước nghiêm trọng, đánh bại về cơ bản chính sách bình định và “Việt Nam hóa chiến tranh”¹. Để đạt được yêu cầu trên, Thường vụ Trung ương Cục chỉ rõ yêu cầu, nhiệm vụ trên từng vùng chiến lược:

- Đánh bại về cơ bản kế hoạch “bình định” của Mỹ ở nông thôn.

- Đẩy mạnh đòn đánh tiêu diệt địch của bộ đội chủ lực, phát triển thế tiến công liên tục khắp các chiến trường, làm cho quân địch suy sụp và tan rã nặng.

- Đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở đô thị lên một bước mới, nhất là Sài Gòn - Gia Định; khoét sâu mâu

1. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, PGS.TS. Nguyễn Quý (Chủ biên): *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.415.

thuần Mỹ - Thiệu, đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh, tiến tới cao trào đấu tranh chính trị rộng lớn, phối hợp chặt chẽ với đòn tiến công quân sự của bộ đội chủ lực ở hướng chính, buộc Mỹ phải lập một chính phủ mới nhằm văn hồi hòa bình.

Ngày 11/3/1972, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến là đánh địch khắp nơi, nhưng tập trung binh lực vào 3 vùng: Trị - Thiên, miền Đông Nam Bộ, Nam Tây Nguyên, trong đó chiến trường Trị - Thiên là hướng tiến công chiến lược chính. Ngay sau đó, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Đảng ủy và Bộ Tư lệnh chiến dịch Trị - Thiên năm 1972. Thiếu tướng Lê Quang Đạo - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị được cử làm Chính ủy kiêm Bí thư Đảng ủy; Thiếu tướng Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng được cử làm Tư lệnh; Thượng tướng Văn Tiến Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng được cử làm đại diện của Quân ủy Trung ương trực tiếp chỉ đạo hướng chiến dịch quan trọng này¹. Phó Tư lệnh quân sự có các đồng chí: Cao Văn Khánh, Giáp Văn Cương, Phạm Hồng Sơn, Doãn Tuế, Nguyễn Anh Độ, Lương Nhân. Phó Chính ủy có các đồng chí: Lê Tự Đồng, Hoàng Minh Thi. Sáng ngày 12/3/1972, đoàn của Chính ủy Lê Quang Đạo lên đường.

1. Xem Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, *Sđd*, tr.577.

Căn cứ vào nhiệm vụ của Quân ủy Trung ương giao cho, ngày 15/3/1972 tại Bãi Hà (Vĩnh Linh), Đảng ủy Bộ Tư lệnh chiến dịch Trị - Thiên họp bàn triển khai kế hoạch tác chiến. Tại Hội nghị, đồng chí Lê Quang Đạo nhấn mạnh phương châm tác chiến chiến dịch là: cần tranh thủ đánh dã ngoại để tiêu diệt sinh lực địch và phương tiện chiến tranh, tạo thời cơ đánh những trận quyết định tiêu diệt từng trung đoàn, lữ đoàn địch, phá vỡ tuyến phòng thủ, nhanh chóng đột phá trung tâm, không cho chúng đối phó. Đồng thời, phát huy cao độ uy lực của mọi loại binh khí, kỹ thuật hiện có, đánh tập trung hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, coi trọng đánh vừa và nhỏ, đánh sâu và hiểm bằng những lực lượng tinh nhuệ, hỗ trợ cho nhân dân Quảng Trị, Thừa Thiên nổi dậy giành quyền làm chủ. Đó vừa là ý chí quyết tâm vừa là tình cảm thiêng liêng của cán bộ, chiến sĩ trên Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị. Khẩu hiệu “Tất cả vì Quảng Trị thân yêu”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt”, phải trở thành tâm huyết của mỗi người. Trong chiến đấu, dù gặp phải khó khăn, gian khổ, ác liệt, hy sinh đến mấy cũng đập tan hệ thống phòng ngự mà một thời Mỹ - ngụy đã rêu rao là “kiên cố nhất chiến trường Đông Dương”, là “bất khả xâm phạm”¹.

1. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị (1966 - 1973)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.246-247.

Sau một thời gian khẩn trương chuẩn bị, đúng 11 giờ 30 phút ngày 30/3/1972, từ Sở chỉ huy chiến dịch, Bộ Tư lệnh hạ lệnh tấn công Quảng Trị. Quân và dân ta trên tất cả các hướng đồng loạt đánh vào tuyến phòng ngự vững chắc vòng ngoài của địch. Ngày 31/3/1972, Trung ương Đảng ra lời kêu gọi: chiến dịch lịch sử năm 1972 đã bắt đầu; hãy nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần quyết chiến, quyết thắng, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, đẩy mạnh tấn công trên khắp các mặt trận, quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược. Sau 5 ngày chiến đấu, đến ngày 04/4/1972, toàn bộ các vị trí địch trên bốn cánh cung đông, tây, nam, bắc được coi là “lá chắn thép”, “pháo đài bất khả xâm phạm”, “hàng rào điện tử Mắc Namara” đã bị xóa sổ. Ba huyện Hướng Hóa, Cam Lộ, Gio Linh với hơn 10 vạn dân được giải phóng. Giới tuyến quân sự tạm thời được xóa bỏ, sông Bến Hải, cầu Hiền Lương không còn phải chịu nỗi đau chia cắt.

Thay mặt Đảng ủy Bộ Tư lệnh chiến dịch, đồng chí Lê Quang Đạo biểu dương các đơn vị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu diệt địch, nhanh chóng đập vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch; đồng thời chỉ đạo các đơn vị rút kinh nghiệm, đặc biệt là khắc phục tư tưởng chủ quan, nóng vội, không nắm chắc địch. Để đánh thắng địch ở Đông Hà, Ái Tử, La Vang và Quảng Trị, Tư lệnh Lê Trọng Tấn quyết định không dùng lối đánh chớp

nhoáng, ô ạt để đập tan các cụm phòng ngự bằng một đòn mà phải nhiều đòn liên tục, làm rạn vỡ từng đoạn, tiến tới đập tan nó bằng một đòn quyết định¹.

Trên khắp các chiến trường miền Nam, từ Tây Nguyên, Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Quân khu 5, đồng bằng sông Cửu Long đều giành được thắng lợi. Tây Nguyên tiêu diệt địch ở Đắk Tô - Tân Cảnh, giải phóng phía bắc tỉnh Kon Tum. Nam Bộ giải phóng một khu vực rộng lớn tới 3 vạn dân thuộc huyện Lộc Ninh, Khu V giải phóng quận lỵ Hoài Nhơn, Bồng Sơn, Hiệp Đức và thị trấn Tam Quan.

Trong cuộc đổ sức đột này, quân đội của chính quyền Sài Gòn đã bị suy yếu sau những trận đánh ở Campuchia và Đường 9 - Nam Lào. Đứng trước nguy cơ thất bại, không quân Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc, đơn phương tuyên bố hoãn không thời hạn các phiên họp của Hội nghị Pari, tập trung pháo hạm và máy bay chiến thuật, chiến lược B52 chi viện cho quân đội tay sai phản kích, hướng chủ yếu là Quảng Trị.

Ngày 26/4/1972, sau khi kiểm tra lần cuối công tác chuẩn bị, Bộ Tư lệnh chiến dịch hạ lệnh tiến công đợt 2. Bằng nhiều đòn tiến công liên tục, đến ngày 02/5/1972,

1. Xem Thượng tướng, TS. Nguyễn Huy Hiệu: *Một thời Quảng Trị*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008, tr.298.

ta đã tiêu diệt các cụm cứ điểm Đông Hà, Ái Tử, La Vang, thị xã Quảng Trị, giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Trị. Sau đó, ta phát triển xuống phía nam sông Mỹ Chánh, nhưng địch đã tăng cường lực lượng phòng thủ, đồng thời đế quốc Mỹ dùng không quân và pháo hạm đánh phá quyết liệt nên ta phải dừng lại, kết thúc chiến dịch. Ta đã giải phóng tỉnh Quảng Trị và 3 xã thuộc huyện Hương Điền (tỉnh Thừa Thiên).

Từ cuối tháng 6/1972, chiến sự trên mặt trận Quảng Trị diễn ra giằng co quyết liệt. Ta chuyển từ chiến thuật tiến công sang chiến thuật phòng ngự, chống địch phản kích, bảo vệ vùng giải phóng. Dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù và trời mưa lớn, các chiến sĩ dựa vào thành cổ, công sự, chiến hào, giành giật với địch từng mô đất, từng mảng tường, từng đoạn chiến hào. Ngày 12/7/1972, Quân ủy Trung ương tăng cường lực lượng vào Mặt trận Quảng Trị. Sư đoàn 325 và Sư đoàn 312 được lệnh vào chiến đấu. Đồng chí Trần Quý Hai, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng được cử làm Tư lệnh, đồng chí Song Hào, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng được cử làm Chính ủy. Năm vững tư tưởng chỉ đạo của Quân ủy Trung ương là dứt khoát phải dùng hình thức phòng ngự trận địa mới giành được thắng lợi, Bộ Tư lệnh Mặt trận ra lệnh cho các đơn vị chuyển sang tổ chức phòng thủ khu vực nhằm đánh bại các cuộc phản kích của địch, bảo vệ vùng giải phóng.

Cuộc chiến đấu bảo vệ thị xã, giữ thành Quảng Trị kéo dài gần 3 tháng vô cùng ác liệt. Có phân đội chiến đấu đến người cuối cùng. Mỗi ngày Bộ Tư lệnh mặt trận bổ sung cho các đơn vị bảo vệ thị xã một đại đội (100 tay súng) nhưng không đủ bù vào quân số bị thương vong. Ngày 16/9/1972, đơn vị bảo vệ Thành cổ được lệnh rút lúc 18 giờ.

Với tinh thần chiến đấu kiên cường, quả cảm, bộ đội ta đã bám trụ, giữ vững Thành cổ Quảng Trị suốt 81 ngày đêm, phá tan âm mưu đánh chiếm thị xã Quảng Trị trước mùa mưa, hòng thực hiện mưu đồ chính trị và ngoại giao của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Thắng lợi của Chiến dịch Trị - Thiên cùng với các hướng tiến công khác trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 tạo ra cục diện mới trên chiến trường có lợi cho ta, góp phần buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và rút quân về nước.

Thắng lợi tại Mặt trận Quảng Trị năm 1972, đặc biệt là cuộc chiến đấu tại Thành cổ Quảng Trị đã góp phần tích cực thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương Đảng buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trong thế thua. Cùng với những chiến công oanh liệt của cả nước, đặc biệt là trận “Điện Biên Phủ trên không” trên bầu trời Hà Nội vào cuối năm 1972, chiến thắng tại Quảng Trị đã làm thất bại mưu đồ đàm phán trên thế mạnh của Mỹ, buộc Mỹ phải

ký kết Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam, làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo bước ngoặt căn bản của cuộc kháng chiến giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chiến dịch giải phóng Quảng Trị đã đi vào lịch sử như một mốc son chói lọi. Đó là chiến thắng đầu tiên vang dội, cổ vũ toàn quân, toàn dân, mở màn cho cuộc tiến công chiến lược lịch sử năm 1972. Trên mảnh đất Quảng Trị anh hùng, năm 1972 đã diễn ra một cuộc đọ sức vô cùng quyết liệt giữa ta và địch trong một chiến dịch dài ngày nhất (304 ngày), kể từ khi mở màn chiến dịch (30/3/1972) đến ngày ký Hiệp định Pari về Việt Nam (27/01/1973). Đồng chí Lê Quang Đạo đã ở mặt trận này hơn 7 tháng. Đây cũng là chiến dịch dài nhất và ác liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tại Hội nghị lần thứ 20 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, tháng 3/1972, đồng chí Lê Quang Đạo là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương.

Tháng 10/1972, do yêu cầu công tác, đồng chí Lê Quang Đạo được điều động về Bộ Tổng tư lệnh.

3. Giám đốc Học viện Chính trị quân sự; góp phần tổng kết kinh nghiệm chiến đấu, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị (1973 - 1975)

Ngày 27/01/1973, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn buộc phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam. Hiệp định Pari là bước

ngoặt quan trọng, đánh dấu thắng lợi rất to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đế quốc Mỹ phải rút hết các lực lượng vũ trang của mình và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, công nhận miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, hai bên ở miền Nam hiệp thương giải quyết vấn đề nội bộ ở miền Nam Việt Nam.

Cũng trong ngày 27/01/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi quân và dân cả nước tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố thắng lợi đã giành được, hoàn thành sự nghiệp giành độc lập dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Trước khi rút, quân Mỹ ồ ạt đưa thêm vào miền Nam gần 700 máy bay, 500 khẩu pháo, 400 xe tăng, xe bọc thép và rất nhiều tàu chiến. Ngay trong ngày ký Hiệp định và liên tiếp những ngày sau đó, chính quyền Thiệu bắt đầu triển khai kế hoạch quân sự 3 năm (1973 - 1975) trên toàn chiến trường nhằm phá thế bố trí lực lượng của ta, xóa bỏ các vùng giải phóng nằm xen kẽ, đẩy lùi bộ đội chủ lực ta ra sát biên giới. Chúng huy động tới 60% quân chủ lực và toàn bộ bảo an, dân vệ vào các hoạt động “tràn ngập lãnh thổ”.

Ngày 27/3/1973, Bộ Chính trị họp mở rộng. Theo sự phân công của Quân ủy Trung ương, đồng chí Lê Quang Đạo báo cáo tình hình quân sự. Sau Hội nghị, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương điện cho các chiến trường nêu rõ các lực lượng vũ trang của ta phải chủ

động trong việc phản công địch, không phòng ngự đơn thuần. Tháng 4/1973, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh tổ chức một nhóm công tác (còn gọi là Tổ trung tâm) để chuẩn bị kế hoạch chiến lược trong giai đoạn mới. Ngày 24/5/1973, Bộ Chính trị họp Hội nghị mở rộng bàn về vấn đề miền Nam, dưới sự chủ trì của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn. Đồng chí Lê Quang Đạo tham dự Hội nghị. Sau một tuần làm việc, Hội nghị đã đạt sự nhất trí cao trong nhận định: Từ đầu năm 1973, địch giành quyền chủ động đẩy ta vào thế bị động đối phó là do khuyết điểm lúc đầu ta đánh giá không hết âm mưu và khả năng của chúng, không phải do địch mạnh. Các ý kiến trong Hội nghị là sự chuẩn bị tích cực cho Hội nghị Trung ương lần thứ 21.

Quân ủy Trung ương được giao nhiệm vụ chuẩn bị nội dung của Hội nghị Trung ương lần thứ 21. Hội nghị lần này có tính chất lịch sử. Những ngày trước Hội nghị, Lê Quang Đạo rất trăn trở. Đồng chí trao đổi những suy nghĩ của mình với một số đồng chí trong Quân ủy và thấy không ít người có suy nghĩ giống mình. Sau khi suy nghĩ rất nhiều, đồng chí bắt đầu dành thời gian chuẩn bị một bản tham luận tại Hội nghị Trung ương lần thứ 21. Một thuận lợi lớn là đã có chủ trương phát huy cao độ dân chủ trong hội nghị và mọi người được phát biểu không hạn chế thời gian. Chưa bao giờ một bài phát biểu tại hội nghị được đồng chí chuẩn bị kỹ lưỡng như lần này.

Giữa tháng 6/1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương khóa III khai mạc tại Hà Nội. Về tình hình miền Nam, Hội nghị nhận định, đế quốc Mỹ vẫn thực hiện “học thuyết Níchxơn”, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, chia cắt lâu dài đất nước ta. Hội nghị khẳng định, dù tình hình phát triển như thế nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực, ta phải nắm vững thời cơ, giữ vững chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng tiến lên.

Tại Hội nghị, đồng chí Lê Quang Đạo đã đọc bài tham luận của mình. Trong phần đầu báo cáo, đồng chí khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ của Đảng ta là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến. Đồng chí nêu ra ba ưu điểm lớn và phân tích cụ thể nội dung từng ưu điểm:

1- Ưu điểm lớn nhất, cơ bản nhất mà cũng là cái vĩ đại nhất là chúng ta đã dũng cảm hạ quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, và kết quả thực tế là chúng ta đã thắng Mỹ.

2- Ta đã phát huy được hết sức mạnh của dân tộc ta, sức mạnh đoàn kết của ba dân tộc ở Đông Dương và huy động được đến mức cao sức mạnh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ của thời đại để đánh thắng Mỹ.

3- Nắm vững tư tưởng chiến lược tấn công, ta đã vận dụng sáng tạo, phát triển mọi hình thức và phương pháp đấu tranh đúng đắn, linh hoạt, có hiệu quả để tấn công địch, đem những cái mạnh của ta đánh vào những cái yếu của địch, hạn chế những cái mạnh của địch,

tìm mọi cách giành chủ động, bất ngờ và tranh thủ mọi thời cơ để thắng địch.

Đồng chí kết luận: “Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta đối với cuộc kháng chiến là cơ bản, là chủ yếu. Không những ta đã có quyết tâm đánh thắng Mỹ mà còn biết cách đánh thắng Mỹ. Sự lãnh đạo đúng đắn ấy đã được chứng minh bằng thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử, ý nghĩa thời đại của cuộc kháng chiến”¹.

Bên cạnh những ưu điểm rất cơ bản nói trên, đồng chí cũng chỉ ra những thiếu sót và một số sai lầm trong quá trình chỉ đạo cuộc kháng chiến và nguyên nhân của những khuyết điểm, sai lầm đó.

Bài phát biểu của đồng chí Lê Quang Đạo là một đóng góp rất có ý nghĩa vào thành công của một hội nghị lịch sử, quyết định đường lối chiến lược để kết thúc cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Ngày 06/7/1973, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn kết luận hội nghị, nêu rõ sự nhất trí cao của Ban Chấp hành Trung ương về quyết tâm giải phóng miền Nam. Sau nhiều lần chỉnh lý kỹ lưỡng, ngày 04/10/1973, Nghị quyết chính thức mới được Ban Chấp hành Trung ương

1. Bài phát biểu của đồng chí Lê Quang Đạo tại Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương khóa III. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng; phong tác phẩm Lê Quang Đạo.

nhất trí thông qua. Nghị quyết khẳng định: “*Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng*. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, *giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt* để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”¹.

Nghị quyết Trung ương 21 đã mở đường cho việc Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo việc xây dựng các quân đoàn lớn trong thời gian từ tháng 10/1973 đến tháng 7/1974. Đây sẽ là những lực lượng nòng cốt dẫn đến đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Qua kinh nghiệm chỉ đạo thực tiễn phong phú trên các chiến trường những năm 1970 - 1973, đồng chí Lê Quang Đạo đã viết nhiều bài có giá trị, rút ra những kinh nghiệm quý về thực hiện công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cụ thể:

Bài “Nâng cao quyết tâm kiên trì và đẩy mạnh cuộc chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng”, đăng trên tạp chí *Quân đội nhân dân* (tháng 6/1970) ca ngợi sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với lịch sử cách mạng vẻ vang của Đảng ta, dân tộc ta. Dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã vượt qua muôn vàn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.34, tr.232.

khó khăn, gian khổ, chiến đấu vô cùng anh dũng và đã liên tiếp giành được những thắng lợi hết sức vẻ vang, mở ra một thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử của dân tộc ta, thời đại Hồ Chí Minh, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do cho Tổ quốc, kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Để thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Người, nhiệm vụ hàng đầu của công tác chính trị, tư tưởng của các lực lượng vũ trang là: Không ngừng nâng cao giác ngộ chính trị làm cơ sở vững chắc cho quyết tâm kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng; nâng cao quyết tâm chiến đấu phải đi đôi với tăng cường công tác tổ chức, phát huy sức mạnh của tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật. Cụ thể là: nắm vững mục tiêu cách mạng, phấn đấu đến cùng cho độc lập, tự do, cho chủ nghĩa xã hội và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; quán triệt đường lối chính trị, quân sự của Đảng, nắm vững quy luật, phương châm, phương thức tiến hành chiến tranh cách mạng để đánh thắng; phát huy cao độ mọi nhân tố tích cực, nâng cao tinh thần kiên quyết triệt để cách mạng, cổ vũ mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong các lực lượng vũ trang.

Bài “Mấy bài học về công tác chính trị của bộ đội chủ lực trong chiến dịch, chiến đấu”, đăng trên tạp chí *Quân đội nhân dân* liên tục ba số 9, 10, 11/1971 nêu lên 7 kinh nghiệm về công tác chính trị của bộ đội chủ lực trong chiến dịch, chiến đấu, góp phần nâng cao hơn nữa

trình độ công tác chính trị trong tác chiến hiệp đồng binh chủng của bộ đội ta:

1- Nắm vững phương châm kết hợp chặt chẽ xây dựng với tác chiến, ra sức nâng cao chất lượng toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang trong chiến dịch, chiến đấu.

2- Giáo dục, quán triệt nhiệm vụ của chiến dịch, xây dựng quyết tâm chiến đấu cao.

3- Phát huy sức mạnh của các tổ chức đảng, lãnh đạo đơn vị hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ của chiến dịch, chiến đấu.

4- Xây dựng và bồi dưỡng tốt đội ngũ cán bộ có quyết tâm cao, có năng lực lãnh đạo, chỉ huy giỏi để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch, chiến đấu.

5- Kết hợp chặt chẽ địch vận với tác chiến để tiêu diệt và làm tan rã lớn quân nguy trong chiến dịch, chiến đấu.

6- Lãnh đạo chấp hành tốt các chính sách và kỷ luật chiến trường, góp phần bảo đảm thắng lợi mọi mặt của chiến dịch, chiến đấu.

7- Kiên quyết chống chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của địch, bảo vệ vững chắc lực lượng ta, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch, chiến đấu.

Những bài viết của đồng chí Lê Quang Đạo trong thời kỳ này đã góp phần quan trọng vào xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức,

đồng thời đóng góp quan trọng cho công tác lý luận của Đảng.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Lê Quang Đạo đã có mặt ở các chiến trường nóng bỏng: Khe Sanh, Quảng Trị, Đường 9 - Nam Lào,... Đồng chí đã cùng cán bộ, chiến sĩ quân đội ta lập nên những chiến thắng vẻ vang, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chiến dịch và chiến lược, góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta. Cùng với những chiến công đó, đồng chí đã góp phần to lớn xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững vàng, kiên định về chính trị, tư tưởng, trung thành tuyệt đối với lý tưởng của Đảng - yếu tố cơ bản làm nên sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác giáo dục chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam, cuối năm 1973, Bộ Quốc phòng đã ra các quyết định bổ nhiệm các chức vụ trong Ban Giám đốc Học viện Chính trị quân sự. Đồng chí Lê Quang Đạo, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị giữ chức Giám đốc kiêm Bí thư Đảng ủy Học viện Chính trị quân sự thay đồng chí Lê Hiến Mai. Tháng 4/1974, đồng chí Lê Quang Đạo được thăng quân hàm Trung tướng.

Thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Học viện là giáo dục, đào tạo cán bộ chính trị cho quân đội, đồng chí Lê Quang Đạo đã viết bài “Mấy vấn đề công tác chính trị trong nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng quân

đội cách mạng chính quy, hiện đại”, đăng trên tạp chí *Quân đội nhân dân*, số 3/1974, nêu lên quan điểm cơ bản của Đảng về mối quan hệ giữa cách mạng và chính quy, hiện đại trong xây dựng Quân đội nhân dân làm cơ sở để giải quyết tốt hơn nữa một số vấn đề về công tác chính trị trong quân đội:

Một là, xây dựng quân đội ta thành một quân đội nhân dân hùng mạnh, một quân đội cách mạng tiến lên chính quy và hiện đại. Quan điểm này vừa chỉ rõ bản chất giai cấp, bản chất cách mạng của quân đội ta, vừa chỉ rõ phương hướng cơ bản để xây dựng quân đội ta ngày càng hùng mạnh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng.

Hai là, giải quyết tốt mấy vấn đề công tác chính trị hiện nay trong việc đẩy mạnh xây dựng Quân đội nhân dân chính quy, hiện đại. Cụ thể: thực hiện tốt chế độ lãnh đạo của Đảng và chế độ chỉ huy trong quân đội; làm tốt hơn nữa công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, nâng cao ý chí chiến đấu của bộ đội; quán triệt quan điểm của Đảng trong việc hiện đại hóa quân đội, ra sức nâng cao tinh thần làm chủ khoa học - kỹ thuật quân sự hiện đại cho cán bộ và chiến sĩ; quán triệt đường lối quân sự của Đảng, tư tưởng chỉ đạo tác chiến của quân đội ta trong huấn luyện và tác chiến hiệp đồng binh chủng; nắm vững đường lối chiến tranh nhân dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng, đưa trình độ chính quy của quân đội ta lên một

bước mới; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ và đơn vị cơ sở đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại và tác chiến hiệp đồng binh chủng; phải có sự chuyển biến mạnh mẽ công tác chính trị, cơ quan chính trị và cán bộ chính trị.

Tháng 10/1974, Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1974 - 1975 và trình lên Bộ Chính trị. Từ ngày 18/12/1974 đến ngày 08/01/1975, Bộ Chính trị họp mở rộng, hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Nếu thời cơ đến vào đầu năm hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Ngày 09/01/1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp quán triệt và triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị và quyết định chọn Buôn Ma Thuột làm mục tiêu đầu tiên của Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu cho cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975. Ngày 11/3/1975, ta hoàn toàn giải phóng Buôn Ma Thuột. Hạ tuần tháng 3/1975, Chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng.

Căn cứ vào thực tiễn chiến trường, lực lượng so sánh giữa ta và địch, ngày 18/3/1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp, hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Ngày 29/3/1975, ta giải phóng Đà Nẵng. Ngày 31/3/1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định giải phóng miền Nam trong tháng 4/1975. Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định giải phóng Sài Gòn ngay trong tháng 4/1975

và Chiến dịch Sài Gòn được mang tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Trước sức mạnh tấn công vũ bão của 5 cánh quân chủ lực đánh thẳng vào các đô thị, trung tâm đầu não và các căn cứ quân sự lớn của địch, cùng với sự nổi dậy của nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương, bộ máy kìm kẹp của chính quyền địch ở địa phương, ở cơ sở bị đập tan, quân lực Việt Nam Cộng hòa nhanh chóng bị đánh bại. Ngày 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đồng chí Lê Quang Đạo có mặt ở Tổng hành dinh cùng Quân ủy Trung ương chuẩn bị về chủ trương và những biện pháp lớn về quân sự; góp phần xây dựng kế hoạch chung, kế hoạch tác chiến cho từng chiến trường; xây dựng ý chí, quyết tâm chiến đấu cho các lực lượng vũ trang chuẩn bị Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trải qua những năm tháng chiến đấu anh dũng, nhân dân ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới với quy mô lớn, dài ngày nhất, ác liệt và dã man nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Âm mưu biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ cùng với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta đã bị đập tan. Thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đã kết thúc quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc

và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử giành độc lập, thống nhất, mở ra bước ngoặt vĩ đại đưa cả nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lời tiên đoán và mong ước thiết tha của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành hiện thực: “CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài... Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi... Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹.

Đánh giá thắng lợi này, Đảng ta nhận định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.15, tr.623.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.37, tr.471.

Chương V

THAM GIA LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1986)

1. Tiếp tục đảm nhiệm cương vị Giám đốc Học viện Chính trị quân sự (1975 - 1978)

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, một thời kỳ mới đã mở ra trên đất nước ta: thời kỳ hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta trở thành người làm chủ toàn bộ đất nước.

Cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội là xu thế chung của đất nước. Yêu cầu lịch sử đặt ra cho Đảng và nhân dân ta sau khi đất nước thống nhất là: *thứ nhất*, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội như thế nào cho phù hợp với đặc điểm là nước nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, chưa có đại công nghiệp; *thứ hai*, phải vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa cảnh giác và chuẩn bị đối phó với những âm mưu gây chiến của các thế lực thù địch; *thứ ba*, hoàn thành những nhiệm vụ còn lại của sự nghiệp thống nhất.

Tháng 9/1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương khóa III quyết định: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục chính trị trong tình hình mới, trong những năm 1975 - 1976, dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Đảng ủy Học viện mà đồng chí Lê Quang Đạo trực tiếp là Giám đốc kiêm Bí thư Đảng ủy, cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quân sự đã được tổ chức lại hợp lý hơn với hai hệ đào tạo: hệ đào tạo cán bộ chính trị sơ cấp và hệ đào tạo cán bộ chính trị trung cấp. Trong mỗi hệ đào tạo có chủ nhiệm và phó chủ nhiệm, các ban giúp việc và các tiểu đoàn học viên. Phòng hậu cần được tách ra khỏi Cục quân sự, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Học viện và sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Học viện. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, Thường vụ Đảng ủy Học viện cũng đã thống nhất và đề nghị Bộ Quốc phòng điều động, bổ nhiệm nhiều chức vụ khác trong toàn Học viện. Không những điều động trong nội bộ, Học viện còn cử một số cán bộ, giáo viên của Học viện tham gia xây dựng các binh đoàn cơ động, bổ sung cho các quân binh chủng, tăng cường cho chiến trường chính ở miền Nam.

Tùy tình hình thực tế nhiệm vụ trong từng giai đoạn nhất định, cơ cấu tổ chức biên chế của Học viện luôn được củng cố và hoàn thiện. Trong đó, công tác xây dựng và kiện toàn cấp ủy để nâng cao lực lượng lãnh đạo toàn diện được chú trọng.

Ngày 25/4/1976 diễn ra Tổng tuyển cử trên cả nước, bầu ra Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất. Quốc hội khóa VI biểu thị ý chí của toàn dân xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa. Từ ngày 24/6 đến ngày 03/7/1976, diễn ra Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI. Quốc hội đã quyết định đặt tên nước là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thành phố Sài Gòn được mang tên mới là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước, đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội, đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ.

Từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là *đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*¹. Đại hội đã quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.37, tr.652.

hoạch 5 năm 1976 - 1980: “xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất”¹; cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động. Đại hội đề ra nhiệm vụ và chính sách đối ngoại nhằm tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố quốc phòng, cùng các nước góp phần vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới². Đồng chí Lê Duẩn được bầu là Tổng Bí thư của Đảng. Đồng chí Lê Quang Đạo tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.37, tr.653.

2. Ban Chấp hành Trung ương khóa IV gồm 101 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết.

được Trung ương bầu vào Ban Bí thư. Đây là kết quả của những cống hiến của đồng chí đối với Đảng, quân đội và đất nước.

Bước sang thời bình, thực hiện chủ trương của Bộ Quốc phòng, yêu cầu của công tác giáo dục, đào tạo ngày một tăng lên. Dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Đảng ủy Học viện Chính trị quân sự, công tác giáo dục, đào tạo liên tục được đẩy mạnh và nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Hệ thống đào tạo cũng được mở rộng với nhiều đối tượng, thời gian và hệ thống các môn học cũng được mở rộng hơn so với trước. Thực hiện quyết định của Bộ Quốc phòng, năm 1976, Học viện tiến hành việc tách Hệ sơ cấp thuộc Học viện để thành lập Trường Sĩ quan chính trị, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Trong điều kiện hòa bình, công tác nghiên cứu khoa học được Thường vụ Đảng ủy Học viện chỉ đạo chuyển hướng tập trung nghiên cứu, tiến hành biên soạn các giáo trình, tập bài giảng, tìm tòi nghiên cứu chuẩn bị nội dung cho các hình thức giáo dục mới. Đồng chí Lê Quang Đạo đã tham gia biên soạn và thông qua 4 bộ sách giáo dục cho toàn quân, gồm 14 bài giáo dục chiến sĩ mới; 8 bài giáo dục thương bệnh binh, phục vụ cho đội điều dưỡng thương bệnh binh; 12 bài công tác chính trị cơ sở và tài liệu thắng lợi trở về. Bốn bộ tài liệu giáo dục trên đã góp phần đưa công tác giáo dục chính trị đi vào

nền nếp, để lại nhiều kinh nghiệm quý báu về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong quân đội. Ngoài ra, đồng chí còn chủ trì thông qua các giáo trình về chủ nghĩa cộng sản khoa học, lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, về chiến tranh quân đội, triết học, công tác chính trị,... để đưa vào giảng dạy trong Học viện. Nhằm nâng cao hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học tại Học viện, tháng 12/1976, đồng chí đã ký Quyết định số 314 về thành lập Hội đồng khoa học Học viện gồm 25 đồng chí do đồng chí Hoàng Trà làm Chủ tịch.

Là một cán bộ cần mẫn và nhiệt huyết trong công việc, đồng chí Lê Quang Đạo hết sức quan tâm tới việc xây dựng đơn vị chính quy, hiện đại, trong đó vấn đề quan trọng là cải tiến lề lối làm việc và tác phong công tác. Ngày 30/10/1975, dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Quang Đạo, Đảng ủy Học viện ra nghị quyết chuyên đề về lề lối làm việc, trong đó quy định những nội dung cụ thể về cải tiến lề lối làm việc của Thường vụ Đảng ủy, Ban Giám đốc và các cơ quan, đơn vị trong Học viện. Từ đó, hoạt động của toàn Học viện dần đi vào nền nếp và nâng cao hiệu quả công tác. Bản thân đồng chí luôn thể hiện mình là một tấm gương lãnh đạo sâu sát phong trào, gần gũi cán bộ, được cấp dưới mến phục và tin tưởng. Đồng chí thường xuyên quan tâm, gặp gỡ động viên từng cán bộ, học viên vượt qua hoàn cảnh khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đồng chí Lê Quang Đạo cũng đặt ra yêu cầu cao đối với đội ngũ cán bộ của Học viện. Trong Nghị quyết về công tác cán bộ 2 năm (1976 - 1977), có nêu rõ yêu cầu về công tác cán bộ là xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên có chất lượng cao, số lượng thích hợp, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tuyệt đối trung thành với Đảng, có ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, tư cách tác phong tốt, có trình độ hiểu biết cơ bản, toàn diện, hệ thống, chuyên sâu ngành nghề, thông thạo chuyên môn, nghiệp vụ, cân đối và đồng bộ, có đầu ngành và nguồn kế tiếp mạnh, có thể lực và lứa tuổi phù hợp.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy Học viện, trực tiếp là đồng chí Lê Quang Đạo, Học viện đã động viên toàn thể cán bộ, giáo viên, học viên, chiến sĩ, công nhân viên phát huy tinh thần tự lực, chủ động khắc phục khó khăn tham gia xây dựng doanh trại, trong đó tinh thần tự lực xây dựng chính là phương châm nhất quán từ cán bộ tới chiến sĩ. Với quyết tâm đó, hàng vạn viên gạch đã được sản xuất, hàng chục nghìn mét vuông doanh trại đã được xây dựng khắp các địa điểm mà Học viện đóng quân. Công tác tăng gia sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, cải thiện bữa ăn cũng đạt được nhiều tiến bộ. Đời sống của cán bộ, học viên, chiến sĩ, công nhân viên được cải thiện đáng kể so với trước. Đó chính là cơ sở để mọi người yên tâm công tác và cống hiến cho quân đội.

Là một cán bộ có nhiều năm làm trong ngành tuyên huấn của quân đội, do đó công tác xây dựng đời sống văn hóa tinh thần trong Học viện Chính trị quân sự cũng được đồng chí hết sức quan tâm. Phong trào văn hóa, văn nghệ trong những năm đồng chí làm Giám đốc Học viện luôn phát triển mạnh. Dưới sự chỉ đạo sâu sát của Thường vụ Đảng ủy, trực tiếp là đồng chí Lê Quang Đạo, các hình thức văn hóa, văn nghệ phát triển phong phú, tạo nên không khí sôi nổi và phấn khởi trong toàn Học viện. Hàng trăm bài hát, bài thơ,... ca ngợi Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, truyền thống dân tộc, quân đội và Học viện được sáng tác. Nổi bật trong đó có ca khúc *Như những cánh chim bằng* được giải A trong Hội diễn văn nghệ các nhà trường quân đội năm 1976, được chọn để đăng trong cuốn *Tuyển tập bài hát* của toàn quân do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 1977. Với những thành tích về hoạt động văn nghệ quần chúng, Học viện đã được nhận Cờ luân lưu và Bằng khen của Tổng cục Chính trị năm 1977.

Đặt trong bối cảnh đất nước có những chuyển biến liên tục, yêu cầu nhiệm vụ của Học viện cũng không ngừng thay đổi, nhưng dưới sự lãnh đạo của Thường vụ Đảng ủy, trực tiếp là đồng chí Lê Quang Đạo, toàn Học viện đã phát huy tinh thần đoàn kết, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách, phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trên mọi lĩnh vực.

2. Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội (1978 - 1982)

Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng ta chủ trương xây dựng Thủ đô Hà Nội thành một trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa tiêu biểu cho cả nước. Để mở rộng Thủ đô, làm cho Hà Nội có thêm một vùng nông thôn rộng lớn, Trung ương đã quyết định tách 5 huyện và 1 thị xã của 2 tỉnh Hà Tây và Vĩnh Phúc nhập vào Hà Nội, đồng thời tăng cường thêm những cán bộ có năng lực và uy tín cho Hà Nội. Tháng 12/1978, đồng chí Lê Quang Đạo được Trung ương phân công về công tác ở Đảng bộ thành phố Hà Nội, với chức vụ Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội, kiêm Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất các lực lượng vũ trang thành phố Hà Nội. Đây là lần thứ ba đồng chí được Đảng giao trọng trách ở Hà Nội. Đồng chí Lê Văn Lương - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương được cử làm Bí thư Thành ủy Hà Nội (tháng 01/1977).

Sau khi hòa bình lập lại, hệ thống hạ tầng của Hà Nội không khác mấy so với thời hòa bình năm 1954. Nhà cửa, đường phố, phương tiện giao thông, những công trình dân sinh chủ yếu từ thời Pháp để lại, đã lạc hậu và xuống cấp. Trong chiến tranh, máy bay Mỹ đánh phá dữ dội Hà Nội nên sau giải phóng, tình hình kinh tế Hà Nội hết sức khó khăn. Nhiệm vụ đặt ra cho Thành ủy Hà Nội là phải bảo đảm mọi mặt sinh hoạt

cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang và nhân dân trên địa bàn thành phố.

Trên cương vị Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội, đồng chí Lê Quang Đạo đã dành nhiều thời gian tìm hiểu các mặt hoạt động của Thủ đô qua việc nghe thông báo trong các buổi giao ban hàng ngày kết hợp với xuống cơ sở để tìm hiểu tình hình. Những vấn đề liên quan tới cuộc sống hàng ngày của nhân dân, đồng chí chỉ đạo các cấp, các ngành cần phải nhanh chóng khắc phục ngay, nhằm bảo đảm sinh hoạt cho nhân dân.

Thời gian này, các thế lực thù địch bên ngoài và những phần tử xấu trong nước tung tin bịa đặt: “Việt Nam bức ép, xua đuổi Hoa kiều”, kích động, lôi kéo Hoa kiều bỏ về nước, gây mất ổn định chính trị nước ta. Trên địa bàn Hà Nội thời điểm này có hơn 14.000 người Hoa sinh sống. Nhìn chung, bà con Hoa kiều có nhận thức đúng, gắn bó với đất nước Việt Nam, tuy nhiên cũng có một số người nhẹ dạ tin vào những lời tuyên truyền bịa đặt, tìm cách bán đồ đạc để về nước. Năm 1978, số người Hoa ở các tỉnh kéo về tập trung ở Hà Nội lên tới hàng trăm người. Trước tình hình đó, đồng chí Lê Quang Đạo cùng với Ban Thường vụ Thành ủy đã họp, ra thông tri về một số nhiệm vụ trong công tác vận động người Hoa (tháng 6/1978) và thành lập Ban Chỉ đạo công tác vận động người Hoa của thành phố gồm 7 đồng chí. Cùng các đồng chí trong Thường vụ Thành ủy,

Công an thành phố, Mặt trận Tổ quốc, đồng chí đã trực tiếp đến ga Trần Quý Cáp, xuống khu phố Hàng Buồm gặp gỡ bà con Hoa kiều, giải thích về chính sách của Đảng đối với Hoa kiều. Nhiều bà con Hoa kiều đã hiểu và yên tâm ở lại Việt Nam làm ăn sinh sống.

Khi cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam diễn ra, thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 25/9/1978, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Ban Thường vụ Thành ủy họp, ra Nghị quyết số 09-NQ/TU về “Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương ở Thủ đô trong 3 năm 1978 - 1980”, nhằm mở rộng lực lượng, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, triển khai mạng lưới thông tin liên lạc, xây dựng các công trình bảo đảm chiến đấu; tăng cường lực lượng tự vệ ở các khu phố, xí nghiệp, trường đại học; tăng cường lực lượng pháo phòng không, pháo cao xạ, chuẩn bị các phương án tác chiến, đẩy mạnh công tác huấn luyện,... để Thủ đô sẵn sàng trong tư thế chuẩn bị chiến đấu. Từ cuối năm 1979, Thành ủy đã chỉ đạo huyện Sóc Sơn làm điểm xây dựng huyện pháo đài và xây dựng mô hình xã chiến đấu ở Phù Lỗ; chỉ đạo và rút kinh nghiệm xây dựng khu phố chiến đấu ở khu Hai Bà Trưng và cụm chiến đấu Giáp Bát. Hà Nội đã thực hiện quân sự hóa toàn dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng, khả năng phòng thủ bảo vệ Thủ đô. Đồng thời với việc triển khai thế trận

sẵn sàng chiến đấu, Thành ủy Hà Nội đặc biệt quan tâm đến việc bảo vệ sinh mạng và tài sản của nhân dân, đã phát động phong trào xây dựng hầm hào, công sự chiến đấu và phòng tránh ở thành phố. Các cấp, các ngành tích cực triển khai kế hoạch phòng không nhân dân, sơ tán, giãn dân, di chuyển kho tàng, trường học, cơ quan ra khỏi thành phố. Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, sự chỉ đạo của Bộ Nội vụ, lực lượng công an thành phố đã nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động tiến công, phát hiện, ngăn chặn và đánh bại các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đấu tranh, tấn công bọn tội phạm hình sự và kinh tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn ở Thủ đô.

Thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng vùng kinh tế mới, thành phố Hà Nội đưa một bộ phận dân cư ở các huyện ngoại thành vào khu kinh tế mới ở Lâm Đồng. Dưới sự chỉ đạo của Ban Xây dựng vùng kinh tế mới, nhiều nông trường quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp được thành lập, tăng thêm hoạt động kinh tế ở vùng này. Tuy nhiên, bà con thường xuyên bị bọn fulro phá hoại, nhất là ở khu vực Lán Tranh. Để kịp thời động viên bà con yên tâm làm ăn, đồng chí Lê Quang Đạo đã đề nghị với Bí thư Thành ủy Lê Văn Lương đề đồng chí trực tiếp đến Lâm Đồng gặp gỡ bà con. Đầu tháng 02/1979, đồng chí Lê Quang Đạo cùng đoàn cán bộ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan T78

cấp cho đoàn 2 chiếc xe và một nửa tiểu đội bảo vệ. Tới Lâm Đồng, đồng chí vào thăm các gia đình nông dân từ các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Từ Liêm vào đây xây dựng vùng kinh tế mới. Sau đó, đồng chí đi thẳng vào khu Lán Tranh, nằm sâu trong rừng, nơi được báo cáo là tình hình căng thẳng nhất. Ở đây, bà con không chỉ thiếu lương thực mà còn thiếu cả nước sinh hoạt. Đồng chí đã nói chuyện, động viên, thăm hỏi và chia sẻ cùng bà con. Sự có mặt của lãnh đạo Thành ủy Hà Nội đã là nguồn cổ vũ, động viên để bà con yên tâm làm ăn trên quê hương mới.

Tháng 02/1979, chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc nổ ra, Trung ương yêu cầu đồng chí Lê Quang Đạo ra Hà Nội gấp. Trở lại Hà Nội, đồng chí cùng Bí thư Thành ủy Lê Văn Lương và Chủ tịch thành phố Trần Vũ lên biên giới phía Bắc nắm tình hình. Các đồng chí đã nghe báo cáo về tình hình chiến sự ở thị xã Lạng Sơn, ở huyện Cao Lộc; đã đi thăm hỏi, động viên thanh niên, bộ đội phục viên, bộ đội chuyển ngành ở Hà Nội xung phong nhập ngũ lên biên giới chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Với tình cảm và trách nhiệm đối với đồng bào các tỉnh biên giới, Thành ủy và chính quyền thành phố Hà Nội đã phát động phong trào “Vì đồng bào biên giới ruột thịt” nhằm ủng hộ, động viên đồng bào vùng biên. Hưởng ứng phong trào, đã có hàng trăm cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, hợp tác xã tình nguyện làm thêm giờ,

tận dụng phế liệu làm thêm hàng để lấy tiền giúp đỡ đồng bào biên giới. Năm 1979, toàn thành phố đã đóng góp được hàng triệu đồng hàng công nghệ phẩm, gần 100 tấn lương thực, trên 500 con lợn giống,... gửi hỗ trợ đồng bào biên giới nhanh chóng phục hồi sản xuất, ổn định đời sống.

Nhằm triển khai một số nhiệm vụ cấp bách, trong đó có việc vận động thanh niên Hà Nội tòng quân bảo vệ Tổ quốc, ngày 15/3/1979, đồng chí Lê Quang Đạo thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thành ủy Hà Nội đến dự và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ tại buổi lễ ra quân làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của Đoàn Nguyễn Huệ, được tổ chức tại Nhà Văn hóa thiếu nhi Thủ đô (nay là Cung Thiếu nhi Hà Nội). Bí thư Thành đoàn Hà Nội Lương Văn Nghĩa - Chính ủy Đoàn Nguyễn Huệ hứa với Trung ương và Thành ủy quyết tâm phát huy truyền thống Thủ đô anh hùng, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Những năm 1979 - 1980, đời sống kinh tế ở Hà Nội gặp nhiều khó khăn lớn. Sau hơn 20 năm chiến tranh, nền kinh tế Thủ đô cũng như cả nước chưa kịp phục hồi đã phải đối phó với các cuộc chiến tranh xâm phạm biên giới nước ta. Thêm vào đó, thiên tai liên tiếp xảy ra, tác động xấu đến sản xuất. Nhiều xí nghiệp làm việc cầm chừng, hoặc ngừng sản xuất một thời gian do thiếu điện,

thiếu nguyên liệu sản xuất. Công nhân phải nghỉ việc, ăn lương 75%, thu nhập không bảo đảm, họ phải làm đủ các nghề để sống. Tệ ăn cắp vật tư, nguyên liệu, sản phẩm diễn ra ở nhiều nơi, gây khó khăn thêm cho sản xuất. Ở các huyện, hoạt động của hợp tác xã kém hiệu quả, dẫn đến sản xuất không tăng, nông dân không thiết tha với đồng ruộng, nhiều hộ sản xuất bỏ đi buôn. Tệ đầu cơ buôn lậu, móc ngoặc có chiều hướng phát triển.

Để tháo gỡ những khó khăn chung về kinh tế của cả nước, tháng 8/1979, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV đã họp bàn về công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, đồng thời giải quyết những nhiệm vụ cấp bách về kinh tế và đời sống. Triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, ngày 06/11/1979, Ban Thường vụ Thành ủy đã họp, ra nghị quyết về những nhiệm vụ công tác cấp bách của thành phố, tập trung vào các nhiệm vụ: đẩy mạnh sản xuất, cố gắng bảo đảm đời sống của nhân dân; tăng cường công tác quốc phòng và an ninh chính trị, sẵn sàng chiến đấu; phát huy mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng, khắc phục những mặt tiêu cực; tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Để chăm lo giải quyết đời sống cho cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang và nhân dân Thủ đô, đồng chí Lê Quang Đạo cùng với Thành ủy Hà Nội đã tích cực chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động kinh tế, tập trung

vào lĩnh vực sản xuất lương thực, lưu thông và phân phối, chủ trương đẩy mạnh tăng gia tự cung tự cấp, đấu tranh chống đầu cơ tích trữ.

Để đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, ngày 24/01/1981, Thành ủy ra nghị quyết giải quyết những khó khăn về vật tư cho công nghiệp; ngày 08/4/1981 ra chỉ thị về đổi mới quản lý trong các xí nghiệp quốc doanh, chủ trương thực hiện có hiệu quả ở mức độ cao phương châm Trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm, mở rộng quyền tự chủ của xí nghiệp, cho phép xí nghiệp xây dựng kế hoạch và cân đối vật tư nguyên liệu, đẩy mạnh khai thác vật tư nguyên liệu ở các tỉnh. Nhằm giải quyết khó khăn về nguyên nhiên liệu, được sự đồng ý của Chính phủ, Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo một số xí nghiệp chủ động tiến hành thu mua nguyên liệu, phế liệu, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật làm ra các mặt hàng mới; tổ chức thành lập Công trường 6 làm nhiệm vụ khai thác than ở Quảng Ninh. Đồng chí Lê Quang Đạo đã có nhiều chuyến công tác tại các tỉnh phía Nam, trao đổi, ký kết nhiều chương trình hợp tác kinh tế giữa Hà Nội với các tỉnh phía Nam. Với sự lãnh đạo tích cực của Thành ủy và cá nhân đồng chí Lê Quang Đạo, sự năng động của các cơ sở, ngành công nghiệp ở Hà Nội đã có chiều hướng đi lên. Năm 1981, nhờ khai thác tại chỗ bằng trao đổi, tận dụng phế liệu, công nghiệp địa phương đã làm thêm được 17 triệu đồng giá trị sản lượng; hợp tác với các tỉnh bạn khai thác

nguyên liệu, tạo ra giá trị sản lượng 14 triệu đồng; sử dụng ngoại tệ xuất khẩu hàng địa phương đạt 17 triệu đồng. Sáu tháng đầu năm 1982, bằng khai thác tại chỗ, công nghiệp Hà Nội có thêm 3.000 tấn thép, 50 tấn kim loại màu, 80 tấn gang; hợp tác với 10 tỉnh bạn khai thác thêm được 813 m³ gỗ, 100 tấn vỏ cây làm giấy, 400 tấn đồng, 100 tấn bột cá¹. Thành phố còn dành 1 triệu rúp và 1 triệu đôla để nhập hàng phục vụ cho công nghiệp thành phố. Từ năm 1982, sản xuất công nghiệp của Hà Nội có chiều hướng đi lên.

Đối với ngành tiểu thủ công nghiệp, thành phố Hà Nội đã mở rộng liên kết với 12 tỉnh để khai thác, thu mua, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật làm ra các mặt hàng mới. Trong 3 năm 1980 - 1982, các cơ sở sản xuất đã tận dụng 27.500 tấn phế liệu, phát huy trên 200 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, làm lợi cho Nhà nước trên 2,6 triệu đồng, có thêm 184 mặt hàng mới như vải giả da, vải dệt bằng sợi pécô, can nhựa đựng axít, giấy nháp chịu nước, đồng hồ vôn kế. Liên hiệp xã thủ công nghiệp với 35 đề tài cải tiến kỹ thuật đã tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao, như đồng hồ đo điện, thảm dày Ba Đình, sản xuất sợi POP,...

Về nông nghiệp, sau khi mở rộng ngoại thành, Hà Nội có 109.266 ha đất nông nghiệp, 98.762 ha đất canh tác.

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội (1930 - 2000)*, Sđd, tr.565.

Nhiệm vụ chính của thành phố lúc này là xây dựng vành đai thực phẩm ở nông thôn ngoại thành, nhằm bảo đảm nhu cầu về rau, một phần thịt, cá, trứng cho nội thành. Thời gian này, nhiều cuộc tranh luận về vấn đề xây dựng kinh tế diễn ra dai dẳng. Có người cho rằng chủ trương tổ chức những hợp tác xã quá lớn và hoạt động theo cách tính điểm đang là nguyên nhân chính dẫn tới những khó khăn về lương thực. Trong những cuộc thảo luận về vấn đề kinh tế, là người có tính nguyên tắc và tính tổ chức cao, đồng chí Lê Quang Đạo luôn quán triệt quan điểm của Trung ương, đồng thời khuyến khích tinh thần năng động, dám nghĩ, dám làm, tìm tòi những phương pháp để phát triển kinh tế. Đồng chí cho rằng, cần duy trì hình thức hợp tác xã, không để hợp tác xã tan rã. Đồng chí nêu lên mô hình hợp tác xã Song Phượng (Đan Phượng) tổ chức sản xuất theo truyền thống vẫn đạt được năng suất cao, đời sống xã viên khá lên. Đồng chí cũng đã tích cực đọc nhiều, đi nhiều, trực tiếp tìm hiểu tình hình thực tế để đưa ra nhận xét khách quan; xuống thăm và kiểm tra tình hình sản xuất rau ở Thanh Trì; thăm cánh đồng rau của các hợp tác xã Duyên Hà, Yên Mỹ, Trần Phú, Yên Sở, đồng chí thấy những mảnh ruộng nào giao khoán cho xã viên thì năng suất đạt cao hơn. Sau đó, đồng chí góp ý với huyện nên trồng thêm nhiều loại rau, mạnh dạn mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động; chú ý đến công tác cán bộ, mạnh dạn sử dụng

những cán bộ tốt, có năng lực dù chưa phải là đảng viên, hay dù tuổi đời còn ít.

Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. Đây là nguồn động lực mới cổ vũ các hộ gia đình nông dân phấn khởi, mạnh dạn đầu tư thâm canh tăng năng suất. Ngày 19/01/1981, Ban Thường vụ Thành ủy đã triệu tập cuộc họp các bí thư, phó bí thư huyện, thị để nghiên cứu và bàn biện pháp thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW. Ngay sau đó, Thành ủy họp hội nghị bàn về nhiệm vụ năm 1981, chủ trương nhanh chóng cải tiến công tác khoán và mở rộng khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp. Thành ủy đã ra Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 01/4/1981 về cải tiến công tác khoán và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 06/4/1981 chủ trương mạnh dạn khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đối với cây rau. Chỉ thị số 100-CT/TW được thực hiện khẩn trương và đã tạo ra kết quả mới trong sản xuất nông nghiệp. Toàn thành phố có 180/337 hợp tác xã đã khoán sản phẩm cây lúa đến người lao động, chiếm trên 53% tổng số hợp tác xã, trong đó trên 12% số hợp tác xã khoán sản phẩm cho nhóm và người lao động, trên 10% số hợp tác xã khoán sản phẩm một phần diện tích cho người lao động. Hình thức khoán tuy còn ở trình độ thấp nhưng đã khắc phục được nhiều hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và phân phối, tình trạng chênh lệch

trong lao động, tẻ rong công phóng điểm cơ bản không còn nữa. Vụ chiêm xuân năm 1980 - 1981, tổng diện tích gieo trồng ở Hà Nội tăng 1.400 ha so với năm 1980, riêng diện tích trồng lúa tăng 584 ha. Năng suất lúa chiêm xuân đạt 26,4 tạ/ha, tăng gần 1 tạ so với năm 1980. Ngô, khoai, đậu tương đều khá hơn năm 1980. Sản lượng lương thực tăng 2,5%, trong đó lúa tăng 6.000 tấn; có 8/12 huyện đạt năng suất lúa cao hơn vụ xuân năm 1980. Năm 1982, sản lượng lương thực đạt 38,6 vạn tấn (huyện Đan Phượng đạt 8,2 tấn/ha). Các hợp tác xã Minh Khai, Đường Lâm, Yên Sở... là những lá cờ đầu trong phong trào sản xuất theo cơ chế mới¹.

Sản xuất và cung cấp rau có bước tiến mới. Sản lượng rau Hà Nội bán cho Nhà nước năm 1980 là 95.000 tấn; năm 1981 là 111.000 tấn. Bên cạnh những vùng thâm canh rau, ngoại thành bước đầu hình thành vùng ngô cao sản. Chăn nuôi gà, vịt, cá phát triển cả ở nội và ngoại thành; chăn nuôi bò được đẩy mạnh ở cả ba khu vực (quốc doanh, hợp tác xã và gia đình). Sản lượng thịt lợn bán cho Nhà nước năm 1980 đạt 9.500 tấn; năm 1981 đạt 12.500 tấn².

Để tháo gỡ những bức xúc trên mặt trận lưu thông, phân phối, thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 23/6/1980 của Bộ Chính trị, đồng chí Lê Quang Đạo

1, 2. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội (1930 - 2000)*, *Sđd*, tr.568, 569.

cùng lãnh đạo Thành ủy chỉ đạo ngành thương nghiệp tranh thủ tiếp nhận nguồn hàng của Trung ương, chủ động đẩy mạnh thu mua trên địa bàn, đồng thời khai thác nguồn hàng từ các tỉnh để bổ sung quỹ hàng hóa. Đồng chí chỉ đạo đội ngũ cán bộ thương nghiệp chủ động vào các tỉnh phía Nam mua hàng, mở rộng liên doanh liên kết với các tỉnh lân cận để tranh thủ mọi nguồn hàng, chỉ đạo hệ thống hợp tác xã mua bán thực hiện nghiêm túc mọi quy định về phân phối hàng hóa, đưa thực phẩm, rau tươi vào từng cơ quan, xí nghiệp và cụm dân cư để bán định kỳ. Từ tháng 5/1981, toàn thành phố thực hiện niêm yết giá và bán theo giá niêm yết, chống đầu cơ, nâng giá. Tháng 9/1981, Nhà nước điều chỉnh giá, áp dụng chính sách hai giá trong thu mua (mua trong nghĩa vụ theo giá chỉ đạo ổn định và mua ngoài nghĩa vụ theo giá thỏa thuận). Hệ thống giá hình thành từ 20 năm trước bị xóa bỏ, tạo một bước quan trọng trong việc chống bao cấp cơ chế giá. Sáu tháng đầu năm 1982, thu mua nông sản, thực phẩm, hàng công nghệ tăng gấp 4 lần so với cùng kỳ năm 1981. Đời sống của công nhân, viên chức Hà Nội được cải thiện một phần.

Nhận thức vị trí then chốt của khoa học kỹ thuật đối với phát triển kinh tế, đồng chí Lê Quang Đạo cùng lãnh đạo Thành ủy chú trọng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ phát triển sản xuất, củng cố, tăng cường sức

mạnh quốc phòng. Ngày 31/4/1982, Thường vụ Thành ủy ra Nghị quyết số 18-NQ/TU về khoa học kỹ thuật. Thực hiện Nghị quyết của Thành ủy, các quận, huyện, ban, ngành đã triển khai hơn 1.000 đề tài nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Trong lĩnh vực công nghiệp, nhờ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đã có 7 sản phẩm được cấp dấu chất lượng cấp 1 của Nhà nước, 36 sản phẩm được cấp dấu chất lượng của ngành. Trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, có 5 chương trình tiến bộ kỹ thuật gắn với đề án phát triển sản xuất, như giống lúa Nông nghiệp 8, Xuân 2, CR203, CN2. Trong ngành xây dựng, 61 kết quả đề tài được đưa vào ứng dụng, với hàng chục giải pháp thi công trong các công trình dân dụng.

Nhằm từng bước nâng cao đời sống cho nhân dân thành phố, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Thành ủy luôn quan tâm đến công tác xây dựng, sửa chữa nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức, đồng thời chú trọng sửa chữa, nâng cấp một số trường học, bệnh viện, nhà trẻ,... với phương châm xây dựng mới đi đôi với sửa chữa, nâng cấp các cơ sở hiện có, vừa giải quyết yêu cầu trước mắt, vừa chuẩn bị cho lâu dài. Bình quân hằng năm, thành phố đã xây dựng mới hơn 5.000 m² nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức. Trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đồng chí Lê Quang Đạo nêu lên 5 dứt điểm mà ngành y tế Hà Nội phải hoàn thành: sinh đẻ có kế hoạch; trồng và sử dụng thuốc Nam;

ba công trình vệ sinh; sức khỏe toàn dân; mạng lưới cán bộ y tế¹.

Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, nền giáo dục nước ta gặp nhiều khó khăn, chất lượng giáo dục giảm sút, số học sinh bỏ học tăng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức trong nhà trường còn yếu, cơ sở vật chất thiếu thốn, đời sống của giáo viên gặp nhiều khó khăn. Đồng chí Lê Quang Đạo rất trăn trở, suy nghĩ làm thế nào để nâng cao chất lượng giáo dục của thành phố. Đến dự và phát biểu tại Hội nghị tổng kết ngành giáo dục của Hà Nội (cuối năm 1979) và lớp bồi dưỡng giáo viên hè (năm 1980), đồng chí nêu lên tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta, những khó khăn về kinh tế và đời sống của nhân dân nói chung, đội ngũ giáo viên nói riêng và chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ để nâng cao chất lượng giáo dục trong thời gian tới.

Để có thể hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề trên, đồng chí Lê Quang Đạo cùng Đảng bộ thành phố Hà Nội đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, trước hết là chất lượng của tổ chức đảng. Theo tinh thần Chỉ thị số 83-CT/TW của Ban Bí thư, Đảng bộ thành phố đã triển khai thực hiện công tác phát triển đảng viên, xem đó là một trong những biện pháp quan trọng. Từ ngày 03/02/1980 đến

1. Phát biểu của đồng chí Lê Quang Đạo tại Hội nghị tập huấn của cán bộ ngành y tế Hà Nội, ngày 20/9/1980.

tháng 12/1982, Đảng bộ đã tiến hành phát thẻ ở 1.812 cơ sở đảng với 144.034 thẻ đảng viên chính thức và 10.075 thẻ đảng viên dự bị¹. Thông qua việc phát thẻ đảng, ý thức đảng, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong sản xuất và công tác của đảng viên được nâng cao. Đồng chí Lê Quang Đạo rất chú trọng tới công tác tổ chức và cán bộ. Đồng chí gặp gỡ nhiều cán bộ lãnh đạo của thành phố, các quận, huyện, cơ sở, nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, giao cho Ban Tổ chức Thành ủy chuẩn bị đề án xây dựng một nghị quyết toàn diện về công tác cán bộ của Hà Nội và trực tiếp chỉ đạo, nhằm đánh giá tình hình đội ngũ cán bộ, khẳng định những ưu điểm, những mặt mạnh cơ bản và chỉ ra những hạn chế của cán bộ, nhất là hạn chế trong phát triển kinh tế; chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Đồng chí chú ý đến những trí thức ngoài đảng có trình độ chuyên môn tốt, vận động những trí thức có đức, có tài gia nhập Đảng; cùng với Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp giải quyết tiếp nhận bộ đội xuất ngũ về học tập tại các trường đóng trên địa bàn Hà Nội.

Với thắng lợi của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII, Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII

1. Báo cáo tổng kết của Thường vụ Thành ủy Hà Nội, số 6, ngày 11/5/1984.

(tháng 4/1981), chính quyền thành phố Hà Nội được củng cố thêm một bước. Mặt trận Tổ quốc Thành phố cũng được tăng thêm cán bộ và sắp xếp lại tổ chức cho phù hợp với tình hình mới, khối đoàn kết ngày càng được củng cố, tăng cường.

Thủ đô Hà Nội sau những năm chiến tranh, bước vào thời kỳ hòa bình đã vượt qua khó khăn, đưa kinh tế - xã hội chuyển dần sang cơ chế mới, đời sống của nhân dân từng bước được ổn định. Trong những thành tích chung đó, có sự đóng góp rất quan trọng của Phó Bí thư Thành ủy Lê Quang Đạo.

3. Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương (1982 - 1986)

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982), đồng chí Lê Quang Đạo tiếp tục trúng cử vào Ban Chấp hành Trung ương và Ban Bí thư Trung ương, trực tiếp phụ trách Ban Khoa giáo Trung ương¹. Năm 1983, đồng chí phụ trách công tác dân vận của Trung ương² và là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ban Khoa giáo Trung ương chịu trách nhiệm với Trung ương về Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp,

1. Khi đó, Ban Khoa giáo Trung ương có các đồng chí: Đặng Quốc Bảo (Phó ban), Phạm Tất Dong và một số đồng chí khác.

2. Ban Dân vận Trung ương lúc này do đồng chí Trần Quốc Hoàn làm Trưởng ban.

Bộ Giáo dục, Bộ Y tế, Tổng cục Thể dục thể thao, Viện Khoa học Việt Nam, Ủy ban Khoa học xã hội và các viện nghiên cứu,... Những công việc có thể nói là rất mới đối với đồng chí Lê Quang Đạo.

Để các cấp, các ngành hiểu hơn về vị trí, tầm quan trọng của công tác khoa giáo trong thời kỳ mới, phát biểu tại Hội nghị khoa giáo các tỉnh và thành phố miền Bắc (ngày 29/5/1982), đồng chí Lê Quang Đạo khẳng định: Công tác khoa giáo là một bộ phận của nội dung đường lối. Làm tốt công tác khoa giáo là để thực hiện thắng lợi đường lối chung, đường lối kinh tế, làm tốt nhiệm vụ chiến lược, làm tốt các chính sách, biện pháp lớn. Muốn thực hiện được chiến lược kinh tế trong chặng đường đầu tiên, cần phải có chiến lược khoa giáo. Tóm lại, công tác khoa giáo liên quan đến đường lối, liên quan tới nhiệm vụ chiến lược, chiến lược kinh tế - xã hội,... Đồng chí cũng làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Ban Khoa giáo. Cũng như các ban khác, Ban Khoa giáo có những chức năng chung của các ban Đảng, nhưng gắn liền với chuyên môn công tác khoa giáo. Cụ thể, các ban của Đảng phải giúp cấp ủy đảng làm được những chức năng sau: *Chức năng tham mưu*, nghiên cứu giúp cấp ủy đảng định ra được chủ trương, chính sách đúng, có được nghị quyết đúng về các mặt công tác mà ban được giao. *Chức năng kiểm tra*, giúp cấp ủy đảng kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về các mặt công tác khoa giáo.

Đối với Ban Khoa giáo, đối tượng kiểm tra là cấp ủy cấp dưới và các ngành trong tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng về khoa giáo. *Chức năng quản lý cán bộ*, giúp cấp ủy đảng quản lý cán bộ các ngành mà Ban phụ trách. Về chức năng này, Ban Khoa giáo phải nắm được cán bộ ngành khoa giáo, phải hiểu đầy đủ và có trách nhiệm đánh giá sao cho đúng. Từ đó, đề xuất ý kiến với cấp ủy đảng về phương án sắp xếp, sử dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ. Muốn vậy, phải hết sức vô tư, khách quan¹,...

Ngoài các chức năng trên, theo đồng chí Lê Quang Đạo, để làm tốt công tác khoa giáo, *phải động viên được phong trào cách mạng của quần chúng* trên các lĩnh vực: khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao. Muốn có phong trào cách mạng của quần chúng, việc *đầu tiên* là phải có sự lãnh đạo của Đảng; *thứ hai*, phải có kế hoạch rất sát với điều kiện cụ thể của từng nơi; *thứ ba*, phải biết động viên, tuyên truyền cho đông đảo quần chúng tự giác, hăng hái tham gia; *thứ tư*, phải biết tổ chức lực lượng, trước hết là bộ phận nòng cốt; *thứ năm*, phải có những hình thức khuyến khích, biểu dương khen thưởng, đồng thời phải tuyên truyền, phổ biến kịp thời những kinh nghiệm tiên tiến, nêu cao những điển hình tiên tiến².

1, 2. Xem Lê Quang Đạo *Tuyển tập, Sđd*, tr.337-339, 341.

Với vai trò là Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, đồng chí Lê Quang Đạo đã lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả công tác khoa giáo trên một số lĩnh vực cụ thể.

Một trong những lĩnh vực được đồng chí Lê Quang Đạo đặc biệt quan tâm là *giáo dục*. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”¹, đồng chí Lê Quang Đạo luôn nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng chí nói: “Không có giáo dục thì đừng hòng đi lên”² và đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Về mục tiêu của giáo dục, đồng chí nêu rõ: “... là để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Cái đó chưa phải mọi người đã quán triệt đâu... ngay trong đảng viên, trong cán bộ cũng có những đồng chí chưa nhận thức đúng, chứ chưa nói là trong nhân dân”³.

Những năm 1983 - 1985, ngành giáo dục của nước ta gặp nhiều khó khăn, nhiều trường phải giải thể vì vắng người học, thiếu người dạy chất lượng giáo dục thấp. Đồng chí Lê Quang Đạo đã cùng các cán bộ của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.528.

2. Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, Sđd, tr.700.

3. *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, Sđd, tr.328.

Ban Khoa giáo xuống các cơ sở tìm hiểu tình trạng xuống cấp của giáo dục, không chỉ về đường lối, tổ chức mà cả về nội dung giáo dục. Phát biểu tại Hội nghị khoa giáo toàn quốc (tháng 11/1984), đồng chí nhận định: Chúng ta đã cố gắng tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cách mạng; giáo dục lao động, kỹ thuật và hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường phổ thông và chú ý chăm sóc đời sống của giáo viên. Có thể nói tỉnh nào, thành phố nào cũng có những nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường phổ thông làm tốt toàn diện hoặc một số mặt giáo dục. Cùng với trường học, nhiều xã, huyện và một số quận đã làm khá tốt công tác giáo dục. Trong lĩnh vực dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học, đồng thời với những cải tiến trong từng loại trường, đã từng bước thực hiện cải cách giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, đổi mới phương pháp đào tạo bằng cách kết hợp học tập với lao động sản xuất theo ngành nghề, nghiên cứu và thực nghiệm khoa học và kỹ thuật, chăm sóc đời sống của giáo viên và học sinh¹. Tuy nhiên, trong công tác giáo dục, đồng chí cũng chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm: “Chất lượng giáo dục giảm sút nghiêm trọng. Chất lượng giáo dục không toàn diện, còn coi nhẹ giáo dục chính trị và giáo dục đạo đức, coi nhẹ giảng dạy và giáo dục các môn khoa học

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, Sđd, tr.367-368.

xã hội... Kế hoạch phát triển giáo dục của ta thiếu cân đối, không toàn diện, không bảo đảm điều kiện vật chất cho giáo dục”¹; “... trong khi những tiêu cực trong xã hội đã dội vào nhà trường, đưa đến tình trạng giảm sút về lý tưởng, ý chí, niềm tin cách mạng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ thế hệ trẻ”². Về giáo dục chuyên nghiệp, “... chúng ta chưa có một kế hoạch chính xác và hoàn chỉnh về đào tạo và bồi dưỡng các loại cán bộ và công nhân một cách đồng bộ, có chất lượng và hiệu quả... Kế hoạch đào tạo chưa gắn với việc phân phối và sử dụng nên có chỗ thừa, chỗ thiếu,... hoặc sử dụng không đúng ngành nghề đào tạo”³.

Đồng chí phê phán những quan điểm lạc hậu khi cho rằng: Học để có bằng cấp, học để thoát ly lao động chân tay, cho nên tìm mọi cách để vào đại học, mà không hiểu rằng phải học để trở thành người lao động có văn hóa, người lao động kiểu mới xã hội chủ nghĩa. Chính quan niệm lệch lạc trên đã dẫn đến tình trạng: “... thanh niên chỉ đua nhau vào đại học. Không vào được đại học thì coi như thất vọng. Vào trường trung học chuyên nghiệp là bất đắc dĩ. Đi học nghề thì xem như vạn bất đắc dĩ, vì không còn con đường nào khác”⁴. Tình trạng đó dẫn đến hậu quả là sự phát triển

1, 2, 3, 4. *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sdd*, tr.330-331, 369, 369, 331.

thiếu đồng bộ trong giáo dục, nơi thừa vẫn thừa, nơi thiếu vẫn thiếu. Đồng chí phê bình nhiều quan chức từ cao đến thấp lo chạy những mảnh bằng để giữ ghế, để được đề bạt, cất nhắc, đã tạo ra những miếng đất tốt cho thị trường thương mại hóa giáo dục - đào tạo. Các loại chứng chỉ, học hàm, học vị trở thành vật trang sức cho sự tiến thân của không ít cán bộ.

Đến dự và phát biểu tại tiểu ban chuẩn bị “Đề án cải cách việc giáo dục lý luận Mác - Lênin ở các trường đại học và cao đẳng” (ngày 08/3/1983), đồng chí Lê Quang Đạo đã chỉ ra nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan dẫn đến chất lượng giáo dục giảm sút: cách mạng nước ta có bước phát triển lớn mà chúng ta chưa theo kịp; thời gian qua chúng ta chưa thấy hết yêu cầu về giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho thanh niên; đội ngũ giáo viên giảng dạy lý luận chính trị chưa được đầu tư đúng mức; chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy chậm được cải tiến; tổ chức lãnh đạo và quản lý của Nhà nước chưa sâu sát. Đồng chí cho rằng, có những vấn đề nêu ra phải sửa ngay, nhưng cũng có những vấn đề cần phải có thời gian mới sửa chữa được.

Đồng chí yêu cầu: trong những năm học tới phải nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức trong giáo viên và học sinh. Đồng thời, tạo một chuyển biến thực sự về chất lượng trong giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cách mạng, đặc biệt là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, giáo dục kiến thức quản lý kinh tế

trong giáo viên, cán bộ quản lý và học sinh các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học, làm cho hệ thống giáo dục phục vụ tích cực mục tiêu kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phân công lao động xã hội và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp, kết hợp chặt chẽ với các đoàn thể quần chúng, thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm để chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, bảo đảm cho mỗi trường phải là một trận địa vững chắc của chủ nghĩa xã hội¹.

Phát biểu với tiểu ban chuẩn bị tờ trình “Một số vấn đề cấp bách của công tác giáo dục” (ngày 03/6/1983), đồng chí Lê Quang Đạo nêu lên 4 vấn đề cấp bách của giáo dục: 1- Chất lượng và hiệu quả của giáo dục. 2- Phương hướng phát triển giáo dục. 3- Cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên. 4- Cơ sở vật chất của nhà trường và đời sống của giáo viên, học sinh. Trong 4 vấn đề đó, có 2 vấn đề có tính chất chi phối chung, đó là quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và vấn đề cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên. Đồng chí đưa ra vấn đề cấp bách cần làm ngay là: Cần viết lại sách giáo khoa, thay thế ngay những sách đã lạc hậu;

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.372.

nội dung chương trình cần được rút gọn tinh giản, chú ý đến việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin; việc tổ chức và quản lý giáo dục của Nhà nước phải được cải tiến; cần phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của các tổ chức quần chúng tham gia vào công tác giáo dục, đào tạo con người; vẫn còn tình trạng khoán trắng cho ngành giáo dục¹. Đi đôi với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đồng chí khẳng định rằng phải tạo một bước chuyển biến thực sự trong việc giáo dục lao động, kỹ thuật, hướng nghiệp và dạy nghề. Để thu hút nhiều học sinh vào học các trường hướng nghiệp và dạy nghề thì chính nhà trường đó phải nâng cao chất lượng dạy và học của mình.

Đồng chí khuyến khích việc làm thử và rút kinh nghiệm các loại hình trường học mới như: trường phổ thông có học nghề, trường dạy nghề trung học; nhưng cũng phê phán những địa phương mở quá nhiều trường học, các lò luyện thi, các trung tâm giảng dạy mà cơ sở vật chất thì thiếu thốn, không kiểm soát được hết chất lượng giảng dạy. Đồng chí rất quan tâm đến vấn đề mở rộng những trường học trọng điểm, những trường đầu ngành có chất lượng cao nhằm đào tạo một bộ phận ưu tú có khả năng nhanh nhạy trong các vấn đề khoa học và xã hội,... Đồng chí đã cùng với các đồng chí trong

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.361-365.

Ban Khoa giáo Trung ương nghiên cứu ra chỉ thị về cải cách giáo dục lý luận trong các trường đại học và cao đẳng, làm rõ mục đích, nội dung giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chính trị để nâng cao chất lượng giảng dạy.

Về *khoa học - kỹ thuật*, đồng chí Lê Quang Đạo khẳng định: để đưa đất nước tiến lên, thì khoa học - kỹ thuật được coi là vấn đề then chốt. Tuy nhiên, trong thực tế khoa học, kỹ thuật vẫn chưa thực sự phát huy được khả năng, chưa có được bút phá bởi nhiều lý do: công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học và kỹ thuật chưa gắn liền với đời sống; chính sách đối với tầng lớp trí thức chưa thỏa đáng; môi trường pháp lý chưa phù hợp,... Những vấn đề đó đặt ra nhiều câu hỏi khiến những người tâm huyết và có trách nhiệm phải trăn trở đi tìm lời giải đáp.

Là người trực tiếp phụ trách công tác khoa học - kỹ thuật, đồng chí cho rằng, cần tạo ra một chuyển biến mới, mạnh mẽ, đều khắp trong việc đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống, quốc phòng, vào quản lý kinh tế - xã hội, tập trung vào các ngành sản xuất mũi nhọn của địa phương và cơ sở, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Tiến hành chặt chẽ công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm, coi đó là một trong những biện pháp kinh tế - kỹ thuật quan trọng, nhằm chặn đứng việc giảm sút chất lượng sản phẩm. Đi đôi

với việc sắp xếp lại sản xuất, cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất, tạo chuyển biến thực sự trong việc sắp xếp và kiện toàn mạng lưới các cơ quan quản lý và nghiên cứu; đồng thời, đồng chí cũng cho rằng phải hết sức chú ý tạo điều kiện khuyến khích các tổ chức, các cơ quan nghiên cứu đi vào hoạt động có hiệu quả. Cần tạo chuyển biến thực sự trong việc đào tạo, bồi dưỡng và phát huy đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, có chế độ, chính sách khuyến khích cán bộ phục vụ tốt việc phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương, ra sức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý¹.

Đồng chí nhấn mạnh: "... phải gắn liền khoa học với giáo dục; gắn liền khoa học và kỹ thuật với sản xuất và đời sống; phải kết hợp chặt chẽ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên với khoa học kỹ thuật; phải làm tốt việc ứng dụng rộng rãi, nhanh chóng những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, vào quản lý và các mặt khác của đời sống kinh tế - xã hội"². Tuy nhiên, phải coi việc nghiên cứu khoa học và áp dụng những thành tựu khoa học vào sản xuất là bộ phận hữu cơ nằm trong kế hoạch tổng thể về kinh tế - xã hội của địa phương cũng như của cả nước. Hoạt động khoa học - kỹ thuật và hoạt động kinh tế - xã hội phải là một khối thống nhất thì mới có hiệu quả rộng rãi, thực sự:

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.373-377.

2. *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.328.

“Nhà khoa học có thể thành công trong phòng thí nghiệm, nhưng nếu không thông qua hoạt động kinh tế, xã hội của quần chúng thì không thể biến thành công đó thành hiện thực sinh động trong đời sống”¹. Chính vì lẽ đó, đồng chí rất khuyến khích việc đưa nhanh những tiến bộ của khoa học - kỹ thuật vào phục vụ sản xuất, đời sống, quốc phòng, quản lý kinh tế - xã hội.

Thời gian này, trí thức của ta bị coi là sách vở, xa thực tế và chưa được sử dụng hợp lý. Đồng chí đã có cách nhìn nhận đúng đắn về trí thức. Đồng chí nhận định: “Lao động trí thức là loại lao động phức tạp, có khả năng sáng tạo ra những giá trị to lớn, do đó cần phải có môi trường tự do dân chủ thực sự cho suy nghĩ độc lập trong tìm tòi khám phá, dĩ nhiên là trong khuôn khổ pháp luật”². Cần khắc phục những biểu hiện định kiến hẹp hòi với trí thức, cần đổi mới cách đánh giá trí thức, lấy hiệu quả lao động trí óc phục vụ cho đất nước làm thước đo tiêu chuẩn cao nhất. Vì vậy, cần phải đổi mới dân chủ trong lĩnh vực khoa học, phải có cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển khoa học, coi trọng bồi dưỡng và sử dụng nhân tài, nhất là đội ngũ trí thức trẻ. Đồng chí cho rằng: Sứ mệnh của người trí thức thường đọng lại trên những trang sách, những bài viết, những phát minh khoa học, kể cả những bản thảo chưa

1. Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd, tr.389.

2. Hữu Mai: Người lữ hành lặng lẽ, Sđd, tr.700.

được in ra; đôi khi những khám phá lớn, những phát hiện mới mẻ lại chính ở những bản thảo chưa được in ra đó. Cần tập trung trí tuệ, nhân tài, khắc phục dần tình trạng phân tán, lãng phí chất xám là vấn đề sống còn của dân tộc ta, nếu không sẽ tiếp tục tụt hậu và không thể tránh khỏi số phận một số nước đã cam chịu là nô lệ về công nghệ, có nghĩa là chịu phụ thuộc, chỉ làm giàu cho thiên hạ. Cần quy tụ nhân tài và trọng dụng nhân tài trong và ngoài nước, tạo mọi điều kiện cho trí thức làm việc, phát huy tài năng và được đãi ngộ thỏa đáng là vấn đề quan trọng hàng đầu trong thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao và chiều sâu mới. Đây là vấn đề hết sức cấp bách đối với sự nghiệp đổi mới đất nước¹. Đồng chí đã mời các nhà khoa học, các trí thức có tâm huyết với dân, với nước đến Ban Khoa giáo Trung ương nói chuyện chân tình, cởi mở, nêu rõ yêu cầu của đất nước và đề nghị mọi người đóng góp công sức để cùng giải quyết khó khăn cho đất nước. Đồng chí cũng mạnh dạn, thẳng thắn phát biểu ý kiến về những khó khăn của cuộc sống, những nhược điểm của nền kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp và đưa ra những phương sách để đất nước vượt qua những khó khăn.

Đối với đội ngũ trí thức, đồng chí có một phong cách tiếp xúc giản dị, chân tình, thân thiện, cuốn hút.

1. Xem Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, Sđd, tr.754.

Những cán bộ trí thức có dịp tiếp xúc với đồng chí đều có nhận xét chung: “Anh chăm chú lắng nghe người đối thoại, trao đổi một cách thẳng thắn, chân tình, gợi mở. Thái độ thực sự cầu thị của anh biểu hiện ở chỗ không né tránh vấn đề, bày tỏ chính kiến của mình, cũng như không ngần ngại khi phải nói điều đó mình chưa biết, hoặc cần có thời gian suy nghĩ thêm. Bao giờ anh cũng chứng tỏ một tinh thần trách nhiệm đối với công việc và rất coi trọng ý kiến người đối thoại”¹. Viện sĩ Vũ Tuyên Hoàng cho rằng: đây là một trong số trường hợp hiếm có, khi đồng chí lãnh đạo bậc đàn anh luôn quan tâm một cách cụ thể đến việc làm của các nhà khoa học thuộc thế hệ đi sau.

Trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, có những vấn đề mà một ngành không thể giải quyết hoặc giải quyết không thể tốt được, cho nên đồng chí luôn nhấn mạnh tới các hoạt động có tính chất liên ngành để cùng nhau giải quyết những vấn đề thực tiễn. Đồng chí đòi hỏi phải có sự thâm nhập sâu rộng lẫn nhau giữa các đơn vị nghiên cứu với các cơ sở sản xuất, giữa các bộ môn khoa học - kỹ thuật với nhau, giữa hoạt động giảng dạy của nhà trường và các hoạt động sản xuất. Chỉ có như vậy thì khoa học - kỹ thuật mới thật sự đi vào cuộc sống. Đồng chí cũng đề xuất biện pháp nhằm “...phát triển sự

1. Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, *Sđd*, tr.696.

liên kết bằng hình thức hợp đồng giữa các cơ sở kinh tế với các cơ sở nghiên cứu, thực nghiệm, các trạm, trại, các trường đào tạo, các cán bộ khoa học và kỹ thuật”¹. Với những kiến nghị của đồng chí, năm 1987, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/NĐ-CP về ký kết hợp đồng khoa học. Theo đồng chí, xã hội cần phải công nhận quyền sở hữu trí tuệ của những người nghiên cứu đối với kết quả sáng tạo mà họ làm ra. Đồng chí đã kiến nghị với Chính phủ ban hành Pháp lệnh về sở hữu trí tuệ, nhằm động viên tối đa sự sáng tạo của những nhà khoa học. Ý kiến, kiến nghị của đồng chí thể hiện một cách nhìn táo bạo trong đổi mới tư duy khoa học, đánh dấu sự đi trước một bước so với đổi mới kinh tế. Sự ra đời của Pháp lệnh về sở hữu trí tuệ và Nghị định về ký kết hợp đồng khoa học đã tạo ra động lực mới trong công tác khoa học, góp phần vào việc giải phóng khoa học như là một lực lượng sản xuất trực tiếp và sự thừa nhận bằng luật pháp các giá trị của các sản phẩm trí tuệ. Đồng chí còn có công lao lớn trong việc thành lập tổ chức Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật, một tổ chức tập hợp rộng rãi các nhà khoa học, nhằm tạo môi trường cho họ sáng tạo và cống hiến trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật.

Tháng 7/1985, đồng chí Lê Quang Đạo viết bài *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khoa học*

1. Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd, tr.376.

và *giáo dục hiện nay*, nhằm làm cho mọi người hiểu rõ đường lối, quan điểm của Đảng về công tác khoa học và giáo dục, vị trí của công tác khoa học và giáo dục; về mối quan hệ hữu cơ giữa khoa học, kỹ thuật, giáo dục, đào tạo và các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; về đào tạo, bồi dưỡng và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học, giáo dục; đẩy mạnh công tác phát triển đảng, chấn chỉnh tổ chức cơ sở đảng trong các trường học để huy động sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội, đưa sự nghiệp giáo dục tiến lên¹. Đồng chí khẳng định: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khoa học và giáo dục là vấn đề có ý nghĩa quyết định để tiến lên giành những thắng lợi mới.

Xác định công tác *y tế* là một nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng, đồng chí cùng Ban Khoa giáo Trung ương đã có nhiều chuyến đi khảo sát tình hình, kết hợp với nghe báo cáo của ngành. Đồng chí nhận thấy: "...phong trào vệ sinh phòng bệnh chuyển biến chậm; công tác khám và chữa bệnh có nhiều hiện tượng tiêu cực; y học cổ truyền dân tộc chưa được quan tâm kế thừa, phát triển và kết hợp với y học hiện đại tương xứng với yêu cầu chữa bệnh của nhân dân... cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch chưa được đẩy

1. Xem Lê Quang Đạo *Tuyển tập, Sđd*, tr.397-409.

mạnh đều khắp..., thuốc và dụng cụ y tế còn thiếu nhiều; mạng lưới y tế, nhất là tuyến cơ sở và tuyến huyện ở nhiều nơi còn yếu và chậm được củng cố¹, tỷ lệ tăng dân số còn cao. Đồng chí Lê Quang Đạo đã cùng Ban Khoa giáo Trung ương nghiên cứu và đề ra những biện pháp để khắc phục hạn chế:

Một là, đẩy mạnh hơn nữa phong trào vệ sinh phòng bệnh, phòng và chống dịch, bảo vệ và từng bước làm sạch môi trường.

Hai là, giữ vững và nâng cao một bước chất lượng khám và chữa bệnh, nhanh chóng khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong công tác khám và chữa bệnh; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, nhân viên y tế.

Ba là, đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch nhằm hạ nhanh tỷ lệ tăng dân số xuống mức hợp lý.

Bốn là, giải quyết tốt vấn đề thuốc chữa bệnh, giải quyết tốt hơn nữa công tác quản lý, phân phối, sử dụng thuốc; triệt để xóa bỏ thị trường tự do, nghiêm trị bọn ăn cắp, đầu cơ tích trữ thuốc, sản xuất và lưu hành thuốc giả.

Năm là, tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới y tế, nhất là tuyến cơ sở và tuyến huyện, quận, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho các cơ sở y tế theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

1. Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd, tr.378-379.

Sáu là, nắm vững và lãnh đạo tốt cuộc vận động 5 dứt điểm về công tác y tế, bảo đảm có chất lượng và hiệu quả¹.

Những biện pháp trên đã góp phần cùng Đảng, Nhà nước, Chính phủ đưa công tác y tế vượt qua những khó khăn, từng bước đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Về thể dục, thể thao, đồng chí Lê Quang Đạo nhận định: thể dục thể thao là một bộ phận quan trọng không thể thiếu được trong công cuộc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Đồng chí nêu lên quan điểm chỉ đạo công tác thể dục, thể thao:

Một là, cần tiếp tục quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng trong công tác thể dục, thể thao, vì sức khỏe và hạnh phúc của nhân dân, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng con người mới, chế độ mới, nền kinh tế mới.

Hai là, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao quần chúng, nhất là trong học sinh, thanh niên và lực lượng vũ trang; đồng thời tích cực xây dựng đội ngũ vận động viên đông đảo, gồm các tuyến kế tiếp nhau, hết sức chú ý đào tạo lực lượng vận động viên trẻ có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, thực sự có năng khiếu và triển vọng đạt thành tích cao ở một số môn trọng điểm. Phấn đấu đưa thể thao Việt Nam có vị trí xứng đáng trong khu vực và vươn ra tầm thế giới.

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.379-380.

Ba là, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để phát triển cơ sở vật chất của thể dục, thể thao phù hợp với từng nơi, từng địa phương; phát triển các cơ sở sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao phục vụ tốt cho phong trào tập luyện của đông đảo quần chúng.

Bốn là, quan tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên, trọng tài cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ, khắc phục các biểu hiện tiêu cực trong thể dục, thể thao; đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Năm là, tăng cường hệ thống tổ chức quản lý công tác thể dục, thể thao ở các cấp, các ngành, các địa phương, các đoàn thể¹.

Đầu những năm 1980, công tác dân vận và Mặt trận gặp nhiều lúng túng, vai trò của Mặt trận lu mờ, trở nên hình thức. Với trọng trách là Bí thư Trung ương Đảng, phụ trách công tác Đảng đoàn Mặt trận và Dân vận, đồng chí Lê Quang Đạo đã có những chỉ đạo cụ thể để đẩy mạnh hoạt động của công tác này đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới.

Đến dự Hội nghị Dân vận toàn quốc ngày 05/4/1983, đồng chí Lê Quang Đạo nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và nội dung của công tác dân vận. Đồng chí nói: *Mục đích* của công tác dân vận là nhằm thực hiện thắng lợi

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.380-383.

nhiệm vụ cách mạng của Đảng, đem lại lợi ích thiết thực cho quần chúng về chính trị, kinh tế, văn hóa và đời sống. *Nhiệm vụ* của công tác dân vận là tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập hợp, phát động quần chúng phát huy quyền làm chủ tập thể, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. *Nội dung* của công tác dân vận: *Một là*, tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ quần chúng về chủ nghĩa xã hội và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. *Hai là*, tập hợp quần chúng vào các tổ chức của hệ thống chính trị. *Ba là*, phát huy quyền làm chủ xã hội chủ nghĩa của quần chúng bằng Nhà nước. *Bốn là*, phát động các phong trào cách mạng của quần chúng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng¹. Đồng chí cũng căn dặn: để làm tròn chức năng của mình, ban dân vận các cấp cần phải có đủ cán bộ, cần sử dụng đội ngũ cộng tác viên; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận; phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa tổ chức chính quyền các cấp với tổ chức quần chúng. Các đoàn thể phải chủ động đi sâu đi sát tổ chức phong trào quần chúng và đổi mới phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình, yêu cầu và nguyện vọng của quần chúng.

1. Phát biểu của đồng chí Lê Quang Đạo tại Hội nghị Dân vận toàn quốc, ngày 05/4/1983. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Đồng chí Lê Quang Đạo đã cùng với các đồng chí Xuân Thủy, Hoàng Quốc Việt, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Tiến giúp Trung ương Đảng xây dựng Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 18/4/1983 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới. Đây là chỉ thị đầu tiên của Đảng ta về công tác mặt trận kể từ ngày thống nhất đất nước, giúp Mặt trận tìm ra hướng đi mới. Chỉ thị đã xác định rõ ba chức năng cơ bản của Mặt trận: *một là tuyên truyền; hai là vận động, tổ chức hành động quần chúng của quần chúng; ba là phản ánh ý kiến của dân và giám sát xã hội*. Đồng thời, đề ra 6 nhiệm vụ của Mặt trận, trong đó đáng lưu ý là việc phát biểu ý kiến đối với những vấn đề trong nước và quốc tế khi Mặt trận thấy cần thiết. Đó chính là vấn đề *giám sát xã hội và phản biện xã hội* (sau này được đưa vào Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng). Nội dung Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy đảng cần lãnh đạo Ủy ban Mặt trận hướng công tác vào cơ sở (xã, phường) nhằm đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng và tạo ra cuộc sống mới ở khu dân cư bằng những hình thức và phương pháp linh hoạt, thích hợp với đặc điểm, điều kiện từng nơi. Quan điểm này hoàn toàn đúng đắn, thể hiện yêu cầu, đặc điểm của Mặt trận phù hợp với tình hình nước ta. Đây chính là lý luận về công tác mặt trận ở Việt Nam thể hiện sự vận dụng sáng tạo

tư tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận dân tộc thống nhất. Chỉ thị số 17-CT/TW được ban hành làm cơ sở cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chuẩn bị Đại hội lần thứ II của Mặt trận.

Những quan điểm của đồng chí về khoa giáo, dân vận, mặt trận có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng.

Trước ngày họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986), đồng chí Lê Quang Đạo tiếp tục xuống các cơ sở để tìm hiểu tình hình thực tế (Hà Bắc¹, Bắc Thái²...). Đi họp ở Bắc Thái về, đồng chí thấy trong người khó chịu, ngay hôm sau (ngày 30/10/1986), đồng chí được đưa ngay vào Bệnh viện Quân đội 108. Các bác sĩ kết luận đồng chí bị một cơn nhồi máu cơ tim. Bệnh tim này bắt nguồn từ những cơn rối loạn nhịp tim cuối những năm 1960, đầu những năm 1970 khi tham gia các chiến dịch quân sự căng thẳng ở Khe Sanh, Nam Lào, Quảng Trị. Đồng chí nằm viện gần một tháng. Đầu tháng 12/1986, đồng chí ra viện. Sau đó, đồng chí tham dự mấy buổi họp cuối của Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và cả thời gian của Hội nghị Trung ương lần thứ 12, chuẩn bị cho Đại hội VI.

Trung tuần tháng 12/1986, đồng chí Lê Quang Đạo tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng,

1, 2. Đến năm 1996, tỉnh Hà Bắc được tách thành hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh; tỉnh Bắc Thái được tách thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên (BT).

diễn ra ở Hà Nội. Đại hội VI đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong quá trình đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đại hội đánh giá mức độ sai lầm của Đảng trong giai đoạn trước là nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Đại hội đã phân tích rõ những sai lầm, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, cùng với bệnh chủ quan, nóng vội, duy ý chí. Với bản lĩnh cách mạng kiên cường và giàu kinh nghiệm, tại Đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức khởi xướng và lãnh đạo thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam - thời kỳ đổi mới với tinh thần “đổi mới thì sống, không đổi mới thì chết”, nhất là đổi mới về tư duy kinh tế. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa VI; đồng chí Lê Quang Đạo tiếp tục được Đại hội bầu vào Ban Chấp hành Trung ương.

Vào những năm 80 thế kỷ XX, đất nước ta bước vào giai đoạn khó khăn, trong khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đang bước vào thời kỳ khủng hoảng trầm trọng. Những hoạt động của đồng chí Lê Quang Đạo trong thời kỳ này thể hiện một tầm nhìn mới, một tư duy sáng tạo, góp phần đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thúc đẩy công cuộc đổi mới đất nước.

Chương VI

NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1987 - 1999)

1. Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1987 - 1992)

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986), Đảng ta đã chính thức khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước. Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn, “Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác”¹.

Tại phiên họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII (ngày 17/6/1987), đồng chí Lê Quang Đạo được bầu làm Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.47, tr.458.

Quốc hội khóa VIII thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình trong hoàn cảnh cách mạng nước ta đang ở bước ngoặt đầy khó khăn, thử thách. Đến giữa những năm 80 của thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội trên thế giới bước vào thời kỳ khủng hoảng trầm trọng. Việt Nam lúc này không còn được nhận viện trợ quốc tế, lại bị các thế lực đế quốc bao vây cấm vận; chiến tranh bảo vệ biên giới chưa hoàn toàn chấm dứt; đất nước vừa trải qua khủng hoảng kinh tế trầm trọng: lạm phát trên đà “phi mã” kéo dài với mức ba chữ số; đời sống nhân dân, đặc biệt là người làm công ăn lương cực kỳ khó khăn; xã hội trì trệ bởi thói quen ỉ lại, chờ đợi; không ít cán bộ lũng chừng nuôi tiếc chế độ quan liêu bao cấp. Đây là thời kỳ đấu tranh gay gắt giữa nhận thức mới và nhận thức cũ về chủ nghĩa xã hội, giữa quan điểm xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với quan điểm bảo thủ giữ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; giữa cơ chế quản lý mới với cơ chế quản lý cũ. Có thể nói, đây là thời điểm khó khăn của cách mạng Việt Nam và cũng là thời điểm khó khăn nhất của sự nghiệp đổi mới.

Bối cảnh “giao thời” đó đòi hỏi Quốc hội - cơ quan lập pháp, quyền lực cao nhất của Nhà nước Việt Nam, và Hội đồng Nhà nước do Quốc hội bầu ra phải thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật, trong đó bao gồm cả việc sửa đổi một số điều trong Hiến pháp năm 1980 cho phù hợp với tình hình; tăng cường

công tác giám sát trên tinh thần đổi mới để Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa thực sự là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Là người đứng đầu cơ quan lập pháp, đồng chí Lê Quang Đạo hiểu rõ bối cảnh lịch sử cụ thể và đã bám sát đường lối của Đảng, khẩn trương tổ chức bộ máy, hoạch định các kế hoạch, phương án và kiên quyết chỉ đạo Quốc hội năng động, sáng tạo thực thi các chức năng của mình trên tinh thần đổi mới.

Vừa được bầu làm Chủ tịch Quốc hội, đồng chí Lê Quang Đạo đã trả lời phỏng vấn báo chí trong nước về nhiệm vụ của Quốc hội khóa VIII phải làm gì để đổi mới hoạt động nhằm nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, thực hiện quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Đồng chí nói: ““Quốc hội phải là cơ quan tiêu biểu nhất của nước ta về hiệu lực của quyền lực và thực chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa”... Quốc hội khóa VIII sẽ phấn đấu để thực hiện đầy đủ đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo như Hiến pháp và luật định, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân lao động bằng nhà nước của mình... phải làm việc có hiệu quả đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân cả nước, góp phần tích cực vào việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, ổn định dân tình hình kinh tế - xã hội nước ta”¹.

1. Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd, tr.474.

Dưới sự điều khiển của Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo, Quốc hội khóa VIII (1987 - 1992) đã trải qua 11 kỳ họp. Trong 11 kỳ họp đó, đồng chí chủ trì các phiên họp trừ bị với các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, thông báo về nội dung và cách làm việc của kỳ họp; phát biểu khai mạc, điều hành các phiên họp toàn thể, báo cáo một số chuyên đề và phát biểu bế mạc kỳ họp.

a) Thực hiện các chức năng chủ yếu của Quốc hội

Trên cương vị Chủ tịch Quốc hội khóa VIII, đồng chí Lê Quang Đạo đã lãnh đạo Quốc hội thực hiện ba chức năng chủ yếu của Quốc hội: đẩy mạnh công tác lập hiến và lập pháp để thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng cũng như sự lãnh đạo của Đảng bằng Hiến pháp, pháp luật; xem xét, quyết định một số vấn đề quan trọng của đất nước; thực hiện kiểm tra, giám sát các cơ quan nhà nước, phục vụ tốt công cuộc đổi mới đất nước.

- Đẩy mạnh công tác lập hiến, lập pháp

Quốc hội khóa VIII đã cùng Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội tiến hành xem xét, thảo luận, thông qua và ban hành được 2 bộ luật, 29 đạo luật và 39 pháp lệnh.

Trong những luật và pháp lệnh được Quốc hội thông qua và ban hành, có nhiều luật và pháp lệnh quan trọng thể chế hóa đường lối phát triển kinh tế, phục vụ việc chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa vận động theo

cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước như: Luật Đất đai, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật Công ty, các luật thuế (nhà đất, tiêu thụ đặc biệt, lợi tức, xuất nhập khẩu),... và các pháp lệnh như Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế, Pháp lệnh Ngân hàng nhà nước Việt Nam,... Những luật và pháp lệnh này đã bước đầu góp phần phát huy mọi năng lực sản xuất, huy động mọi tiềm năng của đất nước và đầu tư nước ngoài vào việc phát triển kinh tế.

Chỉ chưa đầy 1 năm, Luật Đất đai đã được thông qua. Đây là luật quan trọng tạo cơ sở pháp lý để giải quyết kịp thời nhiều vấn đề bất cập, bức xúc trong quá trình công nghiệp hóa, xây dựng và phát triển đất nước, cũng như trong mối quan hệ giữa các cấp chính quyền với người dân liên quan đến đời sống nhân dân. Ý nghĩa to lớn của Luật Đất đai đã được quán triệt đến các cấp chính quyền và tổ chức cho cán bộ, nhân dân học tập. Luật Đất đai đi vào cuộc sống, cùng với sự ra đời của Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp và và Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 31/8/1988 của Bộ Chính trị về giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất đã làm cho tình hình nông thôn dịu đi¹.

1. Xem Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam: *Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1976-2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.3, tr.225-226.

Cùng với ban hành các luật, pháp lệnh về kinh tế, Quốc hội còn ban hành được nhiều luật, pháp lệnh trên lĩnh vực đổi mới về chính trị, như: Luật Công đoàn, Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân,... Những luật này đã trực tiếp bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của nhân dân, đồng thời tăng cường pháp chế, giữ gìn trật tự kỷ cương xã hội. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố và quận, huyện được thành lập, hoạt động theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã đem lại những chuyển biến tốt, làm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân thiết thực hơn, nhất là trong các kỳ họp và trong công tác giám sát, khắc phục được nhiều tính hình thức. Quốc hội đã chú ý xây dựng, sửa đổi một số luật, như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự..., nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, lập lại trật tự kỷ cương, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Đồng thời, Quốc hội còn thảo luận và thông qua trên 60 nghị quyết về những vấn đề liên quan đến mở rộng dân chủ, đến cơ chế vận hành, hoạt động của các tập đoàn, tổ chức kinh tế, những vấn đề quốc kế dân sinh...

Đặc biệt, Quốc hội đã thực hiện lấy ý kiến nhân dân và thông qua việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980 và ban hành thành Hiến pháp năm 1992 cho phù hợp với thời kỳ đổi mới. Tại kỳ họp thứ ba (tháng 6/1988), Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc sửa đổi Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1980 đoạn viết về Trung Quốc, chủ động bày tỏ thiện chí Việt Nam mong muốn bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, khôi phục tình hữu nghị lâu dài giữa nhân dân hai nước, phù hợp với đường lối đối ngoại của Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới là phấn đấu giữ vững hòa bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc¹. Đây là bước khởi đầu khó khăn để hóa giải thành công một vấn đề nhạy cảm “có lúc thăng trầm” trong quan hệ Việt - Trung, đó là quan điểm của Đảng và Nhà nước ta mà Quốc hội và cá nhân đồng chí Lê Quang Đạo có phần đóng góp chủ động và tích cực.

Hiến pháp năm 1980 được xây dựng trên cơ sở cương lĩnh của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (năm 1976). Cho tới Đại hội V (năm 1982), Đảng ta vẫn chủ trương giải quyết tình trạng trì trệ, bế tắc về kinh tế bằng cách đẩy mạnh hơn nữa việc cải tạo xã

1. Xem Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam: *Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1976 - 2005)*, Sđd, t.3, tr.245.

hội chủ nghĩa. Với các nghị quyết về đổi mới kinh tế của Đại hội VI (năm 1986), Hiến pháp năm 1980 cần có những sửa đổi rất cơ bản. Để đáp ứng với tình hình mới, đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta quyết định sửa đổi Hiến pháp năm 1980. Tại kỳ họp thứ năm (tháng 6/1989), đồng chí Lê Quang Đạo đã có bài phát biểu về việc sửa đổi, bổ sung Chương 9 của Hiến pháp năm 1980. Quốc hội đã thông qua nghị quyết về việc thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp gồm 28 thành viên, do Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công làm Chủ tịch, Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo là Ủy viên¹.

Để hoàn thành bản Dự thảo Hiến pháp sửa đổi, cuối năm 1989, đồng chí Lê Quang Đạo cùng với Ban Soạn thảo Hiến pháp ra Đồ Sơn (Hải Phòng) một thời gian để hoàn thiện. Chính vào thời gian này, Liên bang xã hội chủ nghĩa Xôviết sụp đổ. Sự tan rã của Liên Xô, thành trì đầu tiên của chủ nghĩa xã hội không khỏi làm đồng chí Lê Quang Đạo bàng hoàng. Đồng chí càng nhận thức được tầm quan trọng của việc sửa đổi Hiến pháp cho kịp với đường lối đổi mới của Đảng, đây là cách duy nhất để thoát khỏi cuộc khủng hoảng về chính trị, xã

1. Báo *Nhân dân*, số 12749, ngày 03/7/1989 và theo Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.III, tr. 205. Theo Hữu Mai: *Người lý hành lạng lẽ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.755, Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo là Phó ban thường trực.

hội ở nước ta. Mặt khác, để bảo đảm Quốc hội là cơ quan quyền lực thực sự và cao nhất theo Hiến pháp, chức năng của Chủ tịch Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội, quan hệ của Quốc hội với Chính phủ phải có sự thay đổi về cơ bản. Điều này chỉ có thể thực hiện được thông qua việc sửa đổi Hiến pháp.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991)¹, đồng chí Lê Quang Đạo không còn ở trong Ban Chấp hành Trung ương. Đồng chí Võ Chí Công cũng không còn trong Bộ Chính trị. Bộ Chính trị khóa VII đã phân công đồng chí Vũ Oanh - Ủy viên Bộ Chính trị nghiên cứu Dự thảo Hiến pháp để trình Bộ Chính trị.

Thái độ nhất quán cùng với những cố gắng không mệt mỏi của đồng chí Lê Quang Đạo và các thành viên trong Ủy ban sửa đổi Hiến pháp năm 1980 đã góp phần hoàn thành Hiến pháp năm 1992. Tại kỳ họp thứ 11 (tháng 4/1992) - kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa VIII, Quốc hội đã xem xét và thông qua *Hiến pháp* mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là đạo luật cơ bản của Nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất của Nhà nước ta, nhằm thể chế hóa đường lối đổi mới do Đại hội VII của Đảng đề ra trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*;

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991.

và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, phục vụ cho công cuộc đổi mới.

Mặc dù về số lượng (12 chương với 147 điều) của Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 là bằng nhau, song tên một số chương, mục, một số tổ chức trong bộ máy nhà nước và đặc biệt là nhiệm vụ cụ thể của một số chức danh, quan hệ trong hệ thống chính trị đã được sửa đổi, có nội dung mới, thể hiện tư tưởng đổi mới của Đảng, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiến pháp năm 1992 được thông qua là đạo luật cơ bản để Quốc hội tiếp tục xem xét, điều chỉnh bổ sung các luật không còn phù hợp hoặc xây dựng luật mới cho phù hợp với Hiến pháp. Sự thay đổi quan trọng nhất của Hiến pháp nền năm 1992 là xác định rõ về chế độ kinh tế: Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa (từ Đại hội IX của Đảng gọi là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa). Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh được xây dựng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng. Vấn đề mới quan trọng thứ hai của Hiến pháp năm 1992 là việc phát huy hơn nữa nền dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Điều này thể hiện rõ trong Hiến pháp, nội dung về vai trò của Quốc hội. Theo Hiến pháp, Quốc hội có Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

không có Hội đồng Nhà nước. Quốc hội đề cao vai trò của đại biểu Quốc hội, trong đó có một bộ phận chuyên trách để Quốc hội phát huy hơn nữa vai trò là cơ quan quyền lực của Nhà nước, cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Đây là bước tiến mới của nền dân chủ ở nước ta vì tất cả quyền làm chủ của nhân dân được thể hiện thông qua Quốc hội. Hiến pháp năm 1992 xác định, đi đôi với phát huy dân chủ là tăng cường quyền hành pháp của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp, kiện toàn hệ thống hành chính từ Trung ương đến cơ sở. Thủ tướng thay cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, vẫn phải thông qua Chính phủ những vấn đề quan trọng, nhưng Hiến pháp năm 1992 đã tăng cường quyền hạn cho Thủ tướng để điều hành thuận lợi công việc từ Trung ương đến cơ sở. Thủ tướng phê chuẩn việc bầu cử chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Thủ tướng có quyền điều động, cách chức những người đứng đầu của địa phương.

- Xem xét, quyết định một số vấn đề quan trọng của đất nước

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo, Quốc hội khóa VIII đã có những tiến bộ nhất định trong việc xem xét, quyết định một số vấn đề quan trọng của đất nước:

Đối với nhiệm vụ kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước, đồng chí Lê Quang Đạo đã chỉ đạo Quốc hội dành nhiều thời gian hơn ở các kỳ họp cuối năm và nhiều kỳ họp giữa năm để thảo luận báo cáo của Hội đồng Bộ

trưởng về tình hình thực hiện kế hoạch và ngân sách nhà nước. Đồng thời, Quốc hội thảo luận nghiêm túc những báo cáo của ủy ban thường trực khác. Quốc hội yêu cầu Hội đồng Bộ trưởng báo cáo bổ sung, cung cấp thêm thông tin, số liệu để có thêm căn cứ xem xét, phân tích trước khi quyết định. Bởi vậy, nghị quyết của Quốc hội về những vấn đề kinh tế - xã hội và ngân sách có nội dung ngày càng tốt hơn, từng bước đáp ứng được mong muốn của nhân dân, nhất là trong việc đề ra các biện pháp giải quyết một số vấn đề cấp bách, nóng bỏng về kinh tế - xã hội. Quốc hội đã xét, quyết định hai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1986-1990 và 1991-1995; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm từ năm 1988 đến năm 1992; phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách nhà nước từ năm 1986 đến năm 1990.

Đối với những vấn đề quan trọng khác của đất nước, đồng chí Lê Quang Đạo đã chỉ đạo Quốc hội xem xét, kiến nghị việc sáp nhập các bộ và thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao của Nhà nước. Điều mới so với trước đây khi giải quyết những vấn đề này là Quốc hội đã bàn bạc và biểu quyết dân chủ, cởi mở, thể hiện rõ trách nhiệm của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội. Quốc hội đã hai lần quyết định phân vạch lại địa giới hành chính một số tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương. Các quyết định của Quốc hội đã tạo điều kiện để các tỉnh, thành phố thực hiện việc quản lý nhà nước

sát cơ sở và sát dân hơn, phát huy tốt hơn các tiềm năng để xây dựng địa phương phát triển về mọi mặt.

- Thực hiện công tác giám sát của Quốc hội

Dưới sự điều hành của Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo, công tác giám sát của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và các ủy ban thường trực Quốc hội đã có tiến bộ hơn trong việc xem xét thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về tình hình kinh tế - xã hội, về thi hành luật pháp và các vấn đề có liên quan khác. Nhiều vấn đề cấp bách, nóng bỏng đã được quan tâm đưa vào chương trình làm việc của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và các cơ quan thường trực của Quốc hội như: tình hình đời sống, việc làm, tiền lương, tháo gỡ ách tắc trong sản xuất của các xí nghiệp quốc doanh, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, cung cấp vật tư nông nghiệp, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, giáo dục, y tế, chống tham nhũng, buôn lậu, xử lý các vụ việc tiêu cực,...

Quốc hội đã thực hiện quyền giám sát tối cao đối với việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và tình hình triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội được cải tiến một bước. Hội đồng Dân tộc và các ủy ban thường trực của Quốc hội đã tăng cường hoạt động giám sát để xây dựng các bản thuyết trình tại các kỳ họp Quốc hội và đề xuất kiến nghị trình Hội đồng Nhà nước. Thực hiện chức năng,

quyền hạn xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

b) Đổi mới các hoạt động của Quốc hội

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Quang Đạo, Quốc hội đã có những đóng góp tích cực trong công tác xây dựng Đảng.

Tháng 6/1988, Trung ương họp Hội nghị lần thứ năm (khóa VI) bàn về công tác xây dựng Đảng. Ngày 15/6/1988, đồng chí Lê Quang Đạo đã có bài phát biểu tại Hội nghị về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền, về tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, về phát triển nền dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa, về phát huy vai trò của tổ chức dân cử, về vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

Để chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, đồng chí Lê Quang Đạo đã viết *Mấy ý kiến đề nghị về đổi mới sự lãnh đạo của Đảng* (ngày 7/02/1992). Đồng chí cho rằng, để tiếp tục lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng nhất thiết phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Nội dung chỉnh đốn tập trung vào ba vấn đề lớn: *một là*, đổi mới việc chuẩn bị và đề ra đường lối, chính sách của Đảng; *hai là*, đổi mới cơ chế Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế; *ba là*, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ. Đồng chí cũng

đề nghị suy nghĩ xem có nên ra một đạo luật về vấn đề Đảng lãnh đạo không. Bởi nếu có luật để cụ thể hóa Điều 4 của Hiến pháp, định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức đảng đối với Nhà nước, đối với nhân dân thì mới có căn cứ đầy đủ về luật pháp để vừa phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa ngăn ngừa tình trạng coi quyền lãnh đạo của Đảng là vô hạn, đi đến lạm quyền, lộng quyền, ảnh hưởng rất xấu đến vai trò và uy tín của Đảng¹.

Chủ tịch Lê Quang Đạo và Quốc hội cũng dành nhiều thời gian đi kiểm tra tình hình các địa phương, từ đó góp phần xây dựng các chủ trương và biện pháp cần thiết để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Cuối tháng 3, đầu tháng 4/1988, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Lê Quang Đạo làm việc với thành phố Hà Nội, kiểm tra công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Sau khi nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, đồng chí đã trao đổi ý kiến với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể của thành phố, chỉ ra những hạn chế cần phải khắc phục trong công tác tuyên truyền, công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu tố của dân, công tác thanh tra, kiểm sát².

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, Sdd, tr.417-428.

2. Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Đến dự Hội nghị tổng kết năm 1988 ngành tòa án, đồng chí Lê Quang Đạo nêu lên yêu cầu, nhiệm vụ, phương châm của ngành tòa án và sự cần thiết phải xây dựng đội ngũ cán bộ tòa án có đủ phẩm chất và năng lực chuyên môn để đạt hiệu quả công tác ngày càng cao. Đồng chí nói: “Nhiệm vụ chủ yếu của ngành tòa án là xét xử để đi đến quyết định người bị truy tố có tội hay không có tội, tội có cần trừng trị hay tha bổng, hình phạt ở mức nào là hợp lý hợp tình, bảo đảm được tính nghiêm minh của pháp luật. Pháp luật *ng nghiêm* nhưng phải *minh*. *Ng nghiêm* là tội nào thì phải chịu mức hình phạt ấy theo pháp luật đã quy định, làm cho kẻ phạm tội phải chấp hành, phải hối hận và phải cải tạo sửa chữa, đồng thời *minh* là phải bảo đảm tính công bằng xã hội, quyền dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân phải được tôn trọng. Phương châm “Không để lọt kẻ gian, không làm oan người ngay” là rất quan trọng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử. Tòa án phải biết dựa vào dư luận quần chúng, dựa vào Hội đồng nhân dân, vào các đoàn thể Mặt trận để hoạt động xét xử và thi hành án, nhưng không thừa nhận những áp lực trái với pháp luật. Vấn đề quyết định đối với ngành tòa án là phải xây dựng được đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất cách mạng và năng lực chuyên môn”¹.

1. Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, Sdd, tr.750-751.

Đầu năm 1989, đồng chí Lê Quang Đạo cùng các đồng chí Vũ Oanh, Nguyễn Văn Yếu về Cẩm Bình, Hải Hưng nhân dịp huyện được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng chí gặp gỡ và nói chuyện với bà con xã viên. Câu chuyện đầu tiên là chuyện về đất đai. Đồng chí nêu những câu hỏi rất cụ thể, lắng nghe ý kiến của mọi người, giải thích cho bà con hiểu. Qua đó mới thấy rõ đồng chí quan tâm đến vấn đề đất đai của bà con như thế nào.

Ngày 12/02/1989, thăm Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, Hà Nội, đồng chí nhắc nhở các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước sớm cụ thể hóa cơ chế quản lý kinh tế theo pháp luật một cách đồng bộ, nhằm tạo điều kiện cho các xí nghiệp thực hiện tốt quyền chủ động sản xuất kinh doanh, gắn lợi ích với nghĩa vụ, phát huy tốt hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu trong sản xuất và kinh doanh.

Đến thăm và làm việc với một số viện nghiên cứu như Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu ngô (Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp); một số cơ sở sản xuất thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội như Nhà máy thiết bị lạnh, Xí nghiệp mũ, Xí nghiệp văn hóa phẩm (tháng 5/1989), đồng chí đã nhắc nhở các đơn vị cần tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản xuất để nâng cao đời sống nhân dân. Với trách nhiệm là người đứng đầu Quốc hội, đồng chí hứa sẽ báo cáo với Đảng, Quốc hội những kiến nghị của cơ sở với các cấp, các ngành có liên quan để cùng xem xét.

Năm 1990, đồng chí đi thăm và làm việc với một số cơ sở sản xuất tiên tiến ở Hà Nội như ở xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, đã đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, liên doanh liên kết có hiệu quả; Xí nghiệp cơ điện, một cơ sở làm ăn có hiệu quả của thành phố; Hợp tác xã công nghiệp Song Long (huyện Gia Lâm); Nhà máy sợi Hà Nội, Xí nghiệp dệt kim Thăng Long. Đồng chí đề nghị các cơ sở cần tiếp tục đổi mới quản lý, cải tiến sản xuất để đưa năng suất lên cao hơn nữa. Thăm và làm việc tại các tỉnh Nghệ Tĩnh¹, Hà Tuyên², đồng chí dành nhiều thời gian nghe các cơ sở báo cáo cách làm ăn và đề xuất, kiến nghị với Đảng, Chính phủ, Quốc hội, trao đổi những ý kiến chân tình về cách đi lên để thoát khỏi cảnh nghèo đói.

Năm 1991, đồng chí đi thăm Công ty lương thực Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị đầu tiên của ngành lương thực trong cả nước xóa bỏ hình thức bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh; thăm Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt - Xô, thăm Giàn khoan số 7 tại mỏ Bạch Hổ, là giàn khoan đầu tiên hoàn toàn do các kỹ sư và công nhân Việt Nam điều khiển.

Năm 1992, đồng chí đi thăm đồng bào các dân tộc và cán bộ, chiến sĩ tỉnh Lạng Sơn; thăm và làm việc tại

1, 2. Đến năm 1991, tỉnh Nghệ Tĩnh được tách thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh; tỉnh Hà Tuyên được tách thành hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang (BT).

hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình; thăm và làm việc tại tỉnh Sông Bé¹,... Đồng chí đã ghi nhận nhiều ý kiến đóng góp của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ đối với việc nâng cao vai trò hoạt động của Quốc hội, xây dựng và ban hành Hiến pháp năm 1992, tình hình sắp xếp bộ máy sau khi chia tách tỉnh, tình hình hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, tình hình triển khai công tác bầu cử. Đồng chí lưu ý các tỉnh cần chú ý sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp và xuất khẩu, cần khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển; cần làm tốt công tác tuyên truyền để quần chúng hiểu rõ những vấn đề mới trong Hiến pháp năm 1992.

Ngay sau khi kết thúc kỳ họp thứ 8 (tháng 12/1990), đồng chí Lê Quang Đạo đã trả lời phỏng vấn báo *Đại đoàn kết* về kết quả của kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa VIII và những đổi mới so với kỳ họp trước; về tầm quan trọng của năm 1991 đối với nhân dân ta và vai trò của Quốc hội trước những vấn đề quan trọng của đất nước như: phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, đấu tranh chống tham nhũng, vấn đề dân chủ, công bằng xã hội,...².

1. Đến năm 1997, tỉnh Nam Hà được tách thành hai tỉnh Hà Nam và Nam Định; tỉnh Sông Bé được tách thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước (BT).

2. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.505-511.

Cuối năm 1991, đồng chí Lê Quang Đạo trả lời phỏng vấn báo *Đoàn kết* (tờ báo của cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại) về nội dung của kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII, phương hướng giải quyết những vấn đề bức xúc về kinh tế - xã hội, tiến trình đổi mới về chính trị, phân biệt vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước, vai trò của Quốc hội. Trả lời câu hỏi về quyền lợi và nghĩa vụ của những công dân Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, đồng chí nói: “Hiến pháp nước ta ghi rõ: “Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam”. Đã là công dân thì đương nhiên đến tuổi theo luật định là có quyền bầu cử và ứng cử. Kiều bào sinh sống ở nước ngoài vẫn mang quốc tịch Việt Nam tất nhiên là công dân Việt Nam và có quyền và nghĩa vụ như các công dân ở trong nước. Song, hiện nay, do những điều kiện cụ thể chưa cho phép chúng ta tổ chức các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội dành cho đồng bào sinh sống ở nước ngoài. Hy vọng rằng vấn đề này sẽ được giải quyết trong tương lai gần, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của đồng bào. Tuy nhiên, trước mắt, đồng bào vẫn có thể và cần tham gia ý kiến vào các công việc của đất nước, tham gia xây dựng các chính sách và pháp luật của nước nhà thông qua các đoàn thể tương ứng, các phương tiện truyền thông đại chúng và trực tiếp gửi ý kiến về các cơ quan nhà nước, về Quốc hội.

Chúng tôi luôn luôn trân trọng ý kiến đóng góp của đồng bào đang sinh sống ở nước ngoài”¹.

Sau cuộc họp Hội đồng nhân dân lần thứ tư, ngày 16/02/1992, đồng chí Lê Quang Đạo trả lời phỏng vấn báo *Tuổi trẻ chủ nhật* về ba vấn đề lớn để khắc phục tính hình thức của Hội đồng nhân dân: một là, tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng; hai là, nâng chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, nhất là cán bộ làm nhiệm vụ thường trực và các ban của Hội đồng nhân dân; ba là, tạo những điều kiện cần thiết để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ của mình².

Kết thúc kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa VIII, đồng chí Lê Quang Đạo trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Tuổi trẻ* (ngày 18/4/1992) về những thay đổi cơ bản, toàn diện trong Hiến pháp năm 1992, trong đó sự thay đổi quan trọng nhất là xác định rõ về chế độ kinh tế, vai trò của Quốc hội trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đồng chí khẳng định đây là bước tiến mới của nền dân chủ ở nước ta, vì tất cả quyền làm chủ của nhân dân được thông qua Quốc hội. Đi đôi với phát huy dân chủ là tăng cường quyền hành pháp của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp, kiện toàn hệ thống hành chính từ Trung ương đến cơ sở. Trước mắt, Quốc hội khóa IX phải thông qua các luật về tổ chức

1. *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr. 511.

2. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.545-548.

Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Quốc hội cũng sẽ giải quyết một số vấn đề quan trọng để luật hóa cụ thể những điều của Hiến pháp. Hiến pháp năm 1992 dẫn tới cơ sở pháp lý tạo điều kiện cho nước ta đi vào kinh tế thị trường, mang lại nhiều thành tựu sau này¹.

Trả lời phỏng vấn *Đài Tiếng nói Việt Nam* (giữa năm 1992), Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo giải thích rõ hơn về các vòng hiệp thương, ứng cử đại biểu Quốc hội khóa IX: “Thực hiện quyền tự do ứng cử do luật bầu cử quy định, ở các tỉnh, thành phố có một số người đã làm thủ tục xin ứng cử. Cũng như đối với người được các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các cơ quan nhà nước đề cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi công tác và nơi cư trú đối với những người tự ứng cử. Căn cứ vào ý kiến của cử tri, đối chiếu với tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội do luật định, Hội nghị hiệp thương các tỉnh và thành phố lựa chọn trong số những người tự ứng cử và đề cử để lập danh sách chính thức những người ứng cử.

Việc lập danh sách người ứng cử không phân biệt giữa người tự ứng cử hay được đề cử. Vấn đề cốt lõi cần xem xét và cân nhắc kỹ để quyết định đưa vào

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, Sđd, tr.563-567.

danh sách những người ứng cử là người đó có đáp ứng đủ tiêu chuẩn hay không? Ai đủ tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội thì được Hội nghị hiệp thương lựa chọn và ghi tên vào danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội”¹.

Quốc hội khóa VIII dưới sự lãnh đạo của đồng chí Lê Quang Đạo đã đẩy mạnh hoạt động đối ngoại. Đồng chí đã dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc hội nước Việt Nam đi thăm và hội đàm theo lời mời của Quốc hội các nước: thăm nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ từ ngày 05 đến ngày 10/9/1987; thăm Ba Lan từ ngày 14 đến ngày 19/11/1987; thăm Nhật Bản từ ngày 22/02 đến ngày 03/3/1989; thăm nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào từ ngày 13 đến ngày 20/9/1990; thăm Vương quốc Thái Lan từ ngày 25 đến ngày 30/9/1990; thăm Liên Xô và Rumani từ ngày 27/3 đến ngày 08/4/1991; thăm Campuchia từ ngày 16 đến ngày 21/9/1991,... Trong các cuộc hội đàm, hai bên thông báo cho nhau về tình hình mỗi nước và hoạt động của Quốc hội; trao đổi một số ý kiến về các vấn đề quốc tế và khu vực hai bên cùng quan tâm. Phát biểu trước Quốc hội các nước, đồng chí Lê Quang Đạo đã giới thiệu công cuộc đổi mới ở Việt Nam, những nỗ lực của Việt Nam thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc và nhân dân

1. Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd, tr.554-555.

các nước trên thế giới, sự ủng hộ của Việt Nam với những sáng kiến vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Về quan hệ với Trung Quốc, với tầm nhìn trí tuệ, đồng chí Lê Quang Đạo rất coi trọng ý nghĩa của việc bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Đồng chí cho rằng phải nhanh chóng xúc tiến bằng nhiều con đường để đi đến bình thường hóa quan hệ với Bắc Kinh. Đồng chí khẳng định quan điểm thiện chí của Việt Nam sẵn sàng làm hết sức mình “kiên trì chính sách đàm phán để bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Chúng tôi mong và tin rằng tình hữu nghị truyền thống giữa hai dân tộc sớm muộn sẽ được khôi phục”¹. Đối với vấn đề Campuchia (một vấn đề được thế giới hết sức quan tâm lúc bấy giờ), đồng chí Lê Quang Đạo nói với cộng đồng quốc tế rằng, Việt Nam sẽ rút toàn bộ quân tình nguyện ở Campuchia về nước vào tháng 9/1989, trước thời hạn ký kết một năm. Để tiến tới bình thường hóa quan hệ với Mỹ, đồng chí Lê Quang Đạo tuyên bố: “Chúng tôi chủ trương tranh thủ dư luận lôi kéo Mỹ vào đối thoại để phân hóa kẻ thù và cũng để giải quyết các vấn đề hai bên cùng quan tâm... tiếp tục đấu tranh để buộc Mỹ đi vào đối thoại để giải quyết các vấn đề Mỹ có liên quan, không những với Việt Nam mà còn cả vấn đề hòa bình

1. Phát biểu của đồng chí Lê Quang Đạo, tháng 11/1987. Tài liệu đánh máy lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

ổn định ở Đông Nam Á”¹. Đồng chí đã trực tiếp truyền tải và đề nghị Quốc hội các nước ủng hộ quan điểm, đường lối đối ngoại của Đảng ta, góp phần phá vỡ thế bị bao vây, cấm vận, đưa nước ta bước vào con đường hội nhập, phát triển.

Cùng với thực hiện các chức năng của Quốc hội, đồng chí Lê Quang Đạo còn lãnh đạo Quốc hội đổi mới lề lối làm việc. Cả nhiệm kỳ khóa VIII, Quốc hội cùng Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban thường trực của Quốc hội, các đoàn đại biểu và các đại biểu Quốc hội đã có nhiều đổi mới trong lề lối làm việc để không ngừng nâng cao vai trò của Quốc hội, từng bước vươn lên thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Công tác chuẩn bị cho mỗi kỳ họp từ khâu xây dựng chương trình, chuẩn bị các báo cáo, đề án, thuyết trình trước Quốc hội đến việc tổ chức chỉ đạo, điều hành kỳ họp đều có tiến bộ. Chương trình làm việc của Quốc hội được công bố công khai ít nhất trước một tháng trên báo, đài, nhờ đó cử tri có thể góp ý với đại biểu về nội dung chương trình, đồng thời chuẩn bị ý kiến phát biểu trong cuộc tiếp xúc với các đại biểu trước kỳ họp. Tại các kỳ họp, dân chủ được phát huy, thảo luận ở tổ và hội trường tương đối tập trung vào các vấn đề lớn, có những vấn đề đã tranh luận sôi nổi

1. Phát biểu của đồng chí Lê Quang Đạo, tháng 11/1987. Tài liệu đánh máy lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III.

và đi đến kết luận bằng biểu quyết. Vì vậy, đã phát huy được trí tuệ tập thể để xem xét và quyết định những vấn đề quan trọng.

Tháng 3/1988, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng đột ngột qua đời. Quốc hội họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Lê Quang Đạo tiến hành thủ tục cử người thay thế. Đồng chí báo cáo “Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười đã được Bộ Chính trị thống nhất giới thiệu với Quốc hội là người thay thế đồng chí Phạm Hùng”. Nhưng một đoàn của tỉnh phía Nam đã giới thiệu thêm một ứng cử viên mới cũng là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Một cuộc trao đổi về ứng cử viên diễn ra sôi nổi. Trước tình hình đó, Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo gấp rút trực tiếp gặp Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Tổng Bí thư hội ý Bộ Chính trị và quyết định Bộ Chính trị giới thiệu cả hai đồng chí để Quốc hội lựa chọn. Kết quả bỏ phiếu, đồng chí Đỗ Mười trúng cử Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Đây là một sự thay đổi rất cơ bản theo chiều hướng dân chủ. Các phóng viên phương Tây đến rất đông. Sau khi nghe công bố kết quả, phóng viên báo *Akahata* của Đảng Cộng sản Nhật Bản nói: “Các nước xã hội chủ nghĩa đều tuyên bố đổi mới, với riêng việc làm này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có sự đổi mới thật sự”¹.

1. Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, Sdd, tr.730.

Để chuẩn bị kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội khóa VIII, đồng chí Lê Quang Đạo đã chuẩn bị *Dự thảo báo cáo tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa VIII* để xin ý kiến Quốc hội. Bản báo cáo gồm bốn phần:

Phần 1: Việc thực hiện những chức năng chủ yếu của Quốc hội (lập hiến và lập pháp); nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước (kinh tế - xã hội và các vấn đề quan trọng khác); nhiệm vụ giám sát.

Phần 2: Lê lối làm việc của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban thường trực của Quốc hội, của các đoàn đại biểu và các đại biểu Quốc hội.

Phần 3: Nhận xét chung (nêu lên những mặt đạt được và chưa đạt được).

Phần 4: Một số kinh nghiệm và kiến nghị. Trong phần này, đồng chí nêu lên 5 kinh nghiệm và kiến nghị: *Một là*, tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội là nhân tố quan trọng nhất để bảo đảm cho Quốc hội thực sự hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ mà Hiến pháp và luật đã quy định. *Hai là*, cần không ngừng đổi mới về tổ chức và lề lối làm việc của Quốc hội. *Ba là*, cần không ngừng mở rộng dân chủ trong sinh hoạt của Quốc hội và tăng cường thông tin cho nhân dân các hoạt động của Quốc hội. *Bốn là*, nâng cao trách nhiệm và đẩy mạnh hoạt động của các đại biểu Quốc hội. *Năm là*, bảo đảm điều kiện và phương tiện làm việc của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Dân tộc,

của các ủy ban thường trực của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội¹.

Trả lời phỏng vấn báo *Tuổi trẻ* (tháng 9/1992) về vấn đề nào là then chốt trong việc đổi mới hoạt động của Quốc hội khóa IX, đồng chí Lê Quang Đạo nói: “1. Đi đôi với tiếp tục tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, cần gấp rút kiện toàn tổ chức, đổi mới hoạt động của các hội đồng và các ủy ban của Quốc hội, và các đại biểu Quốc hội, nhất là bộ phận hoạt động chuyên trách. Phải tạo điều kiện vật chất, phương tiện làm việc cần thiết cho hoạt động của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội.

2. Phải huy động được nhiều nhân tài của cả nước không phải là đại biểu Quốc hội tham gia giúp Quốc hội trên tất cả các lĩnh vực cần thiết bằng các hình thức cố vấn, chuyên gia, v.v..

3. Mỗi kỳ họp Quốc hội phải được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, tài liệu phải được gửi sớm cho các đại biểu, chậm nhất là 20 ngày để các đại biểu có đủ thời gian nghiên cứu và hỏi ý kiến cử tri.

Làm sao trong thời gian họp Quốc hội chỉ dành chủ yếu cho việc thảo luận, tranh luận những vấn đề quan trọng nhất mà còn ý kiến khác nhau”².

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, *Sdd*, tr.512-538.

2. *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, *Sdd*, tr.560-561.

Trong thời kỳ bước ngoặt của đất nước, trước những biến đổi nhanh chóng và bất lợi của tình hình thế giới, là người đứng đầu Quốc hội, đồng chí Lê Quang Đạo đã quyết tâm chỉ đạo nhằm thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng bằng Hiến pháp, pháp luật, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, thực hiện kiểm tra, giám sát các cơ quan nhà nước và đổi mới các mặt hoạt động của Quốc hội, góp phần vào thắng lợi của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

2. Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1993 - 1999)

Tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ III (tháng 11/1988), đồng chí Lê Quang Đạo được Đại hội hiệp thương dân chủ cử làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; sau đó được Bộ Chính trị phân công làm Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Trung ương.

Ngay từ khi còn ở cương vị Chủ tịch Quốc hội, đồng chí Lê Quang Đạo đã nhiều lần trao đổi về sự cần thiết phải có một nghị quyết chuyên đề của Đảng về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất nhằm cụ thể hóa Cương lĩnh năm 1991 của Đảng và Hiến pháp năm 1992, trong đó thể hiện cho được tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới của cách mạng. Theo đồng chí, trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ hiện nay”, muốn đổi mới công tác mặt trận

nhất thiết phải đổi mới nhận thức và sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác mặt trận. Vì đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là xuất phát điểm, là yếu tố quyết định để sự đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận đạt hiệu quả cao¹. Đầu năm 1993, khi chuyển hẳn về Mặt trận hoạt động chuyên trách với cương vị Bí thư Đảng đoàn và Ủy viên Đoàn Chủ tịch, với nhận thức trên, đồng chí đã dành nhiều công sức, tâm huyết và trí tuệ cho công tác mặt trận và sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc. Đồng chí đã cùng Đảng đoàn Mặt trận giúp Trung ương Đảng xây dựng và ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 17/11/1993 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết là: phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới, nhằm mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, đúng như *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự

1. Xem *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, *Sđd*, tr. 464.

nghiệp cách mạng thế giới”¹. Đại đoàn kết chủ yếu lấy mục tiêu chung đó làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng tới tương lai, hòa hợp thành một khối thống nhất để xây dựng và bảo vệ đất nước, tất cả vì độc lập của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Nghị quyết đã nêu bật quan điểm: Đảng là người lãnh đạo Mặt trận, vừa là thành viên của Mặt trận, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc thực chất là phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thừa kế sự nghiệp vẻ vang của các tổ chức mặt trận trước đây, tiếp tục giữ vững ngọn cờ đoàn kết xây dựng và bảo vệ đất nước theo Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị ra đời đã tạo bước ngoặt cho sự tăng cường đoàn kết dân tộc và công tác mặt trận trong công cuộc đổi mới đất nước. Đây là nghị quyết rất quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, thể hiện tư duy đổi mới rất sâu sắc của Đảng về công tác mặt trận trong thời kỳ mới, đã được đồng bào trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài đồng tình hưởng ứng. Đồng thời, Nghị quyết cũng mang tính định hướng cho Quốc hội trong việc xây dựng Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sau này. Đồng chí Lê Quang Đạo là người chủ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.614.

trì và đóng góp rất nhiều công sức, trí tuệ vào việc xây dựng Nghị quyết.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tháng 8/1994), đồng chí Lê Quang Đạo được cử làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ là Chủ tịch danh dự, đồng chí Trần Văn Đăng là Tổng thư ký. Cũng tại Đại hội này, Mặt trận đã kế thừa, mở rộng và phát huy việc xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư lên thành một nội dung quan trọng trong đổi mới phương thức hoạt động và củng cố tăng cường Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nghị quyết đầu tiên của Ủy ban Trung ương Mặt trận khóa IV là phát động một cuộc vận động nhằm thực hiện chủ trương này.

Trả lời phỏng vấn báo *Công an Thành phố Hồ Chí Minh* (ngày 19/8/1994), đồng chí làm rõ hơn quan điểm của Mặt trận Tổ quốc: đại đoàn kết chủ yếu lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những sự khác nhau không trái với lợi ích chung của Tổ quốc. Để phát huy hiệu quả công tác của Mặt trận, cần phải đổi mới tổ chức hoạt động của Mặt trận sao cho thiết thực, theo hướng củng cố, mở rộng và đổi mới¹. Một ngày sau, trả lời phỏng vấn báo *Tuổi trẻ* (ngày 20/8/1994),

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, Sđd, tr.682-685.

đồng chí giải thích tại sao Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lại phải xây dựng cương lĩnh trong khi đã có đường lối chung của Đảng. Về phương hướng đổi mới tổ chức hoạt động của Mặt trận, đồng chí Lê Quang Đạo nêu rõ: “*Một là, phải làm sao cho Mặt trận thật sự tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc. Hiện nay, từ Trung ương đến địa phương có nhiều trường hợp Mặt trận chưa thực sự tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc. Ở nhiều cấp chính quyền, nhiều tổ chức đoàn thể, những vị trí chủ chốt đều là đảng viên. Đây là một mặt mạnh của sự lãnh đạo của Đảng và có nhiều đảng viên làm việc rất tốt. Nhưng có nguy cơ Đảng và Nhà nước dần dần tách khỏi nhân dân. Khi tách khỏi quần chúng thì không còn sức mạnh... Hai là, Mặt trận phải hoạt động thực chất, thiết thực để đem lại hiệu quả ngày càng cao... Muốn hoạt động thực chất thì phải nắm vững nguyên tắc hành động: hiệp thương dân chủ, hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp thống nhất hành động. Trong đó hai nguyên tắc cơ bản nhất là hiệp thương dân chủ và phối hợp hành động chung... Để thiết thực thì phải tập trung được trí tuệ và phản ánh được những nguyện vọng chính đáng của nhân dân, phải tạo ra được những phong trào hành động chung, phải xây dựng, bảo vệ và đặc biệt là giám sát hoạt động của các tổ chức, nhân viên nhà nước*”¹.

1. Lê Quang Đạo *Tuyển tập, Sđd*, tr.688-689.

Sau 10 năm thực hiện cuộc vận động, với những kinh nghiệm và kết quả đã đạt được, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đặt ra yêu cầu: Phải nâng cao chất lượng và mở rộng cuộc vận động hiện có trở thành cuộc vận động toàn dân, toàn diện, toàn quốc.

Ngay sau Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có biết bao công việc phải làm, đồng chí Lê Quang Đạo đã dành sự ưu tiên cho việc tìm tòi, suy nghĩ để có được sự chuyển biến mới về phong trào quần chúng trong thời kỳ đổi mới. Đồng chí đã nghe nhiều ý kiến của các cán bộ mặt trận qua các thời kỳ, đã đi tìm hiểu phong trào ở nhiều địa phương, đặc biệt là những nơi đã có những nhân tố mới, có cách làm mới hoặc đang manh nha những ý tưởng mới như các tỉnh Sơn La, Vĩnh Long, Lai Châu, Hải Hưng và các thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng,... Trong nhiều cuộc họp của Ban Thường trực Đoàn Chủ tịch, bàn về chủ trương phát động phong trào, hay một cuộc vận động, đồng chí đã gợi mở và khuyến khích những đề xuất mới, tạo không khí thảo luận sôi nổi, các ý kiến khá phong phú, đa dạng, nhiều chiều, kể cả tên phong trào hay cuộc vận động,... Tất cả các ý kiến đều được đồng chí lắng nghe và tôn trọng. Đồng chí nêu lên ý tưởng và tư tưởng chỉ đạo phát động một cuộc vận động mới: trong thời kỳ đổi mới, với chức năng của mình, Mặt trận cần phát động một cuộc vận

động chính trị xã hội rộng lớn phù hợp, nhằm quy tụ và thúc đẩy mọi phong trào của các tầng lớp nhân dân của cả nước. Cuộc vận động cần thể hiện tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn giữa huy động với bồi dưỡng sức dân như Bác Hồ đã dạy lấy sức dân mà xây dựng cuộc sống cho dân,... nhằm không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của các tầng lớp nhân dân. Cuộc vận động phải mang tính toàn dân, phát huy truyền thống đại đoàn kết, thực hành dân chủ, coi đây là động lực của các phong trào, cũng là động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới. Cuộc vận động nên lấy địa bàn khu dân cư là nơi thực hiện, nên lấy hình thức tự quản để phát huy sức dân ở mọi cộng đồng dân cư.

Ý kiến của đồng chí đã được Ban Thường trực Đoàn Chủ tịch nhất trí cao và sau một thời gian chuẩn bị, các văn bản dự thảo đã được hoàn thành và được Ban Thường trực thông qua với tên gọi “Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”. Ngày 03/5/1995, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Thông tri số 04 về Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” (sau này nhiều nơi gọi tắt là Cuộc vận động 04).

Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư được triển khai nhanh chóng, Mặt trận các cấp đều nhập cuộc với vai trò chủ trì

phối hợp, các nội dung của Cuộc vận động được nhân dân ở các cộng đồng dân cư đón nhận hết sức tự giác và phấn khởi. Cuộc vận động được tiến hành từ tháng 5/1995, sau 6 tháng đã có 20% số khu dân cư trong cả nước tổ chức thực hiện có kết quả, sau 1 năm đã đạt 40%.

Đồng chí Lê Quang Đạo tiếp tục có những chuyến đi công tác ở các địa phương làm tốt và cả những địa phương làm chưa tốt Cuộc vận động để hướng dẫn và rút kinh nghiệm. Đồng chí quan tâm các nội dung định hướng cần thống nhất nhằm cụ thể hóa đến các địa phương, nhất là ở từng loại hình khu dân cư thì cần đưa dân bàn và quyết định. Việc đánh giá kết quả và công nhận khu dân cư tiên tiến cũng cần căn cứ vào điểm xuất phát và những khó khăn cụ thể của từng nơi, chú ý nghiên cứu để bổ sung kịp thời những nội dung mới. Năm 1998 đã có 84% số khu dân cư trong cả nước tổ chức thực hiện có kết quả Cuộc vận động.

Thực hiện ý kiến của đồng chí Lê Quang Đạo, ngày 15/01/1999, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục ban hành Thông tri số 01 để hướng dẫn tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, bổ sung và cụ thể hóa những yêu cầu về đời sống văn hóa, về quy chế dân chủ vào các nội dung đã có, đồng thời bổ sung một nội dung mới: “Đoàn

kết xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh gắn bó với nhân dân trong khu dân cư”.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (năm 1988) ra Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Khi bản dự thảo Nghị quyết được đưa ra lấy ý kiến, cơ quan Mặt trận đã đóng góp nhiều nội dung, trong đó có một chi tiết mà đồng chí Lê Quang Đạo và nhiều cán bộ lãnh đạo Mặt trận không đồng tình, đó là dự thảo Nghị quyết phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và đặt phong trào này bao trùm các cuộc vận động, các phong trào hiện có, trong đó có cả Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Khi thảo luận và góp ý, đồng chí Lê Quang Đạo nói: Cuộc vận động của Mặt trận đang diễn ra ở các khu dân cư, còn phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” diễn ra ở mọi loại hình cơ sở và chỉ có nội dung về đời sống văn hóa. Theo đồng chí, nên lồng ghép những nội dung về đời sống văn hóa vào Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư để ở mỗi khu dân cư không cùng một lúc có hai phong trào. Để giảm bớt sự lúng túng và chồng chéo trong việc chỉ đạo và thực hiện ở cộng đồng dân cư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đồng ý với Chính phủ đổi tên Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư thành

Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư¹.

Để chuẩn bị cho Hội nghị tổng kết toàn quốc 5 năm đầu tiên thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” (2000)², đồng chí Lê Quang Đạo đã trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị Hội nghị. Nhưng chuẩn bị đến ngày khai mạc Hội nghị thì đồng chí bị bệnh, phải vào viện. Trong thời gian nằm viện, đồng chí vẫn luôn suy nghĩ về Hội nghị và những công việc chuẩn bị Đại hội lần thứ V Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngày nay, Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư vẫn đang tiếp diễn bởi việc thực hiện các nội dung của Cuộc vận động sẽ không có điểm dừng, luôn được bổ sung và phát triển bền vững

1. Xem Lê Truyền: “Chủ tịch Lê Quang Đạo với Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” in trong sách *Đồng chí Lê Quang Đạo với cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011, tr.266.

2. Hội nghị tổng kết Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư diễn ra vào năm 2000, đã bình chọn được 126 đại biểu khu dân cư xuất sắc nhất đại diện cho hơn 10 vạn khu dân cư của 61 tỉnh, thành phố; 2 khu dân cư được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động; 30 khu dân cư được nhận Bằng khen của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

cùng với sự phát triển chung của đất nước trong công cuộc đổi mới.

Đồng chí Lê Quang Đạo còn rất quan tâm tới việc củng cố các tổ chức đoàn thể. Đến dự Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ VII (tháng 11/1993), đồng chí phát biểu nêu lên vai trò, nhiệm vụ của giai cấp công nhân nước ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn trong công tác vận động công nhân, trí thức tích cực góp phần vào phát triển kinh tế. Đồng chí đề nghị cần có các biện pháp tích cực đưa giai cấp công nhân lên một tầm cao mới, từ đó có thể đẩy mạnh công nghiệp phát triển, giải quyết được nhiều việc làm và cải thiện đời sống của công nhân, lao động. Tại cuộc gặp mặt các đại biểu “Con cháu hiếu thảo” do báo *Đại đoàn kết* tổ chức (năm 1994), đồng chí nêu lên vai trò của gia đình trong việc giáo dục con em thành những công dân tốt. Đồng chí nhấn mạnh: “Sợ nhất là mất gốc vì mất gốc là mất tất cả và cái gốc lung lay bao giờ cũng từ gia đình rạn nứt, cái tế bào của xã hội bị phá vỡ. Gốc của nước bền vững trước mọi phong ba bão táp vì mỗi gia đình không chỉ là nơi giữ gìn luân thường đạo lý, thuần phong mỹ tục mà còn là một đơn vị sản xuất, đơn vị chiến đấu.

Vị trí của gia đình quan trọng như thế, vậy nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng coi trọng gia đình, thể hiện rõ nhất là ta không còn chú ý đúng mức việc thường xuyên giáo dục lớp trẻ từ lúc còn vỡ lòng những

bài học luân lý, con hiếu thảo với cha mẹ, cháu yêu quý, săn sóc ông bà, trò kính trọng thầy... Làm ăn trong cơ chế bao cấp đã coi nhẹ gia đình”¹.

Trong bối cảnh công tác thanh niên gặp nhiều khó khăn, dư luận xã hội cũng chưa hài lòng với một bộ phận thanh niên có những biểu hiện tiêu cực, đồng chí Lê Quang Đạo luôn gần gũi, thông cảm, chia sẻ với thanh niên và có nhiều ý kiến tâm huyết, thiết thực để đóng góp cho phong trào thanh niên. Đồng chí dành nhiều thời gian cùng tổ chức đoàn đi xuống cơ sở, nghiên cứu những nhân tố mới, những điểm sáng trong phong trào thanh niên (Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Nam, Đà Nẵng) để nhân rộng ra cả nước; đến các vùng biên giới, hải đảo để thăm hỏi, động viên thanh niên các dân tộc, thanh niên các lực lượng vũ trang. Qua đó, giúp đồng chí hiểu thêm nhiều điều về thế hệ trẻ, về phong trào thanh niên trong thời kỳ đổi mới.

Đồng chí Lê Quang Đạo nhận định: trong thời kỳ đổi mới đất nước, phát triển kinh tế, vai trò của con người là quyết định. Trong *Thư gửi Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng* (ngày 12/4/1996), đồng chí Lê Quang Đạo viết: Vấn đề xây dựng con người là vấn đề cơ bản, quyết định nhất. Cần nêu rõ vấn đề nguy cơ tụt hậu về con người so với yêu cầu công nghiệp hóa,

1. Lê Quang Đạo *Tuyển tập, Sđd*, tr.690.

hiện đại hóa và so với các nước trong khu vực. Nguy cơ tụt hậu về con người nếu không kiên quyết ngăn chặn và cố gắng nhiều hơn nữa để tiến lên sẽ kéo theo nguy cơ tụt hậu về kinh tế, văn hóa và làm trầm trọng thêm các nguy cơ khác. Riêng về vấn đề giáo dục, đào tạo, đề nghị phải nắm vững hai đầu: Một đầu là cái nền tảng của giáo dục, nâng cao dân trí là phổ cập giáo dục tiểu học rồi lên phổ cập giáo dục trung học; một đầu nữa là đỉnh cao của dân trí, là xây dựng đội ngũ trí thức và công nhân lành nghề, đào tạo và phát huy được nhiều nhân tài trên các lĩnh vực. Khắc phục cho được tình trạng xuống cấp của giáo dục, đào tạo. Phải đặt mục tiêu từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ngang với trình độ quốc tế¹.

Đồng chí Lê Quang Đạo nhận thấy Mặt trận có thể và cần phải đảm nhiệm một vai trò quan trọng trong lĩnh vực vận động quần chúng, triển khai trong cả nước một phong trào học tập, hướng tới một xã hội học tập. Sau một thời gian vận động và chuẩn bị, dưới sự đỡ đầu của Mặt trận Tổ quốc, Hội Khuyến học Việt Nam được thành lập, do Giáo sư Nguyễn Lân làm Chủ tịch. Trong bài phát biểu tại Đại hội thành lập Hội Khuyến học Việt Nam tháng 10/1996, đồng chí Lê Quang Đạo nói: “Ngày nay với sự cố gắng rất nhiều của Nhà nước

1. Xem *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.447-448.

ta, để phát triển sự nghiệp giáo dục, chúng ta phải đẩy mạnh hơn nữa việc “xã hội hóa giáo dục”.

Với yêu cầu nêu trên, chúng tôi cho rằng sự ra đời của Hội Khuyến học lúc này là rất cần thiết để cùng các đoàn thể trong Mặt trận góp phần cùng với Đảng và Nhà nước thực hiện cho được nhiệm vụ: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ đắc lực công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*”... Để làm tốt các nhiệm vụ nêu trên chúng tôi cho rằng công việc trước mắt của Hội là thành lập cho được hệ thống chi hội cơ sở rộng khắp trong toàn quốc bao gồm những người có nhiệt huyết với sự nghiệp “trồng người”¹. Đồng chí đã dành nhiều thời gian theo dõi không chỉ hoạt động mà cả nội dung của Hội; đề xuất ý kiến Hội cần phối hợp với Mặt trận Tổ quốc trong tổ chức thực hiện phong trào tự học, tự đào tạo của toàn dân. Sau đó, Hội Khuyến học Việt Nam đã được thành lập ở hầu hết các tỉnh, thành, quận, huyện, xã, xí nghiệp, cơ quan và trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi trong cả nước.

Đồng chí Lê Quang Đạo rất chú ý đến việc thành lập các hội mới. Mỗi khi thấy một hội có khả năng thu hút nhiều người tham gia, đồng chí đều hướng đến việc

1. Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd, tr.449-450.

đưa hội này vào làm thành viên của Mặt trận, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua các hội đó. Đồng chí chủ động tác động để thành lập các hội mà đồng chí cho là quan trọng. Các hội này sẽ lôi cuốn mọi tầng lớp vào hoạt động có tổ chức để vừa bảo đảm quyền lợi chính đáng của họ, vừa hướng các hoạt động của họ trong một mặt trận chung có lợi cho đất nước, tránh tình trạng cạnh tranh tự phát không lành mạnh. Đồng chí cho rằng, trong nền kinh tế thị trường, việc hình thành tầng lớp giới chủ là một yếu tố khách quan, không thể làm ngơ mà phải chủ động giải quyết. Nếu ta chủ động tạo điều kiện hoạt động cho họ trong khuôn khổ tổ chức thì sẽ giúp họ sinh hoạt có tổ chức, phát huy được những mặt tích cực, điều chỉnh, hạn chế những mặt tiêu cực sao cho phù hợp với lợi ích chung của xã hội. Cũng trong *Thư gửi Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng* ngày 12/4/1996, đồng chí Lê Quang Đạo viết: “*Đối với tư bản tư nhân trong nước không những ta đối xử bình đẳng mà cần có phần ưu đãi so với tư bản nước ngoài, tạo điều kiện cho họ phát triển để cùng Nhà nước và toàn dân ta đủ sức chống lại có hiệu quả sự chèn ép, lũng đoạn của tư bản nước ngoài. Với sự lãnh đạo đúng đắn chúng ta có thể đưa đại bộ phận các nhà tư sản yêu nước từng bước đi cùng với ta lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường hòa bình, con đường tư bản nhà nước.* Nhưng đó cũng là một quá trình lâu dài không thể nóng vội... Đoàn kết phát huy tầng lớp tư bản tư

nhân, những người làm ăn đúng đắn, đúng pháp luật là một trong những vấn đề quan trọng nhất trong việc củng cố mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc”¹. Sau một thời gian vận động, Hội Công thương thành phố Hà Nội và Hội Công thương Thành phố Hồ Chí Minh ra đời, có trụ sở, tòa báo riêng. Các hội này đã sớm tham gia nhiều ý kiến thiết thực, có giá trị, góp phần hoàn thiện chính sách kinh tế của Đảng, Nhà nước, thúc đẩy quá trình đổi mới kinh tế đất nước.

Ngay từ năm 1988, đồng chí Lê Quang Đạo đã chú ý đến tổ chức Hội đồng Dân chủ - Pháp luật của Mặt trận. Hội đồng này gồm các giáo sư, chuyên gia luật và một số lĩnh vực khác, những người được đào tạo rất cơ bản. Từ ngày về Mặt trận, mặc dù rất bận công việc, song đồng chí hầu như không bỏ qua một buổi họp nào của Hội đồng Dân chủ - Pháp luật, bàn về các dự luật sắp được đưa ra thông qua. Với vai trò tư vấn pháp luật cho Mặt trận, Hội đồng đã xem xét rất kỹ vấn đề tác động của văn bản luật đến quyền lợi của các tầng lớp nhân dân trong lĩnh vực đó của hoạt động xã hội.

Thấy rõ vai trò, tác dụng của Hội đồng Dân chủ - Pháp luật, sau Đại hội Mặt trận lần thứ IV (năm 1994), đồng chí Lê Quang Đạo đã thống nhất với Đoàn Chủ tịch Mặt trận và Tổng thư ký Trần Văn Đăng cho thành lập thêm các hội đồng mới, như: Hội đồng Chính sách

1. Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd, tr.437-438.

kinh tế, Hội đồng Khoa học - Giáo dục, Hội đồng Văn hóa - Xã hội. Ủy viên các hội đồng là các giáo sư, tiến sĩ, chuyên viên cao cấp, các nhà doanh nghiệp có tên tuổi, các viên chức cao cấp đã nghỉ hưu (làm việc theo chế độ cộng tác viên). Các hội đồng này thực sự là cơ quan tư vấn có hiệu quả cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong những vấn đề có liên quan. Ngoài ra, đồng chí Lê Quang Đạo còn chú ý đến hệ thống cộng tác viên của Mặt trận (viên chức cao cấp của chính quyền cũ, trưởng bản, già làng, chức sắc tôn giáo...), họ hoạt động rất hăng hái và tận tình, giúp Mặt trận giải quyết những xung đột giữa người dân và chính quyền địa phương, có những đóng góp thiết thực trong việc xây dựng chính sách thông qua tiếng nói của Mặt trận.

Năm 1998, Quốc hội chủ trương bổ sung và sửa đổi Luật Quốc tịch (đã được ban hành năm 1988) cho phù hợp với tình hình mới. Trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Quốc tịch, các ủy viên của Hội đồng Dân chủ - Pháp luật của Mặt trận khi đọc dự thảo sửa đổi, bổ sung luật đều có bản khoản. Dự thảo sửa đổi Luật Quốc tịch lần này có điều khoản quy định: “Từ năm 2000 trở đi những người Việt Nam ở nước ngoài, nếu đã nhập quốc tịch nước khác thì coi như không còn quốc tịch Việt Nam”. Có ý kiến muốn xóa quốc tịch của kiều bào ta nếu như hai năm không đăng ký lại. Nhưng thực tiễn lại phức tạp. Kiều bào ta có hơn 2 triệu người, định cư chủ yếu ở các nước lớn như Mỹ, Pháp, Canada,

Ôxtrâylia, Thái Lan..., đó là những nước không đặt vấn đề một quốc tịch. Nếu chúng ta quá khắt khe, sẽ gây bất lợi cho việc tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng chí Lê Quang Đạo đề xuất ý kiến của Mặt trận đề nghị Quốc hội cân nhắc thêm. Ngày 06/5/1998, đồng chí Lê Quang Đạo đã viết thư gửi tới tất cả các ủy viên Bộ Chính trị và các cố vấn, đề nghị cần sửa đổi một số điều khoản trong dự thảo về Luật Quốc tịch, nếu không sẽ phạm vào một sai lầm lớn là đẩy hơn 2 triệu đồng bào ta ra khỏi Tổ quốc. Đồng chí đề nghị hoãn thông qua Luật Quốc tịch để Ban Soạn thảo chuẩn bị thêm và Bộ Chính trị dành thời gian nghe Mặt trận báo cáo về vấn đề này. Sau đó, Bộ Chính trị dành một buổi nghe đồng chí Lê Quang Đạo báo cáo, nói rõ quan điểm của Mặt trận. Tiếp thu ý kiến của Mặt trận, Luật Quốc tịch sau khi thông qua đã được nhân dân trong nước và kiều bào ta vui vẻ, phấn khởi đón nhận¹. Nhiều kiều bào viết thư về hoan nghênh Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến quyền lợi cơ bản của những người vì nhiều nguyên nhân mà phải xa Tổ quốc, góp phần làm cho kiều bào ta yên

1. Tuy rằng, trong Luật Quốc tịch sửa đổi vẫn không thể chính thức thừa nhận một người Việt Nam có hai quốc tịch, vì điều này không phù hợp với Hiến pháp, nhưng Luật Quốc tịch cũng không đặt ra vấn đề là những người Việt Nam đã nhập quốc tịch nước ngoài sẽ không còn quốc tịch Việt Nam như dự kiến sửa đổi ban đầu.

tâm gắn bó với đất nước, quê hương, vì họ vẫn được coi là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Khi dự thảo Luật Khiếu nại, tố cáo đưa ra không có sự giám sát của nhân dân, của Mặt trận cũng như các thành viên của Mặt trận mà chỉ có giám sát của các cơ quan quyền lực, tại kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa X (ngày 13/11/1998), đồng chí Lê Quang Đạo đã phát biểu, nêu rõ quan điểm của Đảng về mặt lập pháp và đề nghị Quốc hội xem xét, cân nhắc ba vấn đề: quyền lựa chọn phương thức giải quyết khiếu nại ở cấp thứ nhất; trách nhiệm giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 13); cần có chế tài đối với cán bộ, công chức, cơ quan hành chính nhà nước làm trái pháp luật¹. Tiếp thu ý kiến của đồng chí, Luật Khiếu nại, tố cáo được Quốc hội khóa X thông qua đã có thêm một chương về giám sát của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc. Điều này thể hiện rõ tinh thần hết lòng vì nước, vì dân của đồng chí.

Ngoài các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước, Luật Dân sự, Luật Hình sự, đồng chí rất quan tâm đến những đạo luật về kinh tế. Theo đồng chí, việc sớm ban hành các đạo luật về kinh tế theo tinh thần đổi mới kinh tế của Đảng là rất quan trọng và cấp thiết để phát triển kinh tế - một trong những điểm quan trọng nhất

1. Xem Lê Quang Đạo *Tuyển tập, Sđd*, tr.615-619.

tạo điều kiện để lực lượng sản xuất có thể phát triển tối đa, tức là tạo ra các cơ sở của một quan hệ sản xuất phù hợp. Quốc hội khóa VIII trước đây đã thông qua Luật Công ty, mở đầu cho việc hình thành và phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Tuy nhiên, sau khi nghe ý kiến của nhiều cơ sở kinh doanh, kể cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, qua các chuyến đi thăm và làm việc ở nước ngoài, đồng chí nhận thấy Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Hợp tác xã mới chỉ có sự điều chỉnh liên quan đến việc thành lập và tổ chức các doanh nghiệp, chưa có luật điều chỉnh các hành vi kinh doanh, là hoạt động chủ yếu của các doanh nghiệp. Đồng chí rất quan tâm và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực vào việc ban hành Luật thương mại, Luật Thuế giá trị gia tăng (năm 1997).

Có lẽ bộ luật mà đồng chí dành nhiều thời gian, tâm sức nhất là Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Theo đồng chí, trước đây, Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác mặt trận đã quan trọng, nhưng chưa được cụ thể hóa thành luật, chưa bảo đảm cho vị trí của Mặt trận được khẳng định trong hệ thống chính trị, là chỗ dựa của Đảng và Nhà nước để tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân và đại diện cho tiếng nói của tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, các kiều bào ta ở nước ngoài. Vì thế, sau khi Quốc hội quyết định đưa Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào chương trình xây dựng pháp luật năm 2006 theo kiến

ng nghị của Đảng đoàn, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí đã dốc sức cùng tập thể Đảng đoàn, Ban Thường trực, Đoàn Chủ tịch tập trung nghiên cứu, chỉ đạo để nhanh chóng thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc thành pháp luật, đó là xác định rõ tính chất, vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm, mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc với Nhà nước.

Với tư cách là Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí đã dốc sức chỉ đạo và cùng tập thể Đảng đoàn, Đoàn Chủ tịch, Ban Thường trực cho ý kiến để xây dựng dự thảo trong suốt ba năm rưỡi, đến dự thảo lần thứ 17 trước khi trình Quốc hội thông qua. Có thời gian, ban ngày đồng chí tham dự họp Quốc hội, buổi tối lại xuống cơ quan họp Đảng đoàn, Ban Thường trực cho ý kiến vào dự thảo ở những vấn đề lớn, những vấn đề cơ bản về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong những ngày họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội cho ý kiến vào Dự thảo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí đã kiên nhẫn đến gặp đại biểu để giải thích, thuyết phục, với mong muốn để mọi người thông suốt và nhất trí Mặt trận phải là tổ chức liên minh chính trị, là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; Mặt trận phải phát huy tốt vai trò tập hợp, xây dựng và phát huy sức mạnh khối

đại đoàn kết dân tộc, tham gia xây dựng và quản lý nhà nước, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước; động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời, trong các cuộc họp của Bộ Chính trị cho ý kiến vào dự thảo cuối cùng trước khi đưa ra Quốc hội thông qua, đồng chí kiên trì thuyết minh, thuyết trình quan điểm của Đảng đoàn đối với những vấn đề cơ bản về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo đường lối đổi mới của Đảng cần phải được thể chế hóa thành các quy phạm pháp luật trong luật, có như vậy, Mặt trận mới nâng cao được vai trò của mình trong việc tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính từ sự kiên quyết, kiên trì trong tư tưởng chỉ đạo của đồng chí trong Đảng đoàn, Đoàn Chủ tịch, Ban Thường trực và kiên trì thuyết minh, thuyết trình với Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, mà Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12/6/1999, trong đó toàn bộ những vấn đề cơ bản về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được quy định trong luật.

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra đời là mốc son, là nền tảng pháp lý mở ra một thời kỳ mới để Mặt trận chủ động đổi mới về tổ chức và hoạt động cho các đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sau này, nâng cao vai trò của Mặt trận trong sự nghiệp đổi mới đất nước, góp phần thực hiện

dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết toàn dân, một nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đây là công trình lớn cuối cùng của đồng chí dâng hiến cho Đảng, Nhà nước, Mặt trận và nhân dân ta trước lúc lâm bệnh và đi xa.

Trong các công tác của Mặt trận, đồng chí Lê Quang Đạo rất quan tâm tới công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, coi đó là tiên đề và điều kiện để đổi mới Mặt trận. Đồng chí nhận định: Mặt trận cần phát huy vai trò lịch sử trong giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng đất nước với những nhiệm vụ nặng nề, mới mẻ chưa từng có trong lịch sử dân tộc, những kinh nghiệm của ngày hôm qua tuy rất quý báu nhưng không đủ sức giải đáp được những vấn đề mới đang đặt ra. Nếu không đầu tư nghiên cứu lý luận, đặt công tác mặt trận trên cơ sở khoa học, thực tiễn và pháp lý thì công tác mặt trận sẽ tụt hậu so với sự phát triển của đất nước. Trong tình hình mới, tổ chức và hoạt động của Mặt trận phải được thể chế hóa thành cơ chế, chính sách, pháp luật, thì Mặt trận mới đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước. Đồng chí cho rằng, ngày nay trong điều kiện cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế, cần phải nắm vững cái cơ bản, cái cốt lõi trong chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phải có tư

duy độc lập, sáng tạo. Chỉ có tư duy độc lập, sáng tạo mới phát triển được lý luận. Đó chính là cách tốt nhất để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Từ khi sang hoạt động chuyên trách công tác mặt trận (nhiệm kỳ 1994 - 1999), đồng chí đã chủ động đề xuất và cùng tập thể Đảng đoàn, Ban Thường trực xây dựng tổ chức bộ máy, tuyển chọn cán bộ, vạch ra phương hướng hoạt động, xây dựng cơ chế, chính sách, xây dựng cơ sở vật chất của cơ quan Trung ương Mặt trận, nhằm tạo mọi điều kiện tốt nhất cho hoạt động của Mặt trận. Đồng chí chủ trương nghiên cứu, tổng kết những vấn đề cơ bản, cấp thiết về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất; nghiên cứu, tổng kết, viết lịch sử Mặt trận một cách cơ bản và có hệ thống, đồng thời chỉ đạo xuất bản tạp chí *Mặt trận*. Tạp chí *Mặt trận* và bộ sách 9 cuốn về *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam* đã ra đời và được xã hội hóa. Những sản phẩm này đã góp phần đổi mới công tác mặt trận.

Hai tháng cuối cùng trong bệnh viện, đồng chí Lê Quang Đạo vẫn tiếp tục chỉ đạo, bổ sung báo cáo của Mặt trận, chuẩn bị cho Đại hội V của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (diễn ra vào tháng 8/1999). Tuy nhiên, do tuổi cao, bệnh nặng, đồng chí từ trần lúc 14 giờ 25 phút, ngày 24/7/1999.

Chương VII

TẤM GUỜNG NGƯỜI CỘNG SẢN MẪU MỰC, NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ UY TÍN LỚN, NGƯỜI HỌC TRÒ XUẤT SẮC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

1. Nhà yêu nước chân chính, người cộng sản mẫu mực

Sinh ra trong một gia đình giàu lòng yêu nước của mảnh đất văn hiến, giàu truyền thống cách mạng, đồng chí Lê Quang Đạo đã sớm giác ngộ và đến với cách mạng từ khi còn rất trẻ. Ngay từ năm 1938, đồng chí đã tham gia phong trào Thanh niên dân chủ ở Hà Nội; năm 1939, tham gia phong trào Thanh niên phản đế Đông Dương. Đến năm 1940, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Lê Quang Đạo gắn liền với những bước thăng trầm của cách mạng Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh oanh liệt. Ngay từ khi còn rất trẻ, đồng chí đã thể hiện là một người cộng sản kiên trung, được Đảng, Nhà nước, Bác Hồ và

nhân dân tin tưởng. Ở tuổi 20, đồng chí đã được giao trọng trách là Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh, sau đó là tỉnh Phúc Yên; Xứ ủy viên rồi Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, người cán bộ trẻ tuổi Lê Quang Đạo được Đảng tin tưởng giao cho những trọng trách lớn hơn: Bí thư Thành ủy Hải Phòng, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Khu ủy Khu XI, Bí thư Liên tỉnh ủy Hà Nội - Hà Đông, Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy Khu II, Phó trưởng Ban Tuyên truyền Trung ương.

Năm 1950, đồng chí được Đảng điều động vào quân đội, với trách nhiệm Cục trưởng Cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng thời là Phó Chủ nhiệm chính trị các chiến dịch có tính bước ngoặt của kháng chiến chống thực dân Pháp, như Chiến dịch Biên giới và Chiến dịch Điện Biên Phủ. Với những cống hiến đó, năm 1955, đồng chí Lê Quang Đạo trở thành Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương.

Trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí có mặt trên các chiến trường ác liệt, là Chính ủy của các chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh, Bộ Tư lệnh 500, Đường 9 - Nam Lào, Trị - Thiên,... Trên cương vị là Bí thư và Chính ủy chiến dịch, đồng chí đã cùng

đồng đội hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Đồng chí trở thành Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3/1972. Năm 1974, đồng chí được thăng quân hàm Trung tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta kết thúc thắng lợi, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976), đồng chí được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Bí thư Trung ương Đảng. Năm 1978, đồng chí rời quân đội và được tin nhiệm giữ chức Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội, tham gia lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ lớn của thành phố, giải quyết các khó khăn, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang thành phố.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982), đồng chí tiếp tục được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Bí thư Trung ương Đảng, trực tiếp làm Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, phụ trách công tác dân vận của Trung ương và từ năm 1983, là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), đồng chí tiếp tục được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí được Đảng và nhân dân trao trọng trách là Chủ tịch Quốc hội, Phó

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1987 - 1993). Từ năm 1994 cho đến lúc đi vào cõi vĩnh hằng (năm 1999), đồng chí là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trọn cuộc đời sống, chiến đấu cho Đảng, cho cách mạng, đồng chí Lê Quang Đạo đã góp phần quan trọng vào những chiến công hiển hách trong thời đại Hồ Chí Minh và công cuộc đổi mới đất nước.

Trên 60 năm hoạt động, cống hiến cho Đảng, cho cách mạng, đồng chí Lê Quang Đạo luôn trung thành, tận tụy với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Dù ở bất cứ cương vị công tác nào, đồng chí đều hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Đồng chí là một cán bộ lãnh đạo có uy tín, đức độ, ham học hỏi, giàu trí tuệ, có ý thức tổ chức kỷ luật rất cao; sống trung thực, thẳng thắn, khiêm tốn, giản dị, hòa nhã với mọi người, luôn tôn trọng và lắng nghe ý kiến của đồng chí, của nhân dân. Với những hoạt động và cống hiến to lớn đối với Đảng, với nhân dân, đồng chí Lê Quang Đạo đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

Đảng ta khẳng định: “Đồng chí Lê Quang Đạo, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Đồng chí đã đi trọn cuộc đời một cách vẻ vang và để lại cho chúng ta tấm gương về cuộc đời cao đẹp của người cộng sản mẫu mực, một nhà yêu nước chân chính, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một con người đầy lòng nhân ái và vị tha, ham học hỏi, giàu trí tuệ, rất mực khiêm tốn, sống giản dị, trong sáng và chu đáo, chân thành và thủy chung, gần gũi và đoàn kết với mọi người. Theo gương Bác Hồ, đồng chí đã làm việc đến hơi thở cuối cùng vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta”¹.

2. Nhà lãnh đạo có uy tín lớn, tài năng của Đảng và cách mạng Việt Nam

a) Một bí thư trẻ dũng cảm, năng động, hoạt động ở những địa bàn quan trọng và hết sức khó khăn

Thông qua hoạt động thực tiễn, đồng chí Lê Quang Đạo đã trở thành một cán bộ trẻ tài năng của Đảng. Được Đảng tin cậy giao trọng trách lãnh đạo ở những địa bàn quan trọng, trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn: Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh, Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên, Bí thư Thành ủy Hải Phòng, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

1. *Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng* đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Lê Quang Đạo, ngày 27/7/1999 tại Hà Nội.

Trên cương vị là Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Phúc Yên (1942 - 1943), đồng chí Lê Quang Đạo đã cùng Ban Cán sự Đảng tỉnh Bắc Ninh và Phúc Yên đẩy mạnh các phong trào cách mạng, phát triển đảng viên mới, mở rộng cơ sở cách mạng, tổ chức các cuộc mít tinh để tuyên truyền đường lối của Mặt trận Việt Minh trong quần chúng nhân dân, thành lập các tổ chức cứu quốc, lập Mặt trận Việt Minh, tổ chức bảo vệ chu đáo nhiều cuộc họp của Trung ương và Xứ ủy, góp phần quan trọng vào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Là Bí thư Thành ủy Hải Phòng trong lúc cách mạng đang ở thế “ngàn cân treo sợi tóc” (từ cuối năm 1945 đến tháng 5/1946), đồng chí Lê Quang Đạo đã tích cực đẩy mạnh hoạt động tái lập lại tổ chức Thành ủy, củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang. Đồng chí đã chỉ đạo tổ chức thành công Tổng tuyển cử ở Hải Phòng, góp phần giữ vững chính quyền cách mạng, củng cố lòng tin của nhân dân vào thắng lợi của cách mạng.

Đồng chí Lê Quang Đạo đã có ba lần làm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Lần thứ nhất (từ tháng 5/1943 đến cuối năm 1944). Tám lần Đảng cử Bí thư Thành ủy Hà Nội là tám lần các đồng chí Bí thư bị địch bắt. Đồng chí Lê Quang Đạo là người thứ chín. Đồng chí đã lăn lộn trong công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên tuyên truyền, vận động xây dựng các tổ chức quần chúng trong các tầng lớp nhân dân Hà Nội, tham gia ủng hộ cách mạng.

Cái tên “Độc lý đồ” do thực dân Pháp đặt cho nói lên vai trò của đồng chí trong việc gây dựng lại phong trào cách mạng ở Hà Nội, đặt nền móng vững chắc cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công. Lần thứ hai (từ tháng 5/1946 đến tháng 12/1946), tình hình Hà Nội vô cùng căng thẳng, thực dân Pháp chuẩn bị gây chiến. Là Bí thư Thành ủy Hà Nội, rồi Phó Bí thư Khu ủy đặc biệt Hà Nội (Khu XI), đồng chí đã cùng cán bộ, chiến sĩ bảo vệ Trung ương rút khỏi Hà Nội an toàn, cùng Trung đoàn Thủ đô chiến đấu, cầm cự trong nội thành trong suốt hai tháng. Lần thứ ba (tháng 11/1947 đến tháng 5/1948), lúc này cơ quan của Thành ủy Hà Nội chuyển về đóng ở huyện Chương Mỹ, thị xã Hà Đông, đồng chí đã quyết định đưa cán bộ về cơ sở, xây dựng và khôi phục các chi bộ đảng, các tổ chức đoàn thể quần chúng, tổ chức lực lượng du kích, đào hầm bí mật chiến đấu ngay trong lòng địch, gây cho địch nhiều khó khăn, tổn thất.

Những quan điểm của đồng chí thể hiện trong các bài viết thời kỳ này, như: “Phải kịp chấn chỉnh và mở rộng các đội tự vệ”; “Việt Minh muốn tiến phải bỏ tính ỷ lại”; “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”; “Chỉ thị về đối phó với các cuộc tấn công càn quét của địch”..., thực sự là những bài học quý giá mà đồng chí đã đúc kết từ hoạt động thực tiễn, thể hiện bước đầu năng lực toàn diện cả trong tổ chức lãnh đạo và công tác lý luận của đồng chí Lê Quang Đạo.

b) Người chỉ huy chính trị - quân sự tài ba của Quân đội nhân dân Việt Nam

Đồng chí Lê Quang Đạo hoạt động trong Quân đội nhân dân Việt Nam 28 năm (1950 - 1978). Giai đoạn 1950-1978 là những năm tháng hào hùng nhất của dân tộc, với hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Gần như suốt những năm chiến tranh ấy, đồng chí đã có mặt ở những chiến trường nóng bỏng nhất với những cương vị quan trọng: Cục trưởng Cục Tuyên huấn Quân đội nhân dân Việt Nam, phụ trách công tác tuyên huấn trong Chiến dịch Biên giới; Phó Chủ nhiệm Chính trị Chiến dịch Biên giới và Chiến dịch Điện Biên Phủ; Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; Chính ủy của các chiến dịch lớn trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ... Dù ở cương vị nào, đồng chí cũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, thể hiện là một cán bộ lãnh đạo đức độ và tài năng của Đảng và của quân đội. Với những cống hiến lớn lao đó, đồng chí đã được Nhà nước phong quân hàm Thiếu tướng năm 1958 và quân hàm Trung tướng năm 1974.

Những đóng góp của đồng chí Lê Quang Đạo trên lĩnh vực quân sự thể hiện tập trung ở một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, góp phần xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị và xây dựng ngành tuyên huấn vững mạnh.

Đồng chí Lê Quang Đạo là một nhà lãnh đạo, chỉ đạo ưu tú của quân đội. Cống hiến của đồng chí đối với

quân đội rất lớn: xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị và tổ chức, hiệp đồng chiến đấu. Tuy mỗi mặt có vị trí, chức năng, biện pháp riêng, nhưng tất cả đều nhằm mục đích là xây dựng con người và khi phối hợp với nhau tạo được hiệu quả tốt nhất.

Đồng chí sớm nắm chắc những yêu cầu quan trọng đang đặt ra đối với công tác lãnh đạo chính trị, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội. Đồng chí khẳng định: “Công tác giáo dục chính trị là linh hồn, là mạch sống của bộ đội. Muốn nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, tư tưởng, nâng cao sức chiến đấu của toàn quân, cần phải tăng cường giáo dục chính trị trong quân đội”¹. Đồng chí chủ động đề xuất những nội dung quan trọng của công tác giáo dục chính trị trong bộ đội và được phân công biên soạn, viết nhiều tài liệu về công tác chính trị, tư tưởng, xây dựng Đảng, đặc biệt là các tài liệu chỉnh huấn, chỉnh quân. Điển hình với các bài: “Học tập cách xem xét vấn đề đúng đắn” (năm 1959); “Về công tác tư tưởng và công tác tổ chức” (năm 1962); “Nâng cao quyết tâm kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến toàn thắng” (năm 1970); “Mấy bài học về công tác chính trị của bộ đội chủ lực trong chiến dịch, chiến đấu” (năm 1971); “Báo cáo tại Hội nghị Trung ương lần thứ 21” (năm 1973);

1. Tổng cục Chính trị: *Lịch sử Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1975)*, Sđd, t.1, tr.196.

“Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao ý chí chiến đấu, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong giai đoạn mới” (năm 1974)... Các bài viết đã thể hiện bản lĩnh chính trị, tư duy sắc sảo của một vị tướng vừa có thực tiễn, vừa nắm vững lý luận, góp phần xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, làm cho bộ đội ta nhận thức rõ bản chất quân đội cách mạng, nhận thức rõ ai là bạn, ai là thù; xây dựng được quan điểm kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, nhưng nhất định thắng lợi; xây dựng quyết tâm chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ. Đồng chí còn trực tiếp tham gia giảng dạy trong nhiều lớp chỉnh huấn của quân đội, nhằm làm cho cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ hơn cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo, bản chất của quân đội ta là một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu; quán triệt sâu sắc đường lối cách mạng của Đảng, yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, nâng cao cảnh giác, mài sắc ý chí chiến đấu, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trên cương vị Cục trưởng Cục Tuyên huấn Quân đội nhân dân Việt Nam, cùng với việc lựa chọn cán bộ, ổn định tổ chức biên chế lực lượng và đưa cơ quan đi vào nền nếp hoạt động, đồng chí Lê Quang Đạo còn quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuyên huấn cho các cấp, các đơn vị, góp phần xây dựng ngành tuyên huấn quân đội ngày càng hoàn thiện về tổ chức và giỏi về nghiệp vụ.

Có thể khẳng định: đồng chí Lê Quang Đạo đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự lớn mạnh và trưởng thành của ngành tuyên huấn quân đội. Các thế hệ tuyên huấn quân đội luôn kính trọng và tự hào về đồng chí - người Anh cả của ngành tuyên huấn quân đội.

Thứ hai, tham gia lãnh đạo, chỉ huy nhiều chiến dịch quân sự quan trọng.

Trong những năm tháng ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đồng chí Lê Quang Đạo được Quân ủy Trung ương giao phụ trách công tác đảng, công tác chính trị trong các chiến dịch lớn, vào những thời điểm quyết liệt, trên những hướng quan trọng: Phó Chủ nhiệm chính trị Chiến dịch Biên giới (năm 1950), Phó Chủ nhiệm chính trị Chiến dịch Điện Biên Phủ, Quyền Chính ủy Đại đoàn 308 trong cuộc tiến công sang Thượng Lào (năm 1954), Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh (năm 1968), Chiến dịch Đường 9 - Nam Lào (năm 1971), Chiến dịch Trị - Thiên (năm 1972). Trên cương vị được giao, đồng chí luôn đi sát mặt trận, gần gũi chiến sĩ, phát huy tinh thần tập thể, dân chủ, động viên bộ đội quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi. Khi ta mở cuộc tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đồng chí trực tiếp chỉ đạo các đơn vị pháo binh kéo pháo vào trận địa đúng thời gian quy định; cùng cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 308 vượt mọi khó khăn gian khổ tiến quân sang Thượng Lào nhằm nghi binh, đánh lạc hướng

phán đoán của địch; cùng thảo luận, bàn bạc với cán bộ Trung đoàn 36 về sử dụng chiến thuật đánh lấn tiêu diệt cứ điểm 206 của địch ở sân bay Mường Thanh, góp phần vào chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Đồng chí đã cùng Đảng ủy, Bộ Tư lệnh các chiến dịch chú trọng bồi dưỡng, xây dựng quyết tâm chiến đấu cho bộ đội, giáo dục cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ yêu cầu, nhiệm vụ chung của chiến dịch, của từng lực lượng, từng mũi chiến đấu theo một kế hoạch chung thống nhất. Đồng chí luôn nhấn mạnh nguyên tắc: “Nổ súng đúng kế hoạch và bất ngờ là rất quan trọng, nó tạo điều kiện cho hướng chính thọc sâu một cách nhanh chóng”¹. Thực tế hoạt động quân sự nói trên của đồng chí Lê Quang Đạo cho thấy, đồng chí luôn đem hết tài năng và sức lực để lãnh đạo, chỉ huy các chiến dịch chiến đấu của quân đội ta giành được thắng lợi. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ca ngợi: “Cống hiến của Anh Lê Quang Đạo đối với quân đội rất lớn cả về hai mặt xây dựng và chiến đấu”².

Thứ ba, góp phần vào công tác tổng kết kinh nghiệm chiến tranh.

Đồng chí Lê Quang Đạo sớm thấy rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của công tác tổng kết kinh nghiệm chiến tranh, nhất là kinh nghiệm hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong chiến dịch,

1, 2. Lê Quang Đạo (1921 - 1999), *Sdd*, tr.261, 186.

chiến đấu. Do đó, đồng chí thường nhắc nhở đội ngũ cán bộ tổng kết kinh nghiệm chiến tranh phải làm sao từ thực tiễn nước ta, thực tiễn chiến đấu, huấn luyện và xây dựng của quân đội, của lực lượng vũ trang mà rút ra kinh nghiệm, khái quát được quy luật, đúc rút thành lý luận vì chỉ có “lý luận đó mới thực sự hướng dẫn hành động”¹.

Từ thực tiễn khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng Việt Nam, đồng chí đã rút ra vấn đề có tính quy luật trong xây dựng quân đội cách mạng: vấn đề quan trọng bậc nhất là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, làm cho quân đội luôn tuyệt đối trung thành với Đảng, chiến đấu theo đường lối chính trị của Đảng, một lòng một dạ phục vụ nhân dân. Chỉ có trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo của Đảng mới giải quyết được đúng và tốt các mối quan hệ về tổ chức, giữa chính trị với quân sự, giữa con người với vũ khí, giữa lãnh đạo và chỉ huy, giữa trang bị huấn luyện và chiến đấu của quân đội. Theo đồng chí, đây là một nguyên tắc giữ vai trò quyết định trong xây dựng quân đội kiểu mới: “một quân đội mạnh phải có trình độ giác ngộ chính trị cao, tinh thần dũng cảm, ngoan cường, có ý chí chiến đấu vững vàng, đồng thời phải là một quân đội có tổ chức, kỷ luật chặt chẽ, có cơ sở vật chất, trang bị kỹ

1. Lê Quang Đạo (1921 - 1999), *Sđd*, tr.295.

thuật thích hợp, có cách đánh hay và có lãnh đạo, chỉ huy giỏi”¹.

Đồng chí cũng khái quát kinh nghiệm hoạt động công tác đảng, công tác chính trị trong chiến dịch, chiến đấu thành những bài học để các cấp, các đơn vị học tập, vận dụng trong thực tiễn huấn luyện và chiến đấu: nắm vững phương châm kết hợp chặt chẽ xây dựng với tác chiến; xây dựng quyết tâm chiến đấu cao; phát huy vai trò của tổ chức đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực lãnh đạo, chỉ huy giỏi; kết hợp chặt chẽ địch vận với tác chiến; thực hiện tốt kỷ luật chiến trường; chống chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của địch. Những bài học đó vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, để chúng ta tiếp tục vận dụng, phát huy trong sự nghiệp xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, góp phần giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ.

Trong thực tiễn xây dựng và chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam, đồng chí Lê Quang Đạo không ngừng rèn luyện, phấn đấu nên đã trở thành một cán bộ vừa có đức, vừa có tài, đem hết tâm huyết và nghị lực

1. Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd, tr.148.

của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Đồng chí Lê Quang Đạo luôn quan tâm giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ, coi đó là một nội dung quan trọng của công tác tư tưởng nhằm phát huy cao độ sức mạnh của mọi người, mọi lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng chí từng nói: “Đạo đức, phẩm chất cách mạng là một vũ khí sắc bén của đấu tranh giai cấp, là biểu hiện của lập trường tư tưởng, vừa có tác động trở lại mạnh mẽ đối với lập trường tư tưởng. Có đạo đức, phẩm chất cách mạng trong sáng thì những nhân tố tích cực sẽ được củng cố và phát huy; ngược lại, đạo đức, phẩm chất cách mạng bị sa sút thì trận địa tư tưởng dễ bị lung đoạn, tạo ra miếng đất tốt cho các tư tưởng tiêu cực nảy nở”¹. Việc giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ là một quá trình thường xuyên, liên tục và bao giờ cũng gắn liền với mục đích thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và quân sự của Đảng. Do đó, đồng chí nhiều lần nhấn mạnh: “... phải luôn luôn bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ phẩm chất cách mạng, đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, nếp sống trong sạch, lành mạnh, giản dị, tác phong khẩn trương, sâu sắc”².

1, 2. *Lê Quang Đạo Tuyển tập, Sđd*, tr.128, 128.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, đồng chí luôn chú trọng kết hợp chặt chẽ hai mặt công tác tư tưởng và văn hóa, tạo nên sự tác động tổng hợp vào cả lý trí và tình cảm con người. Đồng chí nhắc nhở đội ngũ cán bộ chính trị các cấp phải: “Đi sâu vào bản chất con người, đi sâu vào các khái niệm Đức - Tài, ta thấy trong đó vừa mang yếu tố lý trí vừa mang yếu tố tình cảm. Mà con người thì có lý trí và tình cảm, trí tuệ và tâm hồn, kết hợp hài hòa thành một chỉnh thể con người có đạo đức và tài năng theo yêu cầu phát triển của cách mạng”¹.

Là cán bộ cấp cao của quân đội nhưng đồng chí luôn thân mật, gần gũi cán bộ, chiến sĩ với thái độ chân tình, cởi mở và khiêm tốn, giản dị cả trong công tác, học tập và chiến đấu, như chính đồng chí nhớ lại những ngày đi chiến dịch: “Anh em sát cánh bên nhau, vui buồn cùng chia sẻ. Cuộc sống chiến đấu rất khó khăn, gian khổ, trách nhiệm nặng nề nhưng luôn ấm áp tình đồng chí, đồng đội”². Nhờ đó, đồng chí luôn hiểu sâu tâm tư của cán bộ, chiến sĩ và kịp thời đề ra biện pháp thích hợp để giáo dục đạo đức cách mạng, bồi dưỡng phẩm chất Bộ đội Cụ Hồ, góp phần làm cho

1. Lê Quang Đạo (1921 - 1999), *Sđd*, tr.198.

2. Lê Quang Đạo *Tuyển tập*, *Sđd*, tr.272.

quân đội ta ngày càng trưởng thành và chiến thắng vẻ vang, xứng đáng là một đội quân luôn “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”¹, như Bác Hồ khen ngợi.

Đánh giá về phẩm chất và những đóng góp của đồng chí Lê Quang Đạo, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: “Đồng chí Lê Quang Đạo là một cán bộ lãnh đạo có đức độ và tài năng của Đảng và quân đội ta... Suốt 28 năm trong quân ngũ, đồng chí đã đem hết tài năng và sức lực, tâm hồn và trí tuệ xây dựng và chỉ đạo ngành tuyên huấn quân đội. Anh là một nhà hoạt động tư tưởng và văn hóa xuất sắc của quân đội và của Đảng. Anh là một nhà lãnh đạo, chỉ huy ưu tú của quân đội, một vị tướng có đủ những đức tính trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung như Bác Hồ từng dạy. Anh là con người tiêu biểu cho phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”². Đại tướng Chu Huy Mân khẳng định: “Anh có quyền nói với cán bộ về phẩm chất chính trị, về tư tưởng, đạo đức và lối sống”³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.14, tr.619.

2. Võ Nguyên Giáp: “Một cán bộ lãnh đạo có đức độ và tài năng của Đảng”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Sđd, tr.186.

3. *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Sđd, tr.233.

c) Một nhà lý luận có nhiều đóng góp trên lĩnh vực khoa giáo

Trong công tác khoa giáo, đồng chí Lê Quang Đạo đã trải qua nhiều cương vị quan trọng: Ủy viên Thường vụ Liên khu ủy Liên khu III phụ trách công tác tuyên huấn; Phó Trưởng ban Tuyên truyền Trung ương Đảng; Cục trưởng Cục Tuyên huấn quân đội; Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương. Trên các cương vị công tác trong lĩnh vực khoa giáo, đồng chí luôn thể hiện là một nhà hoạt động lý luận và thực tiễn xuất sắc, có nhiều đóng góp quan trọng, tham mưu cho Đảng trong việc xây dựng đường lối và chỉ đạo thực tiễn hoạt động của công tác khoa giáo.

Trong những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, khi đất nước bắt đầu có những biểu hiện nghiêm trọng của tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, là người đứng đầu cơ quan lãnh đạo công tác tư tưởng, văn hóa, giáo dục, đồng chí Lê Quang Đạo đã đi sâu nghiên cứu và nhận thức được những khó khăn, yếu kém của công tác khoa giáo, đặc biệt là công tác giáo dục chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin trong hệ thống giáo dục ở nước ta, góp phần đề xuất với Bộ Chính trị một số vấn đề cấp bách của công tác giáo dục. Những quan điểm của đồng chí về việc tìm cách "... tạo một chuyển biến thực sự trong việc nâng cao chất lượng giáo dục nhằm hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa, trước hết là nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng

và đạo đức trong đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và trong đông đảo học sinh phổ thông”¹; “... làm cho hệ thống giáo dục phục vụ tích cực những mục tiêu kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài, đáp ứng yêu cầu phân công lao động xã hội và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc”²; “... tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp, kết hợp chặt chẽ với các đoàn thể phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, quyền chủ động của địa phương, của cơ sở, thực hiện tốt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm để chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục”³... thể hiện tầm nhìn chiến lược của đồng chí về giáo dục, mà ngày nay những nội dung đó vẫn có giá trị thực tiễn sâu sắc.

Đồng chí Lê Quang Đạo luôn thể hiện một tầm nhìn, một cách suy nghĩ thấu đáo đối với khoa học - kỹ thuật và đội ngũ trí thức của dân tộc. Đồng chí rất tâm đắc luận điểm của Ph. Ăngghen: một khi sản xuất có yêu cầu đối với khoa học thì nó sẽ thúc đẩy khoa học phát triển gấp mười trường đại học. Đồng chí đề xuất phải phát huy dân chủ, đổi mới cơ chế quản lý khoa học để khuyến khích sáng tạo, sử dụng nhân tài, nhất là đội ngũ trí thức. Từ thực tiễn, đồng chí tìm cách tháo bỏ các rào cản trong nhận thức, trong suy nghĩ,

1, 2, 3. Lê Quang Đạo *Tuyển tập, Sđd*, tr.370, 371, 372.

nhất là trong chỉ đạo công tác, lấy lại niềm tin của trí thức, giúp họ dám nghĩ, dám làm. Coi trọng việc công nhận quyền sở hữu trí tuệ của các cá nhân đối với các kết quả sáng tạo, tạo động lực phát huy sự sáng tạo của mọi người. Sắp xếp lại sản xuất, cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất, kiện toàn mạng lưới các cơ quan quản lý và nghiên cứu, thực nghiệm khoa học và kỹ thuật. Tạo chuyển biến thực sự trong việc đào tạo, bồi dưỡng và phát huy đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật phục vụ tốt việc phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Phải phát huy các lực lượng khoa học, kỹ thuật, có chế độ, chính sách thỏa đáng đối với người có trình độ, nhằm đẩy nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật, có tác dụng tích cực, trực tiếp trong sản xuất và đời sống. Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng nhằm bảo đảm sự trưởng thành nhanh chóng, toàn diện của đội ngũ khoa học, kỹ thuật, để khoa học, kỹ thuật tương xứng với vị trí then chốt.

Ngày nay, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vị trí, vai trò của công tác khoa giáo đã được nâng lên một tầm cao mới, phù hợp với sự thay đổi mạnh mẽ của tình hình đất nước và thế giới. Những đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Quang Đạo trên lĩnh vực khoa giáo vẫn có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn trong chỉ đạo công tác khoa giáo nói riêng và công tác tuyên giáo nói chung, góp phần vào

việc thực hiện thắng lợi các quan điểm, đường lối của Đảng trên lĩnh vực khoa giáo, tuyên giáo.

d) Đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội, mở rộng dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh

Trong thời điểm bước ngoặt khi tình hình thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc, phức tạp, đất nước phải đương đầu với nhiều khó khăn, thử thách, đồng chí Lê Quang Đạo được Đảng và nhân dân tín nhiệm trao trọng trách Chủ tịch Quốc hội khóa VIII. Đồng chí đã lãnh đạo Quốc hội từng bước đổi mới trên mọi mặt hoạt động và đã có đóng góp tích cực, đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước bằng pháp luật, phục vụ công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Một là, Quốc hội phải thực hiện tốt chức năng lập hiến, lập pháp. Quốc hội khóa VIII hoạt động thực chất hơn, dân chủ hơn, thể hiện trên nhiều lĩnh vực, nhưng rõ nhất, mới nhất là thực hiện chức năng cơ bản nhất của Quốc hội là xây dựng các bộ luật, đạo luật và pháp lệnh. Trong nhiệm kỳ, Quốc hội đã ban hành được 2 bộ luật, 29 đạo luật, 39 pháp lệnh, nhiều hơn tổng số các bộ luật, đạo luật và pháp lệnh của bảy khóa trước. Nội dung các luật toàn diện hơn, bao gồm cả vấn đề kinh tế, chính trị, tổ chức bộ máy, bảo đảm quyền dân chủ của công dân, tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Quốc hội đã thông qua Ủy ban sửa đổi Hiến pháp

để tiến hành sửa đổi Hiến pháp năm 1980 một cách cơ bản và toàn diện, là cơ sở để ban hành Hiến pháp năm 1992, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Đây là đạo luật cơ bản để Quốc hội xem xét, điều chỉnh bổ sung các luật không còn phù hợp hoặc xây dựng luật mới cho phù hợp với Hiến pháp. Đây cũng là bước tiến mới của nền dân chủ nước ta đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hai là, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo, Quốc hội khóa VIII đã có nhiều cố gắng chú trọng hơn đến chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, đặc biệt là những vấn đề nóng bỏng, cấp bách về kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Ba là, trong nhiệm kỳ khóa VIII, công tác giám sát của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban thường trực của Quốc hội đã có một số tiến bộ bước đầu trong việc xem xét thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về tình hình kinh tế - xã hội, về thi hành pháp luật và các vấn đề có liên quan khác. Lê lối làm việc của Quốc hội đã có nhiều đổi mới nhằm nâng cao vai trò của Quốc hội, từng bước vươn lên thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân.

Với những đóng góp to lớn đó, đồng chí Lê Quang Đạo đã góp phần quan trọng vào việc đổi mới sâu sắc và

toàn diện về tổ chức và hoạt động của Quốc hội trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, nhất là đẩy mạnh công tác lập hiến và lập pháp để thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước bằng pháp luật, phục vụ công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

đ) Lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy vai trò của Mặt trận, tăng cường đổi mới công tác mặt trận, không ngừng nâng cao chất lượng khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới đất nước

Với 17 năm tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong đó có 12 năm là Bí thư Đảng đoàn Mặt trận và 5 năm là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí Lê Quang Đạo đã có nhiều sáng tạo, đóng góp trong xây dựng Mặt trận, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Với tư duy đổi mới, độc lập, tự chủ, sáng tạo, đồng chí Lê Quang Đạo đã vận dụng đúng đắn và phát triển thành công chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận dân tộc thống nhất trong tình hình cụ thể của đất nước, của thời đại.

Thứ nhất, có nhiều thành công trong tập hợp, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư duy đổi mới của đồng chí Lê Quang Đạo được thể hiện trên ba phương diện: *Một là*,

năng lực lắng nghe dân để hiểu thấu lòng dân, để tiếp nhận nhiều thông tin, dữ liệu từ nhân dân làm cơ sở, sử dụng thông tin đó ngày càng tốt hơn. *Hai là*, sự cởi mở, năng lực cảm hóa, chinh phục lòng người trong vận động các đối tượng do Mặt trận trực tiếp vận động. *Ba là*, năng lực khám phá những điểm mới và khả năng sáng tạo trong vận dụng thực tiễn để nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận, đáp ứng vai trò, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Thứ hai, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng Mặt trận. Đồng chí Lê Quang Đạo khẳng định: Đảng không phải là tổ chức quyền lực ở trên Nhà nước, trên nhân dân. Đảng lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, chứ Đảng không thay nhân dân cầm quyền. Tất cả quyền lực phải thuộc về nhân dân. Mọi tổ chức đảng cũng như tất cả đảng viên đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, gương mẫu chấp hành pháp luật. Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, cần phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trên tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua tổ chức dân cử, thông qua các đoàn thể và dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Do đó, phải có cơ chế, chính sách, pháp luật cụ thể để bảo đảm cho nhân dân tham gia quản lý xã hội, thực hiện quyền giám sát của mình đối với hoạt động của cơ quan nhà nước và đại biểu

dân cử theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Thứ ba, để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới, đồng chí Lê Quang Đạo trực tiếp chỉ đạo xây dựng và đề xuất với Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 18/4/1983 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới, nhằm đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng và tạo ra cuộc sống mới ở khu dân cư bằng những hình thức và phương pháp linh hoạt, thích hợp với đặc điểm và điều kiện từng nơi. Thấm nhuần sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đồng chí đã cùng Đảng đoàn Mặt trận tham mưu cho Đảng ra Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 17/11/1993 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất đã tạo ra bước ngoặt cho sự tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc và công tác mặt trận trong công cuộc đổi mới đất nước, tập hợp thêm lực lượng mới trong Mặt trận. Đồng chí Lê Quang Đạo đã cùng Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra thông tri về “Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, hướng công tác mặt trận về cơ sở xã, phường, góp phần phát huy tinh thần yêu nước, ý thức dân chủ, tự chủ, tự quản, tinh thần chủ động, tích cực của nhân dân trong xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, tạo căn cứ cho Đảng ta ra chỉ thị về Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Thứ tư, đồng chí Lê Quang Đạo đã có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận trong sự nghiệp đổi mới đất nước, đúng với vai trò, chức năng của Mặt trận. Đồng chí dành nhiều tâm huyết, trí tuệ và thời gian vào việc xây dựng Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đây là công trình lớn cuối cùng của đồng chí cống hiến cho Đảng, Nhà nước, Mặt trận và nhân dân ta trước lúc ra đi. Sự ra đi của đồng chí là một tổn thất lớn cho Đảng, Nhà nước, Mặt trận và lực lượng vũ trang, để lại cho gia đình và nhân dân niềm tiếc thương sâu sắc.

3. Người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hơn sáu thập niên hoạt động cách mạng trải dọc thế kỷ XX, đồng chí Lê Quang Đạo trưởng thành theo thắng lợi của cách mạng, từ người đảng viên đến các trọng trách đứng đầu cơ quan lập pháp của Nhà nước, Mặt trận, trực tiếp tổ chức thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta không chỉ kính trọng phẩm chất chính trị và tài trí của người cộng sản kiên cường mẫu mực, một nhà yêu nước chân chính, mà còn thể hiện sự tin cậy đối với một nhân cách lớn - nhân cách Lê Quang Đạo - nhân cách để đồng chí trở thành một nhà lãnh đạo “có uy tín, kiên nghị mà gần gũi thân thương”, với đầy đủ những phẩm chất xứng

đáng là một “học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”¹ như Đảng ta đã đánh giá.

Là một chiến sĩ cộng sản trọn cuộc đời tranh đấu cho độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và phấn đấu vì hạnh phúc của mỗi người dân Việt Nam, đồng chí Lê Quang Đạo là tấm gương về ý chí kiên cường với tinh thần tiên phong quả cảm. Nét nổi bật ở đồng chí là niềm tin tất thắng, sự trung thành và sẵn sàng hy sinh quên mình cho lý tưởng của Đảng, vì thắng lợi của cách mạng, vượt qua mọi khốc liệt của chiến tranh, qua mọi thách thức cam go, phức tạp, góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội mới.

Đồng chí là tấm gương của nhà lãnh đạo tận tụy và đầy trách nhiệm trước dân, trước Đảng, trước mọi nhiệm vụ, suốt đời hết lòng, hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân; tấm gương khiêm tốn, giản dị, liêm khiết, trung thực, chân thành, ghét thói xu nịnh, cơ hội chủ nghĩa, bè phái; tấm gương nói ít làm nhiều, luôn chí công vô tư và đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, là người chiến sĩ cách mạng hay khi trở thành nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta, đồng chí luôn gần gũi đồng chí, đồng bào và sẵn lòng chia sẻ những khó khăn với tất

1. *Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng* đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Lê Quang Đạo, ngày 27/7/1999 tại Hà Nội.

cả mọi người. Đó là chủ nghĩa nhân văn của một con người mang sẵn trong mình những tố chất để đoàn kết dân tộc, một người cộng sản đầy bản lĩnh, một nhà lãnh đạo thấm nhuần sâu sắc tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh.

Đồng chí Lê Quang Đạo là tấm gương mẫu mực về thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, để các thế hệ sau mãi tôn vinh và học tập.

Trên cơ sở tiếp thu truyền thống đạo đức dân tộc, chắt lọc những tinh hoa đạo đức nhân loại, khai thác những giá trị đạo đức trong học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, phẩm chất, nhân cách Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Quang Đạo đã xây dựng và lĩnh hội một hệ thống các chuẩn mực đạo đức mới - đạo đức cách mạng. Trong đó, đồng chí xây dựng và thấm nhuần những chuẩn mực đạo đức dành riêng cho mình với tư cách là cán bộ, đảng viên.

Trên các cương vị công tác, trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng chí Lê Quang Đạo thực sự là một nhà hoạt động thực tiễn và văn hóa xuất sắc. Đồng chí có *tâm* và có *tài* - hai phẩm chất tối cần thiết của người lãnh đạo, quản lý cao cấp.

Đồng chí có tính nguyên tắc cao, rất chặt chẽ về quan điểm, đường lối, rất kỷ lưỡng về chữ nghĩa, cực kỳ cẩn thận khi thông qua các văn kiện, nhất là các văn kiện liên quan đến các mặt công tác thiết yếu. Trong công việc, đồng chí sống chân thành, trung thực, không

định kiến, không áp đặt quan điểm mà cuốn hút, thuyết phục người khác bằng trí tuệ mẫn tiệp và tâm hồn thanh cao, trong sáng, không vụ lợi cá nhân.

Đồng chí có vốn sống, vốn ngôn ngữ phong phú, tạo cơ sở, tiền đề cho lối diễn đạt trong sáng, phản ánh chiều sâu của trí tuệ và một phong cách tư duy khoa học. Bám sát thực tiễn, đồng chí luôn luôn tìm tòi, phát hiện cái mới, ngay cả khi còn đang như chồi non mới nhú. Đồng chí chủ trương “xây để chống”. Là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí luôn tin ở phẩm chất tốt đẹp của con người, các giá trị làm người chân chính. Mục đích sự nghiệp cách mạng mà đồng chí theo đuổi không có gì khác hơn là giải phóng con người, trả về cho con người các giá trị làm người để phát huy hết tiềm năng vốn có trong sự nghiệp cao cả, vẻ vang, mang đầy bản chất nhân văn: xây dựng một xã hội, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện phát triển tự do của tất cả mọi người.

Là một người lãnh đạo cao cấp, đồng chí Lê Quang Đạo đã bộc lộ những tố chất thật sự nổi bật trong năng lực tư duy đổi mới và sáng tạo. Đồng chí cho rằng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải nắm cái cơ bản, cái cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phải có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo. Chỉ có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo mới vận dụng đúng, phát triển thành công chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh trong tình hình cụ thể của đất nước và của thời đại. Đó là cách tốt nhất để bảo vệ nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam trong mọi hành động của Đảng và của dân tộc. Đồng chí luôn phê phán lối tư duy bảo thủ, đi theo lối cũ, đường mòn, cũng như đấu tranh không khoan nhượng chống lại các biểu hiện tự do chủ nghĩa, cơ hội, thực dụng. Đồng thời, đồng chí cũng giữ đúng nguyên tắc, vạch trần và chỉ ra quyết liệt thói suy nghĩ nông cạn, hời hợt trong nghiên cứu lý luận, nhắc nhở những người làm công tác nghiên cứu phải biết đặt lợi ích của nhân dân, của Đảng, của đất nước lên trên hết; nói và viết thế nào để tạo dựng niềm tin vào cuộc sống, chế độ; đánh động lương tri, khuyến khích làm điều thiện, bài trừ cái ác, cái xấu ra khỏi đời sống xã hội chúng ta.

Những tư chất đó được đồng chí Lê Quang Đạo áp dụng vào tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Trong toàn bộ hệ thống những chuẩn mực đạo đức cách mạng, nếu “Trung với nước, hiếu với dân” là phẩm chất cơ bản, bao trùm, thì “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” cũng là chuẩn mực trung tâm, là phẩm chất gắn với mọi hoạt động hằng ngày của mọi người. “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” được đồng chí Lê Quang Đạo xem là chuẩn mực trung tâm, là yếu tố quan trọng nhất để “thành người”. Chuẩn mực này được đồng chí đề cập, hiểu và thực hành theo cách hiểu truyền thống nhưng lại mới

mẻ đến từng nội dung cụ thể. Ý thức sâu sắc trách nhiệm của mình trong công việc, đồng chí Lê Quang Đạo luôn nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo và tính khoa học, chặt chẽ, lấy hiệu quả công việc làm mục tiêu phấn đấu; không chỉ tập trung vào nhiệm vụ chuyên môn, lãnh đạo, quản lý, mà có trách nhiệm tham gia các công việc khác, như công tác đảng, công đoàn, phụ nữ, thanh niên,... Để công việc đem lại hiệu quả, đồng chí sắp xếp công việc cụ thể, hợp lý trong các khâu, gần gũi, gắn bó với nhân dân, tham gia thực tế, phát huy tối đa quyền làm chủ của nhân dân. Không chỉ say mê, tận tụy với công việc, đồng chí còn biết phát huy sức mạnh của tập thể, nhất là luôn luôn trọng dụng hiền tài trong điều hành, chỉ đạo.

Là cán bộ lãnh đạo, quản lý, đồng chí Lê Quang Đạo luôn có ý thức phấn đấu vươn lên bằng chính khả năng của mình. Không ham được xu nịnh, chỉ có một lòng “ham”, đó là ham học, ham làm, ham tiến bộ, đem hết khả năng, nhiệt tình trong công việc; nghĩ những việc cần nghĩ, làm những việc đáng làm, đem hết khả năng mà phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước. Thẳng thắn, đứng đắn, không gian dối với Đảng, nhân dân, với người khác, không xuyên tạc, xu nịnh, a dua. Thường xuyên và nghiêm túc thực hiện tự phê bình và phê bình, có lòng bao dung với người khác. Làm bất cứ việc gì, đồng chí Lê Quang Đạo không nghĩ đến mình trước, mà nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân, một lòng vì nước, vì dân.

Đồng chí đã tâm niệm và thực hiện trọn vẹn những chỉ dẫn, giáo huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Lê Quang Đạo không thể không nói đến người đồng chí thân thiết, người bạn đời Nguyễn Thị Nguyệt Tú. Chị là một người vợ hết lòng vì sự nghiệp của chồng, một người mẹ giỏi việc nước, đảm việc nhà. Tấm gương đạo đức, nhân cách của Lê Quang Đạo - Nguyễn Thị Nguyệt Tú đã có ảnh hưởng sâu sắc tới sự phát triển nhân cách, đạo đức của các con, cháu trong gia đình, đó là trưởng nữ, Cử nhân Nguyễn Nguyệt Tĩnh, cựu sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên giảng viên Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội; Tiến sĩ Nguyễn Quang Thắng, cựu sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Thiếu tướng, Tiến sĩ khoa học Nguyễn Quang Bắc; Cử nhân Nguyễn Đức Tuệ, nguyên giảng viên Đại học Kỹ thuật quân sự,... Tất cả đều đang cùng đi con đường sáng, theo gương cha mẹ.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang phấn đấu đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quyết tâm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức cách mạng của đồng chí Lê Quang Đạo càng có ý nghĩa sâu sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.6, 7, 8.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1991.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
6. Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ: *Lịch sử Chính phủ Việt Nam (1976 - 2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.3.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 1954)*, Bắc Ninh, 1998, t.1.

8. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, t.1.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội (1930 - 2000)*, Nxb. Hà Nội, 2004.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hải Phòng (1925 - 1955)*, Hải Phòng, 1991, t.1.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Từ Sơn: *Lịch sử Đảng bộ huyện Từ Sơn*, Bắc Ninh, 2004.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ phường Đình Bảng: *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân phường Đình Bảng (1930 - 2010)*, Đình Bảng, 2010.
13. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
14. Báo Nhân Dân, từ năm 1982 đến năm 1992.
15. Bộ Quốc phòng: *Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào*, Viện Khoa học quân sự, Hà Nội, 1976.
16. Huy Cận: “Tấm lòng đoàn kết”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
17. Trần Thị Minh Châu: “Người vui tính”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.

18. Huy Cơ, Trần Đình Luyện: *Danh nhân Kinh Bắc*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1999.
19. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, t.1.
20. Trung tướng Hồng Cư: “Người chính ủy mặt trận”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926 - 2008)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
22. *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, t.2.
23. *Đại đoàn Quân tiên phong*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1978.
24. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, t.1.
25. Lê Quang Đạo: *Phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
26. *Lê Quang Đạo Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
27. Trần Hồng Đức: *Các vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa qua các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - thông tin, Hà Nội, 1999.
28. *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

29. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *75 năm Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2005)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.
30. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh: *Đồng chí Lê Quang Đạo với cách mạng Việt Nam* (Kỷ yếu Hội thảo khoa học), Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011.
31. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, t.4.
32. Nguyễn Mai Hiền: “Người cán bộ cao cấp bình dị vô cùng”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
33. Thượng tướng, TS. Nguyễn Huy Hiệu: *Một thời Quảng Trị*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008.
34. Vũ Minh Hồng: “Anh là cây đại thụ”, báo *Đất Việt*, ngày 8-8-2008.
35. Huyện ủy Tiên Sơn: *Lịch sử huyện Tiên Sơn*, Bắc Ninh, 1944.
36. Chu Huy Kính: “Bám đất, bám dân”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
37. Vũ Kỳ: “Nhớ anh Lê Quang Đạo”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
38. *Lãnh đạo Đảng và Nhà nước với Đền Đô*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2010.

39. *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
40. Lê Liên: “Chọn hướng chủ yếu”, nguyệt san *Sự kiện và Nhân chứng*, số 2-2008.
41. *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
42. *Lịch sử kháng chiến chống Pháp Khu Tả ngạn sông Hồng 1945 - 1955*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
43. Hữu Mai: *Người lữ hành lặng lẽ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
44. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, 15 tập.
45. Nguyễn Đức Nghiêm: “Anh tôi”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
46. Quân đội nhân dân Việt Nam, Tổng cục Chính trị: *Lịch sử Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, t.1.
47. Quân khu Thủ đô Hà Nội: *Thủ đô Hà Nội lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb. Hà Nội, 1986.
48. Nguyễn Quyết: “Phẩm chất cao quý của anh Lê Quang Đạo”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.

49. Kim Thanh: “Chuyện về ông Đốc lý đỏ”, báo *Nhân Dân*, số 17, ngày 24-4-2008.
50. Phạm Kim Thanh: “Một cán bộ lãnh đạo đức độ và tài năng”, báo *Nhân Dân*, ngày 11-5-2008.
51. Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Thái, Lê Quang Đạo: *Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
52. Nguyễn Đức Thìn: “Người Bí thư chi bộ đầu tiên”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
53. Nguyễn Văn Trân: “Người đồng chí lạc quan”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
54. Hồ Trúc: “Anh mãi mãi trẻ, mãi mãi cần cho chúng tôi”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
55. Nguyệt Tú: *Đường sáng trắng sao*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
56. Nguyệt Tú: *Mây trắng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
57. Nguyệt Tú: “Chuyện Đốc lý đỏ bị bắt hụt ở phố Phó Đức Chính”, báo *Tiền phong*, số 31, ngày 3-8-2008.
58. Nguyệt Tú: “Chuyện về người ba lần làm Bí thư Hà Nội”, tạp chí *Đài truyền hình Nam Bộ*, số 177, kỳ I, tháng 7-2010.

59. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2002.
60. Hoàng Tùng: “Anh Đạo và tôi”, in trong sách *Lê Quang Đạo (1921 - 1999)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
61. Đỗ Trọng Vĩ: *Bắc Ninh dư địa chí*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1997.
62. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Văn kiện lịch sử quân sự của Đảng 1945 - 1950*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.
63. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1991, t.2.
64. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử Mặt trận Đường 9 - Bắc Quảng Trị (1966 - 1973)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.
65. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II.
66. Hoàng Quốc Việt: *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	7
<i>Lời nói đầu</i>	9
 <i>Chương I</i>	
QUÊ HƯƠNG, GIA ĐÌNH VÀ THỜI NIÊN THIẾU (1921 - 1937)	13
1. Quê hương	13
2. Gia đình và thời niên thiếu	34
 <i>Chương II</i>	
TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1938 - 1945)	43
1. Hoạt động trong các tổ chức yêu nước của Đoàn Thanh niên do Đảng lãnh đạo và gây dựng cơ sở cách mạng ở quê hương (1938 - 1941)	43
2. Bí thư Ban Cán sự Đảng tỉnh Phúc Yên, Bí thư Thành ủy Hà Nội, tham gia báo <i>Cứu quốc</i> và báo <i>Cờ giải phóng</i> (1942 - 1944)	61
3. Chính trị viên Chi đội Giải phóng quân Bắc Giang, trực tiếp tham gia lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Bắc Giang (1944 - 1945)	79

Chương III

**NGƯỜI CÁN BỘ ĐẢNG
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN
PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954) 91**

1. Bí thư Thành ủy Hải Phòng, trực tiếp lãnh đạo bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946) 91
2. Tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Hà Nội (1946 - 1949) 104
3. Tham gia lãnh đạo công tác tuyên truyền của Đảng và công tác chính trị - quân sự trong quân đội (1949 - 1954) 126

Chương IV

**NHÀ LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ - QUÂN SỰ
TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC
(1954 - 1975) 151**

1. Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, phụ trách công tác tuyên huấn quân đội (1954 - 1966) 151
2. Chính ủy của các chiến dịch (1967 - 1972) 165
3. Giám đốc Học viện Chính trị quân sự; góp phần tổng kết kinh nghiệm chiến đấu, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị (1973 - 1975) 186

Chương V

**THAM GIA LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG
VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1986) 199**

1. Tiếp tục đảm nhiệm cương vị Giám đốc Học viện Chính trị quân sự (1975 - 1978) 199

-
- | | |
|--|-----|
| 2. Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Hà Nội
(1978 - 1982) | 207 |
| 3. Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương (1982 - 1986) | 223 |

Chương VI

NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI NĂNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1987 - 1999)	246
--	-----

- | | |
|--|-----|
| 1. Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam (1987 - 1992) | 246 |
| 2. Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương
Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1993 - 1999) | 274 |

Chương VII

TẤM GƯƠNG NGƯỜI CỘNG SẢN MẪU MỰC, NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ UY TÍN LỚN, NGƯỜI HỌC TRÒ XUẤT SẮC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH	298
--	-----

- | | |
|---|-----|
| 1. Nhà yêu nước chân chính, người cộng sản
mẫu mực | 298 |
| 2. Nhà lãnh đạo có uy tín lớn, tài năng của Đảng
và cách mạng Việt Nam | 302 |
| 3. Người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh | 323 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 330 |

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
ThS. NGUYỄN MINH HUỆ
ThS. ĐÀO DUY NGHĨA
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: ĐÀO DUY NGHĨA



- TRẦN PHÚ - Tiểu sử
- LÊ HỒNG PHONG - Tiểu sử
- HÀ HUY TẬP - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN CỪ - Tiểu sử
- LÊ DUẨN - Tiểu sử
- TRƯỜNG CHINH - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN LINH - Tiểu sử
- TÔN ĐỨC THẮNG - Tiểu sử
- PHẠM VĂN ĐỒNG - Tiểu sử
- VÕ NGUYÊN GIÁP - Tiểu sử
- PHẠM HÙNG - Tiểu sử
- HỒ TÙNG MẬU - Tiểu sử
- NGUYỄN PHONG SẮC - Tiểu sử
- NGUYỄN ĐỨC CẢNH - Tiểu sử
- NGÔ GIA TỰ - Tiểu sử
- HOÀNG QUỐC VIỆT - Tiểu sử
- HOÀNG VĂN THỤ - Tiểu sử
- VÕ VĂN TẦN - Tiểu sử
- NGUYỄN LƯƠNG BẰNG - Tiểu sử
- PHAN ĐĂNG LƯU - Tiểu sử
- PHÙNG CHÍ KIÊN - Tiểu sử
- VÕ VĂN KIỆT - Tiểu sử
- VÕ CHÍ CÔNG - Tiểu sử
- NGUYỄN HỮU THỌ - Tiểu sử
- HUỲNH THÚC KHÁNG - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN TỐ - Tiểu sử
- HUỲNH TẤN PHÁT - Tiểu sử
- TÔ HIỆU - Tiểu sử
- TỔ HỮU - Tiểu sử
- NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Tiểu sử
- LƯƠNG KHÁNH THIÊN - Tiểu sử
- LÊ ĐỨC THỌ - Tiểu sử
- LÊ VĂN LƯƠNG - Tiểu sử
- NGUYỄN CHÍ THANH - Tiểu sử
- VĂN TIẾN DŨNG - Tiểu sử
- CHU HUY MÃN - Tiểu sử



Giá: 98.000đ